

Số: 2594/QĐ-UBND

An Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo An Giang; Đài PTTH An Giang;
- Vp. UBND tỉnh: LĐVP, Phòng, ban, trung tâm;
- VNPT An Giang;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**

**PHỤ LỤC 1 - CẤP TỈNH****Danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính***(Ban hành kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)***1. BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**

<b>Stt</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố TTHC</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân</b>	<b>Ghi chú</b>
1	2.000205.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Quyết định 1010/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận sức khỏe được cấp ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam theo quy định của Bộ Y tế</li> <li>+ Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự được cấp không</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động (bản chính, mẫu số 11/PLI Phụ lục I Nghị định 152/2020/NĐ-CP).</li> <li>+ Văn bản xác nhận là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật</li> </ul> <p>Ảnh màu (kích thước 4cm x 6cm,phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, để đầu trần,</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>quá 06 tháng, tính đến thời điểm nộp hồ sơ</p> <p>+ Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài.</p> <p>+ Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật</p>	<p>không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ</p> <p>+ Các giấy tờ khác có liên quan đến người nước ngoài</p>	
2	2.000192.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Quyết định 1010/QĐ-UBND	<p>+ Giấy phép lao động còn hiệu lực đã được cấp</p> <p>+ Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài.</p>	<p>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động (bản chính, mẫu số 11/PLI Phụ lục I Nghị định 152/2020/NĐ-CP).</p>	



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					+ Ảnh màu (kích thước 4cm x 6cm,phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, để đầu trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ	
3	1.009811.000.00.00.H01	Gia hạn Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Quyết định 1010/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy phép lao động còn hiệu lực đã được cấp.</li> <li>+ Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài.</li> <li>+ Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động (bản chính, mẫu số 11/PLI Phụ lục I Nghị định 152/2020/NĐ-CP).</li> <li>+ Ảnh màu (kích thước 4cm x 6cm,phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, để đầu trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>+ Giấy chứng nhận sức khỏe được cấp ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam theo quy định của Bộ Y tế</p>	<p>+ Văn bản xác nhận là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật</p>	
4	1.000459.000.00.00.H01	Xác nhận không thuộc diện Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Quyết định 1010/QĐ-UBND	<p>+ Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài trừ trường hợp không xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài;</p> <p>+ Giấy chứng nhận sức khỏe được cấp ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam theo quy định của Bộ Y tế</p>	<p>+ Văn bản đề nghị xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 09/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này ;</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật		
6	1.009974.000.00.00.H01	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình	Quyết định 1297/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	<p>+ Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p>+ Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		theo tuyên trong đô thị/Dự án).		pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án		
7	1.009979.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II	Quyết định		+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		(công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	1297/QĐ-UBND ngày 15/6/2021		theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				+ Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).		
8	1.009977.000.00.00.H01	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình	Quyết định 1297/QĐ-UBND ngày 15/6/2021		+ Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ  + Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án		+ Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp	trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200  + Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.	
9	1.009978.000.00.00.H01	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II	Quyết định		+ Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		(công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển / Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị / Dự án).	1297/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	+ Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp	15/2021/NĐ- CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;	
10	1.009976.000.00.00.H01	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành	Quyết định 1297/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	+ Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.	+ Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.  + Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ	



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).			<p>thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến.</p> <p>+ Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.</p> <p>+ Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm:</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>+ Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;</p> <p>+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.</p> <p>Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
11	1.009975.000.00.00.H01	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án	Quyết định 1297/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	+ Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật.		
12	1.009972.000.00.00.H01	Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây	Quyết định		+ Tờ trình báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		dựng / điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	1297/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	+ Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư	<p>cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.</p> <p>+ Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường);</p> <p>Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> <p>+ Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với</p>	<p>trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định</p> <p>+ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;</p> <p>- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng</p>	<p>thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)</p> <p>+ Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)</p> <p>+ Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt;</p> <p>+ Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án</p> <p>+ Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra</p> <p>Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư,</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)	
13	1.009973.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Quyết định 1297/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	+ Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả	+ Tờ trình thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.  Thủ tục về phòng cháy chữa cháy được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, song phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về	



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu) và các văn bản khác có liên quan.</p>	<p>xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định</p> <p>+ Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định</p> <p>Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành</p> <p>Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)</p> <p>Đối với điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).</p>	
14	1.005413.000.00.00.H01	Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Quyết định 2167/QĐ-UBND ngày 06/9/2018	+ Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về nhà ở (Bản sao);	+ Đơn đề nghị được miễn tiền sử dụng đất (Bản chính).	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		phục vụ đời sống cho người lao động		+ Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản sao).		
15	3.000019.000.00.00.H01	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong Khu kinh tế	Quyết định 2167/QĐ-UBND ngày 06/9/2018	+ Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (Bản sao); + Quyết định phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản sao).	+ Văn bản của người sử dụng đất đề nghị được trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp (Bản chính).	
16	3.000020.000.00.00.H01	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế	Quyết định 2167/QĐ-UBND	<b>Hồ sơ miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản:</b>	<b>Hồ sơ miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản:</b> Đơn đề nghị miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (Bản chính).	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
			ngày 06/9/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư (trừ trường hợp thuộc đối tượng không phải cấp các loại giấy tờ này theo pháp luật về đầu tư) (Bản sao);</li> <li>+ Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản sao);</li> <li>+ Dự án đầu tư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư làm cơ sở để được Nhà nước cho thuê đất (Bản sao).</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định pháp luật về đầu tư:</b></p> <p>+ Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư (trừ trường hợp không phải cấp các loại giấy tờ này theo pháp luật về đầu tư và trường hợp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất nay chuyển sang thuê đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất nay thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất) (Bản sao);</p>	<p><b>Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định pháp luật về đầu tư:</b> Đơn đề nghị được miễn, giảm tiền thuê đất, trong đó ghi rõ: Diện tích đất thuê, thời hạn thuê đất; lý do miễn, giảm và thời gian miễn, giảm tiền thuê đất (Bản chính).</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dự án đầu tư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư (trừ trường hợp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất nay chuyển sang thuê đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất nay thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất) (Bản sao);</li> <li>+ Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản sao);</li> <li>+ Chứng từ chứng minh đã giải ngân được tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong 03 năm đối với trường hợp được miễn, giảm</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>tiền thuê đất theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật đầu tư (Bản sao);</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh sử dụng số lao động bình quân trong năm từ 500 người trở lên có xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền trên địa bàn thực hiện dự án với trường hợp được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định điểm d khoản 2 Điều 15 Luật đầu tư (Bản sao).</p>		
				<b>Hồ sơ miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động:</b>	<b>Hồ sơ miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động:</b> Đơn đề nghị được miễn tiền thuê đất trong	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản xác nhận của cơ quan đăng ký đầu tư về thời gian tạm ngừng hoạt động của dự án (Bản chính);</li> <li>+ Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản sao).</li> </ul>	thời gian tạm ngừng hoạt động (Bản chính).	
17	1.009742.000.00.00.H01	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn	Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	<p>Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>+ Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển</li> </ul>	+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;	



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</p>	<p>+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;</p> <p>+ Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</p> <p>+ Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</li> <li>+ Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</li> </ul>	
				<p>Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm:</p>		
					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;</li> <li>+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).</p> <p>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;</p>	
18	1.009742.000.00.00.H02					

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	<p>Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>+ Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</li> </ul>	<p>Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;</li> <li>+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;</p> <p>+ Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</p> <p>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>+ Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</p> <p>+ Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p>	
				<p>Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm:</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>+ Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;</p> <p>+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).</p>	



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư	
19	1.009742.000.00.00.H03	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP		+ Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;	+ Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư; + Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</li> <li>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</li> <li>+ Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</li> </ul>	
20	1.009742.000.00.00.H04	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>+ Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		chấp thuận chủ trương đầu tư		nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;	<p>dự án không được chấp thuận;</p> <p>+ Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <p>+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau:</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;</p> <p>+ Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;</p> <p>+ Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</p> <p>(*) Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ như trên, trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	
21	1.009742.000.00.00.H05	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>+ Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;</li> <li>+ Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;</li> <li>+ Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
22	1.009742.000.00.00.H06	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc			+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;</li> <li>+ Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;</li> <li>+ Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).</li> </ul>	
23	1.009742.000.00.00.H07	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký	Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	Đối với Trường hợp 1:	+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;	



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý			+ Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư.	
				Đối với Trường hợp 2:		
					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>+ Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh;</li> <li>+ Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức;</li> <li>+ Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e,</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có).	
24	1.009742.000.00.00.H08	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư;</li> <li>+ Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư;</li> <li>+ Bản sao Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC);</li> <li>+ Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</p>	
25	1.009742.000.00.00.H09	<p>Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý</p>		<p>+ Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng;</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</p>	<p>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</p> <p>+ Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư giữa bên nhận bảo đảm và nhà đầu tư nhận chuyển nhượng;</p> <p>+ Hợp đồng cho vay hoặc hợp đồng cấp tín dụng hoặc hợp đồng mua bán nợ (nếu có);</p> <p>+ Hợp đồng hoặc văn bản xác nhận giao dịch bảo đảm (nếu có);</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>+ Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp bên nhận bảo đảm, cơ quan thi hành án dân sự bán đấu giá tài sản (nếu có);</p> <p>+ Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <p>+ Văn bản xác nhận của bên nhận bảo đảm về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm.</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
26	1.009742.000.00.00.H10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có);</li> <li>+ Bản sao Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có);</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư;</li> <li>+ Quyết định của nhà đầu tư về việc chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương;</li> <li>+ Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có);</li> </ul>	
27	1.009742.000.00.00.H11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia,		+ Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức	+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		kinh tế sau khi tổ chức lại; + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).	+ Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư là tổ chức kinh tế bị tổ chức lại về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư;  + Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư (nếu có);	
28	1.009766.000.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với		+ Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư góp vốn, nhà đầu tư nhận góp vốn;	+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của bên góp vốn;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm góp vốn;</li> <li>+ Thỏa thuận của các cổ đông, thành viên về việc sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đang hoạt động;</li> </ul>	
29	1.009767.000.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp tác kinh doanh;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</li> <li>+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm hợp tác kinh doanh;</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		<p>tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý</p>		<p>Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) của nhà đầu tư sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh;</p> <p>+ Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất;</p>	<p>+ Bản sao hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <p>+ Bản sao một trong các tài liệu sau của bên tham gia hợp tác kinh doanh: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.</p>	
30	1.009768.000.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định		+ Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;	+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;	



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).</li> </ul>		
31	1.009769.000.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;</li> <li>+ Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết</li> </ul>	+ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)		định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có).		
32	1.009770.000.00.00.H01	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</li> <li>+ Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</li> <li>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;</li> <li>+ Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.	
33	1.009771.000.00.00.H01	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý			Văn bản thông báo ngừng hoạt động của dự án đầu tư;	
34	1.009772.000.00.00.H01	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư		+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).	+ Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; + Tài liệu ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
35	1.009774.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư			+ Văn bản đề nghị cấp lại hoặc hiệu đính	
36	1.009773.000.00.00.H01	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		+ Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.	+ Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	
37	1.009775.000.00.00.H01	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài		+ Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;	+ Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành,	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>+ Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp (đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.</p>	<p>nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có);</p> <p>+ Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó;	
38	1.009776.000.00.00.H01	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC			<p>+ Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm: tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, số Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành;</p> <p>+ Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành;</p>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành;</li> <li>+ Bản sao hợp đồng BCC.</li> </ul>	
39	1.009777.000.00.00.H01	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn;</li> <li>+ Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán;</li> <li>+ Danh sách người lao động, quyền và lợi ích của người lao động đã được giải quyết;</li> <li>+ Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế;</li> <li>+ Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn</li> </ul>	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội; - Bản sao hợp đồng BCC.	



## 2. SỞ CÔNG THƯƠNG

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (Lĩnh vực)
1	2.00156 1.000.0 0.00.HO 1	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</li> <li>- Danh sách trích ngang chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ nhiệm, chức danh giám sát trưởng và các chuyên gia tư vấn khác theo Mẫu 3a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn của các chuyên gia tư vấn.</li> <li>- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn (Quyết định phân công nhiệm vụ, giấy xác nhận của các đơn vị có dự án mà chuyên gia đã thực hiện hoặc các tài liệu có giá trị tương đương).</li> </ul>		Điện
2	2.00163 2.000.0 0.00.HO 1	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:</li> <li>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;</li> </ul>		Điện

		quyền cấp của địa phương		<p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</p> <p>- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:</p> <p>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;</p> <p>+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 21/2020/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.</p>		
3	2.00161 7.000.0 0.00.H0 1	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</p>		Điện

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; bản sao bằng tốt nghiệp và hợp đồng lao động với chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành của người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện; tài liệu về kết quả tập huấn sát hạch đạt yêu cầu về an toàn và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành của đội ngũ trưởng ca nhà máy điện.</li> <li>- Bản sao quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư nhà máy điện, dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về môi trường.</li> <li>- Bản sao Quyết định phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền (đối với nhà máy thủy điện).</li> <li>- Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt tổ máy hoặc hệ thống pin năng lượng mặt trời; bản sao tài liệu xác định thông số chính của nhà máy điện (thông số tua bin, máy phát hoặc tấm pin, bộ chuyển đổi; máy biến áp chính).</li> <li>- Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA</li> </ul>		
--	--	--	--	--	--

				<p>phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện (đối với nhà máy tham gia thị trường điện).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao biên bản nghiệm thu đập thủy điện; phương án bảo vệ đập và hồ chứa nước, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp (đối với nhà máy thủy điện).</li> <li>- Trường hợp nhà máy điện, tổ máy phát điện dự phòng không nối lưới và chỉ phát điện để bán điện cho khách hàng khi sự cố mất điện từ lưới điện quốc gia, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không bao gồm nội dung quy định tại khoản 8 Điều 7 Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</li> </ul>		
4	2.00154 9.000.0 0.00.H0 1	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyên giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyên giao bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;</li> </ul> </li> </ul>		Điện

				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;</li> <li>+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 21/2020/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.</li> </ul>		
5	2.00153 5.000.0 0.00.HO 1	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</li> <li>- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kinh doanh theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; bản sao bằng tốt nghiệp của người có tên trong danh sách.</li> </ul>		Điện
6	2.00126 6.000.0 0.00.HO 1	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:</li> <li>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập</li> </ul>		Điện

				<p>lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;</li> <li>+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 21/2020/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.</li> </ul> </li> </ul>		
7	2.00124 9.000.0 0.00.H0 1	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</li> <li>- Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành theo Mẫu 3b quy</li> </ul>		Điện

				<p>định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; bản sao bằng tốt nghiệp của người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành; tài liệu về kết quả tập huấn sát hạch đạt yêu cầu về an toàn hoặc thẻ an toàn điện theo quy định tại Điều 64 Luật Điện lực, giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành của đội ngũ trưởng ca vận hành.</p> <p>- Danh mục các hạng mục công trình lưới điện chính và phạm vi lưới điện do tổ chức quản lý. Trường hợp mua bán, sáp nhập, bàn giao không hoàn vốn tài sản lưới điện phải có Biên bản nghiệm thu theo quy định hoặc Biên bản bàn giao tài sản.</p> <p>- Bản sao Thỏa thuận đấu nối vào hệ thống điện quốc gia theo quy định; bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động.</p>		
8	2.00172 4.000.0 0.00.H0 1	Cấp Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>- Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau: + Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT; + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.</p> <p>- Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:</p>		Điện

				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 21/2020/TT-BCT;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận thành lập (đối với các tổ chức không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;</li> <li>+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu chứng minh việc chuyển giao nhân sự hoặc tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, chuyên gia tư vấn theo các quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 21/2020/TT-BCT trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự.</li> </ul>		
9	2.00054 3.000.0 0.00.H0 1	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.</li> <li>- Bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn hoặc quyết định nâng bậc lương công nhân.</li> <li>- Giấy chứng nhận đạt yêu cầu sát hạch Kiểm tra viên điện lực.</li> <li>- 02 ảnh cỡ 2 x 3 cm.</li> <li>- Bản khai quá trình công tác có xác nhận của cơ quan, đơn vị.</li> </ul>		Điện
10	2.00052 6.000.0 0.00.H0 1	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại thẻ của đơn vị quản lý Kiểm tra viên điện lực.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại thẻ của Kiểm tra viên điện lực.</li> <li>- 02 ảnh cỡ 2 x 3 cm.</li> <li>- Thẻ Kiểm tra viên điện lực đối với trường hợp thẻ bị hỏng.</li> </ul>		Điện



11	2.00062 1.000.0 0.00.HO 1	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	1271/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc hiện tại của người lao động; - 02 ảnh (2x3)cm.		Điện
12	2.00063 8.000.0 0.00.HO 1	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	1271/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	- Văn bản đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động; - 02 ảnh (2x3)cm; - Thẻ an toàn điện cũ của người lao động.		Điện
13	2.00064 3.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại thẻ an toàn điện	1271/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	- Văn bản đề nghị cấp lại thẻ an toàn điện của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động; - 02 ảnh (2x3)cm; - Thẻ an toàn điện cũ của người lao động đối với trường hợp thẻ bị hỏng.		Điện
14	2.00014 2.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP. 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh. 3. Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa. 4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy. 5. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LPG chỉ có chai LPG hoặc thuê chai LPG ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 87/2017/NĐ-CP phải bổ sung các giấy tờ sau:		Kinh doanh khí

				<p>a) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực;</p> <p>b) Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với chai LPG.</p> <p>6. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.</p>		
15	2.00013 6.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.		Kinh doanh khí
16	2.00007 8.000.0 0.00.H0 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;</p> <p>2. Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.</p>		Kinh doanh khí
17	2.00007 3.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.</p> <p>3. Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.</p> <p>4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</p>		Kinh doanh khí

18	2.00020 7.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.		Kinh doanh khí
19	2.00020 1.000.0 0.00.H0 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP; 2. Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi;		Kinh doanh khí
20	2.00019 4.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP. 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh. 3. Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng. 4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.		Kinh doanh khí
21	2.00018 7.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.		Kinh doanh khí
22	2.00017 5.000.0 0.00.H0 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP. 2. Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.		Kinh doanh khí

23	2.00019 6.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.</li> <li>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.</li> <li>3. Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.</li> <li>4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</li> </ol>		Kinh doanh khí
24	1.00042 5.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.</li> </ol>		Kinh doanh khí
25	2.00018 0.000.0 0.00.H0 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;</li> <li>2. Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.</li> </ol>		Kinh doanh khí
26	2.00016 6.000.0 0.00.H0 1	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.</li> <li>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.</li> <li>3. Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.</li> <li>4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</li> </ol>		Kinh doanh khí

				<p>5. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LNG ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2, 3 Điều 38 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp LNG đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định số 87/2018/NĐ-CP hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đã được cấp Giấy chứng nhận đủ còn hiệu lực.</p>		
27	2.00015 6.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;		Kinh doanh khí
28	2.00039 0.000.0 0.00.HO 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;</p> <p>2. Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.</p>		Kinh doanh khí
29	2.00038 7.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2017/NĐ-CP.</p> <p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.</p>		Kinh doanh khí

				<p>3. Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.</p> <p>4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</p>		
30	2.00037 6.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.		Kinh doanh khí
31	2.00037 1.000.0 0.00.H0 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;</p> <p>2. Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.</p>		Kinh doanh khí
32	2.00035 4.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.</p> <p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.</p> <p>3. Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.</p> <p>4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>5. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về</p>		Kinh doanh khí

				<p>an toàn theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán CNG ngoài giấy tờ quy định tại khoản 2,4 Điều 38 Nghị định 87/2017/NĐ-CP phải bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh có xe bồn CNG đã được kiểm định còn hiệu lực;</li> <li>- Tài liệu chứng minh có trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;</li> <li>- Tài liệu chứng minh có trạm nén CNG đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.</li> </ul>		
33	2.00027 9.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP		Kinh doanh khí
34	1.00048 1.000.0 0.00.H0 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;</p> <p>2. Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.</p>		Kinh doanh khí
35	2.00016 3.000.0	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;		Kinh doanh khí

	0.00.HO 1	phương tiện vận tải		<p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;</p> <p>3. Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng;</p> <p>4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</p>		
36	1.00044 4.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.		Kinh doanh khí
37	2.00021 1.000.0 0.00.HO 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;</p> <p>2. Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.</p>		Kinh doanh khí
38	2.00067 4.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	301/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(3) Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu tại doanh nghiệp;</p> <p>(4) Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m<sup>3</sup>), kèm giấy tờ chứng minh thuộc sở hữu của doanh</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước



				<p>nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên;</p> <p>(5) Bản kê phương tiện vận tải phục vụ kinh doanh xăng dầu, kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên;</p> <p>(6) Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của cửa hàng thuộc sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu.</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của đại lý bán lẻ xăng dầu và bản sao hợp đồng đại lý xăng dầu.</li> </ul> <p>(7) Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.</p>		
39	2.00066 6.000.0 0.00.H0 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	301/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	<p>(1) Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);</p> <p>(2) Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được Sở Công Thương cấp;</p> <p>(3) Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước
40	2.00066 4.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm	301/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	Trường hợp cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:		Lưu thông hàng hóa trong nước

		quyền cấp của Sở Công Thương	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>(3) Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu tại doanh nghiệp.</p> <p>(4) Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật kho, bể xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m<sup>3</sup>), kèm giấy tờ chứng minh thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.</p> <p>(5) Bản kê phương tiện vận tải phục vụ kinh doanh xăng dầu, kèm theo giấy tờ chứng minh thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.</p> <p>(6) Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của cửa hàng thuộc sở hữu hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu.</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của đại lý bán lẻ xăng dầu và bản sao hợp đồng đại lý xăng dầu.</li> </ul> <p>(7) Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.</p>		
--	--	------------------------------	--	--	--

				<p>(8) Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được Sở Công Thương cấp.</p> <p>Trường hợp cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 7 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;</p> <p>(2) Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (nếu có).</p>		
41	2.00067 3.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	301/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo Mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(3) Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu tại doanh nghiệp;</p> <p>(4) Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu;</p> <p>(5) Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê (kèm bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu);</p> <p>(6) Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước

42	2.00066 9.000.0 0.00.HO 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	301/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	<p>(1) Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo mẫu);</p> <p>(2) Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp;</p> <p>(3) Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước
43	2.00067 2.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	301/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	<p>Trường hợp cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo Mẫu số 9 ban hành kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(3) Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh xăng dầu tại doanh nghiệp;</p> <p>(4) Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu;</p> <p>(5) Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc thuê (kèm bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu);</p> <p>(6) Bản gốc văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu;</p> <p>(7) Bản gốc Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được Sở Công Thương cấp.</p> <p>Trường hợp cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước

				<p>(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 9 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;</p> <p>(2) Bản gốc hoặc bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (nếu có).</p>		
44	2.00064 8.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	301/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP;</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>(3) Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu (theo mẫu), kèm theo các tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng, đất đai, giao thông của cửa hàng bán lẻ xăng dầu, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy phép xây dựng, kèm theo bản sao bản vẽ thiết kế;</li> <li>+ Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành, kèm theo bản sao bản vẽ hoàn công;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC, kèm theo bản sao biên bản kiểm tra nghiệm thu PCCC, công văn nghiệm thu về PCCC;</li> <li>+ Bản sao Giấy xác nhận bảo vệ môi trường;</li> <li>+ Bản sao Giấy phép đấu nối giao thông;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình cửa hàng xăng dầu.</li> </ul> <p>(4) Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh tại cửa hàng xăng dầu;</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước

				(5) Bản sao văn bản xác nhận cấp hàng cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân cung cấp.	
45	2.00064 5.000.0 0.00.HO 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	301/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	(1) Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (theo mẫu); (2) Bản gốc Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được Sở Công Thương cấp; (3) Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.	Lưu thông hàng hóa trong nước
46	2.00064 7.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	301/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp hết thời hạn hiệu lực: (chỉ áp dụng đối với cửa hàng xăng dầu không xây mới hoặc cải tạo mở rộng) (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP; (2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; (3) Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu (theo mẫu) (4) Biên bản kiểm tra điều kiện an toàn về PCCC trong thời hạn 06 tháng gần nhất; (5) Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp kinh doanh tại cửa hàng xăng dầu; (6) Bản sao văn bản xác nhận cấp hàng cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu của thương nhân cung cấp; (7) Bản gốc Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được Sở Công Thương cấp.	Lưu thông hàng hóa trong nước

				<p>Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP;</p> <p>(2) Bản gốc hoặc bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có).</p>		
47	2.00019 0.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá; Phụ Lục 21 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;</p> <p>(3) Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá, trong đó ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;</p> <p>(4) Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn.</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước
48	2.00017 6.000.0 0.00.HO 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; Phụ lục 44 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)		Lưu thông hàng hóa trong nước

				<p>(2) Bản sao Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp;</p> <p>(3) Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>(4) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p>		
49	2.00016 7.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; Phụ Lục 21 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;</p> <p>(3) Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;</p> <p>(4) Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;</p> <p>(5) Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Bản chính theo mẫu Phụ lục 50 Thông tư số 57/2018/TT-BCT);</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước



				<p>(2) Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có);</p> <p>(3) Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.</p>		
50	2.00162 4.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP);</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>(3) Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm một trong hai loại sau:</p> <p>+ Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu kèm theo bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu;</p> <p>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu.</p> <p>(4) Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu:</p> <p>a) Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác;</p> <p>b) Bản sao Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu.</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước

51	2.00161 9.000.0 0.00.HO 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	(1) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP); (2) Bản sao Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp; (3) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.		Lưu thông hàng hóa trong nước
52	2.00063 6.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	Trường hợp Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp hết thời hạn hiệu lực: (1) Trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. Trường hợp Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP; (2) Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép đã được cấp (nếu có).		Lưu thông hàng hóa trong nước
53	2.00164 6.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp; + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; + Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP),		Lưu thông hàng hóa trong nước

				<p>Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000);</p> <p>+ Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất;</p> <p>+ Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật.</p>		
54	2.00163 6.000.0 0.00.H0 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;</p> <p>+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đã cấp;</p> <p>+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước
55	2.00163 0.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.</p> <p>Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp do bị mất hoặc bị hỏng:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước

56	2.00063 7.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá. (theo mẫu Phụ lục 4 Thông tư số 57/2018/TT-BCT);</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</p> <p>(3) Bản sao hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá và bản kê tổng hợp diện tích trồng, dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá. (theo mẫu Phụ lục 5 Thông tư số 57/2018/TT-BCT);</p> <p>(4) Bảng kê danh sách người trồng cây thuốc lá, địa điểm, diện tích có xác nhận của UBND cấp xã. (theo mẫu Phụ lục 6 Thông tư số 57/2018/TT-BCT).</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước
57	2.00019 7.000.0 0.00.HO 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>(1) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (Bản chính - theo mẫu phụ lục 26 Thông tư số 57/2018/TT-BCT);</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá do Sở Công thương cấp;</p> <p>(3) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước
58	2.00064 0.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:</p> <p>(1) Trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.</p> <p>Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (Bản chính - theo mẫu phụ lục 34 Thông tư số 57/2018/TT-BCT);</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước

				(2) Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cấp (nếu có).	
59	2.00062 6.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Bản chính - theo mẫu Phụ lục 8 Thông tư số 57/2018/TT-BCT); (2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; (3) Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác; (4) Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.	Lưu thông hàng hóa trong nước
60	2.00020 4.000.0 0.00.HO 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	(1) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Bản chính - theo mẫu Phụ lục 28 Thông tư số 57/2018/TT-BCT); (2) Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp; (3) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.	Lưu thông hàng hóa trong nước
61	2.00062 2.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	Trường hợp cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực: (1) Trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. Trường hợp cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:	Lưu thông hàng hóa trong nước

				<p>(1) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 36 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018;</p> <p>(2) Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã cấp (nếu có).</p>		
62	1.01069 6.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	301/QĐ-UBND ngày 21/02/2022	<p>(1) Thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ theo Mẫu số 3a của Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP;</p> <p>(2) Bản sao Giấy xác nhận làm thương nhân kinh doanh xăng dầu theo các loại hình tương ứng theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và Nghị định số 95/2021/NĐ-CP của Chính phủ;</p> <p>(3) Bản sao Chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy của nhân viên kinh doanh trực tiếp;</p> <p>(4) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước
63	1.00115 8.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương);</p> <p>2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</p> <p>3. Thuyết minh dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng;</li> <li>- Trường hợp dự án đang sản xuất:</li> </ul> <p>+ Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh</p>		Công nghiệp nặng

				<p>mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất; Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính);</p> <p>+ Dự án đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và xây dựng.</p> <p>4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự án đang hoạt động).</p> <p>5. Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN - European Committee for Standardization ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp.</p>		
64	2.00059 1.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1a quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;</p>		An toàn thực phẩm

				<p>(3) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;</p> <p>(4) Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;</p> <p>(5) Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.</p>		
65	2.00053 5.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>a) Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Đơn đề nghị cấp lại theo mẫu 01b quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;</p> <p>b) Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: (1) Đơn đề nghị cấp lại theo mẫu 01b quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ; (2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;</p>		An toàn thực phẩm



			<p>(3) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;</p> <p>(4) Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp</p> <p>(5) Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở;</p> <p>c) Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp lại theo mẫu 01b quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;</p> <p>(2) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của chủ cơ sở);</p> <p>(3) Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.</p> <p>(d) Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:</p>	
--	--	--	--	--

				<p>(1) Đơn đề nghị cấp lại theo mẫu 01b quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;</p> <p>(2) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của chủ cơ sở);</p> <p>(3) Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).</p> <p>e) Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh, việc điều chỉnh Giấy chứng nhận thực hiện tương tự trường hợp đề nghị cấp lần đầu:</p> <p>Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh, việc điều chỉnh Giấy chứng nhận thực hiện tương tự trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.</p>		
66	2.00030 9.000.0 0.00.HO 1	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp:</p> <p>a) Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018;</p> <p>b) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>c) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;</p>		Quản lý Cạnh tranh

				<p>d) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có) hoặc 01 văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương, kèm theo 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện đó trong trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương.</p> <p>2. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương kèm theo danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương đến thời điểm nộp hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp đã có hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực (danh sách ghi rõ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp) tới Sở Công Thương nơi doanh nghiệp dự kiến hoạt động (gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện).</p>		
67	2.00063 1.000.0 0.00.HO 1	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>(1) Đăng ký sửa đổi, bổ sung hoạt động bán hàng đa cấp (theo mẫu 09 Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp);</p> <p>(2) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p>		Quản lý Cạnh tranh

				(3) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có) hoặc 01 văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương, kèm theo 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện đó trong trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương.		
68	2.00060 9.000.0 0.00.HO 1	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/03/2018;</li> <li>2. Nội dung, tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến;</li> <li>3. Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên;</li> <li>4. 01 bản chính văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo.</li> </ol>		Quản lý Cạnh tranh
69	2.00061 9.000.0 0.00.HO 1	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (theo mẫu);</li> <li>2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán hàng đa cấp phát sinh tại địa phương (theo mẫu);</li> </ol>		Quản lý Cạnh tranh
70	2.00019 1.000.0 0.00.HO 1	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>* Trường hợp đăng ký lần đầu, hồ sơ gồm:</p> <p>(1) Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu/điều kiện giao dịch chung (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BCT) (trường hợp Đơn đăng ký có số trang từ 02 trở lên thì đóng dấu giáp lai).</p>		Quản lý Cạnh tranh

		quyền của Sở Công Thương	<p>(2) 01 bản scan màu Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;</p> <p>(3) 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word; Trường hợp đăng ký bằng phương tiện điện tử thì gửi hồ sơ dưới dạng bản scan màu (Đơn đăng ký và hợp đồng theo mẫu/ điều kiện giao dịch chung) kèm theo bản mềm dạng Microsoft word hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.</p> <p>* Trường hợp đăng ký lại khi pháp luật thay đổi làm thay đổi nội dung của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh thay đổi nội dung hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, hồ sơ gồm:</p> <p>(1) Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu/điều kiện giao dịch chung (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BCT);</p> <p>(2) 01 bản scan màu Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung được đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào trang đầu và giáp lai toàn bộ văn bản;</p> <p>(3) 01 bản mềm Dự thảo hợp đồng theo mẫu hay dự thảo điều kiện giao dịch chung dạng Microsoft Word; Trường hợp đăng ký bằng phương tiện điện tử thì gửi hồ sơ dưới dạng bản scan màu (Đơn đăng ký và hợp đồng theo mẫu/ điều kiện giao dịch chung) kèm theo bản mềm dạng Microsoft word hợp đồng theo mẫu/điều kiện giao dịch chung.</p>		
--	--	--------------------------	---	--	--

71	2.00000 4.000.0 0.00.H0 1	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. 01 Đăng ký thực hiện khuyến mại (theo mẫu 02).</li> <li>2. 01 Thẻ lệ chương trình khuyến mại (theo mẫu 03).</li> <li>3. Mẫu bằng chứng xác định trúng thưởng hoặc mô tả chi tiết về bằng chứng xác định trúng thưởng.</li> <li>4. 01 bản sao không cần chứng thực giấy tờ về chất lượng của hàng hoá khuyến mại theo quy định pháp luật.</li> </ol>		Xúc tiến thương mại
72	2.00000 2.000.0 0.00.H0 1	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (theo mẫu 06).</li> </ol>		Xúc tiến thương mại
73	2.00003 3.000.0 0.00.H0 1	Thông báo hoạt động khuyến mại	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo thực hiện khuyến mại (theo mẫu 01).</li> </ol>		Xúc tiến thương mại
74	2.00147 4.000.0 0.00.H0 1	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (theo mẫu 06).</li> </ol>		Xúc tiến thương mại

75	2.00013 1.000.0 0.00.H0 1	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại (theo mẫu 10).</li> <li>2. Bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc các quyết định khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật.</li> </ol>		Xúc tiến thương mại
76	2.00000 1.000.0 0.00.H0 1	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại (theo mẫu số 13).</li> </ol>		Xúc tiến thương mại
77	2.00025 5.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</li> <li>2. Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</li> <li>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</li> </ol>		Thương mại Quốc tế
78	2.00037 0.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu,	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</li> <li>2. Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> </ol>		Thương mại Quốc tế

		quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn		<p>3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</p>		
79	2.00036 2.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</p> <p>2. Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</p> <p>3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</p>		Thương mại Quốc tế
80	2.00035 1.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</p> <p>2. Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</p> <p>3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</p>		Thương mại Quốc tế



81	2.00034 0.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</p> <p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại do tổ chức Chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác).</p>		Thương mại Quốc tế
82	2.00033 0.000.0 0.00.HO 1	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);</p> <p>2. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 trừ trường hợp chuyển địa điểm trụ sở chính: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh.</p> <p>3. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 11 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018:</p> <p>3.1. Bản giải trình ghi các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</li> </ul>		Thương mại Quốc tế
83	2.00027 2.000.0	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018);		Thương mại Quốc tế

	0.00.HO 1	lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP		<p>2. Bản giải trình có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</p> <p>3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có).</p> <p>6. Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).</p> <p>7. Bản giải trình có nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</li> <li>- Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</li> </ul>		
--	--------------	---	--	---	--	--

				8. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có)		
84	2.00036 1.000.0 0.00.H0 1	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).</p> <p>2. Bản giải trình có nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</li> <li>- Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</li> </ul> <p>3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.</p>		Thương mại Quốc tế
85	1.00077 4.000.0	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).</p> <p>2. Bản giải trình có nội dung:</p>		Thương mại Quốc tế

	0.00.HO 1	nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</li> <li>- Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</li> </ul> <p>3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p> <p>4. Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.</p> <p>5. Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.</p>		
86	2.00033 9.000.0 0.00.HO 1	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).</li> <li>2. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính: Bản sao Giấy phép kinh doanh ghi nhận nội dung điều chỉnh.</li> </ol>		Thương mại Quốc tế

		giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ		<p>3. Trường hợp thay đổi địa chỉ của cơ sở bán lẻ: Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phường, xã, thị trấn xác nhận việc thay đổi địa chỉ.</p> <p>4. Trường hợp giảm diện tích cơ sở bán lẻ: Các giấy tờ có liên quan.</p>		
87	2.00033 4.000.0 0.00.HO 1	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m <sup>2</sup>	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).</p> <p>2. Bản giải trình có nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.</li> </ul> <p>3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p>		Thương mại Quốc tế
88	2.00032 2.000.0 0.00.HO 1	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).</p> <p>2. Bản giải trình có nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất.</li> </ul>		Thương mại Quốc tế

				<p>3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p> <p>4. Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.</p>		
89	2.00216 6.000.0 0.00.HO 1	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).</p> <p>2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;</p> <p>3. Bản giải trình có nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</li> <li>- Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</li> </ul> <p>4. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p>		Thương mại Quốc tế

				5. Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.		
90	2.00066 5.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định).		Thương mại Quốc tế
91	1.00144 1.000.0 0.00.HO 1	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP)</p> <p>2. Bản giải trình có nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định này; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ: trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;</li> <li>- Kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất trong trường hợp đã thành lập ở Việt Nam từ 01 năm trở lên; giải trình về vốn, nguồn vốn và phương án huy động vốn; kèm theo tài liệu về tài chính;</li> </ul> <p>3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn.</p>		Thương mại Quốc tế

				4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh.		
92	2.00066 2.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP).</p> <p>2. Bản giải trình cơ sở bán lẻ có nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 23 Nghị định, trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Tình hình kinh doanh của cơ sở bán lẻ; kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh của cơ sở bán lẻ;</li> <li>- Kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất;</li> </ul> <p>3. Báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất; kế hoạch tài chính; kèm theo tài liệu về tài chính;</p> <p>4. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn;</p>		Thương mại Quốc tế



				5. Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có), Giấy phép kinh doanh (nếu có).		
93	2.00006 3.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu).</p> <p>2. Bản sao hợp lệ Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp Giấy ĐKKD hoặc giấy tờ có giá trị tương đương có quy định thời hạn hoạt động của thương nhân nước ngoài thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ.</p> <p>3. Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu văn phòng đại diện.</p> <p>4. Bản sao Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh được sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất (tài liệu khác có giá trị tương đương, bao gồm: văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác được tổ chức độc lập, có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất);</p> <p>5. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện.</p>		Thương mại Quốc tế

				<p>6. Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện;</li> <li>- Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Văn phòng đại diện không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở.</li> </ul>		
94	2.00045 0.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>Trường hợp cấp lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký (Đính kèm mẫu đơn đề nghị cấp lại);</p> <p>(2) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>(3) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyên đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định 07/2016/NĐ-CP;</p> <p>(4) Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyên đến theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 10 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.</p> <p>Trường hợp cấp lại theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP:</p>		Thương mại Quốc tế

				(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký (Đính kèm mẫu MĐ6).		
95	2.00034 7.000.0 0.00.H0 1	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu).</li> <li>2. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> <li>3. Giấy tờ chứng minh người đứng đầu Văn phòng đại diện sắp mãn nhiệm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam (trong trường hợp thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện).</li> <li>4. Bản sao hộ chiếu, thị thực nhập cảnh (nếu là người nước ngoài) hoặc hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam) của người đứng đầu Văn phòng đại diện sắp kế nhiệm (trong trường hợp thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện).</li> <li>5. Bản sao tài liệu pháp lý chứng minh sự thay đổi địa điểm của thương nhân nước ngoài trong phạm vi nước nơi thương nhân thành lập (trong trường hợp địa điểm đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài trong phạm vi nước nơi thương nhân thành lập hoặc đăng ký kinh doanh).</li> <li>6. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện (trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).</li> </ol>		Thương mại Quốc tế
96	2.00032 7.000.0	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu của Bộ thương mại (nay là</li> </ol>		Thương mại Quốc tế

	0.00.HO 1	thương nhân nước ngoài tại Việt Nam		<p>Bộ Công Thương) do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký.</p> <p>2. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất (tài liệu khác có giá trị tương đương, bao gồm: văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác được tổ chức độc lập, có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất).</p> <p>3. Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.</p> <p>4. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</p>		
97	2.00031 4.000.0 0.00.HO 1	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>(1) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP; (Đính kèm mẫu Thông báo)</p> <p>(2) Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (đối với trường hợp quy</p>		Thương mại Quốc tế

				<p>định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP);</p> <p>(3) Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;</p> <p>(4) Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;</p> <p>(5) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.</p> <p>Trường hợp Chấm dứt Văn phòng đại diện theo Khoản 3, Điều 36</p> <p>(1) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo mẫu của Bộ Công Thương do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP; (Đính kèm mẫu Thông báo)</p> <p>(2) Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện</p>		
98	2.00154 7.000.0 0.00.H0 1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định 113/2017/NĐ-CP;</p> <p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>3. Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;</p>		Hóa chất

			<p>4. Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;</p> <p>Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;</p> <p>5. Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa;</p> <p>6. Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất;</p> <p>7. Bản sao bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất;</p> <p>8. Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;</p> <p>9. Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất theo quy định.</p>		
--	--	--	---	--	--

99	2.00117 5.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;</li> <li>2. Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.</li> </ol>		Hóa chất
100	2.00117 2.000.0 0.00.H0 1	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện;</li> <li>2. Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;</li> <li>3. Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh.</li> </ol>		Hóa chất
101	1.00275 8.000.0 0.00.H0 1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định 113/2017/NĐ-CP;</li> <li>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;</li> <li>3. Bản kê khai về từng địa điểm kinh doanh;</li> <li>4. Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;</li> <li>5. Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế và văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng kho chứa hóa</li> </ol>		Hóa chất

			<p>chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.</p> <p>Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;</p> <p>6. Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;</p> <p>7. Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng địa điểm kinh doanh hóa chất;</p> <p>8. Bản sao bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất;</p> <p>9. Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;</p> <p>10. Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh theo quy định.</p>		
--	--	--	---	--	--



102	2.00116 1.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;</li> <li>2. Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.</li> </ol>		Hóa chất
103	2.00065 2.000.0 0.00.HO 1	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện;</li> <li>2. Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;</li> <li>3. Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh.</li> </ol>		Hóa chất
104	2.00022 9.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>* Trường hợp hồ sơ đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục II);</li> <li>2. Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục II);</li> <li>3. 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;</li> <li>4. Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định về trình độ chuyên môn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP.</li> </ol>		Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

				<p>* Trường hợp hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục II);</li> <li>2. Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục II);</li> <li>3. 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;</li> <li>4. Tài liệu huấn luyện chi tiết phù hợp cho từng đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 71/2018/NĐ-CP;</li> <li>5. Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định về trình độ chuyên môn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP.</li> </ol>		
105	2.00021 0.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (mẫu số 01 Phụ lục II);</li> <li>2. 02 ảnh (cỡ 3×4 cm) của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;</li> </ol>		Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
106	2.00022 1.000.0 0.00.H0 1	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục II);</li> <li>2. Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục II);</li> </ol>		Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

				<p>3. 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;</p> <p>4. Tài liệu huấn luyện chi tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 71/2018/NĐ-CP.</p>		
107	2.00017 2.000.0 0.00.HO 1	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Giấy đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục II);</p> <p>2. Danh sách người đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục II);</p> <p>3. 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn.</p>		Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
108	2.00143 4.000.0 0.00.HO 1	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;</p> <p>2. Bản sao Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao Giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật;</p> <p>3. Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;</p> <p>4. Bản sao Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp;</p> <p>5. Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu</p>		Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

			<p>nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>6. Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản;</p> <p>7. Bản sao văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>8. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyên, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyên vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyên vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu</p>		
--	--	--	---	--	--

				<p>nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn;</p> <p>9. Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn;</p> <p>10. Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.</p>		
109	2.00143 3.000.0 0.00.H0 1	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Báo cáo hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép đã cấp;</p> <p>2. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;</p> <p>3. Bản sao Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao Giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật;</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;</p> <p>5. Bản sao Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy</p>		Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

			<p>quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp;</p> <p>6. Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>7. Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản;</p> <p>8. Bản sao văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>9. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều</p>		
--	--	--	---	--	--

				<p>kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn;</p> <p>10. Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn;</p> <p>11. Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ.</p>		
110	1.00340 1.000.0 0.00.HO 1	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Văn bản đề nghị thu hồi;</p> <p>2. Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh do Quân đội nhân dân cấp của người đến liên hệ.</p>		Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
111	1.00519 0.000.0 0.00.HO 1	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Một bản chính Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ (theo mẫu);</p> <p>2. Một bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp: Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;</p>		Dịch vụ Thương mại

				<p>hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>3. Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký.</p>		
112	2.00011 0.000.0 0.00.HO 1	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Một bản chính Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ (theo mẫu);</p> <p>2. Một bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp: Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính; hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>3. Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký.</p>		Dịch vụ Thương mại
113	2.00126 4.000.0 0.00.HO 1	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>1. Bản chính Văn bản đăng ký tái xuất hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, nêu rõ loại hàng hóa và cửa khẩu, lối mở đề nghị tái xuất.</p> <p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p>		Xuất nhập khẩu
114	2.00004 6.000.0 0.00.HO 1	Thủ tục Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<p>* Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân (bên thứ nhất), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:</p> <p>1. Bản công bố hợp quy (theo mẫu)</p> <p>2. Báo cáo tự đánh giá gồm các thông tin sau:</p> <p>- Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax;</p>		Khoa học, công nghệ



		kỹ thuật tương ứng		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên sản phẩm, hàng hóa;</li> <li>- Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật;</li> <li>- Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật;</li> <li>- Cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.</li> </ul> <p>3. Báo cáo tự đánh giá dựa trên kết quả tự thực hiện của tổ chức, cá nhân hoặc dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký.</p> <p>* Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bản công bố hợp quy (theo mẫu);</li> <li>2. Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.</li> </ol>		
115	2.00033 1.000.0 0.00.HO 1	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	549/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (Mẫu phụ lục số 1);</li> <li>2. Bảng thuyết minh giới thiệu về sản phẩm (Mẫu phụ lục số 2); Kèm theo 03 ảnh màu, cỡ ảnh tối thiểu (10x15)cm của sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn được chụp tại 3 góc độ khác nhau (chính diện, mặt bên, từ trên xuống);</li> <li>3. Bản sao (có công chứng) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn;</li> <li>4. Bản sao (có công chứng ) các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng</li> </ol>		Công nghiệp địa phương

			<p>nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác;</p> <p>5. Bản sao (có công chứng) Giấy chứng nhận đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện còn giá trị (nếu có);</p> <p>6. Văn bản đề nghị của UBND cấp huyện kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh (Mẫu phụ lục số 5).</p>		
--	--	--	---	--	--

### 3. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	1.000181.000.00.00.H01	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	2759/QĐ-UBND	Tờ trình xin cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Đề án thành lập hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan		Các cơ sở giáo dục khác
2	1.001000.000.00.00.H01	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	2759/QĐ-UBND	Công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên; Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện		Các cơ sở giáo dục khác
3	1.004712.000.00.00.H01	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập	2759/QĐ-UBND	Tờ trình xin phép hoạt động trở lại. Đề án, phương án hoạt động trở lại. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan		Các cơ sở giáo dục khác
4	1.004988.000.00.00.H01	Cho phép trường trung học phổ	2759/QĐ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại.		Các cơ sở giáo dục khác

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		thông chuyên hoạt động trở lại		Quyết định thành lập đoàn kiểm tra. Biên bản kiểm tra.		
5	1.004991.000.00.00.H01	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	2759/QĐ-UBND	Tờ trình xin giải thể trường trung học phổ thông chuyên Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		Các cơ sở giáo dục khác
6	1.004999.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên	2759/QĐ-UBND	Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách. Đề án sáp nhập, chia, tách. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan. Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan.		Các cơ sở giáo dục khác
7	1.005008.000.00.00.H01	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	2759/QĐ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra. Biên bản kiểm tra.		Các cơ sở giáo dục khác

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
8	1.005015.000.00.00.H01	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	2759/QĐ-UBND	Tờ trình thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc tư thục. Đề án thành lập, trong đó có phương án tuyển dụng, tuyển sinh bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan		Các cơ sở giáo dục khác
9	1.005017.000.00.00.H01	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương	2759/QĐ-UBND	Không quy định		Các cơ sở giáo dục khác
10	1.005025.000.00.00.H01	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	2759/QĐ-UBND	Tờ trình xin cấp phép trung tâm ngoại ngữ, tin học. Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan		Các cơ sở giáo dục khác
11	1.005036.000.00.00.H01	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)	2759/QĐ-UBND	Tờ trình xin giải thể trung tâm ngoại ngữ tin học. Phương án giải thể trong đó có bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		Các cơ sở giáo dục khác

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
12	1.005043.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	2759/QĐ-UBND	Tờ trình xin sáp nhập, chia tách trung tâm ngoại ngữ, tin học. Đề án sáp nhập, chia tách thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan		Các cơ sở giáo dục khác
13	1.005049.000.00.00.H01	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	2759/QĐ-UBND	Tờ trình xin phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động. Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.		Các cơ sở giáo dục khác
14	1.005053.000.00.00.H01	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	2759/QĐ-UBND	Tờ trình xin cấp phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học. Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan. Dự thảo quy chế hoạt động của trung tâm		Các cơ sở giáo dục khác

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
15	1.005061.000.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	2759/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; với những nội dung chủ yếu gồm: Mục tiêu, nội dung hoạt động; khả năng khai thác và phát triển dịch vụ du học ở nước ngoài; kế hoạch và các biện pháp tổ chức thực hiện; phương án giải quyết khi gặp vấn đề rủi ro đối với người được tư vấn du học;</p> <p>2. Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>3. Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học bao gồm các thông tin chủ yếu sau đây: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, vị trí công việc sẽ đảm nhiệm tại tổ chức dịch vụ tư vấn du học; bản sao có chứng thực văn bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học.</p>		Các cơ sở giáo dục khác

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
16	1.005195.000.00.00.H01	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	2759/QĐ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động của trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập. Đề án hoạt động của trung tâm. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan		Các cơ sở giáo dục khác
17	1.005359.000.00.00.H01	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại	2759/QĐ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động của trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập. Phương án hoạt động trở lại. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan		Các cơ sở giáo dục khác
18	1.005466.000.00.00.H01	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	2759/QĐ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động của trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập. Đề án hoạt động của trung tâm. Nội quy hoạt động giáo dục của trung tâm Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan		Các cơ sở giáo dục khác
19	2.001805.000.00.00.H01	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của	2759/QĐ-UBND	Đơn xin giải thể trung tâm, Báo cáo phương án giải thể của tổ chức cá nhân		Các cơ sở giáo dục khác



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		tổ chức, cá nhân thành lập)				
20	2.001985.000.00.00.H01	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	2759/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học; bản sao có chứng thực văn bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học		Các cơ sở giáo dục khác
21	2.001987.000.00.00.H01	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	2759/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại. Tờ trình nêu rõ việc khắc phục các nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ và kèm theo các tài liệu minh chứng (nếu có)		Các cơ sở giáo dục khác
22	1.000716.000.00.00.H01	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2759/QĐ-UBND	Đơn đề nghị giải thể cơ sở giáo dục. Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.		Đào tạo với nước ngoài

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
23	1.000718.000.00.00.H01	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2759/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị trong đó có nội dung và lý do bổ sung, điều chỉnh kèm theo giấy tờ: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của quyết định cho phép thành lập đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài; Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục; Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình hình góp vốn, vay vốn, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện.</p> <p>Báo cáo giải trình về việc cơ sở giáo dục đã đáp ứng các nội dung quy định tại các Điều 35, 36, 37 và 38 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p>		Đào tạo với nước ngoài

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
24	1.000939.000.00.00.H01	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2759/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>Đề án thành lập cơ sở giáo dục theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p> <p>Dự kiến cụ thể kế hoạch xây dựng, phát triển và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục trong từng giai đoạn.</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của văn bản chấp thuận cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp xây dựng cơ sở vật chất (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất) hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và các giấy tờ pháp lý liên quan. Kế hoạch về cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục hoặc dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bao gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết cơ sở giáo dục.</p>		Đào tạo với nước ngoài

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				Văn bản chứng minh năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 35 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
25	1.001492.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	2759/QĐ-UBND	<p>Đơn đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài theo Mẫu số 20 tại Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu với Quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện và bản sao hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài đã gửi cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Quyết định bổ nhiệm Trưởng văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và lý lịch cá nhân của người được bổ nhiệm.</p> <p>Nhân sự làm việc tại văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và lý lịch cá nhân.</p> <p>Địa điểm cụ thể đặt văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và giấy tờ pháp lý có liên quan.</p>		Đào tạo với nước ngoài
26	1.001493.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2759/QĐ-UBND	Tờ trình chấm dứt hoạt động. Phương án chấm dứt hoạt động trong đó có bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		Đào tạo với nước ngoài

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
27	1.001495.000.00.00.H01	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2759/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại, trong đó nêu rõ kết quả khắc phục vi phạm dẫn đến bị đình chỉ. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra. Biên bản kiểm tra.		Đào tạo với nước ngoài
28	1.001496.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	2759/QĐ-UBND	Đơn đề nghị chấm dứt liên kết giáo dục với nước ngoài theo Mẫu số 05 của Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.		Đào tạo với nước ngoài
29	1.001497.000.00.00.H01	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	2759/QĐ-UBND	Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết giáo dục do các bên liên kết cùng ký tại Mẫu số 04 của Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP. Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết trong thời gian được cấp phép. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết trong đó có thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.		Đào tạo với nước ngoài

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
30	1.001499.000.00.00.H01	Phê duyệt liên kết giáo dục	2759/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị phê duyệt liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết cùng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p> <p>Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các bên liên kết.</p> <p>Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết.</p> <p>Chương trình giáo dục của nước ngoài có nội dung, môn học đưa vào chương trình giáo dục tích hợp và chương trình giáo dục tích hợp dự kiến thực hiện.</p> <p>Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ phê duyệt chương trình giáo dục nước ngoài của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).</p> <p>Văn bản, tài liệu thuyết minh việc tích hợp chương trình giáo dục.</p> <p>Đề án thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài do các bên liên kết xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.</p>		Đào tạo với nước ngoài

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
31	1.006446.000.00.00.H01	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	2759/QĐ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục. Đề án thành lập cơ sở giáo dục. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.		Đào tạo với nước ngoài



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
32	1.008722.000.00.00.H01	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	2759/QĐ-UBND	<p>Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận. Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện.</p> <p>Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự.</p> <p>Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý.</p> <p>Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm.</p>		Đào tạo với nước ngoài

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
33	1.005076.000.00.00.H01	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	2759/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.		Giáo dục dân tộc
34	1.005079.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú	2759/QĐ-UBND	Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách. Đề án sáp nhập, chia, tách. Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.		Giáo dục dân tộc
35	1.005081.000.00.00.H01	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	2759/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục. Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường.		Giáo dục dân tộc
36	1.005084.000.00.00.H01	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	2759/QĐ-UBND	Tờ trình về việc thành lập trường. Đề án thành lập trường. Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng.		Giáo dục dân tộc

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
37	1.005069.000.00.00.H01	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thực	2759/QĐ-UBND	<p>Văn bản đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường công lập.</p> <p>Văn bản đề nghị cho phép thành lập của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thực.</p> <p>Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính.</p> <p>Đề án thành lập trường.</p> <p>Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng.</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất).</p> <p>Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường.</p> <p>Đối với trường tư thực, hồ sơ còn phải có:          Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn;          Danh sách trích ngang các thành viên ban sáng lập; Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các cổ đông cam kết góp vốn</p>		Giáo dục nghề nghiệp

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				thành lập; Dự kiến chủ tịch và hội đồng quản trị của trường.		

38	1.005073.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	2759/QĐ-UBND	<p>Văn bản đề nghị sáp nhập, chia, tách của cơ quan chủ quản đối với trường công lập.</p> <p>Văn bản đề nghị cho phép sáp nhập, chia, tách của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thục.</p> <p>Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt trụ sở chính.</p> <p>Đề án sáp nhập, chia, tách trường.</p> <p>Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng.</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất).</p> <p>Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường, xác định rõ nguồn vốn để thực hiện theo kế hoạch đầu tư xây dựng trường của cơ quan chủ quản đối với hồ sơ đề nghị sáp nhập, chia, tách trường công lập; văn bản xác nhận của ngân hàng về số vốn góp trong tài khoản của ban quản lý dự án, các minh chứng về quyền sở hữu tài sản kèm theo văn bản định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản hoặc quyền sở hữu tài sản đối với hồ sơ đề nghị cho phép sáp nhập, chia, tách trường tư thục. Đối với trường tư thục, hồ sơ còn phải có:</p>	Giáo dục nghề nghiệp
----	------------------------	---	--------------	---	----------------------

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn.</li> <li>- Danh sách trích ngang các thành viên ban sáng lập.</li> <li>- Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các cổ đông cam kết góp vốn thành lập. Dự kiến chủ tịch và hội đồng quản trị của trường.</li> </ul>		
39	1.005082.000.00.00.H01	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành	2759/QĐ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên		Giáo dục nghề nghiệp

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		đào tạo giáo viên trình độ trung cấp				
40	1.005087.000.00.00.H01	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp)	2759/QĐ-UBND	Công văn của trường đề nghị giải thể phân hiệu.		Giáo dục nghề nghiệp

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
41	1.005088.000.00.00.H01	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	2759/QĐ-UBND	<p>Văn bản đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường công lập.</p> <p>Văn bản đề nghị cho phép thành lập của tổ chức, cá nhân đối với trường tư thục.</p> <p>Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường đặt phân hiệu.</p> <p>Đề án thành lập phân hiệu trường.</p> <p>Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng.</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc văn bản chấp thuận giao đất, cho thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó xác định rõ địa chỉ, diện tích, mốc giới của khu đất).</p> <p>Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng phân hiệu trường.</p> <p>Đối với trường tư thục, hồ sơ còn phải có:</p> <p>Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn.</p> <p>Danh sách trích ngang các thành viên ban sáng lập.</p> <p>Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn</p>		Giáo dục nghề nghiệp



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				của các cổ đông cam kết góp vốn thành lập. Dự kiến chủ tịch và hội đồng quản trị của trường.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
42	1.005354.000.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	2759/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên. Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập. Báo cáo tình hình thực hiện cam kết theo đề án thành lập trường. Thuyết minh các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo.		Giáo dục nghề nghiệp
43	2.001988.000.00.00.H01	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp)	2759/QĐ-UBND	Công văn của trường đề nghị giải thể.		Giáo dục nghề nghiệp
44	2.001989.000.00.00.H01	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	2759/QĐ-UBND	Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên. Báo cáo các điều kiện bảo đảm đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên.		Giáo dục nghề nghiệp

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
45	1.000744.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia tách Trung tâm giáo dục thường xuyên	2759/QĐ-UBND	Công văn đề nghị sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh của Sở Giáo dục và Đào tạo. Đề án sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên. Sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm Giám đốc trung tâm.		Giáo dục thường xuyên
46	1.005057.000.00.00.H01	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	2759/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.		Giáo dục thường xuyên
47	1.005062.000.00.00.H01	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại	2759/QĐ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại		Giáo dục thường xuyên
48	1.005065.000.00.00.H01	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	2759/QĐ-UBND	Công văn đề nghị thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh của Sở Giáo dục và Đào tạo. Đề án thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên. Sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm Giám đốc trung tâm.		Giáo dục thường xuyên

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
49	1.001088.000.00.00.H01	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	2759/QĐ-UBND	<p>1. Đơn xin học lại học sinh ký.  2. Học bạ của lớp hoặc cấp học đó  3. Bằng tốt nghiệp cấp học dưới  4. Bằng sao giấy khai sinh  5. Giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về việc chấp hành chính sách và pháp luật của nhà nước.  6. Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp (nếu học khác trường trong tỉnh)  Nếu học lại ở trường khác tỉnh phải có thêm +Giấy giới thiệu của sở GDĐT nơi đi cấp.</p>		Giáo dục trung học
50	1.005067.000.00.00.H01	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	2759/QĐ-UBND	<p>Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại.  Quyết định thành lập đoàn kiểm tra.  Biên bản kiểm tra.</p>		Giáo dục trung học
51	1.005070.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	2759/QĐ-UBND	<p>Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách.  Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên.  Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan.</p>		Giáo dục trung học

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan.		
52	1.005074.000.00.00.H01	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	2759/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục. Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường.		Giáo dục trung học
53	1.006388.000.00.00.H01	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	2759/QĐ-UBND	Tờ trình về việc thành lập trường. Đề án thành lập trường. Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng.		Giáo dục trung học
54	1.006389.000.00.00.H01	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân,	2759/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân.		Giáo dục trung học

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		tổ chức thành lập trường)				
55	2.002478.000.00.00.H01	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông.	706/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn xin chuyển trường.</li> <li>2. Học bạ.</li> <li>3. Giấy giới thiệu chuyển trường do nơi đi cấp.</li> <li>4. Bằng tốt nghiệp cấp học dưới.</li> <li>5. Giấy xác nhận trúng tuyển vào lớp đầu cấp- loại hình công lập, tư thục</li> <li>5. Bản sao giấy khai sinh.</li> <li>6. Các giấy tờ hợp lệ đề hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích nếu có</li> </ol>		Giáo dục trung học
56	2.002479.000.00.00.H01	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	706/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký.</li> <li>2. Học bạ (bản gốc và bản dịch sang tiếng Việt).</li> <li>3. Giấy chứng nhận tốt nghiệp của lớp hoặc bậc học dưới tại nước ngoài (bản gốc và bản dịch sang tiếng Việt).</li> <li>4. Bằng tốt nghiệp bậc học dưới tại Việt Nam trước khi ra nước ngoài (nếu có).</li> <li>5. Bản sao giấy khai sinh, kể cả học sinh được sinh ra ở nước ngoài.</li> </ol>		Giáo dục trung học

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				Hộ khẩu hoặc Giấy chứng nhận tạm trú dài hạn của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ.		
57	2.002480.000.00.00.H01	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	706/QĐ-UBND	<p>Học sinh phải có đầy đủ hồ sơ bằng tiếng Việt, gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký.</li> <li>2. Bản tóm tắt lý lịch.</li> <li>3. Bản sao và bản dịch sang tiếng Việt các giấy chứng nhận cần thiết theo quy định tại Điều 13 của Quy định này (có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo).</li> <li>4. Học bạ.</li> <li>5. Giấy chứng nhận sức khỏe (do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo cấp trước khi đến Việt Nam không quá 6</li> </ol>		Giáo dục trung học

Stt	Mã THPT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố THPT	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				tháng). 6. Ảnh cỡ 4 x 6 cm (chụp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ)		
58	3.000181.000.00.00.H01	Tuyển sinh trung học phổ thông	2759/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bản sao giấy khai sinh hợp lệ</li> <li>2. Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời hoặc bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.</li> <li>3. Học bạ cấp trung học cơ sở</li> <li>4. Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)</li> <li>5. Giấy xác nhận do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở từ những năm học trước) không trong thời gian thi hành</li> </ol>		Giáo dục trung học



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật.		
59	1.000280.000.00.00.H01	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	2759/QĐ-UBND	1. Báo cáo đánh giá ngoài trường đạt mức mức 2 2. Tờ trình đề nghị UBND tỉnh ra quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
60	1.000280.000.00.00.H01	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	2759/QĐ-UBND	1. Báo cáo đánh giá ngoài trường đạt mức mức 2 2. Tờ trình đề nghị UBND tỉnh ra quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
61	1.000288.000.00.00.H01	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	2759/QĐ-UBND	<p>1. Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.</p> <p>2. Báo cáo tự đánh giá</p>		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
62	1.000691.000.00.00.H01	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	2759/QĐ-UBND	<p>1. Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.</p> <p>2. Báo cáo tự đánh giá</p>		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
63	1.000729.000.00.00.H01	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	2759/QĐ-UBND	<p>Tờ trình đề nghị xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên.</p> <p>Số liệu thống kê chi tiết về diện tích đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.</p> <p>Danh sách cán bộ, giáo viên, viên chức trong biên chế và giáo viên hợp đồng kèm theo trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ-tin học.</p> <p>Số liệu thống kê số lượng học viên theo học các chương trình trong 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng</p> <p>Bảng tự đánh giá tính điểm theo tiêu chí xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên</p> <p>Bản báo cáo kết quả hoạt động và hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên trong thời gian 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng.</p> <p>Quyết định thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên.</p>		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
64	1.001714.000.00.00.H01	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	2759/QĐ-UBND	<p>- Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục công lập: Đơn có xác nhận của nhà trường (theo mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42) Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng) Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng)</p> <p>- Đối với người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập Đơn có xác nhận của nhà trường (theo mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42) Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng) Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng)</p>		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

65	1.002407.000.00.00.H01	Xét, cấp học bổng chính sách	2759/QĐ-UBND	<p>a) Đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển:          Bản cam kết của sinh viên, có xác nhận của nhà trường nơi đang theo học (Theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP).</p> <p>b) Đối với học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú:          - Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy khai sinh.          - Giấy báo trúng tuyển.</p> <p>c) Đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật:          - Đơn đề nghị (Theo Mẫu số 02; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP).          - Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy khai sinh.          - Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp đối với học viên là người khuyết tật.          Trường hợp học viên chưa có giấy xác nhận khuyết tật thì bổ sung bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội đối với</p>	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
----	------------------------	------------------------------	--------------	--	--

người khuyết tật.

- Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu thẻ thương binh đối với học viên là thương binh.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
66	1.002982.000.00.00.H01	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	2759/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (theo mẫu)		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
67	1.004435.000.00.00.H01	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	2759/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP)</li> <li>- Sổ hộ khẩu (bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận của Trưởng Công an xã)</li> <li>- Giấy tờ minh chứng là hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng</li> </ul>		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
68	1.004436.000.00.00.H01	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số	2759/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP)</li> <li>- Sổ hộ khẩu (bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận của Trưởng Công an xã)</li> </ul>		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
69	1.005143.000.00.00.H01	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2759/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài; Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài; Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo sử dụng của nước ngoài (nếu có) do cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài cấp và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân



70	1.005144.000.00.00.H01	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	2759/QĐ-UBND	<p>a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên theo Mẫu đơn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; các đối tượng học sinh tiểu học tự thực được hỗ trợ tiền đóng học phí theo Mẫu đơn tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên theo Mẫu đơn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập theo Mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tự thực theo Mẫu đơn tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Đối với trẻ em mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập theo Mẫu đơn tại Phụ lục IV ban</li> </ul>	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
----	------------------------	---	--------------	--	--

hành kèm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng sau:

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

- Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

- Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và văn bản hướng

dẫn của Bộ Quốc phòng đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

- Giấy khai sinh và giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 12 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;
- Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc) đối với đối tượng được quy định tại khoản 5, khoản 8, khoản 15 Điều 15 và điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Kể từ năm học 2024 - 2025 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2024) đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và kể từ năm học 2025 - 2026 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2025) đối tượng quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chỉ phải nộp giấy khai sinh;
- Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy xác nhận tốt nghiệp tạm thời đối với đối tượng được quy định tại khoản 17 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;
- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

- Giấy xác nhận hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

Trường hợp học sinh, sinh viên có thể căn cước công dân và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú có thể khai thác từ việc kết nối và chia sẻ dữ liệu về dân cư với các cơ sở giáo dục đào tạo, Phòng GDĐT, Sở GDĐT, Phòng LĐTBXH, Phòng Tài chính, Sở Tài chính, thì cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em, học sinh, sinh viên không phải nộp Giấy khai sinh và Sổ hộ khẩu thường trú

- Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi sở giáo dục và đào tạo thẩm định;

71	1.008723.000.00.00.H01	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	2759/QĐ-UBND	<p>Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thực. Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý.</p>	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
----	------------------------	--	--------------	--	--

				Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có).		
--	--	--	--	---	--	--

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
72	2.000011.000.00.00.H01	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	2759/QĐ-UBND	1. Tờ trình xin công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập, xóa mù chữ. 2. Báo cáo công tác phổ cập, xóa mù chữ của huyện.		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
73	1.000259.000.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	2759/QĐ-UBND	1. Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia. 2. Báo cáo tự đánh giá		Kiểm định chất lượng giáo dục
74	1.000711.000.00.00.H01	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2759/QĐ-UBND	1. Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia. 2. Báo cáo tự đánh giá		Kiểm định chất lượng giáo dục

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
75	1.000713.000.00.00.H01	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2759/QĐ-UBND	<p>1. Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.</p> <p>2. Báo cáo tự đánh giá</p>		Kiểm định chất lượng giáo dục
76	1.000715.000.00.00.H01	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2759/QĐ-UBND	<p>1. Công văn đăng ký đánh giá ngoài, trong đó có nêu rõ nguyện vọng đánh giá ngoài trường trung học để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục hoặc công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đồng thời công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.</p> <p>2. Báo cáo tự đánh giá</p>		Kiểm định chất lượng giáo dục



Stt	Mã THPT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố THPT	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
77	1.005090.000.00.00.H01	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	2759/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy khai sinh (bản sao)</li> <li>2. Sổ hộ khẩu (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận hộ khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương);</li> <li>3. Học bạ cấp THCS (đối với dự tuyển vào cấp THPT);</li> <li>4. Bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THCS (đối với dự tuyển vào cấp THPT);</li> <li>5. Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).</li> </ol>		Thi, tuyển sinh
78	1.005095.000.00.00.H01	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	2759/QĐ-UBND	Đơn đề nghị phúc khảo bài thi		Thi, tuyển sinh

Stt	Mã THPT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố THPT	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
79	1.005098.000.00.00.H01	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	2759/QĐ-UBND	<p>81.3.1. Đối với người học đủ điều kiện dự thi được xét đặc cách tốt nghiệp THPT trong trường hợp bị tai nạn, bị ốm hoặc có việc đột xuất đặc biệt, không quá 10 ngày trước ngày thi hoặc ngay trong buổi thi đầu tiên, không thể dự thi:</p> <p>a) Hồ sơ nhập viện, ra viện do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp (nếu bị tai nạn, bị ốm) hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt);</p> <p>b) Biên bản đề nghị xét đặc cách tốt nghiệp của trường phổ thông nơi đăng ký dự thi.</p> <p>81.3.2. Đối với người học đủ điều kiện dự thi bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt sau khi đã thi ít nhất một môn và không thể tiếp tục dự thi hoặc sau khi bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt tự nguyện dự thi số môn thi còn lại:</p> <p>a) Đơn đề nghị xét đặc cách của thí sinh;</p> <p>b) Hồ sơ nhập viện, ra viện của bệnh viện từ cấp huyện trở lên (nếu bị tai nạn, bị ốm) hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt).</p>		Thi, tuyển sinh

80	1.005142.000.00.00.H01	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	2759/QĐ-UBND	<p>* Đối với đối tượng thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp THPT</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phiếu đăng ký dự thi</li> <li>2. Học bạ THPT hoặc học bạ GDTX cấp THPT</li> <li>3. Các giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có). Để được hưởng chế độ ưu tiên liên quan đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, thí sinh phải có bản sao Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú.</li> <li>4. 02 ảnh cỡ 4x6 cm, 02 phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên lạc của thí sinh</li> </ol> <p>* Đối với đối tượng là thí sinh tự do, ngoài các hồ sơ trên còn có thêm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy xác nhận của trường phổ thông nơi thí sinh học lớp 12 hoặc nơi thí sinh đăng ký dự thi về xếp loại học lực đối với thí sinh không đủ điều kiện dự thi trong các năm trước do bị xếp loại kém về học lực ở lớp 12</li> <li>2. Bằng tốt nghiệp THCS hoặc trung cấp (bản sao được chứng thực từ bản chính, bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu)</li> <li>3. Giấy xác nhận điểm bảo lưu (nếu có) do Hiệu trưởng trường phổ thông nơi thí sinh đã dự thi năm trước xác nhận</li> <li>4. Riêng đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp không có học bạ THPT hoặc học bạ GDTX cấp THPT đăng ký dự thi để lấy kết</li> </ol>	Thi, tuyển sinh
----	------------------------	---	--------------	---	-----------------

quả xét tuyển vào đại học xét tuyển vào cao đẳng, trung cấp có nhóm ngành đào tạo giáo viên phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định

5. Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT được thí sinh hoàn thiện và nộp tại nơi đăng ký dự thi theo quy định trong hướng dẫn hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
81	1.009394.000.00.00.H01	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	2759/QĐ-UBND	Bản sao giấy khai sinh; Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP); Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP); Giấy chứng nhận con liệt sỹ, con thương binh, bệnh binh; người được hưởng chính sách như thương binh (nếu có)		Thi, tuyển sinh
82	1.004889.000.00.00.H01	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	2759/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bản sao văn bằng hoặc bản sao từ sổ gốc cấp văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt và bản sao văn bằng, chứng chỉ có liên quan trực tiếp</li> <li>2. Bản sao văn bằng hoặc bản sao từ sổ gốc cấp văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt và bản sao văn bằng, chứng chỉ có liên quan trực tiếp</li> <li>3. Minh chứng thời gian học ở nước ngoài (nếu có);</li> <li>4. Văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng (nếu cơ sở giáo dục cấp bằng yêu cầu).</li> </ol>		Văn bằng, chứng chỉ

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
83	1.005092.000.00.00.H01	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	2759/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phiếu yêu cầu cấp bản sao</li> <li>2. Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng</li> <li>3. Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ hoặc là Cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ trong trường hợp người đó đã chết thì còn phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ</li> </ol>		Văn bằng, chứng chỉ

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
84	2.001914.000.00.00.H01	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2759/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ.</li> <li>2. Văn bằng, chứng chỉ đề nghị chỉnh sửa</li> <li>3. Trích lục hoặc quyết định thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính</li> <li>4. Giấy khai sinh đối với trường hợp chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ do bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn</li> <li>5. Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh của người được cấp văn bằng, chứng chỉ. Thông tin ghi trên các giấy tờ này phải phù hợp với đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ. Các tài liệu trong hồ sơ đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản này là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính.</li> </ol>		Văn bằng, chứng chỉ

#### 4. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1.	1.000314.000.00.00.H01	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ, đường địa phương	3747/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có);</li> <li>- Văn bản của Cục Quản lý đường bộ (đối với quốc lộ được giao quản lý) về hiện trạng đoạn tuyến có điểm thỏa thuận đầu nối tạm thời, ảnh hưởng đến an toàn giao thông nếu mở điểm đầu nối tạm thời, đề xuất phương án xử lý;</li> </ul>		
2.	2.001963.000.00.00.H01	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</li> <li>- 2 (hai) bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		của Bộ Giao thông vận tải		chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt		
3.	1.000583.000.00.00.H01	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ. đường địa phương	3747/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có);		
4.	2.001919.000.00.00.H01	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường địa phương đang khai thác	2194/QĐ-UBND 15/9/2020	- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan có thẩm quyền;		
5.	1.001087.000.00.00.H01	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ, đường địa phương đang khai thác	3747/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
6.	1.001061.000.00.00.H01	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường địa phương	3747/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	- Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền		
7.	1.001035.000.00.00.H01	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ, đường địa phương thuộc phạm vi được giao quản lý	3747/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	- Văn bản chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền		
8.	1.005021.000.00.00.H01	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bèn phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô	2698/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định thành lập hoặc giấy cấp phép hoạt động của bến còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa;</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực		
9.	1.005024.000.00.00.H01	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô	2779/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định thành lập hoặc giấy cấp phép hoạt động của bến còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa;</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực;</li> </ul>		
10.	1.000660.000.00.00.H01	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;</li> <li>- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
11.	1.000672.000.00.00.H01	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016	- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).		
12.	1.002889.000.00.00.H01	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	2779/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền;  - Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền;		
13.	1.002883.000.00.00.H01	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	2779/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);		
14.	1.002856.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt – Lào  - Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</p> <p>- Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).</p>		
15.	1.002063.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	- Giấy đăng ký phương tiện;		
16.	1.002852.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	463/QĐ-UBND	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt – Lào		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
			ngày 15/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;</li> <li>- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</li> <li>- Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).</li> </ul>		
17.	1.001023.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	463/QĐ-UBND	- Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
			ngày 15/3/2022	<p>nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật,</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</p>		
18.	1.001577.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	- Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam;		
19.	1.002869.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	<p>- Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định)</p> <p>- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Giấy đăng ký phương tiện;		
20.	1.002268.000.00.00.H01	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh; - Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
21.	1.002286.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (bản chính)		
22.	1.001001.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu;</li> <li>- Hồ sơ thiết kế;</li> <li>- Một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký) (Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
23.	1.002030.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	1848/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng;</li> <li>- giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng;</li> </ul>		
24.	2.000872.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	1848/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng;</li> <li>- Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng;</li> <li>- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</li> </ul>		
25.	1.001919.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	1848/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng;</li> <li>- Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng;</li> </ul>		
26.	1.001896.000.00.00.H01	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	1848/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp;</li> <li>- Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo; - Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với trường hợp chủ sở hữu thay đổi thông tin liên quan.		
27.	2.000881.000.00.00.H01	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	1848/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp; - giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng;		
28.	1.002007.000.00.00.H01	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1848/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp; - Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng;		
29.	1.000028.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu	2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016	- Giấy đăng ký xe hoặc Giấy đăng ký tạm thời đối với phương tiện mới nhận - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		trường, siêu trọng trên đường bộ		cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe)		
30.	1.004995.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	114/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép xây dựng</li> <li>- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch loại xe cơ giới dùng để sát hạch</li> </ul>		
31.	1.001777.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	114/QĐ-UBND ngày 17/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký xe.</li> <li>- Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền;</li> <li>- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.</li> </ul>		
32.	1.001623.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	114/QĐ-UBND ngày 17/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe</li> <li>- Giấy đăng ký xe;</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
33.	1.001735.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép xe tập lái	114/QĐ-UBND ngày 17/01/2019	- Giấy đăng ký xe		
34.	1.001751.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	114/QĐ-UBND ngày 17/01/2019	- Giấy đăng ký xe		
35.	1.010707.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	- Giấy phép liên vận ASEAN (bản chính);		
36.	1.010708.000.00.00.H01	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;</p> <p>- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).</p>		
37.	1.010709.000.00.00.H01	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo khai thác tuyến;</li> <li>- Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác.</li> <li>- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu</li> <li>- Ký hiệu phân biệt quốc gia</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
38.	1.010711.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.</li> <li>Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;</li> <li>- quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.</li> <li>- văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				cố định giữa Việt Nam và Campuchia).		
39.	1.002046.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD (bản chính);		
40.	1.001737.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	463/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (bản chính)		
41.	1.009462.000.00.00.H01	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa.	714/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);		
42.	1.009456.000.00.00.H01	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	714/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	- Văn bản phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền; - giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng cảng thủy nội địa do cơ quan có thẩm quyền cấp;		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt dự án hoặc thiết kế kỹ thuật công trình cảng thủy nội địa;</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của công-tông, phao neo thuộc đối tượng phải đăng kiểm (nếu sử dụng công-tông làm cầu cảng);</li> <li>- Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài);</li> <li>- Quyết định công bố mở luồng chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) đối với trường hợp cảng thủy nội địa có luồng chuyên dùng.</li> </ul>		
43.	1.004242.000.00.00.H01	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	714/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>hợp thay đổi vùng đất, vùng nước của cảng thủy nội địa);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ cảng, bến (đối với trường hợp thay đổi chủ cảng thủy nội địa).</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của công-tông, phao neo thuộc đối tượng phải đăng kiểm (nếu sử dụng công-tông làm cầu cảng);</li> </ul>		
44.	1.009452.000.00.00.H01	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.	714/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);		
45.	1.009454.000.00.00.H01	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	714/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bên thủy nội địa hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp là bên phao;</li> <li>- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bên thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bên thủy nội địa;</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bên hoặc bên phao).</li> </ul>		
46.	1.009455.000.00.00.H01	Công bố hoạt động bên khách ngang sông, bên thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	714/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông);</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm bến).		
47.	1.003658.000.00.00.H01	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	714/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường hợp Thay đổi vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa);</li> <li>- Các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ cảng, bến (đối với trường hợp Thay đổi chủ bến thủy nội địa).</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao).</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
48.	1.004088.000.00.00.H01	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	2689/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm		
49.	1.004047.000.00.00.H01	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	2689/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm		
50.	1.004036.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	2689/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm; - Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển		
51.	2.001711.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp	2689/QĐ-UBND	- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	ngày 29/10/2018	- Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra		
52.	1.004002.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2689/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp; - Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra		
53.	1.003970.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp	2689/QĐ-UBND	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	ngày 29/10/2018	phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm		
54.	1.006391.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	2689/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm		
55.	1.003930.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2689/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm		
56.	2.002001.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền	2262/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	- Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		viên, người lái phương tiện thủy nội địa		<p>liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo;</p> <p>- Văn bằng, chứng chỉ của giáo viên và hợp đồng của giáo viên (hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thỉnh giảng hoặc hình thức hợp đồng phù hợp khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm phương tiện còn hiệu lực phù hợp với loại, hạng và thời gian đào tạo.</p>		
57.	2.001998.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	2262/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	- Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo;		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- văn bằng, chứng chỉ của giáo viên và hợp đồng của giáo viên (hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thỉnh giảng hoặc hình thức hợp đồng phù hợp khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm phương tiện còn hiệu lực phù hợp với loại, hạng và thời gian đào tạo.</p>		
58.	1.003135.000.00.00.H01	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	2698/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	- Các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn do các		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p> cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện xét cấp, cấp lại, chuyên đổi tương ứng với loại GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 15, 16 và Điều 17 của Thông tư 40/2019/TT-BGTVT.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;</li> <li>- 02 (hai) ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng;</li> </ul>		
59.	1.003168.000.00.00.H01	Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	2698/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện xét cấp, cấp lại,</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>chuyển đổi tương ứng với loại GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 15, 16 và Điều 17 của Thông tư 40/2019/TT-BGTVT.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;</li> <li>- 02 (hai) ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng;</li> </ul>		
60.	2.001214.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	304/QĐ-UBND ngày 19/02/2021	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó, biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có); xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 của Nghị định 48/2019/NĐ-CP, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
61.	2.001215.000.00.00.H01	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	304/QĐ-UBND ngày 19/02/2021	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;		
62.	1.004261.000.00.00.H01	Cấp giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt nam – Campuchia cho phương tiện thủy	2350/QĐ-UBND ngày 19/8/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</li> <li>- Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hàng hóa dễ cháy, dễ nổ đối với người thứ ba; bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của người kinh doanh vận tải hành khách đối với hành khách.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận tải thủy qua biên giới cho phương tiện theo mẫu;</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
63.	1.004259.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt nam – Campuchia cho phương tiện thủy	2698/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;</li> <li>- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</li> <li>- Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hàng hóa dễ cháy, dễ nổ đối với người thứ ba; bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của người kinh doanh vận tải hành khách đối với hành khách.</li> </ul>		
64.	2.001865.000.00.00.H01	Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa	304/QĐ-UBND ngày 19/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định đầu tư xây dựng công trình;</li> <li>- Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;</li> <li>- Bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình;</li> <li>- Bản chính phương án bảo đảm an toàn giao thông.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án bảo đảm an toàn giao thông;		
65.	1.009442.000.00.00.H01	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	714/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);</li> <li>- Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa theo mẫu;</li> <li>- Hồ sơ thiết kế sơ bộ luồng đường thủy nội địa.</li> </ul>		
66.	1.009448.000.00.00.H01	Thiết lập khu neo đậu	714/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền;		
67.	3.000161.000.00.00.H01	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy	1118/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	- Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		<p>định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt</p>				

## 5. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP</b>						
1.	1.010029.00 0.00.00.H01	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	2760/QĐ-UBND	<p>1. Thông báo chấm dứt tồn tại của công ty bị sáp nhập;</p> <p>2. Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập.</p>		<p><b>Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:</b></p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh</p>
2.	1.010026.00 0.00.00.H01	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài,	1824/QĐ-UBND	<b>* Trường hợp thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, hồ sơ gồm:</b>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền		<p>1. Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.</p> <p><b>* Thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, hồ sơ gồm:</b></p> <p>1. Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.</p> <p><b>* Trường hợp thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, hồ sơ gồm:</b></p> <p>1. Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>2. Bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng.</p>		<p>ngành phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh</p>

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>* Trường hợp thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền, hồ sơ gồm:</b></p> <p>1. Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Danh sách người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo ủy quyền.</p>		<p>ngành phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p>
3.	1.010023.00 0.00.00.H01	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	2760/QĐ-UBND	<p>1. Thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể</p> <p>2. Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể.</p>		<p>ngành phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân người được giới thiệu.</p>

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
4.	1.010010.00 0.00.00.H01	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	2760/QĐ-UBND	1. Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.		- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm
5.	1.010031.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	1824/QĐ-UBND	1. Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh; 2. Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động; 3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.		
6.	1.010030.00 0.00.00.H01	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong	1824/QĐ-UBND	<b>* Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh:</b> 1. Giấy tờ tương ứng với nội dung đăng ký, thông báo quy định tại Nghị định 01/2021/NĐ-CP;		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh		<p>2. Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>3. Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp.</p> <p><b>* Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh:</b></p> <p>1. Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>2. Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc</p>		<p>quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp thì việc ủy quyền thực hiện như Trường hợp ủy quyền cho tổ chức.</p>

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp.</p>		
7.	1.010027.00 0.00.00.H01	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1824/QĐ-UBND	<p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Điều lệ công ty.</p> <p>3. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>4. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật; Hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất công ty;</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc chuyển đổi hoạt động</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;</p> <p>6. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>		
8.	2.001021.00 0.00.00.H01	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	184/QĐ-UBND	1. Văn bản đề nghị giải thể doanh nghiệp		
9.	2.001025.00 0.00.00.H01	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ	184/QĐ-UBND	1. Tờ trình đề nghị chia, tách doanh nghiệp;		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý		<p>2. Đề án chia, tách doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi chia, tách;</p> <p>b) Sự cần thiết của việc chia, tách doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia;</p> <p>c) Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi chia, tách;</p> <p>d) Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;</p> <p>đ) Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc chia, tách;</p> <p>e) Thời hạn thực hiện chia, tách doanh nghiệp;</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>g) Trường hợp chia, tách doanh nghiệp để hình thành các doanh nghiệp mới thì Đề án chia, tách doanh nghiệp bao gồm thêm các nội dung khác quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 23/2022/NĐ-CP.</p> <p>3. Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm chia, tách;</p> <p>4. Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi chia, tách;</p> <p>5. Các tài liệu khác có liên quan đến việc chia, tách doanh nghiệp (nếu có).</p>		
10.	2.001061.00 0.00.00.H01	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	184/QĐ-UBND	<p>1. Tờ trình đề nghị hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;</p> <p>2. Đề án hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		quyết định thành lập hoặc được giao quản lý		<p>a) Tên, địa chỉ các doanh nghiệp trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>b) Sự cần thiết của việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia;</p> <p>c) Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>d) Phương án sắp xếp, sử dụng lao động;</p> <p>đ) Phương án xử lý tài chính, chuyển đổi, bàn giao vốn, tài sản và giải quyết các quyền, nghĩa vụ của các doanh nghiệp liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>e) Thời hạn thực hiện hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;</p> <p>3. Báo cáo tài chính năm trước liền kề của doanh nghiệp đã được kiểm toán và</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>báo cáo tài chính quý gần nhất với thời điểm hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>4. Dự thảo Điều lệ của doanh nghiệp mới được hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập;</p> <p>5. Dự thảo Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập theo quy định tại Điều 200, Điều 201 Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp;</p> <p>6. Các tài liệu khác có liên quan đến việc hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp (nếu có).</p>		
11.	1.002395.00 0.00.00.H01	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định	184/QĐ-UBND	1. Theo quy định khi thực hiện thủ tục “Thông báo tạm ngừng kinh doanh”.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		thành lập hoặc giao quản lý)				
12.	2.000529.00 0.00.00.H01	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	184/QĐ-UBND	<p>1. Tờ trình đề nghị thành lập doanh nghiệp.</p> <p>2. Đề án thành lập doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Căn cứ pháp lý, mục tiêu, sự cần thiết thành lập doanh nghiệp;</p> <p>b) Tên gọi, mô hình tổ chức quản lý doanh nghiệp và thời gian hoạt động;</p> <p>c) Địa điểm trụ sở chính của doanh nghiệp, địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và diện tích đất sử dụng; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>d) Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh; danh mục sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng;</p> <p>đ) Đánh giá sự phù hợp của việc thành lập doanh nghiệp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành quốc gia;</p> <p>e) Tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng; công nghệ dự kiến áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm sau khi thành lập;</p> <p>g) Mức vốn điều lệ; dự kiến tổng vốn đầu tư (trường hợp thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ gắn với thực hiện dự án đầu tư); nguồn và hình thức huy động số vốn còn lại ngoài nguồn vốn đầu tư ban đầu của</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Nhà nước; phương án hoàn trả vốn huy động; nhu cầu và biện pháp tạo vốn lưu động đối với doanh nghiệp;</p> <p>h) Dự kiến hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội;</p> <p>i) Dự kiến khả năng cung ứng nguồn lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, công nghệ và các điều kiện cần thiết khác để hoạt động sau khi thành lập.</p>		
13.	2.002020.00 0.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2760/QĐ-UBND	<p>1. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>2. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết,</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.		
14.	2.002016.00 0.00.00.H01	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	1824/QĐ-UBND	* Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương, Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>1. Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</p> <p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), Giấy phép đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương, Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán</p> <p><b>* Trường hợp hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy</b></p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh:</b></p> <p>1. Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh</p>		
15.	2.002022.00 0.00.00.H01	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án:</b></p> <p>1. Thông báo về giải thể doanh nghiệp;</p> <p>2. Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).</p> <p><b>* Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án đối với doanh nghiệp xã hội: Trường hợp doanh nghiệp xã hội còn số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ đã nhận:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo về giải thể doanh nghiệp;</li> <li>2. Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).</p> <p>3. Bản sao tài liệu về việc xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận</p>		
16.	2.002023.00 0.00.00.H01	Giải thể doanh nghiệp	1824/QĐ-UBND	<p><b><u>Giải thể doanh nghiệp:</u></b></p> <p><i>* Thủ tục Thông báo giải thể doanh nghiệp</i></p> <p>1. Thông báo về giải thể doanh nghiệp;</p> <p>2. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>hữu hạn một thành viên về việc giải thể doanh nghiệp;</p> <p>3. Phương án giải quyết nợ (nếu có).</p> <p><i>* Thủ tục Đăng ký giải thể doanh nghiệp:</i></p> <p>1. Thông báo về giải thể doanh nghiệp;</p> <p>2. Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).</p> <p><b><u>Trường hợp doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các</u></b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b><u>giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đăng ký giải thể:</u></b></p> <p><i>* Thủ tục Thông báo giải thể doanh nghiệp</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo về giải thể doanh nghiệp;</li> <li>2. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc giải thể doanh nghiệp;</li> <li>3. Phương án giải quyết nợ (nếu có).</li> <li>4. Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>đương; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp.</p> <p><b>* Thủ tục Đăng ký giải thể doanh nghiệp:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo về giải thể doanh nghiệp;</li> <li>2. Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).</li> </ol> <p><b><u>Trường hợp giải thể đối với doanh nghiệp xã hội còn số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ đã nhận</u></b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><i>* Thủ tục Thông báo giải thể doanh nghiệp</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo về giải thể doanh nghiệp;</li> <li>2. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc giải thể doanh nghiệp;</li> <li>3. Phương án giải quyết nợ (nếu có).</li> </ol> <p><i>* Thủ tục Đăng ký giải thể doanh nghiệp:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo về giải thể doanh nghiệp;</li> <li>2. Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).</p> <p>3. Bản sao tài liệu về việc xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận.</p>		
17.	2.002029.00 0.00.00.H01	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	2760/QĐ-UBND	<p>1. Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>2. Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo Thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh.		
18.	2.002031.00 0.00.00.H01	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung	2760/QĐ-UBND	<p><b><u>* Đối với hồ sơ chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</u></b></p> <p>1. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>2. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên,</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		<p>trong nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương</p>		<p>công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>3. Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy này</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện</p> <p><b><u>* Đối với hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: hồ sơ thực hiện theo quy</u></b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b><u>định tại Điều 31 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</u></b></p> <p><b><i>- Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:</i></b></p> <p>1. Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>2. Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p><i>- Thông báo lập địa điểm kinh doanh.</i></p> <p>1. Thông báo lập địa điểm kinh doanh</p> <p><b><u>* Đối với hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</u></b></p> <p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>2. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo Giấy này</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện</p> <p><b><u>* Đối với hồ sơ đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</u></b></p> <p>1. Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh</p> <p>2. Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh</p> <p>3. Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>diện hoạt động theo Giấy này</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện</p>		
19.	2.002015.00 0.00.00.H01	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	2760/QĐ-UBND	1. Thông báo đề nghị cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp;		
20.	2.002017.00 0.00.00.H01	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	1824/QĐ-UBND	<p>1. Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế</p> <p>2. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
21.	2.002018.00 0.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	1824/QĐ-UBND	1. Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh.		
22.	2.002032.00 0.00.00.H01	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	1824/QĐ-UBND	* <b>Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh:</b> 1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. 2. Điều lệ công ty. 3. Danh sách thành viên. 4. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân;		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>6. Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>7. Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>8. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>9. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>* Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức;</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>6. Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p> <p>7. Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>ngiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>8. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>9. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật</p> <p>Đầu tư.</p> <p><b>* Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH một thành viên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Bản sao các giấy tờ sau đây:               <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>4. Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>5. Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p> <p>6. Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>7. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>8. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật</p> <p>Đầu tư.</p> <p><b>*Trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Cam kết bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả khoản nợ chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <p>6. Thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>được chuyển đổi tiếp nhận và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đó;</p> <p>7. Cam kết bằng văn bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân;</p> <p>8. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tư nhân; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho vốn của doanh nghiệp tư nhân; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>9. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật</p> <p>Đầu tư.</p>		
23.	2.002033.00 0.00.00.H01	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	1824/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp của cá nhân, tổ chức khác và giấy tờ</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>xác nhận việc góp vốn của thành viên mới trong trường hợp huy động vốn góp của thành viên mới;</p> <p>7. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>		
24.	2.002034.00 0.00.00.H01	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	2760/QĐ-UBND	<p><b>* Trường hợp chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc nghị</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc chuyển đổi công ty;</p> <p>6. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần, phần vốn góp; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>7. Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới;</p> <p>8. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>* Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức;</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty;</p> <p>6. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>7. Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới;</p> <p>8. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>* Trường hợp chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên:</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Điều lệ công ty.</p> <p>3. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>4. Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty;</p> <p>5. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho cổ phần; Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>6. Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên, cổ đông mới;</p> <p>7. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>		
25.	2.002060.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với	1824/QĐ-UBND	<b>* Trường hợp công ty nhận sáp nhập đăng ký thay đổi thành viên hợp danh</b>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký</li> <li>2. Danh sách thành viên công ty hợp danh quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn</li> <li>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên hợp danh mới</li> <li>4. Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp</li> <li>5. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập</p> <p><b>* Trường hợp công ty nhận sáp nhập (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh) đăng ký thay đổi vốn điều lệ</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký</p> <p>2. Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ</p> <p>3. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư</p> <p>4. Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập</p> <p><b>* Trường hợp công ty nhận sáp nhập đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh công ty hợp danh</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký</p> <p>2. Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; danh sách thành viên công ty hợp danh, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi</p> <p>3. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp</p> <p>4. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư</p> <p>5. Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập</p> <p>7. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập</p> <p><b>* Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>thành viên theo quyết định sáp nhập công ty</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký</p> <p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức. Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty</p> <p>4. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư</p> <p>5. Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nhập của công ty nhận sáp nhập</p> <p>7. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập</p> <p><b>* Trường hợp thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quyết định sáp nhập công ty</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký</p> <p>2. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã thay đổi. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi</p> <p>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân; bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>4. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư</p> <p>5. Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập</p> <p>7. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>* Trường hợp thay đổi thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quyết định sáp nhập công ty</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký</li> <li>2. Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi</li> <li>3. Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới</li> <li>4. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>5. Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>7. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập.</p> <p>8. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư		
26.	2.002059.00 0.00.00.H01	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách thành viên.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ul> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới.</p> <p><b>* Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Bản sao các giấy tờ sau đây:               <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại</li> </ol> </li> </ol>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>4. Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới.</p> <p><b>* Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>hợp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới.</p> <p><b>* Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở hợp nhất công ty:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>5. Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới.</p>		
27.	2.002057.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Trường hợp công ty bị tách đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>2. Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi</p> <p>3. Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp</p> <p>4. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp</p> <p>6. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p><b>* Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định tách công ty</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký</p> <p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức. Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>3. Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty</p> <p>4. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp</p> <p>6. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty</p> <p><b>* Trường hợp thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quyết định tách công ty</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>2. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã thay đổi. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi</p> <p>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân; bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>4. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp</p> <p>6. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty</p> <p><b>* Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quyết định tách công ty</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký</p> <p>2. Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi</p> <p>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>4. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp</p> <p>7. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tách công ty</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>* Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mà công ty bị tách thay đổi vốn điều lệ</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký</p> <p>2. Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ</p> <p>3. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư</p> <p>4. Nghị quyết, quyết định về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp</p> <p>5. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty</p>		
28.	2.002083.00 0.00.00.H01	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập trên cơ sở tách công ty:</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Điều lệ công ty.</p> <p>3. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>4. Nghị quyết, quyết định của công ty bị tách về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>5. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (của công ty bị tách), của Đại hội đồng cổ đông (của công ty bị tách) đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p><b>* Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở tách công ty:</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Điều lệ công ty.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</p> <p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định của công ty bị tách về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>6. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (của công ty bị tách), của Đại hội đồng cổ đông (của công ty bị tách) đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p> <p><b>* Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở tách công ty:</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. 2. Điều lệ công ty.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</p> <p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định của công ty bị tách về việc tách công ty theo quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>6. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (của công ty bị tách), của Đại hội đồng cổ đông (của công ty bị tách) đối với công ty cổ phần về việc tách công ty.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				* Trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội mới trên cơ sở tách doanh nghiệp, hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.		
29.	2.002085.00 0.00.00.H01	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	1824/QĐ-UBND	<p>* <b>Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập trên cơ sở chia công ty:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>5. Nghị quyết, quyết định của công ty bị chia về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>6. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (của công ty bị chia), của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần (của công ty bị chia) về việc chia công ty.</p> <p><b>* Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chia công ty:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định của công ty bị chia về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>6. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (của công ty bị chia), của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần (của công ty bị chia) về việc chia công ty.</p> <p><b>* Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập trên cơ sở chia công ty:</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Điều lệ công ty.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>4. Nghị quyết, quyết định của công ty bị chia về việc chia công ty theo quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>5. Bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (của công ty bị chia), của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần (của công ty bị chia) về việc chia công ty.</p> <p><b>* Trường hợp thành lập doanh nghiệp xã hội mới trên cơ sở chia doanh nghiệp</b>, hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
30.	1.005176.00 0.00.00.H01	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đổi	2760/QĐ-UBND	<p><b>* Đối với hồ sơ chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</li> <li>2. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện</li> <li>3. Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		<p>chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp</p> <p>5. Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>6. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này</p> <p>7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện</p> <p><b>* Đối với hồ sơ tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>doanh trước thời hạn đã thông báo đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</b></p> <p>1. Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh</p> <p>2. Trường hợp doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp</p> <p>4. Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp</p> <p>6. Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này</p> <p>8. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>* Đối với hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:</b></p> <p>1. Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>2. Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>4. Thông báo lập địa điểm kinh doanh. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p>5. Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp</p> <p>6. Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương</p> <p>7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp</p> <p><b>* Đối với hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh,</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</li> <li>2. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện</li> <li>3. Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp</li> <li>4. Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương</li> <li>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>6. Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này</p> <p>8. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện</p>		
31.	2.002072.00 0.00.00.H01	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Thông báo lập địa điểm kinh doanh:</b></p> <p>1. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>* Thông báo lập địa điểm kinh doanh trường hợp doanh nghiệp là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:</b></p> <p>1. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p>2. Trường hợp doanh nghiệp là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, kèm theo bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p> <p><b>* Thông báo lập địa điểm kinh doanh trường hợp doanh nghiệp là doanh nghiệp xã hội</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>1. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p>2. Trường hợp doanh nghiệp là doanh nghiệp xã hội, hồ sơ phải có thêm Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP</p> <p><b>* Thông báo lập địa điểm kinh doanh trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc do người đứng đầu chi</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.</p> <p>2. Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, kèm theo bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp</p>		
32.	2.002075.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý	1824/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp</p> <p>2. Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương</p> <p>3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		<p>4. Văn bản đề nghị bổ sung cập nhật thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo giấy này</p> <p>6. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuê của chi nhánh, văn phòng đại diện</p>		
33.	2.002045.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	1824/QĐ-UBND	<p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>2. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>3. Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, ngoài hai loại giấy tờ tại mục 1 và 2 nêu trên, kèm theo hồ sơ phải có bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp</p>		
34.	2.002070.00 0.00.00.H01	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2760/QĐ-UBND	<p>1. Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài</p> <p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
35.	2.002069.00 0.00.00.H01	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</b></p> <p>1. Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>2. Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>* Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</li> <li>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</li> <li>3. Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp</li> </ol> <p><b>* Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</li> <li>2. Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</li> <li>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</li> <li>4. Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>* Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp xã hội</b></p> <p>1. Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>2. Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>4. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng:</b></p> <p>1. Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>2. Bản sao nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; bản sao nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>4. Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp</p>		
36.	2.001954.00 0.00.00.H01	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	2760/QĐ-UBND	1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế		
37.	2.001992.00 0.00.00.H01	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	2760/QĐ-UBND	<p><b>Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết (theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật Doanh nghiệp):</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>2. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài sau khi đã thay đổi.</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải bao gồm chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông có giá trị cổ phần không thay đổi;</p> <p>3. Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng;</p> <p>4. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân; bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				5. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.		
38.	2.002044.00 0.00.00.H01	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	2760/QĐ-UBND	<p><b>Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết trong trường hợp cổ đông sáng lập chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký (theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp):</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>2. Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần, trong đó không bao gồm thông</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				tin về cổ đông sáng lập chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua.		
39.	2.001993.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	1824/QĐ-UBND	1. Thông báo về việc thay đổi vốn đầu tư.		
40.	2.001996.00 0.00.00.H01	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2760/QĐ-UBND	1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;  2. Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.		
41.	2.002000.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán,	1824/QĐ-UBND	1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có chữ ký của người bán, người tặng cho và người mua, người		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết		<p>được tặng cho doanh nghiệp tư nhân đối với trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân; chữ ký của người thừa kế đối với trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết;</p> <p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư nhân, người thừa kế;</p> <p>3. Hợp đồng mua bán hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán trong trường hợp bán doanh nghiệp tư nhân; hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho doanh nghiệp tư nhân; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thừa kế.</p>		
42.	1.005114.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1824/QĐ-UBND	<b>I. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức khác</b>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>1. Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức. Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>3. Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>4. Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn góp;</p> <p>5. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>II. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>3. Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>4. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi chủ sở hữu công ty.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>5. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>III. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi chủ sở hữu do thừa kế</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>2. Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>3. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người thừa kế là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>4. Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế.</p> <p><b>IV. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi chủ sở hữu do tặng cho toàn bộ phần vốn góp</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>3. Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>4. Hợp đồng tặng cho phần vốn góp;</p> <p>5. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>V. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định chia, tách công ty</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>3. Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>4. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>5. Nghị quyết, quyết định chia công ty, nghị quyết, quyết định tách công ty</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>VI. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định hợp nhất công ty</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>3. Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>4. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>5. Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới</p> <p><b>VII. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định sáp nhập công ty</b></p> <p>1. Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký;</p> <p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức.</p> <p>Đối với chủ sở hữu là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>3. Bản sao Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty;</p> <p>4. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>5. Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp</p> <p>6. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập</p> <p>7. Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập		
43.	2.002008.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	1824/QĐ-UBND	<p><b>1. Trường hợp tiếp nhận thành viên mới dẫn đến tăng vốn điều lệ công ty:</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>d) Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty;</p> <p>đ) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>e) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>2. Trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp:</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>c) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng;</p> <p>d) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>đ) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>3. Trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế:</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>c) Bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế;</p> <p>d) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp người thừa kế là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp người thừa kế là tổ chức.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự.</p> <p><b>4. Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Điều 47 Luật Doanh nghiệp:</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên còn lại của công ty. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>việc thay đổi thành viên do không thực hiện cam kết góp vốn.</p> <p><b>5. Đăng ký thay đổi thành viên do tặng cho phần vốn góp</b></p> <p><i>* Đăng ký thay đổi thành viên do tặng cho phần vốn góp: Trường hợp người được tặng cho phần vốn góp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 53 Luật Doanh nghiệp:</i></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>c) Hợp đồng tặng cho phần vốn góp</p> <p>d) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>đ) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><i>* Đăng ký thay đổi thành viên do tặng cho phần vốn góp: Trường hợp người được tặng cho phần vốn góp thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 53 Luật Doanh nghiệp</i></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>d) Hợp đồng tặng cho phần vốn góp.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>đ) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>e) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>6. Đăng ký thay đổi thành viên trong trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ</b></p> <p><i>* Trường hợp công ty đăng ký thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ và người nhận thanh toán được Hội đồng thành viên chấp thuận trở thành thành viên công ty theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 53 Luật Doanh nghiệp:</i></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>d) Hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ thể hiện việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ;</p> <p>đ) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>e) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><i>* Trường hợp công ty đăng ký thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ và người nhận thanh toán sử dụng phần vốn góp đó để chào bán và chuyển nhượng cho người khác theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 53 Luật Doanh nghiệp:</i></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>c) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng;</p> <p>d) Hợp đồng về việc vay nợ và các giấy tờ thể hiện việc sử dụng phần vốn góp để trả nợ.</p> <p>e) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>f) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>7. Trường hợp thay đổi thành viên theo quyết định chia, tách công ty</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>d) Nghị quyết, quyết định chia công ty (trong trường hợp thay đổi thành viên do chia công ty); Nghị quyết, quyết định tách công ty (trong trường hợp thay đổi thành viên do tách công ty)</p> <p>đ) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>e) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>8. Trường hợp thay đổi thành viên theo quyết định hợp nhất công ty</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>d) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp</p> <p>đ) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng hợp nhất công ty của các công ty bị hợp nhất và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng hợp nhất để thành lập công ty mới</p> <p>e) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>f) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>9. Trường hợp thay đổi thành viên theo quyết định sáp nhập công ty</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Danh sách thành viên phải bao gồm chữ ký của thành viên mới và thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới;</p> <p>d) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp</p> <p>đ) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty nhận sáp nhập</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>e) Nghị quyết, quyết định về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh hoặc cổ phần có quyền biểu quyết đối với công ty cổ phần của công ty bị sáp nhập</p> <p>f) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân trong trường hợp thành viên mới là cá nhân hoặc bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức, bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và bản sao văn bản cử người đại</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>diện theo ủy quyền trong trường hợp thành viên mới là tổ chức.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>g) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>		
44.	2.002009.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1824/QĐ-UBND	<p><b>1. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh đăng ký thay đổi vốn điều lệ:</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>b) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi vốn điều lệ;</p> <p>c) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>2. Trường hợp công ty đăng ký thay đổi phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của</b></p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>thành viên hợp danh công ty hợp danh:</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>b) Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; danh sách thành viên công ty hợp danh, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn. Các danh sách phải bao gồm chữ ký của các thành viên có phần vốn góp thay đổi, không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên có phần vốn góp không thay đổi;</p> <p>c) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp; Hợp đồng tặng cho trong trường hợp tặng cho phần vốn góp;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>d) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p><b>3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, đồng thời giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần:</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>b) Nghị quyết và bản sao biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về việc chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần chào bán và giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần;</p> <p>c) Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị công ty cổ phần về việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt bán cổ phần.</p> <p><b>4. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên giảm vốn điều lệ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Doanh:</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ;</p> <p>c) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>d) Báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ.</p>		
45.	2.002010.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm	1824/QĐ-UBND	<b>1. Trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của</b>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		hữu hạn, công ty cổ phần		<p><b>công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần:</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật;</p> <p>b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật mới;</p> <p>c) Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật; nghị quyết và bản sao biên bản họp Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại Điều 24 Luật Doanh nghiệp.</p> <p><b>2. Trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên:</b></p> <p>a) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật;</p> <p>b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật mới;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				c) Bản sao văn bản xác nhận việc người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.		
46.	2.002011.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	1824/QĐ-UBND	<b>Trường hợp chấm dứt tư cách thành viên hợp danh, tiếp nhận thành viên hợp danh mới theo quy định tại Điều 185 và Điều 186 Luật Doanh nghiệp:</b>  a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>b) Danh sách thành viên công ty hợp danh quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp, trong đó không bao gồm nội dung kê khai về thành viên góp vốn;</p> <p>c) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên hợp danh mới.</p>		
47.	1.005169.00 0.00.00.H01	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1824/QĐ-UBND	<p>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>2. Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc đổi tên doanh nghiệp.</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
48.	2.002041.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1824/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</li> <li>2. Nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.</li> </ol>		
49.	2.002042.00 0.00.00.H01	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Đăng ký thành lập công ty hợp danh</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách thành viên.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Điều lệ công ty.</p> <p>3. Danh sách thành viên.</p> <p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>b) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của các thành viên hợp danh</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.  2. Điều lệ công ty.  3. Danh sách thành viên.  4. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</p> <p>6. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p> <p><b>* Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có:</b> Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách thành viên.</li> <li>4. Bản sao Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên công ty là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ol> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>5. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của các thành viên hợp danh)</p> <p>6. Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> <p>7. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> <p>8. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p>		
50.	2.002043.00 0.00.00.H01	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Đăng ký thành lập công ty cổ phần</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Điều lệ công ty.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</p> <p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của cổ đông sáng lập là cá nhân, cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập)</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>2. Điều lệ công ty.</p> <p>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</p> <p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. 2. Điều lệ công ty.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</p> <p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</p> <p>6. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p> <p><b>* Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có:</b> Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của cổ đông sáng lập là cá nhân, cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập</p> <p>6. Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> <p>7. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> <p>8. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p>		
51.	2.001199.00 0.00.00.H01	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. 2. Điều lệ công ty.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</p> <p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của các thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức)</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</li> <li>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:               <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành</li> </ol> </li> </ol>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>2. Điều lệ công ty.</p> <p>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</p> <p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>5. Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Điều lệ công ty.</p> <p>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</p> <p>6. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>* Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có: Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Danh sách thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.</p> <p>4. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên công ty; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>5. Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> <p>6. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> <p>7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p> <p>8. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
52.	2.001583.00 0.00.00.H01	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Bản sao các giấy tờ sau đây:               <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</li> </ol> </li> </ol> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>4. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của thành viên là cá nhân; người đại diện theo</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức)</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Bản sao các giấy tờ sau đây:               <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> <li>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại</li> </ol> </li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>4. Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>2. Điều lệ công ty.</p> <p>3. Bản sao các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>4. Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.  2. Điều lệ công ty.  3. Bản sao các giấy tờ sau đây:  a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;  b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>4. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p> <p><b>* Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có: Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Điều lệ công ty.</li> <li>3. Bản sao các giấy tờ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</li> </ol> </li> </ol>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>b) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân; Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>4. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (phải có chữ ký của thành viên là cá nhân; người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức)</p> <p>5. Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> <p>6. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện</p> <p>7. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p>		
53.	2.001610.00 0.00.00.H01	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	1824/QĐ-UBND	<p><b>* Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. 2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký doanh nghiệp xã hội</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.</p> <p>3. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của chủ doanh nghiệp tư nhân (phải có chữ ký của chủ doanh nghiệp tư nhân)</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.</p> <p>3. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh</p> <p>4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p> <p><b>* Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp xã hội trên cơ sở</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><b>chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.</li> <li>3. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của chủ doanh nghiệp tư nhân (phải có chữ ký của chủ doanh nghiệp tư nhân)</li> <li>4. Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</li> <li>5. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>6. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế</p> <p>7. Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.</p>		
<b>II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP XÃ HỘI</b>						
54.	2.000416.00 0.00.00.H01	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	2760/QĐ-UBND	<p>1. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</p> <p>2. Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thông qua nội dung Cam kết.		
55.	2.000375.00 0.00.00.H01	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	2760/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường</li> <li>2. Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã được sửa đổi, bổ sung do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký;</li> <li>3. Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thông qua nội dung thay đổi của Cam kết.</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
56.	2.000368.00 0.00.00.H01	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	2760/QĐ-UBND	<p>1. Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.</p> <p>2. Nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về việc chấm dứt Cam kết, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt.</p>		
<b>III. LĨNH VỰC THÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ</b>						
57.	1.005003.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo pháp luật của liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>2. Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã</p> <p>3. Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã</p>		
	2.002125.00 0.00.00.H01	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1)		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p> <p>2. Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã</p> <p>3. Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và Giấy chứng nhận đăng ký thuế.</p>		
58.	1.005125.00 0.00.00.H01	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>2. Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã</p> <p>3. Điều lệ</p> <p>4. Phương án sản xuất kinh doanh</p> <p>5. Danh sách thành viên hợp tác xã</p> <p>6. Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>7. Nghị quyết Hội nghị thành lập</p> <p>8. Trường hợp đăng ký liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>		
59.	1.005283.00 0.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	<p>1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p> <p>2. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã</p> <p>3. Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã</p> <p>4. Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p>		
60.	1.005046.00 0.00.00.H01	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p> <p>2. Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của của liên hiệp hợp tác xã</p> <p>3. Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.</p>		
61.	1.005124.00 0.00.00.H01	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần,	1632/QĐ-UBND	1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã		<p>hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p> <p>2. Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã</p> <p>3. Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
62.	1.005064.00 0.00.00.H01	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	<p>1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>2. Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã</p> <p>3. Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>4. Trường hợp thay đổi điều lệ, kèm theo hồ sơ có bản điều lệ của liên hiệp hợp tác xã sau khi thay đổi</p> <p>5. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên, kèm theo hồ sơ có bản danh sách thành viên sau khi thay đổi</p> <p>6. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ có bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.</p>		
63.	2.001962.00 0.00.00.H01	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền tiến hành thủ tục giải thể. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực</p> <p>2. Thông báo về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>3. Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã</p> <p>4. Biên bản hoàn thành việc giải thể liên hiệp hợp tác xã</p> <p>5. Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã</p> <p>6. Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã hoặc</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể liên hiệp hợp tác xã.		
64.	1.005072.00 0.00.00.H01	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	1632/QĐ-UBND	<p>1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>2. Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, Giấy chứng</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.		
65.	1.005056.00 0.00.00.H01	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	1632/QĐ-UBND	<p>1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>2. Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				3. Điều lệ 4. Phương án sản xuất kinh doanh 5. Danh sách thành viên hợp tác xã 6. Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên 7. Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc sáp nhập liên hiệp hợp tác xã		
66.	2.001957.00 0.00.00.H01	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	1632/QĐ-UBND	1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã</li> <li>3. Điều lệ</li> <li>4. Phương án sản xuất kinh doanh</li> <li>5. Danh sách thành viên hợp tác xã</li> <li>6. Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên</li> <li>7. Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hợp nhất liên hiệp hợp tác xã</li> <li>8. Trường hợp đăng ký liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã,</li> </ol>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.		
67.	2.001979.00 0.00.00.H01	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	1632/QĐ-UBND	<p>1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>2. Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Điều lệ</p> <p>4. Phương án sản xuất kinh doanh</p> <p>5. Danh sách thành viên hợp tác xã</p> <p>6. Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên</p> <p>7. Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tách liên hiệp hợp tác xã</p> <p>8. Trường hợp đăng ký liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>		
68.	1.005122.00 0.00.00.H01	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	1632/QĐ-UBND	1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thực cá nhân của người được ủy quyền;            (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>2. Giấy đề nghị đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã</p> <p>3. Điều lệ</p> <p>4. Phương án sản xuất kinh doanh</p> <p>5. Danh sách thành viên hợp tác xã</p> <p>6. Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>7. Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia liên hiệp hợp tác xã</p> <p>8. Trường hợp đăng ký liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>		
69.	1.005047.00 0.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	<p>1. Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã</p> <p>2. Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>3. Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p>		
70.	2.002013.00 0.00.00.H01	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh	1632/QĐ-UBND	1. Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		doanh của liên hiệp hợp tác xã		<p>Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>2. Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã</p> <p>3. Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>4. Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>5. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã</p> <p>6. Bản sao hợp lệ Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</p> <p>7. Trường hợp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng là liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
<b>IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM</b>						
71.	1.009729.00 0.00.00.H01	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;		
72.	1.009644.00 0.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư		
73.	1.009642.00 0.00.00.H01	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;		
74.	1.009645.00 0.00.00.H01	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; văn bản chấp thuận nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp của UBND tỉnh		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
75.	1.009646.00 0.00.00.H01	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		
76.	1.009647.00 0.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
77.	1.009649.00 0.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh				
78.	1.009652.00 0.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		
79.	1.00965.000 .00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		
80.	1.009653.00 0.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh				
81.	1.009654.00 0.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		
82.	1.009655.00 0.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh				
83.	1.009656.00 0.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		
84.	1.009657.00 0.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)				
85.	1.009659.00 0.00.00.H01	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
86.	1.009661.00 0.00.00.H01	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư		
87.	1.009662.00 0.00.00.H01	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
88.	1.009664.00 0.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		diện chấp thuận chủ trương đầu tư				
89.	1.009665.00 0.00.00.H01	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
90.	1.009671.00 0.00.00.H01	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
91.	1.009731.00 0.00.00.H01	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
92.	1.009736.00 0.00.00.H01	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	1239/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		

## 6. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực khoa học và công nghệ</b>					
1.	1.00178 6.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	1038/QĐ- UBND ngày 17/5/2021	<p>1. Đơn đăng ký hoạt động KH&amp;CN;</p> <p>2. Bản sao Quyết định thành lập tổ chức KH&amp;CN;</p> <p>3. Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức KH&amp;CN hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;</p> <p>4. Hồ sơ nhân lực:</p> <p>* Tổ chức KH&amp;CN công lập: Bảng danh sách nhân lực được cơ quan quyết định thành lập hoặc quản lý trực tiếp xác nhận</p> <p>* Tổ chức KH&amp;CN ngoài công lập:</p> <p>- Bảng danh sách nhân lực.</p> <p>- Đối với nhân lực chính thức: Đơn xin đề nghị được làm việc chính thức; Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức KH&amp;CN; trường hợp nhân lực chính thức không phải là công dân Việt Nam thì phải có lý lịch tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của nước</p>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>ngoài xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm và được hợp pháp hóa lãnh sự; bản sao các văn bằng đào tạo.</p> <p>- Đối với nhân lực kiêm nhiệm: Đơn đề nghị được làm việc kiêm nhiệm; Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang làm việc chính thức; trường hợp nhân lực chính thức không phải là công dân Việt Nam thì phải có lý lịch tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm và được hợp pháp hóa lãnh sự; bản sao các văn bằng đào tạo; văn bản cho phép làm việc kiêm nhiệm của cơ quan, tổ chức nơi cá nhân đang làm việc chính thức.</p> <p>5. Hồ sơ của người đứng đầu tổ chức:</p> <p>- Đơn đề nghị được làm việc chính thức.</p> <p>- Bản sao Quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p> <p>- Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p> <p>- Bản sao các văn bằng đào tạo.</p>		

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức KH&amp;CN, trường hợp người đứng đầu tổ chức KH&amp;CN không phải là công dân Việt Nam thì phải có lý lịch tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm và được hợp pháp hóa lãnh sự (đối với tổ chức KH&amp;CN ngoài công lập).</p> <p>6. Hồ sơ về cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức KH&amp;CN: Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật được cơ quan quyết định thành lập hoặc quản lý trực tiếp xác nhận.</p> <p><i>Riêng tổ chức KH&amp;CN ngoài công lập:</i> bổ sung Biên bản họp của những người sáng lập/các bên góp vốn hợp tác ghi rõ những nội dung sau: tỉ lệ góp vốn; tổng số vốn; Cam kết góp vốn (nếu có); Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với phần vốn đã cam kết góp.</p> <p>7. Hồ sơ về trụ sở chính của tổ chức KH&amp;CN: Phải có một trong các giấy tờ sau:</p>		

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của tổ chức KH&amp;CN đối với địa điểm nơi đặt trụ sở chính;</p> <p>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh quyền được phép cho thuê, cho mượn của bên cho thuê, cho mượn kèm theo hợp đồng thuê, mượn địa điểm làm trụ sở chính.</p>		
2.	1.00177 0.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	1038/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	<p>1. Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&amp;CN;</p> <p>2. Hồ sơ minh chứng:</p> <p><b>(i) Cấp lại do bị mất:</b> Xác nhận của cơ quan công an; Giấy biên nhận của cơ quan báo, đài đã đăng thông báo mất Giấy chứng nhận hoặc tờ báo đã đăng thông báo này.</p> <p><b>(ii) Cấp lại do bị rách, nát:</b> bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&amp;CN đã được cấp bị rách, nát.</p>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ
3.	1.00174 7.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức	1038/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	1. Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN;		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động



St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		khoa học và công nghệ		<p>2. Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&amp;CN;</p> <p>3. Hồ sơ minh chứng thay đổi:</p> <p><b>(i) Thay đổi tên tổ chức:</b> Bản sao quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc biên bản họp có chữ ký của những người sáng lập về việc đổi tên của tổ chức KH&amp;CN.</p> <p><b>(ii) Thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp:</b> bản sao quyết định đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp hoặc thay đổi cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&amp;CN.</p> <p><b>(iii) Thay đổi địa chỉ trụ sở chính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của tổ chức KH&amp;CN đối với địa điểm nơi đặt trụ sở chính;</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh quyền được phép cho thuê, cho mượn của bên cho thuê, cho mượn kèm theo hợp đồng thuê, mượn địa điểm làm trụ sở chính.</li> </ul> <p><b>(iv) Thay đổi địa chỉ trụ sở chính (dẫn đến thay đổi cơ quan cấp giấy chứng nhận):</b> phải có 1 trong các giấy tờ sau: Bản</p>		động khoa học và công nghệ.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của tổ chức KH&amp;CN đối với địa điểm nơi đặt trụ sở chính; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh quyền được phép cho thuê, cho mượn của bên cho thuê, cho mượn kèm theo hợp đồng thuê, mượn địa điểm làm trụ sở chính; Báo cáo tình hình hoạt động; Văn bản xác nhận của Sở Khoa học và Công nghệ đã cấp Giấy chứng nhận hoạt động KH&amp;CN về việc tổ chức đã có văn bản đề nghị thay đổi trụ sở chính.</p> <p><b>(v) Thay đổi vốn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức KH&amp;CN công lập: Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật được cơ quan quyết định thành lập hoặc quản lý trực tiếp xác nhận.</li> <li>- Tổ chức KH&amp;CN ngoài công lập và có vốn nước ngoài: Bảng kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật; Biên bản họp của những người sáng lập/các bên góp vốn hợp tác ghi rõ những nội dung sau: tỉ lệ góp vốn; tổng số vốn, trong đó số vốn góp bằng tiền phải bảo đảm đủ kinh phí hoạt động thường xuyên ít nhất trong 01 năm theo số lượng nhân lực và quy mô hoạt động của tổ chức;</li> </ul>		

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Cam kết góp vốn (bằng tiền và tài sản) của từng cá nhân/các bên góp vốn hợp tác (nếu có); Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với phần vốn đã cam kết góp.</p> <p><b>(vi) Thay đổi người đứng đầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị được làm việc chính thức (đối với tổ chức KH&amp;CN ngoài công lập).</li> <li>- Bản sao Quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</li> <li>- Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</li> <li>- Bản sao các văn bằng đào tạo.</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức KH&amp;CN, trường hợp người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ không phải là công dân Việt Nam thì phải có lý lịch tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm và được hợp pháp hóa lãnh sự (đối với tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập).</li> </ul>		

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<b>(vii) Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động:</b> Bản sao quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của tổ chức KH&CN		
4.	1.00171 6.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1038/QĐ-UBND tỉnh ngày 17/5/2021	<p>1. Đơn đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN.</p> <p>2. Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh.</p> <p>3. Bản sao Giấy chứng nhận và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức KH&amp;CN chủ quản.</p> <p>4. Hồ sơ về nhân lực:</p> <p>- <b>Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN công lập và cơ sở giáo dục đại học:</b> Bảng danh sách nhân lực được cơ quan quyết định thành lập hoặc quản lý trực tiếp xác nhận.</p> <p>- <b>Văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&amp;CN ngoài công lập và có vốn nước ngoài:</b> Bảng danh sách nhân lực; nhân lực chính thức (Đơn xin đề nghị được làm việc chính thức; Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức</p>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>KH&amp;CN; trường hợp nhân lực chính thức không phải là công dân Việt Nam thì phải có lý lịch tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm và được hợp pháp hóa lãnh sự; Bản sao các văn bằng đào tạo); Nhân lực kiêm nhiệm (Đơn đề nghị được làm việc kiêm nhiệm; Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang làm việc chính thức; trường hợp nhân lực chính thức không phải là công dân Việt Nam thì phải có lý lịch tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm và được hợp pháp hóa lãnh sự và Bản sao các văn bằng đào tạo; Văn bản cho phép làm việc kiêm nhiệm của cơ quan, tổ chức nơi cá nhân đang làm việc chính thức).</p> <p>5. Hồ sơ của người đứng đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị được làm việc chính thức.</li> <li>- Bản sao Quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</li> <li>- Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</li> </ul>		

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao các văn bằng đào tạo.</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại văn phòng đại diện, chi nhánh.</li> <li>6. Hồ sơ về trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh: Phải có một trong các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của tổ chức khoa học và công nghệ đối với địa điểm nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh;</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh quyền được phép cho thuê, cho mượn của bên cho thuê, cho mượn kèm theo hợp đồng thuê, mượn địa điểm làm trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh.</li> </ul> </li> </ul>		
5.	1.00169 3.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh	1038/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động.</li> <li>2. Hồ sơ minh chứng: <ul style="list-style-type: none"> <li><b>(i) Cấp lại do bị mất:</b> Xác nhận của cơ quan công an; Giấy biên nhận của cơ quan báo, đài đã đăng thông báo mất Giấy chứng</li> </ul> </li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		của tổ chức khoa học và công nghệ		nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc tờ báo đã đăng thông báo này. <b>(ii) Cấp lại do bị rách, nát:</b> Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị rách, nát.		
6.	1.00167 7.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1038/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	<p>1. Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động.</p> <p>2. Bản gốc Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh đã được cấp.</p> <p>3. Hồ sơ minh chứng:</p> <p><b>(i) Thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh:</b> Quyết định về thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; Bản sao Giấy chứng nhận và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức KH&amp;CN chủ quản.</p> <p><b>(ii) Thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh:</b> Phải có một trong các giấy tờ sau: Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của tổ chức KH&amp;CN đối với địa điểm nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh quyền được phép cho thuê, cho mượn của bên cho thuê, cho mượn kèm theo hợp</p>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>đồng thuê, mượn địa điểm làm trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh.</p> <p><b>(iii) Thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh:</b> Đơn đề nghị được làm việc chính thức; Bản sao Quyết định bổ nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; Bản sao các văn bằng đào tạo; Sơ yếu lý lịch có xác nhận trong thời hạn không quá 01 năm của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trước khi chuyển sang làm việc tại tổ chức KH&amp;CN.</p> <p><b>(iv) Thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh:</b> Bản sao Giấy chứng nhận và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức KH&amp;CN chủ quản.</p> <p><b>(v) Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&amp;CN của văn phòng đại diện, chi nhánh:</b> Bản sao Giấy chứng nhận và Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức KH&amp;CN chủ quản.</p>		



St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
7.	1.00447 3.000.0 0.00.H0 1	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN sử dụng NSNN.</li> <li>2. Bản sao (có chứng thực) Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).</li> <li>3. Bản sao đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.</li> <li>4. Phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ KH&amp;CN mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.</li> <li>5. Bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có).</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
8.	1.00446 0.000.0 0.00.H0 1	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN không sử dụng NSNN</li> <li>2. File báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN và các báo cáo, tư liệu liên quan khác (nếu có);</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				3. Văn bản chứng nhận kết quả đã được công nhận của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền.		nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.
9.	1.00446 7.000.0 0.00.H0 1	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2017	1. Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước (theo mẫu, in 2 mặt, nêu in 2 tờ đóng dấu giáp lai).		<b>Kết quả giải quyết TTHC:</b> Văn bản xác nhận việc đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước
10	2.00224 8.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	2065/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	1. Đơn đề nghị đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ. 2. Bản chính hoặc Bản sao (có chứng thực) hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trong trường hợp các bên tham gia chuyển giao công nghệ là tổ chức, cá nhân Việt Nam thì chỉ cần bản hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt. Hợp đồng phải được các bên ký kết, đóng dấu và có chữ ký tắt của các bên, đóng dấu giáp lai vào các trang của hợp đồng và		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phụ lục nêu một trong các bên tham gia hợp đồng là tổ chức.</p> <p>3. Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư, Đăng ký kinh doanh, Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ...) của các bên tham gia hợp đồng.</p> <p>4. Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia trong hợp đồng.</p> <p>5. Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có sử dụng vốn nhà nước).</p> <p>6. Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ).</p>		
11	2.00224 9.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của	2065/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	<p>1, Đơn đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ.</p> <p>2. Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) hợp đồng chuyển giao công nghệ bổ sung, sửa đổi bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trong trường hợp các bên tham gia chuyển giao công nghệ là tổ chức, cá nhân Việt Nam thì chỉ cần bản hợp đồng chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung</p>		<b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</b> Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyển giao công nghệ

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		Bộ Khoa học và Công nghệ)		<p>bằng tiếng Việt. Hợp đồng phải được các bên ký kết, đóng dấu và có chữ ký tắt của các bên, đóng dấu giáp lai vào các trang của hợp đồng và phục lục nếu một trong các bên tham gia hợp đồng là tổ chức.</p> <p>3. Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ và Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp (nếu có).</p> <p>4. Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ sửa đổi, bổ sung những nội dung thuộc thẩm quyền chấp thuận của cơ quan quyết định đầu tư (nếu có sử dụng vốn nhà nước).</p> <p>5. Giấy uỷ quyền (trong trường hợp uỷ quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ).</p>		
12	2.00227 8.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	802/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	<p>1. Đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (theo Mẫu);</p> <p>2. Văn bản xác nhận, công nhận kết quả khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (bản sao xuất trình kèm bản</p>	1. Phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ (theo Mẫu).	<b>Kết quả giải quyết TTHC:</b> Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc văn bản từ chối

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực), thuộc một trong các văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;</li> <li>+ Quyết định công nhận giống cây trồng mới, giống vật nuôi mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới, tiến bộ kỹ thuật;</li> <li>+ Bằng chứng nhận giải thưởng đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ đã đạt được các giải thưởng về khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp tổ chức xét tặng giải thưởng hoặc đồng ý cho tổ chức xét tặng giải thưởng;</li> <li>+ Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Giấy xác nhận hoặc giấy thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước;</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;</li> </ul>		

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				+ Các văn bản xác nhận, công nhận khác có giá trị pháp lý tương đương.		
13	2.00152 5.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	802/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	<p>1. Đề nghị cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (theo Mẫu số 04);</p> <p><b>2. Đối với trường hợp thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp:</b> Văn bản, tài liệu chứng minh về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp;</p> <p><b>3. Đối với trường hợp bổ sung danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ:</b></p> <p>- Văn bản xác nhận, công nhận kết quả khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) thuộc một trong các văn bản đã quy định;</p>	<p><b>1. Đối với trường hợp bổ sung danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ:</b></p> <p>- Phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ (theo Mẫu số 02).</p>	<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc văn bản từ chối
14	1.00293 5.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	2065/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	<p>1. Văn bản đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân;</p> <p>2. Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam</p>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu hoặc văn bản từ

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh;</p> <p>3. Tài liệu mô tả đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (bản vẽ, thiết kế, quy trình, sơ đồ, kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá, thử nghiệm);</p> <p>4. Tài liệu thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được chuyên gia, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn;</p> <p>5. Các tài liệu sau (nếu có): Văn bản nhận xét của tổ chức, cá nhân về hiệu quả ứng dụng thực tiễn, giải thưởng, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tài liệu khác.</p>		chối công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có nêu rõ lý do.
15	2.00116 4.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	2065/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	<p><b>- Đối với đề nghị hỗ trợ kinh phí, hồ sơ gồm:</b></p> <p>1. Văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh;</p> <p>2. Văn bản công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>3. Tài liệu thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được</p>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định phê duyệt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>đưa vào ứng dụng, chuyển giao không quá 03 năm.</p> <p><b>- Đối với đề nghị mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hồ sơ gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh;</li> <li>2. Văn bản công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan có thẩm quyền;</li> <li>3. Văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</li> </ol>		
16	2.00114 8.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	2065/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến;</li> <li>2. Văn bằng bảo hộ sáng chế, giấy chứng nhận sáng kiến;</li> <li>3. Tài liệu thể hiện hiệu quả áp dụng sáng chế, sáng kiến trong thực tiễn và khả năng mở rộng quy mô áp dụng;</li> <li>4. Văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua sáng chế, sáng kiến và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao.</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua



St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
17	2.00114 3.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	2065/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;</li> <li>2. Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ)</li> <li>3. Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có);</li> <li>4. Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ
18	2.00113 7.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	2065/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;</li> <li>2. Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ)</li> <li>3. Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có);</li> <li>4. Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ
19	1.00269 0.000.0	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	2065/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định phê duyệt nhiệm vụ

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
	0.00.H0 1	thực hiện giải mã công nghệ		2. Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có); 3. Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có)		khoa học và công nghệ được hỗ trợ
20	2.00146 3.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	2065/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	1. Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ; 2. Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương phối hợp thực hiện nhiệm vụ. 3. Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh; 4. Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ
21	1.00642 7.000.0	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không	339/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	<b>* Đối với trường hợp đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ:</b> 1. Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ.		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc văn

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
	0.00.H0 1	sử dụng ngân sách nhà nước		<p>2. Bản sao của Bằng khen, Giấy khen, Văn bản cho phép áp dụng của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p><b>* Đối với trường hợp không phải là đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>1. Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>3. Các tài liệu khác (nếu có) liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ (giải thưởng về khoa học và công nghệ, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, quyết định giao nhiệm vụ,...).</p>		bản từ chối cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.
22	2.00007 9.000.0 0.00.H0 1	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính	339/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	<p>1. Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</p> <p>2. Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>3. Tài liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ: Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt (nếu có); Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và các tài liệu kèm theo; Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu và Biên bản</p>	<p>1. Thuyết minh chi tiết việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ vào sản xuất, đời sống.</p> <p>2. Bản sao Dự án đầu tư ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).</p>	<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc văn bản từ chối cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		mạng, sức khỏe con người		<p>đánh giá của Hội đồng nghiệm thu các cấp (nếu có).</p> <p>4. Bản sao quyết định thành lập, đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (đối với tổ chức khoa học và công nghệ) hoặc đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh (đối với doanh nghiệp) của tổ chức đăng ký ứng dụng; Bản sao Chứng minh thư nhân dân đối với cá nhân đăng ký ứng dụng.</p> <p>5. Bản chính tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân đăng ký ứng dụng.</p> <p>6. Bản sao Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).</p> <p>7. Bản sao Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được cấp (nếu có).</p> <p>8. Những tài liệu khác có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thẩm định.</p>		
23	2.00214 4.000.0 0.00.H0 1	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà	339/QĐ- UBND ngày 26/02/2019	<p>1. Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</p> <p>2. Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>1. Thuyết minh chi tiết việc ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ vào sản xuất, đời sống</p> <p>2. Bản sao Dự án đầu tư ứng dụng</p>	<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc văn bản từ chối cấp Giấy

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		nước mà có tiềm ảnh yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người		<p>3. Tài liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ: Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt (nếu có); Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và các tài liệu kèm theo; Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu và Biên bản đánh giá của Hội đồng nghiệm thu các cấp (nếu có).</p> <p>4. Bản sao quyết định thành lập, đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (đối với tổ chức khoa học và công nghệ) hoặc đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh (đối với doanh nghiệp) của tổ chức đăng ký ứng dụng; Bản sao Chứng minh thư nhân dân đối với cá nhân đăng ký ứng dụng</p> <p>5. Bản chính tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân đăng ký ứng dụng</p> <p>6. Bản sao Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có)</p> <p>7. Bản sao Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được cấp (nếu có)</p> <p>8. Những tài liệu khác có liên quan đến kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thẩm định</p>	kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có)	xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
24	1.00156 5.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	339/QĐ- UBND ngày 26/02/2019	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì;</li> <li>2. Điều lệ hoạt động của tổ chức chủ trì (nếu có).</li> <li>3. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia;</li> <li>4. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;</li> <li>5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự;</li> <li>6. Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài , trong đó có kê khai mức lương chuyên gia (trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thuê chuyên gia);</li> <li>7. Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;</li> <li>11. Tài liệu liên quan khác, nếu tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thuyết minh nhiệm vụ.</li> <li>2. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (thời gian báo giá không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ). Báo giá được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung trước thời điểm họp thẩm định kinh phí (nếu cần);</li> <li>3. Báo cáo tài chính của 02 đến 03 năm gần nhất của tổ chức chủ trì đã nộp các cơ quan quản lý theo quy định;</li> </ol>	<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				tiếp thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ hoặc đơn vị quản lý cần làm rõ thông tin trong quá trình tuyển chọn và thẩm định nhiệm vụ	<p>4. Phương án huy động vốn đối ứng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia phải có vốn đối ứng. Văn bản cụ thể cần có cho từng trường hợp trong phương án huy động vốn đối ứng như sau:</p> <p>+ <i>Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có:</i> Hồ sơ minh chứng tổ chức chủ trì có thể huy động được nguồn vốn tự có để thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>+ <i>Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu:</i> Cam</p>	

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>+ <i>Đối với trường hợp vay tổ chức tín dụng:</i> Cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng còn hiệu lực của tổ chức tín dụng đối với tổ chức chủ trì. Trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, nếu Tổ thẩm định kinh phí có yêu cầu, tổ chức chủ trì bổ sung Hợp đồng tín dụng cho nhiệm vụ với tổng</p>	



St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					giá trị hợp đồng tín dụng đảm bảo được vốn đối ứng thực hiện nhiệm vụ.	
25	2.00117 9.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	339/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	<p>1. Văn bản đề nghị xác nhận</p> <p>2. Thuyết minh về hàng hóa thuộc Danh mục hoặc đáp ứng tiêu chí theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</p> <p>3. Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng ủy thác (bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) hoặc các tài liệu khác liên quan để xác định giao dịch mua bán, nhập khẩu.</p> <p>4. Ngoài các tài liệu trên, tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nộp các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu): Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có);</li> <li>- Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ sở ươm tạo công nghệ,</li> </ul>	.	<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về đề nghị xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (đối với trường hợp đề nghị xác nhận hàng hóa là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ).		
26	2.00046 1.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục xem xét kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu cho cá nhân giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập	339/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị kéo dài thời gian công tác của cá nhân;</li> <li>2. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.</li> <li>3. Văn bản đề nghị kéo dài thời gian công tác của tổ chức khoa học và công nghệ nơi cá nhân làm việc (trường hợp trình cơ quan có thẩm quyền quyết định).</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định kéo dài thời gian công tác của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ
27	2.00250 2.H01	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1244/QĐ-UBND tỉnh ngày 20/6/2022	1. Công văn đề nghị Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí đã nộp vào Quỹ;	2. Thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định mức hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cấp tỉnh cho doanh nghiệp.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
28	2.00005 8.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	2789/QĐ-UBND ngày 20/11/2019	1. Đơn đăng ký đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ 2. Quy chế xét tặng giải thưởng quy định về tên giải thưởng, nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng giải thưởng.		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ
29	2.00124 8.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	339/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	1. Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp quốc gia
30	1.00837 9.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	2489/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1. Phiếu đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức; 2. Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; 3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập, thành tích khoa học và công nghệ theo yêu cầu của vị trí xét tuyển. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> - Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I); - Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II); - Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghiên

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>4. Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe cấp theo quy định của Bộ Y tế;</p> <p>5 - Lý lịch khoa học của người đề nghị tiếp nhận vào viên chức</p>		<p>cứu viên, kỹ sư (hạng III);</p> <p>- Quyết định bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV).</p>
31	1.00837 7.000.0 0.00.HO 1	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác	2489/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	<p>1. Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác;</p> <p>2 . Sơ yếu lý lịch của viên chức có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý hồ sơ viên chức;</p> <p>3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức về mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề của năm xét;</p> <p>4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ, tài liệu chứng minh thành tích đạt được trong hoạt động khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm;</p> <p>5. Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan quản lý viên chức.</p>		<p><b>Kết quả thực hiện TTHC:</b></p> <p>- Quyết định bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I);</p> <p>- Quyết định bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II);</p> <p>- Quyết định bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III).</p>

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
<b>II Lĩnh vực năng lượng nguyên tử an toàn bức xạ hạt nhân</b>						
32	2.00237 9.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	1770/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ theo Mẫu số 05 Phụ lục IV của Nghị định này;</li> <li>Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhiệm;</li> <li>Giấy Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ;</li> <li>Phiếu khám sức khỏe tại cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên được cấp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ;</li> <li>03 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện; tệp tin ảnh cỡ 3 cm x 4 cm trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X - quang chẩn đoán trong y tế)
33	2.00238 0.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1770/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo Mẫu số 01 Phụ lục IV của Nghị định này.</li> <li>Bản sao của một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Các loại giấy tờ khác có giá trị</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>tương đương. Trường hợp giấy tờ bị thất lạc phải có xác nhận của cơ quan ban hành hoặc cấp loại giấy tờ đó.</p> <p>3. Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn theo Mẫu số 01 Phụ lục III của Nghị định này.</p> <p>4. Bản sao Chứng chỉ nhân viên bức xạ của người phụ trách an toàn. Trường hợp người phụ trách an toàn chưa có chứng chỉ, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ theo quy định tại Điều 35 của Nghị định này cùng hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ của nhân viên bức xạ.</p> <p>6. Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế theo Mẫu số 07 Phụ lục III của Nghị định này.</p> <p>7. Bản sao tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về thiết bị X-quang chẩn đoán y tế như trong phiếu khai báo. Trường hợp không có tài liệu của nhà sản xuất về các thông tin này, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải nộp kết quả xác định thông số kỹ thuật của thiết bị.</p>		

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>8. Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị X-quang chẩn đoán y tế.</p> <p>9. Báo cáo đánh giá an toàn chứng minh đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định này. Báo cáo đánh giá an toàn thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục V của Nghị định này.</p> <p>10. Bản sao Biên bản kiểm xạ.</p> <p>11. Kế hoạch ứng phó sự cố thực hiện theo quy định tại Phụ lục II của Nghị định này.</p>		
34	2.00238 1.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1770/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	<p>1. Đơn đề nghị gia hạn giấy phép theo Mẫu số 06 Phụ lục IV của Nghị định này;</p> <p>2. Bản sao giấy phép đã được cấp và sắp hết hạn.</p> <p>3. Kết quả đo liều kế cá nhân trong thời gian hiệu lực của giấy phép đề nghị gia hạn;</p> <p>4. Bản sao kết quả kiểm xạ;</p> <p>5. Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị (đối với việc sử dụng thiết bị bức xạ, vận hành thiết bị chiếu xạ trong y tế);</p> <p>6. Phiếu khai báo đối với nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy</p>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				phép gần nhất); 7. Báo cáo đánh giá an toàn bức xạ theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục V của Nghị định này (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất).		
35	2.00238 2.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1770/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	1. Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; 2. Bản gốc giấy phép cần sửa đổi 3. Các văn bản xác nhận thông tin sửa đổi cho các trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax; 4. Bản sao hợp đồng chuyển nhượng đổi với trường hợp giảm số lượng thiết bị bức xạ do chuyển nhượng; 5. Các văn bản chứng minh các thông tin về thiết bị bức xạ trong giấy phép đã cấp khác với thông tin về thiết bị bức xạ trên thực tế và cần hiệu đính.		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế
36	2.00238 3.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1770/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	1. Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; 2. Bản gốc Giấy phép cần bổ sung; 3. Phiếu khai báo thiết bị bức xạ mới đổi với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ; kèm theo bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp các thông tin như trong phiếu khai báo;		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế.



St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>4. Báo cáo đánh giá an toàn đối với công việc bức xạ bổ sung</p> <p>5. Bản sao Chứng chỉ nhân viên bức xạ của nhân viên trong trường hợp nhân viên đảm nhiệm công việc bức xạ được bổ sung yêu cầu phải có Chứng chỉ nhân viên bức xạ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Năng lượng nguyên tử (Trường hợp chưa có chứng chỉ phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ theo quy định tại Điều 35 của Nghị định 142/2020ND-CP cùng hồ sơ đề nghị bổ sung giấy phép).</p>		
37	2.00238 4.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1770/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	<p>1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ;</p> <p>2. Trường hợp giấy phép bị rách, nát: Bản gốc giấy phép bị rách, nát.</p>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế.
38	2.00238 5.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1770/QĐ-UBND ngày 13/7/2021	Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (Mẫu kèm theo)		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Giấy xác nhận khai báo
<b>II I</b>	<b>Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b>					

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
39	2.00120 9.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	3655/QĐ- UBND ngày 07/12/2017	1. Bản công bố hợp chuẩn. 2. Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật. 3. Tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố 4. Giấy chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp kèm theo mẫu dấu hợp chuẩn.	.	<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Thông báo tiếp nhận bản công bố sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp tiêu chuẩn
40	2.00120 7.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	3655/QĐ- UBND ngày 07/12/2017	1. Bản công bố hợp chuẩn. 2. Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật. 3. Tiêu chuẩn sử dụng làm căn cứ để công bố 4. Quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng và Kế hoạch giám sát hệ thống quản lý/ hoặc Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực.		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Thông báo tiếp nhận bản công bố sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp tiêu chuẩn.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				5. Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp chuẩn của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký.		
41	2.00127 7.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	1038/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	1. Bản công bố hợp quy 2. Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân/ Hoặc Báo cáo tự đánh giá dựa trên kết quả tự thực hiện của tổ chức, cá nhân hoặc dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký.		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy
42	2.00126 8.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy	1038/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	1. Bản công bố hợp quy 2. Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân/ hoặc Báo cáo tự đánh giá dựa trên kết quả tự thực hiện của tổ chức,		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành		cá nhân hoặc dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký.		
43	2.00211 8.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>Giấy Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu.</li> <li>Bản sao các giấy tờ sau: Hợp đồng (<i>Contract</i>); Danh mục hàng hoá kèm theo (<i>Packing list</i>).</li> <li>Bản sao chứng chỉ chất lượng</li> <li>Các tài liệu khác có liên quan: Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn (<i>Bill of Loading</i>); hóa đơn (<i>Invoice</i>); tờ khai hàng hóa nhập khẩu; giấy chứng nhận xuất xứ (<i>C/O-Certificate of Origin</i>) (nếu có); ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu
44	1.00043 8.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của	3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>Bản Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường (theo mẫu)</li> <li>Bản sao các giấy tờ sau: Hợp đồng; Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; Danh mục hàng</li> </ol>		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		hàng đóng gói sẵn nhập khẩu		hóa (packing list); Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) (nếu có).		
45	2.00021 2.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	2489/QĐ- UBND ngày 28/10/2020	1. Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn 2. Bản sao (có chứng thực) hoặc bản photo có mang theo bản chính để đối chiếu: Kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo và hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn
46	1.00044 9.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	2489/QĐ- UBND ngày 28/10/2020	1. Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (theo mẫu). 2. Bản sao (có chứng thực) hoặc bản photo có mang theo bản chính để đối chiếu: Kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo và hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn
47	2.00120 8.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)	802/QĐ- UBND ngày 09/4/2021	1. Đơn đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp; 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận 3. Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên viên đánh		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>giá; bản sao chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ.</p> <p>4. Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng; bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường đăng ký chỉ định kèm theo;</p> <p>5. Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định); có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực kèm theo;</p> <p>6. Bản sao chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có).</p> <p>7. Bản sao kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm).</p>		
48	2.00110 0.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá	802/QĐ-UBND ngày 09/4/2021	1. Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định chỉ định tổ chức đánh

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		sự phù hợp được chỉ định		<p>2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận</p> <p>3. Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên viên đánh giá; bản sao chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ.</p> <p>4. Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng; bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường đăng ký chỉ định kèm theo;</p> <p>5. Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định); có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực kèm theo;</p> <p>6. Bản sao chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có).</p> <p>7. Bản sao kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương</p>		giá sự phù hợp (sửa đổi, bổ sung)

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm)		
49	2.00150 1.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	339/QĐ- UBND ngày 26/02/2020	1. Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định 2. Bản chính Quyết định chỉ định bị hư hỏng (đối với trường hợp quyết định chỉ định bị hư hỏng).		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp
50	2.00126 9.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	339/QĐ- UBND ngày 26/02/2020	1. Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; 2. Báo cáo giới thiệu chung về tổ chức, doanh nghiệp; 3. Báo cáo tự đánh giá theo 07 tiêu chí của Giải thưởng chất lượng quốc gia; 4. Tài liệu chứng minh về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; 5. Tài liệu chứng minh về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa chính với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; 6. Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt và các kết quả quan trắc hằng năm theo quy định của pháp luật trong 03 năm gần nhất; 7. Bản Xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và thực hiện chế độ	1. Tài liệu chứng minh khác về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp trong 3 năm gần nhất (nếu có)	<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> - Thông báo bằng văn bản kết quả đánh giá và các thông tin phản hồi khác cho tổ chức, doanh nghiệp sau khi có kết quả đánh giá của hội đồng sơ tuyển. - Văn bản đề nghị của hội đồng sơ tuyển kèm theo danh sách các tổ chức, doanh nghiệp được đề xuất trao giải gửi hội đồng quốc gia thông qua các cơ quan thường trực Giải thưởng chất lượng quốc gia.



St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				bảo hiểm xã hội đối với người lao động hàng năm trong 03 năm gần nhất;		- Thông báo của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cho Sở Khoa học và Công nghệ, Hội đồng sơ tuyển bằng văn bản kết quả thêm định hồ sơ xét thường có đủ điều kiện đề đề xuất với Hội đồng quốc gia danh sách các tổ chức, doanh nghiệp trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ trao tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia và tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
51	1.00037 3.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	3655/QĐ- UBND ngày 07/12/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá;</li> <li>2. Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động (đối với tổ chức);</li> <li>3. Văn bản, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức giải thưởng (nếu có);</li> <li>4. Danh sách cán bộ, nhân viên tham gia tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng (tên, chức danh, trình độ, kinh nghiệm tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá, Quyết định tuyển dụng/Hợp đồng lao động);</li> <li>5. Kế hoạch và thời gian xét tặng giải thưởng;</li> <li>6. Quy chế xét thưởng;</li> <li>7. Dự kiến danh sách thành viên Hội đồng xét thưởng (trình độ, chuyên môn);</li> <li>8. Mẫu hồ sơ mời đăng ký để được xét tặng giải thưởng.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo về khả năng tài chính để bảo đảm tổ chức thành công hoạt động xét tặng giải thưởng, gồm các nội dung sau: dự kiến kinh phí chi cho toàn bộ hoạt động xét tặng giải thưởng, mức chi cho từng hoạt động và nguồn kinh phí sử dụng.</li> </ol>	<p><b>Kết quả thực hiện TTHC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</li> <li>- Hiệu lực của Giấy xác nhận như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với các giải thưởng được tổ chức xét tặng định kỳ hàng năm, Giấy xác nhận có hiệu lực không quá 03 năm. Trường hợp Giấy xác nhận hết hiệu lực, đơn vị muốn tiếp tục tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng, phải lập hồ sơ đăng ký gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để được cấp lại Giấy xác nhận.</li> <li>+ Đối với các giải thưởng không tổ chức định kỳ, Giấy xác</li> </ul> </li> </ul>

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
						nhận có hiệu lực cho từng trường hợp tổ chức xét tặng
52	2.00125 9.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	802/QĐ- UBND ngày 09/4/2021	1. Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu 2. Hợp đồng (Contract), Danh mục hàng hóa kèm theo (Packing list) 3. Chứng chỉ chất lượng 4. Các tài liệu khác có liên quan: Bản sao vận đơn (Bill of Loading) có xác nhận của người nhập khẩu; Hóa đơn (invoice), Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O - Certificate of Origin) (nếu có); Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> - Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật: Bản đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của cơ quan kiểm tra.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
53	1.00139 2.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	802/QĐ- UBND ngày 09/4/2021	1. Văn bản đề nghị miễn kiểm tra 2. Kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của 03 lần liên tiếp.		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> - Văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng; - Văn bản thông báo lý do cho người nhập khẩu trong trường hợp từ chối việc xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng.
<b>I V</b>	<b>Lĩnh vực sở hữu trí tuệ</b>					
54	1.00354 2.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	3655/QĐ- UBND ngày 07/12/2017	1. Tờ khai (02 bản) 2. Bản sao (có chứng thực) hoặc bản photo copy có mang theo bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã), Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (đối với đơn vị sự nghiệp là tổ chức khoa học và công nghệ), Quyết định thành lập và Giấy đăng ký hoạt động (nếu pháp luật quy định phải đăng ký hoạt động - đối với đơn vị sự nghiệp không phải là tổ		<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> - Quyết định cấp/từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp; - Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>chức khoa học và công nghệ) hoặc Giấy đăng ký hoạt động đối với tổ chức hành nghề luật sư (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);</p> <p>3. Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực).</p> <p>4. Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Sở Khoa học và Công nghệ).</p>		
55	2.00148 3.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	3655/QĐ-UBND ngày 07/12/2017	<p>1. Tờ khai (02 bản);</p> <p>2. Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Sở Khoa học và Công nghệ).</p>		<p><b>Kết quả thực hiện TTHC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định cấp lại/từ chối cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp;</li> <li>- Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.</li> </ul>

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực giá công sản</b>					
56	1.00622 2.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	2139/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị giao quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản của tổ chức chủ trì</li> <li>2. Phương án nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu để tiếp tục phát huy, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ (sau đây gọi là phương án phát triển, thương mại hóa kết quả) theo Mẫu do Bộ Tài chính ban hành</li> <li>3. Biên bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ của Hội đồng</li> <li>4. Hợp đồng khoa học và công nghệ</li> <li>5. Các tài liệu có liên quan khác (nếu có)</li> </ol>	1. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt	<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.
57	1.00622 1.000.0 0.00.H0 1	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	2139/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị giao quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản của tổ chức chủ trì</li> <li>2. Phương án nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu để tiếp tục phát huy, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của</li> </ol>	1. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt	<b>Kết quả thực hiện TTHC:</b> Quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

St t	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>pháp luật về khoa học công nghệ (sau đây gọi là phương án phát triển, thương mại hóa kết quả) theo Mẫu do Bộ Tài chính ban hành</p> <p>3. Biên bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ của Hội đồng</p> <p>4. Hợp đồng khoa học và công nghệ</p> <p>5. Các tài liệu có liên quan khác (nếu có)</p>		

## 7. SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
1	2.000134.000.00.00.H01	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	238/QĐ-UBND	Phiếu khai báo sử dụng đối tượng kiểm định; 'Bản sao phôi Giấy chứng nhận kết quả kiểm định của thiết bị.		An toàn vệ sinh lao động
2	2.002343.000.00.00.H01	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	2284/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp của người lao động theo Mẫu số 02 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 đối với người lao động đã nghỉ hưu hoặc thôi việc; hoặc văn bản của người sử dụng lao động nơi người lao động đang làm việc theo Mẫu số 5 của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 và bản sao có chứng thực hồ sơ xác định mắc bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp, đối với trường hợp người lao động chuyển đến làm việc cho người sử dụng lao động khác. - Bản sao có chứng thực hồ sơ		An toàn vệ sinh lao động



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp và bản sao có chứng thực hồ sơ xác định mắc bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp.</p> <p>- Bản sao giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị bệnh nghề nghiệp. - Bản chính chứng từ thanh toán các chi phí khám, điều trị bệnh nghề nghiệp theo quy định.</p>		
3	2.002341.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	2284/QĐ-UBND	<p>Hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động: - Sổ bảo hiểm xã hội. - Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi đã điều trị tai nạn lao động đối với trường hợp nội trú. - Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa. - Văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động theo mẫu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành. Hồ sơ hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp: - Sổ bảo hiểm xã hội. - Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi đã điều trị bệnh nghề nghiệp; trường hợp</p>		An toàn vệ sinh lao động

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				không điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì phải có giấy khám bệnh nghề nghiệp. - Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa; trường hợp bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp thì thay bằng Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp. - Văn bản đề nghị giải quyết chế độ bệnh nghề nghiệp theo mẫu do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành.		
4	2.000111.000.00.00.H01	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	2284/QĐ-UBND	- Văn bản đề nghị hỗ trợ huấn luyện theo Mẫu số 11 tại Phụ lục của Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020. - Bản sao các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc tổ chức huấn luyện theo quy định của pháp luật và các chi phí thực tế có liên quan đến việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng đề nghị hỗ trợ.		An toàn vệ sinh lao động

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
5	1.005450.000.00.00.H01	<p>Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).</p>	477/QĐ-UBND	<p>- Bản thuyết minh về quy mô huấn luyện và các điều kiện, giải pháp thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ. c) Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong trường hợp bị hỏng, mất: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận. d) Trường hợp cấp đổi tên tổ chức huấn luyện trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: Văn bản đề nghị cấp đổi tên trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động và nộp lại bản chính giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện bản chính. 'a) Trường hợp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: - Văn bản đề nghị gia hạn giấy chứng nhận huấn luyện. - Hồ sơ cập nhật thông tin theo mẫu hồ sơ cập mới nếu có thay đổi thông tin</p>		An toàn vệ sinh lao động

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				so với hồ sơ đã được cấp giấy chứng nhận. b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung phạm vi hoạt động Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ		
6	1.005449.000.00.00.H01	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có	477/QĐ-UBND	Tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động chỉ liệt kê danh mục vào Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ, xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thẩm định. '- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 8/10/2018; - Bản thuyết minh về quy mô huấn luyện và các điều kiện, giải pháp thực hiện theo Mẫu số 02		An toàn vệ sinh lao động

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
		nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)		Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ		
7	2.000135.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	477/QĐ-UBND	- Văn bản đề nghị về việc đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở. - Bản photocopy đăng ký thành lập cơ sở đã được cấp.		Bảo trợ xã hội
8	2.000141.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	477/QĐ-UBND	- Tờ khai đăng ký thành lập (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 103/2017/NĐ-CP). - Quy chế hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội (Mẫu số 03b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 103/2016/NĐ-CP)		Bảo trợ xã hội
9	2.000051.000.00.00.H01	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do	3771/QĐ-UBND	- Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại giấy phép. - Giấy phép hoạt động. - Giấy tờ chứng minh thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người		Bảo trợ xã hội

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
		Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp		đúng đầu, loại hình cơ sở, nhiệm vụ và địa bàn hoạt động.		
10	2.000062.000.00.00.H01	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	3771/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị giải thể cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập cơ sở ( theo Mẫu số 04b Nghị định số 103/2017/NĐ-CP).</li> <li>- Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý. - Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể.</li> <li>- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).</li> <li>- Kiến nghị giải thể cơ sở của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).</li> </ul>		Bảo trợ xã hội
11	2.000056.000.00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	477/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động của cơ sở (theo Mẫu số 09 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP).</li> <li>- Bản photocopy giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở hoặc quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.</li> </ul>		Bảo trợ xã hội
12	1.001806.000.00.00.H01	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	1656/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị của cơ sở sản xuất, kinh doanh trong đó nêu rõ tổng số lao động hiện có, số lao động là người khuyết tật; + Bản sao quyết định thành</li> </ul>		Bảo trợ xã hội

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>lập hoặc bản sao giấy phép hoạt động của cơ sở;</p> <p>- Danh sách lao động là người khuyết tật và bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người khuyết tật có trong danh sách;</p> <p>- Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của lao động là người khuyết tật đang làm việc</p>		
13	1.010831.000.00.00.H01	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	688/QĐ-UBND	<p>- Giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.</p> <p>- Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.</p>		Người có công
14	1.010830.000.00.00.H01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	688/QĐ-UBND	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh</p> <p>- Bản sao được chứng thực từ biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ đối với trường hợp mộ liệt sĩ được cơ quan chức năng bàn giao cho gia đình quản lý.</p> <p>- Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.</p> <p>- Giấy giới thiệu di chuyển</p>		Người có công

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				- Phiếu báo di chuyển - Giấy báo tin mộ		
15	1.010829.000.00.00.H01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ - Giấy giới thiệu di chuyển hài cốt liệt sĩ - Biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ - Phiếu báo di chuyển hài cốt liệt sĩ - Giấy báo tin mộ liệt sĩ		Người có công
16	1.010828.000.00.00.H01	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị hoặc văn bản - Phiếu theo dõi việc cấp trích lục hồ sơ		
17	1.010827.000.00.00.H01	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị theo Mẫu số 27 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Bản sao được chứng thực từ căn cước công dân hoặc giấy xác nhận của cơ quan đăng ký cư trú. - Phiếu báo di chuyển hồ sơ người có công		Người có công
18	1.010822.000.00.00.H01	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ	688/QĐ-UBND	-Đơn đề nghị - Bản tóm tắt bệnh án điều trị - Quyết định điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp ưu đãi		Người có công



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
		lệ tồn thương cơ thể từ 81% trở lên				
19	1.010821.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị giải quyết chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo - Giấy xác nhận đang theo học tại cơ sở giáo dục - Danh sách đề nghị cả UBND xã/cơ quan quốc phòng/công an; Phòng LĐTBXH - Quyết định trợ cấp ưu đãi trong giáo dục đào tạo		Người có công
20	1.010937.000.00.00.H01	Thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy trong trường hợp cơ sở cai nghiện có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	1272/QĐ-UBND	a) Văn bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện xin dừng hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; b) Biên bản vi phạm theo Mẫu số 09 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.		Phòng chống tệ nạn xã hội
21	1.010936.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	1272/QĐ-UBND	a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định này; b) 01 bản chính biên bản xác nhận giấy phép bị mất, hỏng theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản		Phòng chống tệ nạn xã hội

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>1 Điều này;</p> <p>c) 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</p> <p>d) các văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này;</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị tại trụ sở mới theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định này đối với trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này;</p> <p>e) Báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này theo Mẫu số 08 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
22	1.010935.000.00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.	1272/QĐ-UBND	<p>a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.</p> <p>b) 01 bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>c) Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.</p> <p>d) Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>đ) 01 bản chính danh sách nhân viên, kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ; 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật, 01 bản sao giấy xác nhận đã được đào tạo, tập huấn về điều trị, cai nghiện ma túy hoặc giấy xác nhận thời gian làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật</p>		Phòng chống tệ nạn xã hội

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				của cơ sở. e) 01 bản phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện để bảo đảm duy trì hoạt động cai nghiện ma túy.		
23	1.000091.000.00.00.H01	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	3771/QĐ-UBND	a) Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTBXH b) Phương án giải quyết đối với nạn nhân, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan của cơ sở hỗ trợ nạn nhân khi chấm dứt hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTBXH		Phòng chống tệ nạn xã hội
24	2.000036.000.00.00.H01	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	3771/QĐ-UBND	a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTBXH. b) Báo cáo về tình hình hỗ trợ nạn nhân của cơ sở tính đến thời điểm đề nghị gia hạn và phương hướng hoạt động tiếp		Phòng chống tệ nạn xã hội

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				theo của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTBXH. c) Bản gốc Giấy phép thành lập đã được cấp.		
25	2.000032.000.00.00. H01	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	3771/QĐ- UBND	a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTBXH. Bản sao Giấy phép thành lập đã được cấp. b) Văn bản, tài liệu chứng minh việc thay đổi người đứng đầu; hoặc thay đổi địa điểm đặt trụ sở; hoặc thay đổi tên gọi, phạm vi hoạt động, dịch vụ hỗ trợ được cấp phép.		Phòng chống tệ nạn xã hội

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
26	2.000027.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	3771/QĐ-UBND	<p>a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH. 1 0 Phụ lục 1 - TT 35 (1).docx</p> <p>b) Tài liệu, văn bản chứng minh Giấy phép thành lập bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy.</p>		Phòng chống tệ nạn xã hội
27	2.000025.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	3771/QĐ-UBND	<p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.</p> <p>b) Đề án thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH</p> <p>c) Sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm Giám đốc cơ sở hỗ trợ</p>		Phòng chống tệ nạn xã hội

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>nạn nhân, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc tổ chức thành lập cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTBXH</p> <p>d) Danh sách nhân sự dự kiến làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 35/2013/TT- BLĐTBXH</p> <p>đ) Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)</p> <p>e) Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân đặt trụ sở hoạt động, trong đó nêu rõ đồng ý hay không đồng ý về việc đặt trụ sở của cơ sở hỗ trợ nạn nhân</p> <p>f) Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự làm việc dự kiến tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				(bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)		
28	1.005219.000.00.00.H01	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	34/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy đề nghị hỗ trợ</li> <li>+ Bản sao hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài ký giữa người lao động và doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc hợp đồng cá nhân ký giữa người lao động với chủ sử dụng lao động và xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</li> <li>+ Bản sao hộ chiếu và visa của nước tiếp nhận lao động của người lao động được nhận hỗ trợ</li> <li>+ Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, khám sức khỏe, hộ chiếu, visa và lý lịch tư pháp</li> <li>+ Bản sao chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết của người lao động làm cơ sở</li> </ul>		Quản lý lao động ngoài nước



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				thanh toán chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo		
29	2.002105.000.00.00.H01	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	3771/QĐ-UBND	<p>1. Giấy đề nghị hỗ trợ</p> <p>2. Giấy tờ xác nhận người lao động thuộc một trong các đối tượng: người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người lao động là người dân tộc thiểu số: bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân;</li> <li>- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại Giấy đề nghị hỗ trợ của người lao động;</li> <li>- Người lao động là thân nhân người có công với cách mạng: giấy xác nhận là thân nhân người có công với cách mạng theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC</li> </ul> <p>3. Bản sao hợp đồng đi làm</p>		Quản lý lao động ngoài nước

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>việc ở nước ngoài ký giữa người lao động và doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc hợp đồng cá nhân ký giữa người lao động với chủ sử dụng lao động</p> <p>4. Bản sao hộ chiếu và visa của nước tiếp nhận lao động của người lao động được nhận hỗ trợ</p> <p>5. Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, khám sức khỏe, hộ chiếu, visa và lý lịch tư pháp</p> <p>6. Bản sao chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết của người lao động làm cơ sở thanh toán chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo</p>		
30	1.000502.000.00.00.H01	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước	1656/QĐ-UBND	- 01 bản chính công văn đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ đối với hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời hạn		Quản lý lao động ngoài nước

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
		ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)		dưới 90 ngày. - 01 bản chính báo cáo về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.		
31	2.002028.000.00.00.H01	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	277/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký (theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT - BLĐT BXH);</li> <li>- Bản sao hợp đồng lao động kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu của người lao động;</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người lao động thường trú hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người lao động.</li> </ul>		Quản lý lao động ngoài nước
32	1.005132.000.00.00.H01	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	277/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành</li> </ul>		Quản lý lao động

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH);</p> <p>- Bản sao hợp đồng nhận lao động thực tập kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực;</p> <p>- Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH, cụ thể gồm một trong các giấy tờ sau:</p> <p>+ 01 bản sao văn bản cho phép cơ sở tiếp nhận lao động thực tập được tiếp nhận lao động nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp.</p> <p>+ Giấy tờ khác thể hiện cơ sở tiếp nhận lao động thực tập được phép tiếp nhận người lao</p>		ngoài nước

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>động theo quy định của nước sở tại;</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Giấy tờ chứng minh việc ký quỹ của doanh nghiệp theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 112/2020/NĐ-CP.</p>		
33	1.009873.000.00.00.H01	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1226/QĐ-UBND	<p>a) Văn bản đề nghị thu hồi giấy phép theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP;</p> <p>b) Giấy phép đã được cấp hoặc văn bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm đối với trường hợp giấy phép bị mất;</p> <p>c) Báo cáo tình hình hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP.</p>		Việc làm
34	1.009874.000.00.00.H01	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1226/QĐ-UBND	<p>a) Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp;</p> <p>b) Giấy chứng nhận tiền ký</p>		Việc làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>quỹ hoạt động dịch vụ việc làm tại ngân hàng nhận ký quỹ khác đối với trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định 23/2021/NĐ-CP;</p> <p>c) Báo cáo việc hoàn thành nghĩa vụ và văn bản chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ đối với trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định 23/2021/NĐ-CP;</p> <p>d) Phương án sử dụng số tiền rút từ tài khoản ký quỹ gồm lý do, mục đích rút tiền ký quỹ; danh sách người lao động, người sử dụng lao động, số tiền, thời gian, phương thức thanh toán đối với trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định 23/2021/NĐ-CP.</p>		
35	1.009811.000.00.00.H01	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh).	1010/QĐ-UBND	1. Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép lao động theo mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.2. 02 ảnh mẫu (kích thước 4cm x 6cm,		Việc làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.3. Giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.4. Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.5. Bản sao chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật.6. Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 152/2020/NĐ-CP.7. Một trong những giấy tờ quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định này chứng minh người lao động nước ngoài tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung GPLĐ đã được cấp.8. Giấy tờ quy định tại các khoản 3,4,6 và 7 Điều này là 01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì phải hợp pháp hóa</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				lãnh sự và phải dịch ra tiếng Việt trừ những trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước CHXHCNVN và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.		
36	2.000219.000.00.00.H01	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	1010/QĐ-UBND	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài theo Mẫu số 04/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP hoặc điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 05/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP		Việc làm
37	1.000362.000.00.00.H01	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng	3771/QĐ-UBND	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng		Việc làm
38	1.001881.000.00.00.H01	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	3771/QĐ-UBND	1. Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động 2. Phương án thay đổi cơ cấu		Việc làm



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>hoặc công nghệ hoặc sản xuất, kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt</p> <p>3. Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP</p> <p>4. Giấy tờ chứng minh không đủ kinh phí để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP</p> <p>5. Văn bản xác nhận của tổ chức bảo hiểm xã hội nơi người sử dụng lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP</p>		
39	2.000148.000.00.00.H01	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	3771/QĐ-UBND	Phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm		Việc làm
40	2.000839.000.00.00.H01	Giải quyết hỗ trợ học nghề	3771/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ học nghề.</li> <li>- Phiếu hẹn trả kết quả học nghề</li> <li>- Quyết định hỗ trợ học nghề</li> </ul>		Việc làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
41	1.000401.000.00.00.H01	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đến)	3771/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (nơi đi) - Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động (nơi đi)</li> <li>- Sổ bảo hiểm xã hội</li> <li>- Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (nơi đi)</li> <li>- Phụ lục ngày thông báo hằng tháng tìm kiếm việc làm (nơi đi)</li> <li>- Đơn đề nghị chuyển hưởng,</li> <li>- Giấy giới thiệu chuyển hưởng,</li> <li>- Công văn tiếp tục hưởng</li> <li>- Thông báo tìm kiếm việc làm (nơi đi)</li> </ul>		Việc làm
42	2.000178.000.00.00.H01	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đi)	3771/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chuyển hưởng,</li> <li>- Giấy giới thiệu chuyển hưởng</li> <li>- Công văn tạm dừng hưởng</li> </ul>		Việc làm
43	2.001953.000.00.00.H01	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	3771/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo có việc làm.</li> <li>- Hợp đồng lao động.</li> <li>- Quyết định chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp.</li> <li>- Quyết định thu hồi chấm dứt (nếu có thu hồi)</li> </ul>		Việc làm
44	1.001966.000.00.00.H01	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	3771/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp</li> </ul>		Việc làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
45	1.001973.000.00.00.H01	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	3771/QĐ-UBND	- Quyết định tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp		Việc làm
46	1.001978.000.00.00.H01	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	3771/QĐ-UBND	- Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp. - Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. - Sổ bảo hiểm xã hội - Phiếu hẹn trả kết quả hưởng trợ cấp thất nghiệp - Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, - Phụ lục ngày thông báo hằng tháng tìm kiếm việc làm		Việc làm
47	1.000459.000.00.00.H01	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	1010/QĐ-UBND	1. Văn bản đề nghị xác nhận ngườiLDNN không thuộc diện cấp GPLĐ theo Mẫu số 09/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP. 2. Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền cấp của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ hoặc giấy chứng nhận có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng		Việc làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>Bộ Y tế.</p> <p>3. Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người LĐNN trừ trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người LĐNN.</p> <p>4. Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Các giấy tờ để chứng minh người LĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ.</p> <p>6. Các giấy tờ quy định tại điểm 2, 3 và 5 là 01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì phải hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và có chứng thực trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước CHXHCNVN và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.</p>		
48	1.000105.000.00.00.H01	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử	1010/QĐ-UBND	Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người LĐNN theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành		Việc làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
		dụng người lao động nước ngoài		kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người LĐNN theo Mẫu số 02/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP		
49	1.001823.000.00.00.H01	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1226/QĐ-UBND	a) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP; b) Văn bản quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định 23/2021/NĐ-CP; c) Các văn bản quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 17 Nghị định 23/2021/NĐ-CP đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép đồng thời thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.		Việc làm
50	1.001853.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1226/QĐ-UBND	a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; b) Văn bản quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định		Việc làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>23/2021/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép;</p> <p>c) Các văn bản quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 17 Nghị định 23/2021/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>d) Giấy phép đã được cấp trước đó đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định 23/2021/NĐ-CP.</p>		
51	1.001865.000.00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1226/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP.</p> <p>2. 01 bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê địa điểm theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 23/2021/NĐ-CP.</p> <p>3. Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm</p>		Việc làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP.</p> <p>4. Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 23/2021/NĐ-CP.</p> <p>5. Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện là người nước ngoài không thuộc đối tượng cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài. Các văn bản nêu tại khoản này được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng. Văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. 01 bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu bằng cấp chuyên môn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 hoặc một trong các văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý dịch vụ việc làm hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp như sau:</p> <p>a) Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;</p> <p>b) Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản gốc để đối chiếu quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm).</p> <p>Các văn bản quy định tại điểm a, điểm b khoản này là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p>		
52	2.000192.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1010/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép lao động theo mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.</p> <p>2. 02 ảnh màu (kích thước 4cm x 6cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.</p> <p>3. Giấy phép lao động còn thời</p>		Việc làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>hạn đã được cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp GPLĐ bị mất thì phải có xác nhận của cơ quan Công an cấp xã của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Trường hợp thay đổi nội dung ghi trên giấy phép lao động thì phải có các giấy tờ chứng minh.</li> </ul> <p>4. Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người LĐNN trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người LĐNN.</p> <p>5. Giấy tờ quy định tại điểm 3 và 4 nêu trên là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực trừ trường hợp bị mất, nếu của nước ngoài thì phải hợp pháp hoá lãnh sự và phải dịch ra tiếng Việt trừ trường hợp được miễn hợp pháp hoá lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				hoặc theo quy định của pháp luật.		
53	2.000205.000.00.00.H01	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1010/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản đề nghị cấp GPLĐ theo mẫu số 11/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.</p> <p>2. Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc giấy khám sức khỏe do cơ quan, tổ chức y tế có thẩm quyền của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp có giá trị trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày ký kết luận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ hoặc giấy chứng nhận có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>3. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người LĐNN không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người LĐNN không phải là người đang trong thời gian</p>		Việc làm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự được cấp không quá 06 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ.</p> <p>4. Văn bản, giấy tờ chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật và một số nghề, công việc được quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.</p> <p>5. 02 ảnh màu (kích thước 4cm x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu), ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.</p> <p>6. Văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng người LĐNN trừ những trường hợp không phải xác định nhu cầu sử dụng người LĐNN.</p> <p>7. Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Các giấy tờ liên quan đến người LĐNN được quy định</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>tại khoản 8 Điều 9 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.</p> <p>9. Hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ đối với một số trường hợp đặc biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với người LĐNN đã được cấp GPLĐ, đang còn hiệu lực mà có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động khác ở cùng vị trí công việc và cùng chức danh công việc ghi trong giấy phép lao động thì hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ mới gồm: giấy xác nhận của người sử dụng lao động trước đó về việc người lao động hiện đang làm việc, các giấy tờ quy định tại điểm 1, 5, 6, 7, 8 nêu trên và bản sao có chứng thực giấy phép lao động đã được cấp;</li> <li>- Đối với người LĐNN đã được cấp GPLĐ và đang còn hiệu lực mà thay đổi vị trí công việc hoặc chức danh công việc hoặc hình thức làm việc ghi trong GPLĐ theo quy định của pháp luật nhưng không thay đổi người sử dụng lao động thì hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ mới</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				gồm các giấy tờ quy định tại điểm 1, 4, 5, 6, 7 và 8 nêu trên và GPLĐ hoặc bản sao có chứng thực GPLĐ đã được cấp 10. Hợp pháp hóa lãnh sự, chứng thực các giấy tờ: Các giấy tờ quy định tại các điểm 2, 3, 4, 6 và 8 nêu trên là 01 bản gốc hoặc bản sao có chứng thực, nếu của nước ngoài thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật; dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam..		
54	1.009467.000.00.00.H01	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt	654/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương		Lao động -Tiền lương

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
		động của Hội đồng thương lượng tập thể.		lượng tập thể để phù hợp với tình hình thực tế.		
55	1.009466.000.00.00.H01	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	654/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách dự kiến các doanh nghiệp tham gia thương lượng tập thể nhiều doanh trong đó ghi rõ tên doanh nghiệp; trụ sở chính; họ tên của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; họ tên người đại diện của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở;</li> <li>- Họ tên, chức vụ hoặc chức danh của người được các bên đồng thuận cử làm Chủ tịch Hội đồng thương lượng, kèm theo văn bản đồng ý của người được đề nghị làm Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể. Trường hợp trong văn bản không đề nghị người làm Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;</li> <li>- Danh sách các thành viên đại diện của mỗi bên tham gia thương lượng trong Hội đồng thương lượng tập thể;</li> <li>- Dự kiến nội dung đã được các bên thống nhất về nội dung</li> </ul>		Lao động -Tiền lương

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				thương lượng, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể, kế hoạch thương lượng tập thể; hỗ trợ của Hội đồng thương lượng tập thể (nếu có).		
56	1.004949.000.00.00.H01	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	34/QĐ-UBND	các báo cáo theo biểu mẫu số 1, 2, 3 và 4 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		Lao động - Tiền lương
57	1.000436.000.00.00.H01	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	654/QĐ-UBND	- Văn bản đề nghị thu hồi giấy phép theo Mẫu số 06/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Giấy phép đã được cấp hoặc văn bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại đối với trường hợp giấy phép bị mất.		Lao động - Tiền lương



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động của doanh nghiệp theo Mẫu số 09/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Bản sao hợp đồng cho thuê lại lao động đang còn hiệu lực đến thời điểm đề nghị thu hồi giấy phép.</li> </ul>		
58	2.001955.000.00.00.H01	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	654/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị đăng ký nội quy lao động;</li> <li>- Nội quy lao động;</li> <li>- Văn bản góp ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở;</li> <li>- Các văn bản của người sử dụng lao động có quy định liên quan đến kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất (nếu có).</li> </ul>		Lao động -Tiền lương
59	1.000414.000.00.00.H01	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	654/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại.</li> <li>- Phương án sử dụng số tiền rút từ tài khoản ký quỹ, gồm: lý</li> </ul>		Lao động -Tiền lương

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>do, mục đích rút tiền ký quỹ; danh sách, số lượng người lao động, số tiền, thời gian, phương thức thanh toán đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp cho thuê lại gặp khó khăn, không đủ nguồn tài chính để thanh toán đủ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ khác đối với người lao động thuê lại theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho thuê lại sau thời hạn từ 30 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật; (ii) doanh nghiệp cho thuê lại gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động thuê lại do vi phạm hợp đồng lao động với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại cho người lao động thuê lại vì không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>của người lao động thuê lại sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến thời hạn bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo việc hoàn thành nghĩa vụ và văn bản chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ đối với người lao động thuê lại trong trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp cho thuê bị thu hồi giấy phép hoặc không được gia hạn, cấp lại giấy phép.</li> <li>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động tại ngân hàng thương mại khác đối với trường hợp rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp cho thuê đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng thương mại của Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng thương mại nước ngoài tại Việt Nam khác.</li> </ul>		
60	1.000448.000.00.00. H01	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	654/QĐ-UBND	1. Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép hoặc giấy phép bị hư hỏng không		Lao động -Tiền lương

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>còn đầy đủ thông tin trên giấy phép</p> <p>gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Giấy phép đã được cấp trước đó</li> </ul> <p>2. Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp</p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).</li> <li>- Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>một trong các loại văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</li> <li>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại hoặc cung ứng lao động). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>3. Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép bị mất</p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).</p> <p>- Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là một trong các loại văn bản sau:</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại hoặc cung ứng lao động). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ 5.3.4. Đối với trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép do thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép</p> <p>* Thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính mới cấp theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Giấy phép đã được cấp bởi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trước đây.</li> </ul>		
61	1.000479.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	654/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 05/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính</li> </ul>		Lao động -Tiền lương

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PL/III Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch (phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).</li> <li>- Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>hoặc quản lý về cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là một trong các loại văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</li> <li>+ Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại hoặc cung ứng lao động). Trường hợp văn bản là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật.</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p>		
62	1.000464.000.00.00.H01	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	654/QĐ-UBND	<p>- Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép của doanh nghiệp theo Mẫu số 05/PLIII, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 01/PLIII Phụ lục</p>		Lao động -Tiền lương

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>- Trường hợp doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép đồng thời thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thì bổ sung thêm các văn bản sau đây:</p> <p>+ Bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>+ Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo quy định pháp luật về lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài không thuộc đối tượng được cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1 thì được thay thế bằng phiếu lý lịch tư pháp tại quốc gia mang quốc tịch</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>(phiếu lý lịch tư pháp được cấp trước ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).  + Văn bản chứng minh thời gian trực tiếp làm chuyên môn hoặc quản lý về cho thuê lại lao động hoặc cung ứng lao động của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên trong thời hạn 05 năm liền kề trước khi đề nghị cấp giấy phép là một trong các loại văn bản sau:  (i) Bản sao được chứng thực từ bản chính hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; (ii) Bản sao được chứng thực từ bản chính quyết định bổ nhiệm (đối với người làm việc theo chế độ bổ nhiệm) hoặc văn bản công nhận kết quả bầu (đối với</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				người làm việc theo chế độ bầu cử) của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cho thuê lại hoặc cung ứng lao động). Trường hợp các văn bản này là văn bản của nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, chứng thực và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật).		
63	2.001949.000.00.00.H01	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)	34/QĐ-UBND	công văn đề nghị, bảng tính điểm theo các chỉ tiêu xếp hạng, biểu tổng hợp số lao động thực tế sử dụng bình quân, danh sách đơn vị thành viên, bản sao giấy đăng ký kinh doanh, bản sao báo cáo tài chính hai năm trước liền kề và kế hoạch năm xếp hạng.		Lao động - Tiền lương
64	1.010928.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề	1633/QĐ-UBND	1. Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo của các bên liên kết, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo. 2. Báo cáo chấm dứt hoạt động		Giáo dục - Nghề nghiệp



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
		ngiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp		liên kết đào tạo, trong đó nêu rõ lý do, nội dung chấm dứt, phương án giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; thanh toán các khoản nợ thuê và các khoản nợ khác (nếu có).		
65	1.010927.000.00.00.H01	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	1633/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</p> <p>2. Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy;</p> <p>3. Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định;</p> <p>4. Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê;</p> <p>5. Bản sao văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hoặc văn bản phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của cơ quan có thẩm quyền;</p> <p>6. Bản sao văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hoặc văn bản phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầu tư</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của cơ quan có thẩm quyền; 7. Bản sao văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hoặc văn bản phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của cơ quan có thẩm quyền.		
66	1.010596.000.00.00.H01	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	3050/QĐ-UBND	1. Văn bản của hội đồng quản trị hoặc thành viên duy nhất sở hữu trường đề nghị thôi công nhận hiệu trưởng (Mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH); 2. Biên bản họp hội đồng quản trị đề nghị thôi công nhận hiệu trưởng (Mẫu số 15 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH).		Giáo dục - Nghề nghiệp
67	1.010592.000.00.00.H01	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập.	3050/QĐ-UBND	1. Văn bản của hội đồng trường đề nghị miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường, trong đó nêu rõ lý do miễn		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>nhiệm, cách chức (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>2. Biên bản họp hội đồng trường về việc miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH);</p> <p>3. Các văn bản, giấy tờ chứng minh liên quan. * Chủ tịch, thư ký và thành viên hội đồng trường là công chức, viên chức: Chủ tịch, thư ký và thành viên hội đồng trường có quyết định thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, cách chức theo các quyết định về nhân sự thì hội đồng trường có văn bản đề nghị cơ quan chủ quản trường quyết định miễn nhiệm, cách chức trong hội đồng trường.</p>		
68	1.010595.000.00.00.H01	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực.	3050/QĐ-UBND	1. Văn bản của hội đồng quản trị hoặc thành viên duy nhất sở hữu trường đề nghị công nhận hiệu trưởng (Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Thông		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>2. Biên bản họp hội đồng quản trị đề nghị công nhận hiệu trưởng (Mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng của người được đề nghị công nhận giữ chức hiệu trưởng.</p>		
69	1.010594.000.00.00.H01	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	3050/QĐ-UBND	<p>1. Hồ sơ đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị:</p> <p>a. Văn bản đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>b. Văn bản đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị:</p> <p>- Văn bản của thành viên duy</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>nhất sở hữu trường đề nghị chấm dứt hoạt động của hội đồng quản trị (Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>- Các giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng vốn.</p>		
70	1.010593.000.00.00.H01	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	3050/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản đề nghị công nhận hội đồng quản trị, nêu rõ quy trình xác định các thành viên hội đồng quản trị:</p> <p>+ Đối với nhiệm kỳ đầu tiên: Văn bản của người đại diện hợp pháp của thành viên đứng tên thành lập trường (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>+ Đối với nhiệm kỳ kế tiếp: Văn bản của hội đồng quản trị đối với đề nghị công nhận hội đồng quản trị nhiệm kỳ kế tiếp (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>2. Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng quản trị của Sở Lao động - Thương binh và Xã</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>hội nơi trường đặt trụ sở chính hoặc văn bản cử đại diện tham gia hội đồng quản trị của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan.</p> <p>3. Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng quản trị của các tổ chức đảng, đoàn thể, đội ngũ nhà giáo.</p> <p>4. Biên bản họp bầu hội đồng quản trị (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p>		
71	1.010591.000.00.00.H01	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập.	3050/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản của hội đồng trường đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>2. Biên bản họp hội đồng trường về việc thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐT BXH).</p> <p>3. Trường hợp thay thế chủ tịch hội đồng trường thì bổ</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				sung bản sao văn bản, chứng chỉ của người được đề nghị giữ chức danh chủ tịch hội đồng trường.		
72	1.010590.000.00.00.H01	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập.	3050/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản của trường trung cấp đề nghị thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên hoặc nhiệm kỳ kế tiếp (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTĐBXH).</p> <p>2. Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của các tổ chức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>3. Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của các tổ chức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>4. Biên bản họp bầu hội đồng trường (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTĐBXH).</p> <p>5. Bản sao văn bản, chứng chỉ của người được đề nghị giữ chức danh chủ tịch hội đồng trường.</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
73	1.010589.000.00.00.H01	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	3050/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản của hội đồng trường đề nghị miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường, trong đó nêu rõ lý do miễn nhiệm, cách chức (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐBXH).</p> <p>2. Biên bản họp hội đồng trường về việc miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐBXH).</p> <p>3. Các văn bản, giấy tờ chứng minh liên quan. * Chủ tịch, thư ký và thành viên hội đồng trường là công chức, viên chức: Chủ tịch, thư ký và thành viên hội đồng trường có quyết định thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, cách chức theo các quyết định về nhân sự thì hội đồng trường có văn bản đề nghị cơ quan chủ quản trường quyết định miễn nhiệm, cách chức trong hội đồng trường.</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
74	1.010587.000.00.00.H01	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	3050/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản của trường cao đẳng đề nghị thành lập hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên hoặc nhiệm kỳ kế tiếp (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐBXH).</p> <p>2. Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của các tổ chức quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Luật Giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>3. Văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của cơ quan chủ quản trường hoặc văn bản cử đại diện tham gia hội đồng trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan.</p> <p>4. Biên bản họp bầu hội đồng trường (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐBXH).</p> <p>5. Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người được đề nghị giữ chức danh chủ tịch hội đồng trường.</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
75	1.010588.000.00.00.H01	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	3050/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản của hội đồng trường đề nghị thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐBXH).</p> <p>2. Biên bản họp hội đồng trường về việc thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐBXH).</p> <p>3. Trường hợp thay thế chủ tịch hội đồng trường thì bổ sung bản sao văn bằng, chứng chỉ của người được đề nghị giữ chức danh chủ tịch hội đồng trường.</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp
76	2.000632.000.00.00.H01	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	34/QĐ-UBND	<p>1. Công văn của tổ chức hoặc những người góp vốn thành lập trung tâm hoặc cá nhân là chủ sở hữu trung tâm đề nghị cơ quan có thẩm quyền công nhận.</p> <p>2. Biên bản họp của tổ chức hoặc những người góp vốn thành lập trung tâm.</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>3. Sơ yếu lý lịch của người được đề nghị công nhận giám đốc trung tâm tự khai</p> <p>4. Các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng của người được đề nghị công nhận.</p>		
77	1.000234.000.00.00.H01	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1633/QĐ-UBND	<p>1. Đối với trường hợp bị giải thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị giải thể của cơ quan chủ quản đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập; văn bản đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng quản trị đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</li> <li>- Đề án giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</li> </ul>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
78	2.000099.000.00.00.H01	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1633/QĐ-UBND	<p>1. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập, thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</li> <li>- Đề án chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</li> </ul> <p>2. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập, thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị chia, tách, sáp nhập theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-</li> </ul>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>CP);</p> <p>- Đề án chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>- Biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc những người góp vốn thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp về việc chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp.</p>		
79	1.000167.000.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1633/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo mẫu 3A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>2. Báo cáo đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài theo Mẫu 3B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>3. Bản sao quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đăng ký liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ sơ cấp.</p> <p>4. Bản sao giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>5. Bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng liên kết đào tạo giữa các bên trong liên kết đào tạo.</p>		
80	1.000389.000.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1633/QĐ-UBND	1. Đối với các trường hợp: (i) Bổ sung ngành, nghề, trình độ đào tạo mới (trừ trường hợp tự chủ quyết định mở ngành, nghề đào tạo theo quy định); (ii) Vượt quá 10% tổng quy mô tuyển sinh/năm của các ngành, nghề trong cùng nhóm ngành, nghề tại từng địa điểm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; (iii) Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp</p> <p>Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</li> <li>- Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</li> <li>- Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục</li> </ul>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đối với trường hợp đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác với nơi đặt trụ sở chính.</p> <p>2. Đối với trường hợp thành lập phân hiệu có tổ chức hoạt động đào tạo hoặc bổ sung địa điểm đào tạo ngoài địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</li> <li>- Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp.</li> </ul> <p>3. Đối với trường hợp chuyên trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo đến nơi khác, mà phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo là nơi trực tiếp tổ chức đào tạo Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</li> <li>- Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</li> <li>- Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp hoặc bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp đối với trường hợp đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác với nơi đặt trụ sở chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc địa điểm đào tạo.</li> </ul> <p>4. Đối với trường hợp đổi tên doanh nghiệp Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</li> <li>- Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đổi tên doanh nghiệp.</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
81	2.000189.000.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1633/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>2. Báo cáo đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>3. Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) của doanh nghiệp đối với trường hợp đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố khác với nơi đặt trụ sở chính.</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp
82	1.000031.000.00.00.H01	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công	1633/QĐ-UBND	1. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập Văn bản đề nghị đổi		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
		lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		tên của cơ quan chủ quản theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). 2. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực Văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc hội đồng quản trị đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).		
83	1.000160.000.00.00.H01	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	1633/QĐ-UBND	1. Đối với cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài Hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các trường hợp nhà đầu tư nước		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án thành lập theo Mẫu 1B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định. Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh năng lực</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>tài chính về vốn đầu tư thành lập bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai, tối thiểu 05 tỷ đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp; tối thiểu 50 tỷ đồng đối với trường trung cấp.</p> <p>- Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy.</p> <p>* Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân nước ngoài góp vốn trở lên hoặc liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, hồ sơ cần bổ sung:</p> <p>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá về tài sản là vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh đề nghị thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>đầu tư nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh;</li> <li>- Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên liên doanh cam kết góp vốn thành lập.</li> </ul> <p>2. Đối với cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với các trường hợp nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư).</li> <li>- Đề án thành lập theo Mẫu 1B</li> </ul>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.</p> <p>Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính về vốn đầu tư thành lập bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai, tối thiểu 05 tỷ đồng đối với</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>trung tâm giáo dục nghề nghiệp; tối thiểu 50 tỷ đồng đối với trường trung cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy.</li> <li>- Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>số vốn góp của các thành viên góp vốn.</p> <p>- Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận. m) Dự thảo Quy chế tài chính nội bộ của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>* Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân nước ngoài góp vốn trở lên hoặc liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, hồ sơ cần bổ sung:</p> <p>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá về tài sản là vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh đề nghị thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận;</p> <p>- Biên bản cử người đại diện</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>đúng tên thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các bên liên doanh;</p> <p>- Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên liên doanh cam kết góp vốn thành lập.</p>		
84	1.000243.000.00.00.H01	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1633/QĐ-UBND	<p>1. Văn bản đề nghị thành lập, cho phép thành lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>2. Đề án thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>3. Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô,</p>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy.</p> <p>4. Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định. Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê.</p> <p>5. Bản sao văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hoặc văn bản phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầu tư</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>6. Văn bản xác nhận khả năng tài chính để đầu tư xây dựng trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p> <p>7. Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản.</p> <p>* Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực có từ 02 thành viên góp vốn trở lên, ngoài hồ sơ nêu trên, hồ sơ cần bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp của các thành viên góp vốn.</li> <li>- Danh sách trích ngang các thành viên Ban sáng lập.</li> <li>- Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				cam kết góp vốn thành lập. - Dự kiến Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị của trường trung cấp.		
85	1.000266.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1633/QĐ-UBND	1. Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). 2. Đề án chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).		Giáo dục - Nghề nghiệp
86	1.000154.000.00.00.H01	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	1633/QĐ-UBND	1. Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. 2. Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu 1A ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. 3. Bản sao các giấy tờ pháp lý chứng minh cơ sở vật chất và		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>năng lực tài chính theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p>		
87	1.000138.000.00.00.H01	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1633/QĐ-UBND	<p>1. Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>2. Đề án chia, tách, sáp nhập theo Mẫu 2D tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).</p> <p>3. Biên bản họp của các bên góp vốn hoặc liên doanh về việc chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>4. Đối với trường hợp sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì cần bổ sung: Hợp đồng sáp nhập do người đại diện theo pháp luật của trường trung cấp, trung tâm</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cùng ký kết. Hợp đồng phải có nội dung chủ yếu sau: Thông tin về trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sáp nhập, bị sáp nhập, thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bị sáp nhập thành phần vốn góp của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập.</p>		
88	1.000482.000.00.00.H01	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang	1633/QĐ-UBND	1. Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
		hoạt động không vì lợi nhuận		<p>2. Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP.</p> <p>3. Biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyên sang hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn.</p> <p>4. Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất và báo cáo kiểm toán theo định kỳ của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				ngiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.		
89	1.000509.000.00.00.H01	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	1633/QĐ-UBND	<p>1. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP), gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cho phép thành lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</li> <li>- Đề án thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP);</li> </ul>		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành, nghề, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho hoạt động học tập và giảng dạy;</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất để xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo bản sao biên lai (nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất) hoặc minh chứng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định. Bản sao hợp đồng thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất còn thời hạn ít nhất là 05 năm kể từ ngày gửi hồ sơ đối với trường hợp thuê cơ sở vật chất gắn liền với đất và giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu của bên cho thuê;</li> <li>- Văn bản xác nhận khả năng tài chính để đầu tư xây dựng cơ</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<p>sở giáo dục nghề nghiệp tư thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu về tài sản kèm theo văn bản thẩm định giá tài sản góp vốn nếu góp vốn bằng tài sản.</li> <li>* Đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực có từ 02 thành viên góp vốn trở lên, ngoài hồ sơ nêu trên, hồ sơ cần bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản cử người đại diện đứng tên thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực của các thành viên góp vốn;</li> <li>- Danh sách trích ngang các thành viên Ban sáng lập;</li> <li>- Danh sách, hình thức và biên bản góp vốn của các thành viên cam kết góp vốn thành lập;</li> <li>- Dự kiến Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị của trường trung cấp.</li> </ul> </li> </ul> <p>2. Các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, gồm:</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn;</li> <li>- Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận;</li> <li>- Dự thảo Quy chế tài chính nội bộ của của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				ng nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.		
90	1.000530.000.00.00.H01	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1633/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của những người góp vốn thành lập theo Mẫu 2H tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).		Giáo dục - Nghề nghiệp
91	1.000553.000.00.00.H01	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	1633/QĐ-UBND	1. Văn bản đề nghị giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài theo Mẫu 2E tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). 2. Đề án giải thể giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư		Giáo dục - Nghề nghiệp

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				nước ngoài theo Mẫu 2G tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP).		
92	1.010928.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	1633/QĐ-UBND	1. Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo của các bên liên kết, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo. 2. Báo cáo chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo, trong đó nêu rõ lý do, nội dung chấm dứt, phương án giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động; thanh toán các khoản nợ thuê và các khoản nợ khác (nếu có).		Giáo dục - Nghề nghiệp
93	1.004944.000.00.00.H01	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	2689/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị chấm dứt việc chăm sóc thay thế (Mẫu số 15 của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em) - Quyết định Về việc chấm dứt và chuyển hình thức chăm sóc		Trẻ em



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				thay thế trẻ em (Mẫu số 16 của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)		
94	1.004946.000.00.00.H01	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	2689/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tiếp nhận thông tin trẻ em (do Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoặc cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp hoặc cơ quan công an các cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc lập) (Mẫu số 01 của của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)</li> <li>- Bản đánh giá nguy cơ ban đầu, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tạm thời cho trẻ (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập) (Mẫu số 02 của của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em).</li> <li>- Dự thảo Quyết định về việc tạm thời cách ly trẻ em khỏi</li> </ul>		Trẻ em

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú (lĩnh vực)
				cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em (Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP)(Mẫu số 07 của của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em) - Tài liệu khác có liên quan (nếu có).		

## 8. SỞ NGOẠI VỤ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu	Ghi chú
1	1.006953	Thủ tục xin phép xuất cảnh	Quyết định số 3586/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản xin phép xuất cảnh của cơ quan quản lý trực tiếp (Nội dung văn bản cần có: Họ và tên; Chức vụ; Nước đến; Thời gian ở nước ngoài; Chi phí chuyến đi do ai chịu trách nhiệm; Mục đích chuyến đi);</li> <li>- Thư mời của cơ quan, tổ chức (nếu có);</li> <li>- Trường hợp cán bộ, công chức xin phép xuất cảnh là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang hồ sơ phải có thêm văn bản đồng ý của Tỉnh ủy.</li> </ul>		
2	1.006885	Thủ tục xin phép tiếp khách nước ngoài		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn xin tiếp khách nước ngoài;</li> <li>- Danh sách khách đến làm việc (họ và tên, quốc tịch, thành phần)</li> <li>- Chương trình hoạt động của đoàn khách (nội dung, thời gian, địa điểm làm việc)</li> </ul>		<i>Danh sách và chương trình có thể là phụ lục đính kèm công văn xin tiếp khách</i>

3	<u>1.006893</u>	Thủ tục cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC (ABTC)		<p>-Văn bản đề nghị cho phép sử dụng thẻ ABTC của doanh nghiệp.</p> <p>Nội dung văn bản cần nêu rõ:</p> <p>+ Tên Công ty (tên đầy đủ bằng tiếng Việt); Địa chỉ; Điện thoại; Fax; Email; Số Giấy ĐKKD (hoặc giấy Chứng nhận đầu tư); Mã số thuế và Cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp và các quy định của các nước và vùng lãnh thổ thành viên APEC áp dụng đối với người mang thẻ ABTC;</p> <p>+ Danh sách các cá nhân đề nghị cấp thẻ cần phải nêu rõ: Họ và tên; Chức vụ; Đơn vị công tác;</p> <p>-Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đầu tư;</p> <p>-Các hợp đồng kinh tế, thương mại, các dự án đầu tư, các hợp đồng dịch vụ thể hiện doanh nghiệp có các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư,</p>		
---	-----------------	--	--	---	--	--

				<p>dịch vụ, với các đối tác trong các nền kinh tế thành viên tham gia chương trình thẻ ABTC;</p> <p>-Hộ chiếu của doanh nhân;</p> <p>-Sổ bảo hiểm xã hội của doanh nhân;</p> <p>- Văn bản xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.</p>		
4	2.002312.000.00.00.H01	<p>Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh An Giang</p>	<p>- Công văn xin phép tổ chức.</p> <p>- Đề án tổ chức theo Mẫu 01 tại Quyết định 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.</p> <p>- Văn bản có ý kiến của các cơ quan liên quan trong trường hợp các quy định pháp luật khác có yêu cầu.</p> <p>-Văn bản đồng ý chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế (nếu có)</p> <p>-Các văn bản, giấy tờ khác nếu cần thiết (thông tin về người phát biểu tại HNHT; danh sách người nước ngoài tham dự; thông tin về</p>		

				các cơ quan, tổ chức phối hợp; tóm tắt nội dung các bài phát biểu; các giấy tờ khác mà người có thẩm quyền yêu cầu...)		
5	2.002314.000.00.00.H01	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ		Công văn xin chủ trương để đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, trong đó nêu rõ lý do, mục đích, chủ đề, dự kiến thành phần tham dự và dự kiến nguồn kinh phí.		03 năm chưa phát sinh hồ sơ

**9. SỞ NỘI VỤ**

<b>Stt</b>	<b>Stt đơn vị</b>	<b>Mã TTTC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố TTTC</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân</b>	<b>Ghi chú</b>	
<b>I</b>		<b>Lĩnh vực Công chức</b>						
1	1	1.005384.000.00.00.H 01	Thủ tục thi tuyển công chức	233/QĐ-UBND ngày 04/2/2021	Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020.			
2	2	2.002156.000.00.00.H 01	Thủ tục xét tuyển công chức	233/QĐ-UBND ngày 04/2/2021	Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020.			
<b>II</b>		<b>Lĩnh vực Viên chức</b>						
3	1	1.005388.000.00.00.H 01	Thủ tục thi tuyển viên chức	233/QĐ-UBND ngày 04/2/2021	Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 (Ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức)			

4	2	1.005392.000.00.00.H 01	Thủ tục xét tuyển viên chức	233/QĐ- UBND ngày 04/2/2021	Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 (Ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức)		
<b>III.</b>		<b>Lĩnh vực Phi Chính phủ</b>					
5	1	1.003503.000.00.00.H 01	Thủ tục công nhận Ban vận động thành lập Hội	3080/QĐ- UBND ngày 17/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội (theo Mẫu 3 Phụ lục I Thông tư số 03/2013/TT-BNV).</li> <li>- Danh sách và trích ngang của những người dự kiến trong ban vận động thành lập hội.</li> <li>- Đối với nhân sự dự kiến người đứng đầu (Trưởng ban) Ban Vận động thành lập hội thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.</li> </ul>		
6	2	2.001481.000.00.00.H 01	Thủ tục thành lập Hội	3080/QĐ- UBND ngày 17/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thành lập hội (theo Mẫu 4 Phụ lục I Thông tư số 03/2013/TT- BNV);</li> <li>- Dự thảo điều lệ hội (theo Mẫu 9 Phụ lục I Thông tư số 03/2013/TT-BNV);</li> <li>- Danh sách những người trong ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận;</li> </ul>		



					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu ban vận động thành lập hội;</li> <li>- Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở hội;</li> <li>- Bản kê khai tài sản do sáng lập viên tự nguyện đóng góp (nếu có).</li> <li>- Đơn của công dân Việt Nam đăng ký tham gia hội (theo Mẫu 1 Phụ lục I Thông tư số 03/2013/TT-BNV);</li> <li>- Đơn của tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia hội (theo Mẫu 2 Phụ lục I Thông tư số 03/2013/TT-BNV).</li> </ul>		
7	3	1.003960.000.00.00.H 01	Thủ tục phê duyet Điều lệ hội	3080/QĐ- UBND ngày 17/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn báo cáo kết quả đại hội (theo Mẫu 5 Phụ lục 1 Thông tư số 03/2013/TT-BNV).</li> <li>- Điều lệ (theo Mẫu 5 Phụ lục 1 Thông tư số 03/2013/TT-BNV) và biên bản thông qua điều lệ hội;</li> <li>- Biên bản bầu ban lãnh đạo, ban kiểm tra (có danh sách kèm theo) và lý lịch người đứng đầu hội, công văn báo cáo thay đổi chức danh lãnh đạo hội (nếu có);</li> <li>- Chương trình hoạt động của hội;</li> <li>- Nghị quyết đại hội.</li> </ul>		

8	4	2.001688.000.00.00.H 01	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội	3080/QĐ- UBND ngày 17/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị tách hội (theo Mẫu 10 Phụ lục 1 Thông tư số 03/2013/TT-BNV); Đơn đề nghị chia hội (theo Mẫu 11 Phụ lục 1 Thông tư số 03/2013/TT-BNV); Đơn đề nghị sáp nhập hội (theo Mẫu 12 Phụ lục 1 Thông tư số 03/2013/TT- BNV); Đơn đề nghị hợp nhất hội (theo Mẫu 13 Phụ lục 1 Thông tư số 03/2013/TT- BNV).</li> <li>- Nghị quyết đại hội của hội về việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội;</li> <li>- Đề án chia, tách, sáp nhập; hợp nhất hội, trong đề án phải có phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động, phân định chức năng, quyền hạn, lĩnh vực hoạt động và trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện.</li> <li>- Dự thảo điều lệ hội mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội;</li> <li>- Danh sách ban lãnh đạo lâm thời của hội thành lập mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội;</li> <li>- Sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu ban lãnh đạo lâm thời;</li> <li>- Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở của hội hình thành mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội.</li> </ul>		
9	5	2.001678.000.00.00.H 01	Thủ tục đổi tên Hội	3080/QĐ- UBND ngày 17/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi tên;</li> <li>- Nghị quyết đại hội của hội về việc đổi tên hội;</li> </ul>		

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung;</li> <li>- Trường hợp đồng thời có sự thay đổi về ban lãnh đạo hội thì gửi kèm theo biên bản bầu ban lãnh đạo (có danh sách kèm theo), đối với người đứng đầu hội thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BNV.</li> </ul>		
10	6	1.003918.000.00.00.H 01	Thủ tục Hội tự giải thể	3080/QĐ- UBND ngày 17/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị giải thể hội (theo Mẫu 14 Phụ lục 1 Thông tư số 03/2013/TT-BNV).</li> <li>- Nghị quyết giải thể hội;</li> <li>- Bản kê tài sản, tài chính;</li> <li>- Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính, lao động và thời hạn thanh toán các khoản nợ khác.</li> </ul>		
11	7	1.003900.000.00.00.H 01	Thủ tục báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường	3080/QĐ- UBND ngày 17/10/2017	<p><b>Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ;</li> <li>- Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội. Báo cáo kiểm điểm của ban lãnh đạo, ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội;</li> <li>- Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);</li> <li>- Danh sách dự kiến nhân sự ban lãnh đạo, ban kiểm tra, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên ban lãnh đạo, ban kiểm tra hội. Đối với nhân sự dự kiến là</li> </ul>		

				<p>người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, trường hợp nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không cần phiếu lý lịch tư pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội;</li> <li>- Báo cáo số lượng hội viên, trong đó nêu rõ số hội viên chính thức của hội;</li> <li>- Các hội dung khác thuộc thẩm quyền của đại hội theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật (nếu có).</li> </ul> <p><b>Hồ sơ báo cáo đại hội bất thường:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội;</li> <li>- Dự thảo những nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội;</li> <li>- Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội.</li> </ul>		
12	8	1.003858.000.00.00.H 01	Thủ tục cho phép Hội đặt Văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đặt văn phòng đại diện (theo Mẫu 15 Phụ lục 1 Thông tư số 03/2013/TT-</li> </ul>		

			phòng đại diện	3080/QĐ- UBND ngày 17/10/2017	<p>BNV).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự kiến nội dung hoạt động của văn phòng đại diện;</li> <li>- Bản sao có chứng thực các giấy tờ hợp pháp liên quan đến quyền sử dụng nhà, đất nơi dự kiến đặt văn phòng đại diện;</li> <li>- Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hội và điều lệ hội.</li> </ul>		
13	9	1.003822.000. 00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	233/QĐ- UBND ngày 04/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thành lập quỹ (theo Mẫu 1.1, Phụ lục I, Thông tư số 04/2020/TT-BNV);</li> <li>- Dự thảo Điều lệ của quỹ (Điều lệ quỹ xã hội theo Mẫu 1.2, Phụ lục I, Thông tư số 04/2020/TT-BNV; Điều lệ quỹ từ thiện theo Mẫu 1.3, Phụ lục I, Thông tư số 04/2020/TT-BNV).</li> <li>- Bản cam kết đóng góp tài sản thành lập quỹ của các sáng lập viên;</li> <li>- Tài liệu chứng minh tài sản đóng góp để thành lập quỹ;</li> <li>- Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của các thành viên ban sáng lập quỹ, sáng lập viên thành lập quỹ nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;</li> <li>- Bản sao di chúc có chứng thực; Hợp đồng ủy quyền có công chứng (nếu có);</li> </ul>		

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản bầu các chức danh Ban sáng lập quỹ;</li> <li>- Văn bản xác nhận nơi đặt trụ sở của quỹ.</li> </ul>		
14	10	2.001590.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	233/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh việc hoàn tất các thủ tục công bố về việc thành lập quỹ và chuyển quyền sở hữu tài sản đóng góp thành lập quỹ;</li> <li>- Danh sách, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của các thành viên Hội đồng quản lý quỹ, nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ trước khi bầu Hội đồng quản lý quỹ. Trường hợp thành viên Hội đồng quản lý quỹ là người nước ngoài phải cung cấp lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước người đó mang quốc tịch;</li> <li>- Văn bản liên quan đến việc bầu thành viên và các chức danh Hội đồng quản lý quỹ.</li> </ul>		
15	11	2.001567.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	233/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	<p>Văn bản nêu rõ lý do thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ, kèm theo danh sách, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản lý quỹ được bổ sung, nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ trước</p>		

					khí bầu Hội đồng quản lý quỹ.		
16	12	1.003621.000. 00.00.H01	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	233/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (theo Mẫu 1.7, Phụ lục 1, Thông tư số 04/2020/TT-BNV).</li> <li>- Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ nêu rõ lý do về việc xin thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ;</li> <li>- Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung.</li> </ul>		
17	13	1.003916.000. 00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	233/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ		
18	14	1.003950.000. 00.00.H01	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	233/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cho quỹ hoạt động trở lại (theo Mẫu 1.16, Phụ lục 1, Thông tư số 04/2020/TT-BNV).</li> <li>- Báo cáo của Hội đồng quản lý quỹ và các tài liệu chứng minh quỹ đã khắc phục sai phạm</li> </ul>		
19	15	1.003920.000. 00.00.H01	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ, trong đó nêu rõ lý do và tên gọi mới của quỹ (theo mẫu: Đơn đề nghị tách quỹ theo mẫu 1.12; Đơn đề nghị chia quỹ theo mẫu 1.13; Đơn đề nghị hợp nhất quỹ theo mẫu 1.14; Đơn đề nghị sáp nhập quỹ theo mẫu 1.15; Đơn đề nghị mở rộng phạm vi hoạt động quỹ theo Mẫu 1.8 của Phụ lục 1, Thông tư số 04/2020/TT-BNV).</li> </ul>		

				233/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo điều lệ quỹ;</li> <li>- Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ; ý kiến đồng ý bằng văn bản của sáng lập viên hoặc người đại diện hợp pháp của sáng lập viên (nếu có);</li> <li>- Dự kiến nhân sự Hội đồng quản lý quỹ;</li> <li>- Tài liệu chứng minh tài sản đối với quỹ muốn mở rộng phạm vi hoạt động;</li> <li>- Phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ.</li> </ul>		
20	16	1.003879.000.00.00.H01	Thủ tục đổi tên quỹ	233/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đổi tên quỹ (theo Mẫu 1.11, Phụ lục 1, Thông tư số 04/2020/TT-BNV).</li> <li>- Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về việc đổi tên quỹ;</li> <li>- Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung;</li> <li>- Ý kiến đồng ý bằng văn bản của sáng lập viên hoặc người đại diện hợp pháp của sáng lập viên (nếu có).</li> </ul>		
21	17	1.003866.000.00.00.H01	Thủ tục quỹ tự giải thể	233/QĐ-UBND ngày 04/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị giải thể quỹ (theo Mẫu 1.10, Phụ lục 1, Thông tư số 04/2020/TT-BNV).</li> <li>- Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về tự giải thể, trong đó nêu rõ lý do giải thể quỹ;</li> <li>- Bản kiểm kê tài sản, tài chính của quỹ có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ, Trưởng Ban Kiểm tra, Giám đốc và phụ</li> </ul>		



					trách kế toán; - Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính, lao động và thời hạn thanh toán các khoản nợ; - Thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật và thông báo liên tiếp trên 03 số báo viết hoặc báo điện tử ở Trung ương; - Các tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài sản, tài chính của quỹ.		
<b>IV.</b>	<b>Lĩnh vực Văn thư – Lưu trữ</b>						
22	1	2.001540.000.00.00.H 01	Cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ	2694/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	+ Cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ. - Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ; - Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra nghiệp vụ lưu trữ - Giấy xác nhận thời gian làm việc từ 05 năm trở lên trong lĩnh vực lưu trữ của cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc; - Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp chuyên ngành phù hợp từng lĩnh vực hành nghề; - Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú;		

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hai ảnh 2 x 3 cm (chụp trong thời hạn không quá 6 tháng);</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.</li> <li>+ Cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ nộp tại nơi đã cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ cũ;</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề lưu trữ cũ (trừ trường hợp Chứng chỉ bị mất);</li> <li>- Bản sao chứng thực văn bằng, chứng chỉ và Giấy xác nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực liên quan.</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.</li> </ul>		
23	2	1.003649.000.00.00.H 01	Cấp bản sao và chứng thực tài liệu lưu trữ	2694/QĐ- UBND ngày 15/11/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu;</li> <li>- Giấy giới thiệu hoặc văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức nơi công tác (trường hợp cơ quan cử đi);</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;</li> <li>- Phiếu đăng ký sử dụng tài liệu;</li> <li>- Phiếu yêu cầu đọc tài liệu;</li> <li>- Phiếu yêu cầu sao tài liệu;</li> <li>- Phiếu yêu cầu chứng thực tài liệu.</li> </ul>		

24	3	1.003657.000.00.00.H 01	Phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc	2694/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu;</li> <li>- Giấy giới thiệu hoặc văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức nơi công tác (trường hợp cơ quan cử đi);</li> <li>- Thẻ đọc giả;</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả;</li> <li>- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;</li> <li>- Phiếu đăng ký sử dụng tài liệu;</li> <li>- Phiếu yêu cầu đọc tài liệu;</li> <li>- Phiếu yêu cầu sao tài liệu;</li> <li>- Phiếu yêu cầu chứng thực tài liệu.</li> </ul>		
<b>V. Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng</b>							
25	1	1.000681.000.00.00.H 01	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đối ngoại	318/QĐ-UBND ngày 09/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của tập thể cá nhân được đề nghị khen thưởng</li> <li>- Báo cáo thành tích của tập thể cá nhân được đề nghị khen thưởng</li> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trình khen</li> </ul>		
26	2	1.000898.000.00.00.H 01	Thủ tục tặng cờ thi đua cấp tỉnh về thành tích trong phong trào thi đua Cụm , Khối, thi đua chuyên đề	318/QĐ-UBND ngày 09/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của tập thể được đề nghị tặng cờ thi đua cấp tỉnh về thành tích trong phong trào thi đua Cụm , Khối, thi đua chuyên đề</li> <li>- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng cờ thi đua</li> </ul>		

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trình khen</li> <li>- Bảng chấm điểm, xếp hạng đối với Cụm, Khối thi đua</li> </ul>		
27	3	1.000924.000.00.00.H01	Thủ tục tặng chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	318/QĐ-UBND ngày 09/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của các cá nhân được đề nghị tặng chiến sĩ thi đua cấp tỉnh</li> <li>- Báo cáo thành tích của các cá nhân được đề nghị tặng chiến sĩ thi đua cấp tỉnh</li> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trình khen</li> <li>- Quyết định công nhận sáng kiến, giải pháp cấp tỉnh</li> <li>- Quyết định công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở trong 03 năm liên tục</li> </ul>		
28	4	1.000934.000.00.00.H01	Thủ tục tặng cờ thi đua cấp tỉnh		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của tập thể được đề nghị tặng cờ thi đua cấp tỉnh</li> <li>- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng cờ thi đua cấp tỉnh</li> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trình khen</li> <li>- Bảng chấm điểm, xếp hạng thi đua</li> </ul>		
29	5	2.000287.000.00.00.H01	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	318/QĐ-UBND ngày 09/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của tập thể được đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.</li> </ul>		

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trình khen</li> <li>- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc</li> <li>- Quyết định công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở.</li> </ul>		
30	6	2.000418.000.00.00.H 01	Thủ tục tặng Bằng khen cấp tỉnh cho Gia đình	318/QĐ-UBND ngày 09/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của các gia đình được đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh</li> <li>- Báo cáo thành tích của các gia đình được đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh</li> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trình khen</li> <li>- Các hồ sơ minh chứng kèm theo thành tích của gia đình</li> </ul>		
31	7	2.000422.000.00.00.H 01	Thủ tục tặng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đột xuất	318/QĐ-UBND ngày 09/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của các cá nhân và tập thể được đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đột xuất</li> <li>- Báo cáo thành tích của các cá nhân và tập thể được đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đột xuất</li> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trình khen</li> <li>- Các hồ sơ minh chứng liên quan kèm theo</li> </ul>		

32	8	2.000437.000.00.00.H 01	Thủ tục tặng Bằng khen cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề	318/QĐ- UBND ngày 09/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của các cá nhân và tập thể được đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề</li> <li>- Báo cáo thành tích của các cá nhân và tập thể được đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề</li> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trình khen</li> <li>- Các hồ sơ minh chứng liên quan kèm theo</li> </ul>		
33	9	2.000449.000.00.00.H 01	Thủ tục tặng Bằng khen cấp tỉnh	318/QĐ- UBND ngày 09/3/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của các cá nhân và tập thể được đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh</li> <li>- Báo cáo thành tích của các cá nhân và tập thể được đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh</li> <li>- Biên bản họp xét của Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trình khen</li> <li>- Các hồ sơ minh chứng liên quan kèm theo kèm theo thành tích của các cá nhân và tập thể được đề nghị tặng Bằng khen cấp tỉnh</li> </ul>		

## 10.SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú	
<b>I</b>		<b>Thú y</b>						
1	1	1.001686.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề thú y.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.</li> </ul>			
2	2	1.004022.00 0.00.00.H01	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y;</li> </ul>			

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự); Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp);</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi đăng ký quảng cáo có sự tham gia của nước ngoài phải nộp thêm các hồ sơ liên quan đến người nước ngoài như sau:</p> <p>a) Danh sách người nước ngoài (họ tên, quốc tịch);</p> <p>b) Bản sao hộ chiếu (Passport) có chứng thực. Trường hợp nộp trực tiếp là bản sao không có chứng thực, phải xuất trình bản chính để đối chiếu;</p> <p>c) Chương trình hoạt động của người nước ngoài trong thời gian tham gia quảng cáo (nội dung, thời gian, địa điểm làm việc)</p>		



Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					- Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.		
3	3	1.003781.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Cấp Tỉnh)	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn Phụ lục IIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Báo cáo kết quả giám sát;</li> <li>- Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm.</li> <li>- Kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có).</li> <li>- Giấy chứng nhận VietGAHP còn hiệu lực (nếu có).</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.</li> </ul>		
4	4	1.003619.00 0.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả khắc phục các nội dung chưa đạt yêu cầu.</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.</li> </ul>		
5	5	1.003810.00 0.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, Vib ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);</li> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động trong thời hạn ghi tại Giấy chứng nhận, gồm: Số lượng giống xuất, nhập tại cơ sở; sản lượng động vật thương phẩm xuất bán cho mỗi vụ, đợt trong năm; báo cáo kết quả hoạt động thú y tại cơ sở; kết quả phòng bệnh bằng vắc xin;</li> <li>- Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh tại cơ sở kèm theo bản sao kết quả xét nghiệm bệnh của Phòng thử nghiệm được chỉ định, Giấy chứng nhận kiểm dịch;</li> <li>- Kết quả đánh giá định kỳ (nếu có).</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.</li> </ul>		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
6	6	1.003598.00 0.00.00.H01	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT); - Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.		
7	7	1.003589.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	- Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT); - Báo cáo kết quả giám sát; - Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (là kết quả thu mẫu gửi xét nghiệm khi kiểm tra tại vùng). - Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.		
8	8	1.002239.00 0.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	- Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
			bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động duy trì;</li> <li>- Bản sao các kết quả xét nghiệm.</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.</li> </ul>		
9	9	2.002132.00 0.00.00.H01	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p><i>Trường hợp 1: Trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;</li> <li>- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;</li> </ul> <p><i>Trường hợp 2: Trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận VSTY theo Mẫu 01 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.</i></p>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					- Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.		
10	10	2.001064.00 0.00.00.H01	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p><i>Trường hợp 1: Cấp mới:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y;</li> <li>- Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe;</li> <li>- 02 ảnh 4x6;</li> <li>- Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (Đối với người nước ngoài);</li> </ul> <p><i>Trường hợp 1: Gia hạn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe;</li> <li>- 02 ảnh 4x6;</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp (trong trường hợp gia hạn);</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề thú y.</li> </ul>		
11	11	1.005319.00 0.00.00.H01	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký cấp lại;</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.</li> <li>- 02 ảnh 4x6.</li> <li>- Chứng chỉ hành nghề thú y</li> </ul>		
12	12	1.004839.00 0.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT;</li> <li>- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký;</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.</li> </ul>		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
13	13	1.003612.00 0.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT) - giấy đăng ký kinh doanh - Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản		
14	14	1.003577.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT) giấy đăng ký kinh doanh - Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận		
15	15	1.005327.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT) - Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT)		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả giám sát theo quy định</li> <li>- giấy đăng ký kinh doanh</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản</li> </ul>		
<b>II Chăn nuôi</b>							
16	1	1.008126.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1889/QĐ- UBND ngày 27/7/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi);</li> <li>- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất (theo Mẫu số 02.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.</li> <li>- Quy trình kiểm soát chất lượng của cơ sở sản xuất (theo Mẫu số 03.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</li> </ul>		



Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản tóm tắt quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn truyền thống và nguyên liệu đơn.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.</li> </ul>		
17	2	1.008129.00 0.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1889/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (theo Mẫu số 01.TACN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ- CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</li> <li>- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân (tên cơ sở, tên địa chỉ cơ sở sản xuất, địa chỉ trụ sở) trong Giấy chứng nhận.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.</li> </ul>		
18	3	1.008128.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1889/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản thuyết minh về điều kiện chăn nuôi (theo Mẫu số 02.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.</li> </ul>		
19	4	1.008127.00 0.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1889/QĐ- UBND ngày 27/7/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (theo Mẫu số 01.ĐKCN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi).</li> <li>- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đã được cấp.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.</li> </ul>		
<b>III</b>	<b>Khoa học, Công nghệ và Môi trường</b>						

Stt	Stt đo n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
20	1	1.009478.00 0.00.00.H01	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản công bố hợp quy (theo mẫu)</li> <li>- Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân: Báo cáo tự đánh giá gồm các thông tin sau: + Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại; fax + Tên sản phẩm, hàng hóa, nhà sản xuất; + Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật; + Kết quả thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa nhóm 2 theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; + Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật; + Cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng của sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.</li> <li>- Đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ</li> </ul>		

Stt	Stt đo n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định:</p> <p>+ Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy.</p>		
<b>IV Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn</b>							
21	1	1.003486.00 0.00.00.H01	Kiểm tra nhà nước về an toàn muối nhập khẩu	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<p>- Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.</p> <p>- Bản chính 03 (ba) Thông báo kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm muối nhập khẩu được cơ quan kiểm tra đánh giá đạt yêu cầu an toàn thực phẩm sau 03 lần kiểm tra liên tiếp tại các ngày khác nhau đối với lô hàng muối nhập khẩu cùng loại, cùng xuất xứ, cùng nhà sản xuất, cùng người nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt</p>		

Stt	Stt đo n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>(áp dụng đối với phương thức kiểm tra thông thường).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản tự công bố sản phẩm;</li> <li>- Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing List).</li> <li>- Bản sao Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có).</li> <li>- Thông báo thực phẩm đạt/ hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu.</li> </ul>		
22	2	1.003524.00 0.00.00.H01	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy Đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng muối nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng muối nhập khẩu.</li> <li>- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định (trừ trường hợp nhập khẩu muối rời).</li> <li>- Bản sao Hợp đồng mua bán hàng hóa (là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng Anh, nếu là</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>ngôn ngữ khác thì người nhập khẩu phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing List – nếu có).</li> <li>- Bản sao Hóa đơn, Vận đơn có xác nhận của người nhập khẩu.</li> <li>- Bản sao Tờ khai hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của người nhập khẩu.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (nếu có).</li> <li>- Bản sao Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có).</li> <li>- Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</li> </ul>		
23	3	1.003397.00 0.00.00.H01	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	371/QĐ-UBND ngày 05/3/2019	1. Đơn đề nghị của chủ trì liên kết. (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP).		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>2. Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP).</p> <p>3. Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau.</p> <p>4. Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP).</p> <p>5. Bản sao chụp hợp đồng liên kết.</p> <p>6. Biên bản thẩm định.</p> <p>7. Tờ trình trình UBND tỉnh, Quyết định phê duyệt dự án.</p>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
24	4	1.003727.00 0.00.00.H01	Công nhận làng nghề truyền thống	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống (có xác nhận của UBND cấp xã).</li> <li>2. Bản sao giấy chứng nhận huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh trở lên trao tặng (nếu có).</li> <li>3. Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa, dân tộc của nghề truyền thống.</li> <li>4. Bản sao giấy công nhận Nghệ nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).</li> <li>5. Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn.</li> <li>6. Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất.</li> </ol>		



Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>7. Phương án bảo vệ môi trường làng nghề (Phụ lục 2 Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).</p> <p>8. Biên bản thẩm tra địa bàn làng nghề</p> <p>9. Biên bản họp Hội đồng</p> <p>10. Công văn góp ý của các cơ quan có liên quan.</p> <p>11. Tờ trình trình UBND tỉnh, Quyết định và bằng công nhận làng nghề truyền thống công nhận.</p>		
25	5	1.003712.00 0.00.00.H01	Công nhận nghề truyền thống	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<p>1. Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống, có xác nhận của UBND cấp xã.</p> <p>2. Bản sao có công chứng các giấy chứng nhận, huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh, thành phố trở lên trao tặng (nếu có). Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì</p>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa, dân tộc của nghề truyền thống.</p> <p>3. Biên bản thẩm tra địa bàn nghề truyền thống.</p> <p>4. Biên bản họp Hội đồng.</p> <p>5. Công văn góp ý của các cơ quan có liên quan.</p> <p>6. Bản sao giấy công nhận nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).</p> <p>7. Tờ trình trình UBND tỉnh, Quyết định công nhận và bằng công nhận nghề truyền thống.</p>		
26	6	1.003695.00 0.00.00.H01	Công nhận làng nghề	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p>1. Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất.</p> <p>2. Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn (có chữ ký của từng hộ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã).</p> <p>3. Phương án bảo vệ môi trường làng nghề (theo mẫu Phụ lục 02 Thông tư số</p>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>31/2016/TT-BNTMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).</p> <p>4. Biên bản thẩm tra địa bàn làng nghề.</p> <p>5. Biên bản họp Hội đồng</p> <p>6. Công văn góp ý của các cơ quan có liên quan.</p> <p>7. Tờ trình trình UBND tỉnh, Quyết định công nhận và bằng công nhận làng nghề.</p>		
27	7	1.003327.00 0.00.00.H01	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p>1. Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư ban hành kèm theo Phụ lục III của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT.</p> <p>2. Tờ trình của UBND cấp huyện.</p> <p>3. Tờ trình trình UBND tỉnh, Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư của UBND tỉnh nơi đi.</p> <p>4. Công văn đề nghị UBND tỉnh nơi đến phối hợp và ra Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án.</p> <p>5. Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án của UBND tỉnh nơi đến.</p>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					6. Biên bản giao nhận số hộ tham gia dự án (phương án).		
V	Bảo hiểm						
28	1	2.002169.00 0.00.00.H01	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p>1. Đơn đề nghị chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (Phụ lục 5 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018).</p> <p>2. Bảng kê (kèm theo bản sao) hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đã ký kết với tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.</p> <p>3. Biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị.</p> <p>4. Tờ trình trình UBND tỉnh, Quyết định chi trả phí BHNN của UBND tỉnh hoặc Thông báo từ chối chi trả phí BHNN của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>5. Lệnh chi tiền cho doanh nghiệp qua Kho bạc nhà nước tỉnh.</p> <p>6. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh thực hiện chuyển tiền về tài khoản của doanh nghiệp bảo hiểm mở tại các ngân hàng thương mại.</p>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					7. Văn bản thông báo của Sở Tài chính về việc chưa hoàn thành việc chi trả cho doanh nghiệp bảo hiểm và nêu rõ lý do.		
29	2	1.005411.00 0.00.00.H01	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p>1. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm: Văn bản thông báo các trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp.</p> <p>2. Đối với cá nhân sản xuất nông nghiệp: Thông báo bằng văn bản theo mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.</p> <p>3. Biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị.</p> <p>4. Tờ trình trình UBND tỉnh, Quyết định của UBND cấp tỉnh chuyển trả cho doanh nghiệp bảo hiểm hoặc yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm chuyển trả lại ngân sách nhà nước phí bảo hiểm.</p> <p>5. Lệnh chi tiền cho doanh nghiệp bảo hiểm qua Kho bạc Nhà nước.</p> <p>6. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh thực hiện chuyển tiền về tài khoản của doanh nghiệp bảo hiểm mở tại các ngân hàng thương mại hoặc ngược lại doanh nghiệp bảo hiểm đến</p>		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					trực tiếp Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh để thực hiện thủ tục hoàn trả lại ngân sách nhà nước.		
VI	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản						
30	1	2.001827.00 0.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.</li> <li>- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT, kèm sơ đồ bố trí mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.</li> </ul>		
31	2	2.001823.00 0.00.00.H01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.</li> <li>- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT,</li> </ul>		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					kèm sơ đồ bố trí mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. - Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.		
32	3	2.001819.00 0.00.00.H01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. - Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.		
VII	Bảo vệ thực vật						
33	1	1.004346.00 0.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).</p> <p>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.</p>		
34	2	1.004509.00 0.00.00.H01	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015) của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);</p> <p>- Bản photo Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật (khi nộp hồ sơ phải mang theo bản chính để xuất trình cho cán bộ tiếp nhận hồ sơ);</p> <p>- Một trong các giấy tờ sau (bản sao chứng thực của UBND cấp xã hoặc Phòng Tư</p>		



Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>pháp cấp huyện: hợp đồng cung ứng hoặc hợp đồng vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật; hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật; bản kê khai vận chuyển hàng hóa của công ty (có xác nhận và dấu của công ty);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch trình vận chuyển hàng hóa, địa chỉ và điện thoại của chủ hàng (có xác nhận và dấu của công ty);</li> <li>- Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật.</li> </ul>		
35	3	1.004493.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015);</li> <li>- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật;</li> <li>- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự);</li> <li>- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>danh khoa học của báo cáo viên (đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao).</p> <p>- Tổ chức, cá nhân khi đăng ký quảng cáo có sự tham gia của nước ngoài phải nộp thêm các hồ sơ liên quan đến người nước ngoài như sau:</p> <p>a) Danh sách người nước ngoài (họ tên, quốc tịch);</p> <p>b) Bản sao hộ chiếu (Passport) có chứng thực. Trường hợp nộp trực tiếp là bản sao không có chứng thực, phải xuất trình bản chính để đối chiếu;</p> <p>c) Chương trình hoạt động của người nước ngoài trong thời gian tham gia quảng cáo (nội dung, thời gian, địa điểm làm việc).</p> <p>- Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuộc</p>		
36	4	1.004363.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.</li> </ul>		
37	5	1.007931.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (theo Mẫu số 8 tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP).</li> <li>- Bản chụp văn bản chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học của người trực tiếp buôn bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt.</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.		
38	6	1.007932.00 0.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p>a) Trường hợp giấy chứng nhận bị hư hỏng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 08 tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp (trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng).</li> </ul> <p>b) Trường hợp thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được sửa đổi;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp</li> </ul> <p>c) Trường hợp thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón</p>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Bản chụp văn bản chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học của người trực tiếp buôn bán phân bón.</li> <li>- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón</li> </ul>		
39	7	1.007933.00 0.00.00.H01	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phân bón theo Mẫu số 20 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;</li> <li>- Bản sao hợp lệ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam;</li> <li>- 02 kịch bản quảng cáo và file điện tử ghi âm, ghi hình hoặc bản thiết kế phù hợp với loại hình và phương thức quảng cáo (trừ</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện);</p> <p>- Đối với quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện phải có: chương trình (ghi rõ nội dung); thời gian; địa điểm tổ chức; nội dung bài báo cáo và tài liệu phát cho người dự; bảng kê tên, chức danh, trình độ chuyên môn của báo cáo viên.</p> <p>- Giấy xác nhận nội dung quảng cáo phân bón.</p>		
40	8	1.003984.00 0.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p>- Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT).</p> <p>- Bản sao chụp giấy CMND.</p> <p>- Danh sách hàng hóa (số lượng, bao bì,...).</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh bag vận chuyển nội địa (theo Mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</p>		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
VII I	Trồng trọt						
41	1	1.008003.00 0.00.00.H01	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng (theo Mẫu số 01.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019).</li> <li>- Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng (theo Mẫu số 02.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019; báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 03.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ- CP ngày 13/12/2019).</li> <li>- Hồ sơ phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Văn bản đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng.</li> <li>- Quyết định về việc công nhận cây đầu dòng (Mẫu số 04.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ- CP ngày 13/12/2019).</li> </ul>		
IX	Thủy lợi						

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
42	1	1.003232.00 0.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa nước;</li> <li>- Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước;</li> <li>- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;</li> <li>- Bản đồ hiện trạng công trình;</li> <li>- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;</li> <li>- Các tài liệu liên quan khác kèm theo.</li> </ul>		
43	2	1.003221.00 0.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt;</li> <li>- Dự thảo đề cương kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi;</li> <li>- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).</li> </ul>		
44	3	1.003211.00 0.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;</li> <li>- Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;</li> <li>- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;</li> </ul>		



Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;</li> <li>- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).</li> </ul>		
45	4	1.003203.00 0.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt;</li> <li>- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;</li> <li>- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;</li> <li>- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;</li> <li>- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).</li> </ul>		
46	5	1.003188.00 0.00.00.H01	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước;</li> <li>- Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước;</li> <li>- Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất;</li> <li>- Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy trình về phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu giữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa nước; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ;</li> <li>- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình;</li> <li>- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi âm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa nước;</li> <li>- Bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa nước xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố;</li> <li>- Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án;</li> <li>- Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.</li> </ul>		
47	6	2.001804.00 0.00.00.H01	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị phê duyệt của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới</li> <li>- Bản sao chụp Quyết định giao cho tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi</li> </ul>		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
			trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý		<p>hoặc hợp đồng khai thác công trình thủy lợi;</p> <p>- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của công trình thủy lợi;</p> <p>- Thuyết minh hồ sơ phương án cắm mốc chỉ giới (<i>Căn cứ lập hồ sơ phương án cắm mốc chỉ giới; Đánh giá hiện trạng khu vực cắm mốc chỉ giới; Số lượng mốc chỉ giới cần cắm, phương án định vị mốc chỉ giới, khoảng cách các mốc chỉ giới, các mốc tham chiếu (nếu có); Phương án huy động nhân lực, vật tư, liệu, thi công, giải phóng mặt bằng; Tiến độ cắm mốc, bàn giao mốc chỉ giới, kinh phí thực hiện; Tổ chức thực hiện</i>); Bản vẽ phương án cắm mốc chỉ giới thể hiện phạm vi bảo vệ công trình, vị trí, tọa độ của các mốc chỉ giới trên nền bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi.</p>		
48	7	1.003867.00 0.00.00.H01	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành được lập theo mẫu 04 Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo quy trình vận hành công trình theo mẫu 02 Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018;</li> <li>- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;</li> <li>- Văn bản góp ý kiến của các tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức khai thác công trình thủy lợi, cơ quan, đơn vị liên quan;</li> <li>- Bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi.</li> </ul>		
49	8	1.003870.00 0.00.00.H01	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo mẫu (<i>Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018</i>).</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp.</li> <li>- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.</li> </ul>		
50	9	1.003921.00 0.00.00.H01	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách,	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
			hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh				
51	10	1.003893.00 0.00.00.H01	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	Đơn đề nghị và tài liệu chứng minh việc thay đổi tên chủ giấy phép do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức (không có mẫu đơn).		
52	11	2.001426.00 0.00.00.H01	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (<i>Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018</i>)</li> <li>- Bản vẽ thiết kế thi công bổ sung hoặc Dự án đầu tư bổ sung</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp</li> <li>- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi</li> </ul>		
53	12	2.001401.00 0.00.00.H01	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: trồng cây	2386/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo mẫu ( <i>Phụ lục III ban hành</i>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
			lâu năm, hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	ngày 18/10/2021	<i>kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018</i> ; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp; - Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.		
54	13	2.001796.00 0.00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu ( <i>Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018</i> ). - Dự án đầu tư được phê duyệt; - Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép; - Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi; - Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.		
55	14	2.001795.00 0.00.00.H01	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu ( <i>Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018</i> ). - Bản sao hộ chiếu nổ mìn;		

Stt	Stt đo n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;</li> <li>- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.</li> </ul>		
56	15	2.001791.00 0.00.00.H01	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (<i>Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018</i>).</li> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;</li> <li>- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp.</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
57	16	2.001793.00 0.00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (<i>Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018</i>).</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cơ giới đường bộ; phương tiện đường thủy nội địa;</li> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;</li> <li>- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi.</li> </ul>		
58	17	1.004385.00 0.00.00.H01	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (<i>Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018</i>).</li> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;</li> <li>- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi.</li> </ul>		



Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
59	18	1.004427.00 0.00.00.H01	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu (<i>Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018</i>);</li> <li>- Bản vẽ thiết kế thi công, thuyết minh thiết kế;</li> <li>- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;</li> <li>- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp.</li> </ul>		
60	19	1.003880.00 0.00.00.H01	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo mẫu (<i>Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018</i>);</li> <li>- Bản vẽ thiết kế thi công bổ sung hoặc Dự án đầu tư bổ sung;</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.</li> </ul>		
X	Phòng, chống thiên tai						
61	1	1.008408.00 0.00.00.H01	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ (nội dung tại Phụ lục I Nghị định 50/2020/NĐ-CP);</li> <li>- Văn bản của Bên viện trợ thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo);</li> <li>- Các tài liệu khác liên quan đến khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.</li> </ul>		
62	2	1.008409.00 0.00.00.H01	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản trình phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan Chủ khoản viện trợ;</li> <li>- Văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai (thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ);</li> <li>- Dự thảo Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai theo</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú	
					mẫu Phụ lục II của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP			
63	3	1.008410.00 0.00.00.H01	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản trình phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan Chủ khoản viện trợ;</li> <li>- Văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai (thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ);</li> <li>- Dự thảo Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai theo mẫu Phụ lục II của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP</li> </ul>			
XI	Thủy sản							
64	1	1.004923.00 0.00.00.H01	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý theo Mẫu số 02.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> </ul>			

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>-Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 03.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</li> <li>-Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>-Bản chính biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng</li> </ul>		
65	2	1.004921.00 0.00.00.H01	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đơn đề nghị theo Mẫu số 07.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>-Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao</li> <li>- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo quy chế mới đối với trường hợp sửa</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính biên bản họp của tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng</li> </ul>		
66	3	1.004694.00 0.00.00.H01	Công bố mở cảng cá loại 2	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 09.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Văn bản cho phép đầu tư xây dựng cảng cá</li> <li>- Nội quy, phương án khai thác cảng cá của cảng cá (bản chụp)</li> <li>- Quyết định thành lập Tổ chức quản lý cảng cá (bản chụp);</li> <li>- Biên bản nghiệm thu công trình cảng cá đã hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công</li> <li>- Thông báo hàng hải về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng</li> </ul>		

Stt	Stt đo n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường</li> <li>- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy</li> <li>- Quyết định công bố mở cảng cá.</li> </ul>		
67	4	1.004697.00 0.00.00.H01	Cấp, Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Bản thuyết minh điều kiện cơ sở theo Mẫu số 02.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đã cấp</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá</li> </ul>		
68	5	1.004359.00 0.00.00.H01	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	2386/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 02.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				ngày 18/10/2021	26/2019/NĐ-CP (đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác thủy sản). - Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (đối với trường hợp cấp lại giấy phép khai thác thủy sản) - . Bản chính giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp, trong trường hợp thay đổi thông tin trong giấy phép - kết quả: Giấy chứng nhận giấy phép khai thác thủy sản		
69	6	1.004656.00 0.00.00.H01	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đăng ký xác nhận nguồn gốc theo Mẫu 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP. - Hợp đồng mua, bán, cho, tặng có công chứng tại thời điểm mua, bán, cho, tặng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân không phải là người trực tiếp khai thác - Giấy xác nhận nguồn gốc		
70	7	1.003586.00 0.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	404/QĐ- UBND ngày 07/3/2022	- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT.		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và trình bản chính hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng.</li> <li>-Bản sao có chứng thực các giấy tờ đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: văn bản cho phép nhập khẩu hoặc thuê tàu trần, giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp tàu cá đã qua sử dụng, hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới,</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với chủ tàu là cá nhân.</li> <li>-Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá.</li> </ul>		
71	8	1.003634.00 0.00.00.H01	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	404/QĐ- UBND ngày 07/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT.</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản cũ, trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do</li> </ul>		



Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân của chủ tàu</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá</li> </ul>		
72	9	1.003650.00 0.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	404/QĐ- UBND ngày 07/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT.</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT(đối với tàu đóng mới)</li> <li>- Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT(đối với tàu cải hoán)</li> <li>- Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định</li> </ul>		

Stt	Stt đo n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ(trường hợp cấp lại do rách, hư hỏng)</li> <li>- Văn bản chấp thuận mua, bán tàu cá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương( đối với tàu mua bán)</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký</li> <li>- Bản sao có chứng thực văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền</li> <li>- Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân của chủ tàu</li> <li>- kết quả: giấy chứng nhận đăng ký tàu cá</li> </ul>		
73	10	1.003681.00 0.00.00.H01	Xóa đăng ký tàu cá	404/QĐ- UBND ngày 07/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT.</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do.</li> <li>- Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân của chủ tàu</li> </ul>		

Stt	Stt đo n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					-Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá		
74	11	1.004056.00 0.00.00.H01	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	- Đơn đề nghị hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu của chủ tàu có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường nơi chủ tàu có hộ khẩu thường trú  - Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân của chủ tàu.  - Bản sao các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và Giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu khai thác hải sản; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ.  -		
75	12	1.003666.00 0.00.00.H01	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	- Bản sao Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng theo mục B Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT- BNNPTNT  -Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT- BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường châu Âu hoặc theo Mẫu số		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường các nước thuộc Ủy ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ Đại Tây Dương hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin bổ sung cho sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá Việt Nam và Thông tin vận tải theo Mẫu số 02a, 02b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT</li> <li>- Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác đã ký và đóng dấu</li> </ul>		
76	13	1.004918.00 0.00.00.H01	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 26/2019</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 02.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 26/2019</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản</li> </ul>		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
77	14	1.004915.00 0.00.00.H01	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	128/QĐ- UBND ngày 24/01/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 11.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 26/2019/NĐ-CP (đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận và trường hợp cấp lại)</li> <li>- Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 12.NT ban hành kèm theo Phụ lục III số 26/2019/NĐ-CP (đối với trường hợp Giấy chứng nhận)</li> <li>- Giấy đăng ký kinh doanh</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản</li> </ul>		
78	15	1.004913.00 0.00.00.H01	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	404/QĐ- UBND ngày 07/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 23.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản</li> <li>- Sơ đồ vị trí đặt lồng bè/Sơ đồ khu vực nuôi</li> <li>- Giấy đăng ký kinh doanh</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản		
79	16	1.004680.00 0.00.00.H01	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký xác nhận nguồn gốc theo Mẫu số 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp hoặc loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm khai thác từ tự nhiên đối với trường hợp sử dụng cá thể có nguồn gốc từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo</li> <li>- Tài liệu chứng minh cá thể có nguồn gốc từ sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật trong trường hợp sử dụng cá thể có nguồn gốc từ sau xử lý tịch thu để nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo</li> <li>- Tài liệu nhập khẩu mẫu vật đối với trường hợp sử dụng mẫu vật có nguồn gốc từ nhập khẩu để nuôi sinh trưởng, nuôi sinh sản và trồng cây nhân tạo.</li> <li>- Sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây nhân tạo đối với loài</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Mẫu số 33.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</p> <p>- Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục công ước về buôn bán quốc tế động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản</p>		
80	17	1.004692.00 0.00.00.H01	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<p>- Đơn đăng ký theo Mẫu số 26.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.</p> <p>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản hoặc giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản</p> <p>- Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở</p> <p>- Giấy đăng ký kinh doanh</p> <p>- giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực</p>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
XII	Lâm nghiệp						
81	1	1.007918.00 0.00.00.H01	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019;</li> <li>2. Thuyết minh thiết kế được lập theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019;</li> <li>3. Bản đồ thiết kế: xây dựng trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000 với tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000. Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ áp dụng TCVN 11566:2016 về bản đồ quy hoạch lâm nghiệp;</li> <li>4. Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc kế hoạch vốn được giao đối với hoạt động sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các tài liệu khác có liên quan;</li> <li>5. Dự toán công trình lâm sinh được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019.</li> </ol>		



Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					6. Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh.		
82	2	1.007917.00 0.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án trồng rừng thay thế</li> <li>- Đề nghị phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế</li> <li>- Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tài liệu khác có liên quan (nếu có);</li> <li>- Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác</li> </ul>		
83	3	1.007916.00 0.00.00.H01	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của Chủ dự án đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế;</li> <li>- Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</li> <li>- Báo cáo về diện tích, hiện trạng rừng (theo mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành, chủ quản lý) dự kiến chuyển mục đích sử dụng; các tài liệu khác có liên quan (nếu có);</li> </ul>		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					- Quyết định Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh		
84	4	1.004815.00 0.00.00.H01	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	128/QĐ- UBND ngày 24/01/2021	- Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng theo Mẫu số 03 quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ. - Bản chính phương án nuôi theo Mẫu số 06, phương án trồng theo Mẫu số 07 quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ. - Mã số cơ sở nuôi, trồng hoặc văn bản từ chối cấp mã số cơ sở nuôi, trồng.		
85	5	1.000084. 000.00.00. H01	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	- Tờ trình của chủ rừng (bản chính); - Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 (bản chính). - Quyết định phê duyệt Đề án		
86	6	1.000081. 000.00.00. H01	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	1. Tờ trình của chủ rừng. 2. Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018.		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					3. Quyết định phê duyệt Đề án		
87	7	3.000159.00 0.00.00.H01	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p>1. Bản chính Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.</p> <p>2. Bản chính Bảng kê gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 05 hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.</p> <p>3. Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam hoặc bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác trong nước theo quy định của NN&amp;PTNT về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (Thông tư số 27/2018/TT-BNNTPT ngày 16/11/2018).</p> <p>4. Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh trên Bảng kê gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái</p>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					xuất hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất.		
88	8	3.000152.00 0.00.00.H01	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p>Thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị của chủ đầu tư.</li> <li>2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</li> <li>3. Văn bản thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các cơ quan liên quan.</li> <li>4. Văn bản xin ý kiến các Sở, ngành của Sở Nông nghiệp và PTNT và các văn bản góp ý của các Sở, ngành</li> <li>5. Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ngành</li> <li>6. Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh</li> <li>7. Tờ trình của UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ</li> <li>8. Văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</li> <li>9. Quyết định phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</li> </ol>		

Stt	Stt đo n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý</p> <p>10. Quyết định phê duyệt chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>11. Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác</p>		
89	9	1.000071. 000.00.00. H01	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<p>1. Văn bản đề nghị hỗ trợ.</p> <p>2. Văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án (bản sao có công chứng).</p> <p>3. Quyết định phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án.</p>		
90	10	1.000065.00 0.00.00.H01	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị của chủ rừng</li> <li>- Phương án chuyển loại rừng.</li> <li>- Quyết định phê duyệt chuyển loại rừng của UBND tỉnh</li> </ul>		
91	11	1.000058.00 0.00.00.H01	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị miễn, giảm của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng</li> <li>- Bản kê tổn thất, thiệt hại về vốn và tài sản</li> </ul>		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
			địa giới hành chính của một tỉnh)		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao chụp quyết định giải thể hoặc phá sản (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật</li> <li>- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra của Sở Nông nghiệp và PTNT</li> <li>- Biên bản xác minh của Đoàn kiểm tra</li> <li>- Báo cáo xác minh của Đoàn kiểm tra</li> <li>- Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh</li> <li>- Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh</li> </ul>		
92	12	1.000055.00 0.00.00.H01	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tờ trình của chủ rừng đề nghị phê duyệt phương án</li> <li>2. Phương án quản lý rừng bền vững</li> <li>3. Văn bản lấy ý kiến của các Sở, ngành có liên quan của Sở Nông nghiệp và PTNT</li> <li>4. Báo cáo tổng hợp của Sở Nông nghiệp và PTNT về ý kiến góp ý của các Sở, ngành</li> <li>6. Quyết định phê duyệt Phương án của UBND tỉnh</li> </ol>		
93	13	1.000052.00 0.00.00.H01	Công nhận nguồn giống cây trồng Lâm nghiệp	288/QĐ-UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp</li> </ol>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				ngày 17/02/2022	2. Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống 3. Quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp		
94	14	1.000047.00 0.00.00.H01	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	1. Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên 2. Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính (nếu có) 3. Hồ sơ nguồn gốc lâm sản (Mẫu số theo đôi 16,17)		
95	15	1.000045.00 0.00.00.H01	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp Tỉnh)	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	1. Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 04 kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản		
96	16	3.000160.00 0.00.00.H01	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	862/QĐ- UBND ngày 27/4/2022	1. Bản chính Bảng kê khai phân loại DN chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP.		
XII I	Nông nghiệp						

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
97	1	1.003618.00 0.00.00.H01	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin đăng ký thực hiện hoạt động khuyến nông;</li> <li>- Dự toán kinh phí thực hiện;</li> <li>- Lý lịch cá nhân/ tổ chức đăng ký tham gia:</li> </ul> <p>Tổ chức, cá nhân khi đăng ký thực hiện hoạt động khuyến nông có sự tham gia của nước ngoài phải nộp thêm các hồ sơ liên quan đến người nước ngoài như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Danh sách người nước ngoài (họ tên, quốc tịch);</li> <li>b) Bản sao hộ chiếu (Passport) có chứng thực. Trường hợp nộp trực tiếp là bản sao không có chứng thực, phải xuất trình bản chính để đối chiếu;</li> <li>c) Chương trình hoạt động của người nước ngoài trong thời gian tham gia (nội dung, thời gian, địa điểm làm việc).</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương</li> </ul>		
98	2	1.003388.00 0.00.00.H01	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	2386/QĐ- UBND ngày 18/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo mẫu 01 quy định tại Phụ lục 1 ban hành</li> </ul>		



Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được cấp;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ doanh nghiệp đã được cấp (nếu có) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư được cấp (nếu có).</li> <li>- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 2 theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 19/2018/QĐ-TTg; các minh chứng cho các nội dung thuyết minh gồm: Bản sao báo cáo Tài chính của doanh nghiệp 02 năm liền kề trước khi đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; bản sao các hợp đồng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, mua vật tư thiết bị phục vụ đổi mới công nghệ, sản phẩm... của Doanh nghiệp; bản sao hợp đồng lao động, bằng cấp của lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên đang trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển tại doanh nghiệp; bản sao Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn còn</li> </ul>		

Stt	Stt đ n vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>hiệu lực của sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất; bản sao văn bản minh chứng về bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền cấp.</p> <p>- Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao</p>		
99	3	1.003371.00 0.00.00.H01	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	2386/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	<p>- Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018;</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được cấp;</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ doanh nghiệp đã được cấp (nếu có) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư được cấp (nếu có).</p> <p>- Bản thuyết minh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018. Thuyết minh cần tập trung vào đánh giá kết quả hoạt động công nghệ cao trong 5 năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.</p>		

Stt	Stt đơn vị	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					- Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		

**11.SỞ TÀI CHÍNH**

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
1	1.005434.000.00.00.H01	Mua quyền hóa đơn	2167/QĐ-UBND	- Các văn bản, giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao. - Giấy giới thiệu kèm theo công văn đề nghị mua hóa đơn do người đứng đầu cơ quan ký, đóng dấu: 01 bản chính;		Quản lý công sản	
2	1.005435.000.00.00.H01	Mua hóa đơn lẻ	2167/QĐ-UBND	- Giấy giới thiệu kèm theo công văn đề nghị mua hóa đơn bán tài sản công do người đứng đầu cơ quan ký, đóng dấu: 01 bản chính; - Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao; - Các văn bản, giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao		Quản lý công sản	
3	2.002173.000.00.00.H01	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	998/QĐ-UBND	- Văn bản đề nghị hoàn trả hoặc khấu trừ: 01 bản chính; - Quyết định hoặc văn bản chấp thuận đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao. - Hợp đồng hoặc giấy tờ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm nhận chuyển nhượng: 01 bản sao; - Giấy tờ, hóa đơn chứng minh số tiền đã nộp tiền vào ngân sách khi được		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc giấy tờ, biên lai đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác mà diện tích đất đó được sử dụng để xây dựng nhà ở xã hội: 01 bản sao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hoàn trả hoặc khấu trừ: 01 bản chính;</li> <li>- Quyết định hoặc văn bản chấp thuận đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao;</li> <li>- Danh sách người lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã được bố trí nhà ở có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nhà ở: 01 bản sao;</li> <li>- Hợp đồng hoặc giấy tờ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm nhận chuyển nhượng: 01 bản sao;</li> <li>- Giấy tờ, hóa đơn chứng minh số tiền đã nộp tiền vào ngân sách khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc giấy tờ, biên lai đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác mà diện</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tích đất đó được sử dụng để xây dựng nhà ở xã hội: 01 bản sao.			
4	1.005428.000.00.00.H01	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công: 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản đề nghị xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</li> <li>- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (chủng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;</li> <li>- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại (nếu có): 01 bản sao.</li> </ul>		Quản lý công sản	
5	1.005427.000.00.00.H01	Quyết định tiêu hủy tài sản công	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị tiêu hủy tài sản công của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó nêu rõ hình thức tiêu hủy, trách nhiệm tổ chức tiêu hủy tài sản, dự kiến kinh phí tiêu hủy): 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản đề nghị tiêu hủy tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</li> <li>- Danh mục tài sản đề nghị tiêu hủy (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế</li> </ul>		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				toán; lý do tiêu hủy): 01 bản chính; - Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị tiêu hủy tài sản (nếu có): 01 bản sao.			
6	1.005426.000.00.00.H01	Quyết định thanh lý tài sản công	2167/QĐ-UBND	- Văn bản đề nghị thanh lý tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính; - Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do thanh lý): 01 bản chính; - Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có liên quan về tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa (đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được): 01 bản sao; - Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị thanh lý tài sản (nếu có): 01 bản sao - Văn bản đề nghị thanh lý tài sản công của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó nêu rõ trách nhiệm tổ chức thanh lý tài sản; dự toán chi phí sửa chữa tài sản trong trường hợp xác định việc		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				sửa chữa không hiệu quả): 01 bản chính;			
7	1.006218.000.00.00.H01	Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	2139/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.</li> <li>- Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.</li> <li>- Hợp đồng tặng cho tài sản trong trường hợp chuyển giao dưới hình thức tặng cho và theo quy định của pháp luật phải lập thành hợp đồng: 01 bản sao.</li> <li>- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): 01 bản sao.</li> </ul>		Quản lý công sản	
8	1.006216.000.00.00.H01	Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2139/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thanh toán chi phí của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tổng chi phí liên quan đến bán tài sản đề nghị được thanh toán; thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;</li> <li>- Quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất</li> </ul>		Quản lý công sản	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;</p> <p>- Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao. Riêng chi phí hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân đã bố trí làm nhà ở trong khuôn viên cơ sở nhà đất (nếu có) thì hồ sơ phải có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng nơi có cơ sở nhà, đất (tổ chức dịch vụ công về đất đai hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện) phê duyệt theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p>			
9	1.005415.000.00.00.H01	Thủ tục Điều chuyển tài sản là hệ thống điện được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước sang ngành điện quản lý	734/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản: 01 bản chính;</li> <li>- Công văn đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</li> <li>- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01a tại Phụ lục</li> </ul>		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ban hành kèm theo Quyết định 41/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính;</p> <p>- Các tài liệu có liên quan đến tài sản (nếu có): 01 bản sao.</p> <p>- Công văn đề nghị điều chuyển tài sản của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản chính;</p> <p>- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 41/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính;</p> <p>- Công văn đề nghị tiếp nhận tài sản của Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 01 bản chính;</p> <p>- Các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.</p>			
10	1.005436.000.00.00.H01	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản	2167/QĐ-UBND	<p>- Đơn đăng ký bên bán, cho thuê, chuyển nhượng (do Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công tạo ra trong quá trình đăng ký trên Hệ thống): 01 bản chính;</p> <p>- Quyết định thành lập: 01 bản sao.</p>		Quản lý công sản	
11	1.005437.000.00.00.H01	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản	2167/QĐ-UBND	<p>- Đơn đăng ký bên mua, thuê (do Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công tạo ra trong quá trình đăng ký trên Hệ thống): 01 bản chính;</p>		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật (trong trường hợp bên mua là doanh nghiệp): 01 bản sao;</li> <li>- Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (trong trường hợp bên mua là cá nhân): 01 bản sao. Trường hợp cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công truy xuất được dữ liệu về người mua từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì không phải gửi kèm giấy tờ này.</li> </ul>			
12	1.005432.000.00.00.H01	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan chủ quản dự án (kèm theo danh mục tài sản đề nghị xử lý): 01 bản chính;</li> <li>- Báo cáo của Ban quản lý dự án (kèm theo danh mục tài sản đề nghị xử lý): 01 bản sao;</li> <li>- Biên bản kiểm kê tài sản: 01 bản sao;</li> <li>- Văn kiện dự án: 01 bản sao;</li> <li>- Hồ sơ, giấy tờ khác liên quan đến việc xử lý tài sản: 01 bản sao.</li> </ul>		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
13	1.005433.000.00.00.H01	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan chủ quản dự án (kèm theo danh mục tài sản đề nghị xử lý): 01 bản chính;</li> <li>- Báo cáo của Ban quản lý dự án (kèm theo danh mục tài sản đề nghị xử lý): 01 bản sao;</li> <li>- Biên bản kiểm kê tài sản: 01 bản sao;</li> <li>- Văn kiện dự án: 01 bản sao;</li> <li>- Hồ sơ, giấy tờ khác liên quan đến việc xử lý tài sản: 01 bản sao</li> </ul>		Quản lý công sản	
14	1.005430.000.00.00.H01	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị của đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị phê duyệt đề án: 01 bản chính;</li> <li>- Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê: 01 bản;</li> <li>- Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập: 01 bản sao;</li> <li>- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.</li> </ul>		Quản lý công sản	
15	1.005431.000.00.00.H01	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án của đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên</li> </ul>		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>kết: 01 bản chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề án sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết của đơn vị: 01 bản gửi xin ý kiến thẩm định và 01 bản đã chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định.</li> <li>- Văn bản thẩm định của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;</li> <li>- Báo cáo quá trình tiếp thu ý kiến thẩm định: 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị: 01 bản sao;</li> <li>- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao</li> </ul>			
16	1.005429.000.00.00.H01	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;</li> <li>- Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;</li> <li>- Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được</li> </ul>		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				duyet; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.			
17	1.005425.000.00.00.H01	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hủy bỏ quyết định bán đấu giá của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản (trong đó nêu rõ lý do đấu giá không thành và mô tả đầy đủ quá trình tổ chức đấu giá): 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản đề nghị hủy bỏ quyết định bán đấu giá của các cơ quan quản lý cấp trên có liên quan (nếu có): 01 bản chính;</li> <li>- Quyết định bán đấu giá tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;</li> <li>- Biên bản bán đấu giá tài sản (nếu có) và các hồ sơ liên quan đến quá trình tổ chức đấu giá tài sản: 01 bản sao.</li> </ul>		Quản lý công sản	
18	1.005423.000.00.00.H01	Quyết định bán tài sản công	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị bán tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó nêu rõ hình thức bán, trách nhiệm tổ chức bán tài sản, việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản): 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản đề nghị bán tài sản công</li> </ul>		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục tài sản đề nghị bán (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại; lý do bán): 01 bản chính;</li> <li>- Ý kiến của cơ quan chuyên môn về quy hoạch sử dụng đất (trong trường hợp bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp): 01 bản sao;</li> <li>- Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị bán tài sản (nếu có): 01 bản sao.</li> </ul>			
19	1.005424.000.00.00.H01	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị bán của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản (trong đó mô tả đầy đủ quá trình tổ chức đấu giá và mức giá tổ chức, cá nhân duy nhất tham gia đấu giá đã trả): 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản đề nghị bán tài sản công cho người duy nhất của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</li> <li>- Quyết định bán đấu giá tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;</li> <li>- Biên bản bán đấu giá tài sản (nếu có) và các hồ sơ liên quan đến quá</li> </ul>		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				trình tổ chức đấu giá tài sản: 01 bản sao.			
20	1.005422.000.00.00.H01	Quyết định điều chuyển tài sản công	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản: 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản đề nghị điều chuyển, tiếp nhận tài sản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</li> <li>- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản; lý do điều chuyển): 01 bản chính;</li> <li>- Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển tài sản (nếu có): 01 bản sao.</li> </ul>		Quản lý công sản	
21	1.005420.000.00.00.H01	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị trả lại tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản: 01 bản chính;</li> </ul>		Quản lý công sản	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</li> <li>- Danh mục tài sản đề nghị trả lại cho Nhà nước (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán): 01 bản chính;</li> <li>- Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị trả lại tài sản (nếu có): 01 bản sao</li> </ul>			
22	1.005421.000.00.00.H01	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản kiến nghị thu hồi tài sản của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác: 01 bản chính;</li> <li>- Các hồ sơ có liên quan đến tài sản kiến nghị thu hồi (nếu có): 01 bản sao.</li> </ul>		Quản lý công sản	
23	1.005419.000.00.00.H01	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản (trong đó nêu rõ sự cần thiết, thời hạn, tính khả thi, phương án sử dụng tài sản công tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công – tư): 01 bản chính;</li> <li>- Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</li> <li>- Danh mục tài sản (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị</li> </ul>		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				còn lại theo số kế toán): 01 bản chính; - Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao			
24	1.005418.000.00.00.H01	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	2167/QĐ-UBND	- Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công: 01 bản chính; - Văn bản đề nghị của các cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính; - Danh mục tài sản đề nghị chuyển đổi công năng sử dụng (chủng loại, số lượng; mục đích sử dụng hiện tại, mục đích sử dụng dự kiến chuyển đổi; lý do chuyển đổi): 01 bản chính; - Hồ sơ có liên quan đến quyền quản lý, sử dụng và mục đích sử dụng tài sản công: 01 bản sao.		Quản lý công sản	
25	1.005417.000.00.00.H01	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	2167/QĐ-UBND	- Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thuê tài sản: 01 bản chính; - Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính; - Danh mục tài sản đề nghị thuê (chủng loại, số lượng, dự toán tiền thuê, nguồn kinh phí): 01 bản chính; - Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị thuê tài sản (nếu có): 01 bản sao.		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
26	1.005416.000.00.00.H01	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;</li> <li>- Danh mục tài sản đề nghị mua sắm (chủng loại, số lượng, giá dự toán, nguồn kinh phí): 01 bản chính;</li> <li>- Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị mua sắm tài sản (nếu có): 01 bản sao.</li> <li>- Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm tài sản: 01 bản chính;</li> </ul>		Quản lý công sản	
27	1.006241.000.00.00.H01	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	2805/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công văn đề nghị định giá, điều chỉnh giá theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2a ban hành kèm Thông tư số 56/2014/TT-BTC;</li> <li>+ Phương án giá thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2a ban hành kèm Thông tư số 56/2014/TT-BTC.</li> <li>+ Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, đính kèm bản sao ý kiến của các cơ quan theo quy định (nếu có);</li> <li>+ Văn bản thẩm định phương án giá của các cơ quan có chức năng thẩm định theo quy định;</li> <li>+ Các tài liệu khác có liên quan.</li> </ul>		Quản lý giá	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
28	2.002217.000.00.00.H01	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh	3690/QĐ-UBND	+ Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá; Bảng đăng ký giá cụ thể và Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá).	01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị;	Quản lý giá	
29	2.002206.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	1976/QĐ-UBND	Tờ khai Bảng kê Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư theo mẫu số 02-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC. Bản sao hợp lệ Quyết định hoặc Văn bản thông báo của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn thực hiện dự án theo mẫu số 03-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC. Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"><li>Quyết định đầu tư dự án;</li></ul>		Tin học - Thống kê	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>• Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật;</li> <li>• Các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có).</li> </ul> <p>Thông báo chuyển giai đoạn dự án đầu tư theo mẫu số 04-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC.</p> <p>Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quyết định đầu tư dự án;</li> <li>• Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật;</li> <li>• Các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có).</li> </ul> <p>Trường hợp đơn vị có quan hệ với ngân sách nếu có thay đổi các chỉ tiêu đăng ký mã số ĐVQHNS như tên đơn vị, tên dự án, tên chủ đầu tư, địa chỉ đơn vị, địa chỉ chủ đầu tư, tên cơ quan chủ quản cấp trên thì đơn vị gửi</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Thông báo đến Cơ quan tài chính nơi đã cấp mã số ĐVQHNS.</p> <p>Nội dung Thông báo thực hiện theo Mẫu số 06-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC.</p> <p>Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách theo mẫu số 01-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC</p> <p>Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Văn bản thành lập đơn vị;</li> <li>• Các văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ, kinh phí cho đơn vị.</li> </ul>			

**12.SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
<b>I</b>	<b>ĐẤT ĐAI (32)</b>					
1	1.004688.000.00.00.H01	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004	Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 07/3/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ ban hành trước ngày 01/7/2004 (theo Mẫu số 03c ban hành kèm theo Thông tư 33/2017/TT-BTNMT).</li> <li>- Bản sao quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp (nếu có).</li> <li>- Bản sao giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp (nếu có).</p> <p>- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đề nghị điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).</p>		
2	1.004217.000.00.00.H01	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của Cơ sở tôn giáo	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<p>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT.</p> <p>- Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.</p>		



3	1.002253.000. 00.00.H01	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 07/3/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin giao đất, thuê đất (Mẫu số 01 được ban hành Kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT);</li> <li>- Dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (bản chính);</li> <li>- Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu);</li> <li>- Quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với dự án của tổ chức kinh tế (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu);</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu);</li> <li>- Đối với Doanh nghiệp nhà nước, Công ty TNHH Một thành viên mà chủ sở hữu là Nhà nước thì phải có văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nguồn tiền tạo quỹ đất, nhận chuyển nhượng đã trả không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước;</li> <li>- Đối với Doanh nghiệp nhà nước đang sử dụng đất và đã cổ phần hóa thì phải có phương án cổ phần hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền</li> </ul>		
---	----------------------------	--	---------------------------------------	--	--	--

phê duyệt xác định cụ thể khu đất được tiếp tục sử dụng theo các hình thức giao hoặc thuê;

- Trường hợp xin giao đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh thì không phải nộp dự án đầu tư nhưng phải nộp bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gồm các nội dung liên quan đến việc sử dụng đất hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

- Trường hợp dự án sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản thì phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Các giấy tờ về đất đai, gồm:

+ Trường hợp dự án triển khai theo hình thức thu hồi đất thì nộp Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản chính) nơi có đất về việc hoàn tất công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và không còn các tranh chấp có liên quan đến khu đất (kèm bản sao có công chứng quyết định thu hồi đất, phương án và các chứng từ chi trả bồi thường);

+ Trường hợp dự án do Trung tâm Phát triển quỹ đất thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì nộp Hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất có công chứng, chứng thực kèm bản gốc Giấy chứng nhận;

+ Trường hợp dự án được giao đất công từ các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp đang quản lý thì có biên bản bàn giao đất của đơn vị đang quản lý. Trường hợp chưa có biên bản bàn giao đất thì việc lập biên bản bàn giao đất cùng với việc lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới khi đo đạc;

+ Các giấy tờ khác có liên quan đến nguồn gốc đất (nếu có).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức (bản sao có công chứng);

- Tờ khai lệ phí trước bạ; Tờ khai tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

4	1.002040.000. 00.00.H01	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	<p>Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 07/3/2018</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin giao đất, thuê đất (Mẫu số 01 được ban hành Kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT).</li> <li>- Bản sao Bản thuyết minh dự án đầu tư đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư.</li> <li>- Bản sao Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.</li> <li>- Bản sao Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tôn giáo đối với trường hợp xin giao đất cho cơ sở tôn giáo.</li> <li>- Đối với Doanh nghiệp nhà nước, Công ty TNHH Một thành viên mà chủ sở hữu là Nhà nước thì phải có văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nguồn tiền tạo quỹ đất, nhận chuyển nhượng đã trả không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.</li> <li>- Đối với Doanh nghiệp nhà nước đang sử dụng đất và đã cổ phần hóa thì phải có phương án cổ phần hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt xác định cụ thể khu đất được tiếp tục sử dụng theo các hình thức giao hoặc thuê.</li> <li>- Các giấy tờ về đất đai, gồm:</li> </ul>		
---	----------------------------	---	--	---	--	--

- + Trường hợp dự án triển khai theo hình thức thu hồi đất thì nộp Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản chính) nơi có đất về việc hoàn tất công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và không còn các tranh chấp có liên quan đến khu đất (kèm bản sao có công chứng quyết định thu hồi đất, phương án và các chứng từ chi trả bồi thường);
- + Trường hợp dự án do Trung tâm Phát triển quỹ đất thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì nộp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng, chứng thực kèm bản gốc Giấy chứng nhận;
- + Trường hợp dự án được giao đất công từ các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp đang quản lý thì có biên bản bàn giao đất của đơn vị đang quản lý. Trường hợp chưa có biên bản bàn giao đất thì việc lập biên bản bàn giao đất cùng với việc lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới khi đo đạc;
- + Các giấy tờ khác có liên quan đến nguồn gốc đất (nếu có).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức (bản sao có công chứng);

- Tờ khai lệ phí trước bạ; Tờ khai tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
5	1.004257.000.00.00.H01	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 07/3/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (Mẫu số 01 được ban hành Kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT);</li> <li>- Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật (bản chính);</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu);</li> <li>- Quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với dự án của tổ chức kinh tế hoặc văn bản chấp thuận chủ trương cho phép cơ sở tôn giáo chuyển mục đích của Ủy ban nhân dân tỉnh (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu);</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu);</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty TNHH Một thành viên mà chủ sở hữu là Nhà nước thì phải có văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nguồn tiền tạo quỹ đất, nhận chuyển nhượng đã trả không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng, chứng thực theo quy định kèm theo Giấy chứng nhận (bản chính);</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu);</li> <li>- Tờ khai lệ phí trước bạ; Tờ khai thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản kèm bản sao giấy chứng minh nhân dân của cá nhân chuyển quyền sử dụng đất (trường hợp bên chuyển quyền là cá nhân), tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản (trường hợp bên chuyển quyền là tổ chức kinh</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				tê); tờ khai tiền sử dụng đất, tờ khai tiền thuê đất, phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
6	1.005398.000.00.00.H01	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mẫu số 04a/ĐK).</p> <p>(2) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất (Mẫu số 08a/ĐK).</p> <p>(3) Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất (bản sao một trong các giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính) như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15/10/1993;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;</li> <li>- Một số loại giấy tờ khác có liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất...</li> </ul> <p>(3) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất - nếu có (bản sao).</p> <p>(4) Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.		
7	2.001938.000.00.00.H01	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 07/3/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (theo Mẫu số 04a/ĐK);</li> <li>- Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất (theo mẫu số 08a/ĐK);</li> <li>- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất để quản lý (nếu có);</li> <li>- Sơ đồ hoặc trích đo địa chính thửa đất, khu đất được giao quản lý (nếu có).</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
8	1.004238.000.00.00.H01	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng, văn bản thanh lý hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được công chứng, chứng thực theo quy định (bản chính);</li> <li>- Giấy chứng nhận đã cấp (bản chính).</li> </ul>		

9	1.004227.000. 00.00.H01	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 09/ĐK được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT);</li> <li>- Giấy chứng nhận đã cấp (bản chính);</li> <li>- Một trong các giấy tờ liên quan đến nội dung biến động (bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về việc đổi tên, địa chỉ của tổ chức (kèm theo bản sao giấy tờ trước khi đổi tên, địa chỉ);</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp chuyển từ hộ gia đình, cá nhân sang doanh nghiệp tư nhân (nếu là hộ gia đình thì nộp thêm văn bản của các thành viên trong hộ gia đình đồng ý đưa quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân đã được công chứng, chứng thực theo quy định);</li> <li>+ Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình trạng sạt lở tự nhiên đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất, tài sản gắn liền với đất do sạt lở tự nhiên;</li> <li>+ Chứng từ nộp nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp có ghi nợ hoặc chậm nộp nghĩa vụ tài chính;</li> <li>+ Một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</li> </ul> </li> </ul>		
---	----------------------------	--	---	--	--	--

ngày 15/5/2014 của Chính phủ thể hiện nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất đã ghi trên Giấy chứng nhận.

- Tờ khai lệ phí trước bạ.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
10	1.004221.000.00.00.H01	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK.</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp của một bên hoặc các bên liên quan.</li> <li>- Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề.</li> <li>- Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thừa đất mà người sử dụng thừa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.</li> <li>- Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về pháp nhân thì nộp thêm Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận.</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
11	1.001990.000.00.00.H01	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<p>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p> <p>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>- Bản sao Quyết định đầu tư bổ sung hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư có thể hiện thời hạn hoặc điều chỉnh thời hạn thực hiện dự án đầu tư phù hợp thời gian xin gia hạn sử dụng đất đối với trường hợp sử dụng đất của tổ chức, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư.</p> <p>Trường hợp tổ chức trong nước đang sử dụng đất để thực hiện hoạt động đầu tư trên đất nhưng không thuộc trường hợp có Quyết định đầu tư bổ sung hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì thể hiện cụ thể lý do đề nghị gia hạn sử dụng đất tại Điểm</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>4 của Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo mẫu số 09/ĐK.</p> <p>- Chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (nếu có).</p> <p>- Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về pháp nhân thì nộp thêm Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận.</p>		
12	1.004203.000.00.00.H01	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<p>- Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa (Mẫu số 11/ĐK được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT)</p> <p>- Giấy chứng nhận đã cấp (bản chính).</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
13	1.004199.000.00.00.H01	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận (Mẫu số 10/ĐK được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT);</li> <li>- Giấy chứng nhận đã cấp (bản chính).</li> </ul>		
14	1.004193.000.00.00.H01	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đính chính Giấy chứng nhận đối với trường hợp phát hiện sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.</li> <li>- Giấy chứng nhận đã cấp (bản chính);</li> <li>- Giấy tờ thể hiện nội dung ghi trên Giấy chứng nhận là sai sót (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu).</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
15	1.003022.000.00.00.H01	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 07/3/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn phản ánh việc cấp Giấy chứng nhận không đúng quy định.</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</li> </ul>		

16	1.003003.000. 00.00.H01	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu số 04/ĐK được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT);</p> <p>(2) Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất; Bản thống kê các thửa đất (Mẫu số 08a/ĐK; 08b/ĐK được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT).</p> <p>(3) Một trong các bản sao giấy tờ về nguồn gốc đất gồm: quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, biên bản bàn giao đất, các giấy tờ về bồi hoàn, nhận chuyển nhượng đất...(bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu);</p> <p>(4) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở đối với trường hợp tài sản là nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):</p> <p>(4.1) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở;</li> <li>- Một trong các giấy tờ của bên chuyển quyền.</li> </ul>		
----	----------------------------	---	---	---	--	--

(4.2) Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài phải có giấy tờ theo quy định sau:

- Trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở để kinh doanh thì phải có một trong những giấy tờ về dự án phát triển nhà ở để kinh doanh (quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư);

- Trường hợp mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật thì phải có giấy tờ về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Trường hợp nhà ở đã xây dựng không phù hợp với giấy tờ thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy tờ không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

Trường hợp đăng ký về quyền sở hữu nhà ở hoặc công trình xây dựng thì phải có sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đã có

sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng);

- Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004;

- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);

- Đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh thì ngoài giấy tờ tại điểm này phải có quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an về vị trí đóng quân hoặc địa điểm công trình; bản sao quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh trên địa bàn các quân khu, trên địa bàn các đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà có tên đơn vị đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí,

kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.

(5) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công trình xây dựng đối với trường hợp tài sản là công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã có chứng nhận hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Trường hợp tạo lập công trình xây dựng thông qua đầu tư xây dựng mới theo quy định của pháp luật thì phải có quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc hợp đồng thuê đất với người sử dụng đất có mục đích sử dụng đất phù hợp với mục đích xây dựng công trình;

- Trường hợp tạo lập công trình xây dựng bằng một trong các hình thức mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật;



- Trường hợp không có một trong những giấy tờ nêu trên đây thì phải được cơ quan quản lý về xây dựng cấp tỉnh xác nhận công trình xây dựng tồn tại trước khi có quy hoạch xây dựng mà nay vẫn phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Trường hợp công trình đã xây dựng không phù hợp với giấy tờ về quyền sở hữu công trình nêu trên đây thì phần diện tích công trình không phù hợp với giấy tờ phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng kiểm tra, xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy tờ không ảnh hưởng đến an toàn công trình và phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

(6) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất - nếu có (bản sao đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính đối với trường hợp có 2 bản chính).

(7) Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích

thừa đất mà người sử dụng thừa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế đối với trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thừa đất liền kề.

(8) Quyết định thành lập tổ chức (nếu có); cơ sở tôn giáo được phép hoạt động tại Việt Nam (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu).

(9) Tờ khai lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).

17	2.000983.000. 00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<p>* Chứng nhận quyền sử dụng đất:</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK.</p> <p>(3) Quyết định thành lập tổ chức (nếu có); cơ sở tôn giáo được phép hoạt động tại Việt Nam (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu).</p> <p>(4) Tờ khai lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).</p> <p>* Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là nhà ở:</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</p> <p>(2) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):</p> <p>(2.1) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở;</li> <li>- Một trong các giấy tờ của bên chuyên quyền.</li> </ul>		
----	----------------------------	---	---	---	--	--

(2.2) Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài phải có giấy tờ theo quy định sau:

- Trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở để kinh doanh thì phải có một trong những giấy tờ về dự án phát triển nhà ở để kinh doanh (quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư);

- Trường hợp mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật thì phải có giấy tờ về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Trường hợp nhà ở đã xây dựng không phù hợp với giấy tờ thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy tờ không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

- Sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở);

- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có).

(3) Quyết định thành lập tổ chức (nếu có); cơ sở tôn giáo được phép hoạt động tại Việt Nam (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu).

(4) Tờ khai lệ phí trước bạ, tiền thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).

\* Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là công trình xây dựng:

(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK;

(2) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): hồ sơ thiết kế xây dựng của công trình đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình trên đất nông nghiệp.

- Trường hợp tạo lập công trình xây dựng thông qua đầu tư xây dựng mới theo quy định của pháp luật thì phải có quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép xây

dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc hợp đồng thuê đất với người sử dụng đất có mục đích sử dụng đất phù hợp với mục đích xây dựng công trình;

- Trường hợp tạo lập công trình xây dựng bằng một trong các hình thức mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp không có một trong những giấy tờ nêu trên đây thì phải được cơ quan quản lý về xây dựng cấp tỉnh xác nhận công trình xây dựng tồn tại trước khi có quy hoạch xây dựng mà nay vẫn phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Trường hợp công trình đã xây dựng không phù hợp với giấy tờ về quyền sở hữu công trình nêu trên đây thì phần diện tích công trình không phù hợp với giấy tờ phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng kiểm tra, xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy tờ không ảnh hưởng đến an toàn công trình và phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- |  |  |  |  |   |  |  |
|--|--|--|--|---|--|--|
|  |  |  |  | <p>(3) Quyết định thành lập tổ chức (nếu có); cơ sở tôn giáo được phép hoạt động tại Việt Nam (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu).</p> <p>(4) Tờ khai lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).</p> |  |  |
|--|--|--|--|---|--|--|

18	1.002255.000. 00.00.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK;</p> <p>(2) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở đối với trường hợp tài sản là nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):</p> <p>(2.1) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở;</li> <li>- Một trong các giấy tờ của bên chuyển quyền.</li> </ul> <p>(2.2) Tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài phải có giấy tờ theo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở để kinh doanh thì phải có một trong những giấy tờ về dự án phát triển nhà ở để kinh doanh (quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư);</li> </ul>		
----	----------------------------	---	---	--	--	--



- Trường hợp mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật thì phải có giấy tờ về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- Trường hợp nhà ở đã xây dựng không phù hợp với giấy tờ thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy tờ không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).
- Trường hợp đăng ký về quyền sở hữu nhà ở hoặc công trình xây dựng thì phải có sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng);
- Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004;
- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);

- Đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh thì ngoài giấy tờ tại điểm này phải có quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an về vị trí đóng quân hoặc địa điểm công trình; bản sao quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh trên địa bàn các quân khu, trên địa bàn các đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà có tên đơn vị đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.

(3) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công trình xây dựng đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):

- Trường hợp tạo lập công trình xây dựng thông qua đầu tư xây dựng mới theo quy định của pháp luật thì phải có quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc hợp đồng thuê đất với người sử dụng đất có mục đích sử dụng đất phù hợp với mục đích xây dựng công trình;
- Trường hợp tạo lập công trình xây dựng bằng một trong các hình thức mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật;
- Trường hợp không có một trong những giấy tờ nêu trên đây thì phải được cơ quan quản lý về xây dựng cấp tỉnh xác nhận công trình xây dựng tồn tại trước khi có quy hoạch xây dựng mà nay vẫn phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Trường hợp công trình đã xây dựng không phù hợp với giấy tờ về quyền sở hữu công trình nêu trên đây thì phần diện tích công trình không phù hợp với giấy tờ phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng kiểm tra, xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy tờ không ảnh hưởng

đến an toàn công trình và phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với dự án có nhiều hạng mục công trình được thể hiện trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư, quyết định đầu tư dự án, giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp, quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết, giấy phép xây dựng nếu chủ đầu tư có nhu cầu và có đủ điều kiện thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho từng hạng mục công trình hoặc từng phần diện tích của hạng mục công trình đó

(4) Trường hợp chủ sở hữu nhà ở không đồng thời là người sử dụng đất ở thì ngoài giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, phải có hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng, tạo lập tài sản được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

(5) Quyết định thành lập tổ chức (nếu có); cơ sở tôn giáo được phép hoạt động tại Việt Nam (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu).

(6) Tờ khai lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (đối với trường hợp thuê đất).

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
19	2.000976.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận (Mẫu số 04/ĐK được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT);</li> <li>- Một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;</li> <li>- Trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp thì nộp thêm bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</li> <li>- Trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản không đồng thời là người sử dụng đất thì nộp thêm Giấy chứng nhận đã cấp và một trong các loại giấy tờ (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hợp đồng thuê đất; hợp đồng góp vốn; hợp đồng hợp tác kinh doanh được công chứng, chứng thực theo quy định;</li> </ul> </li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng tài sản đó được công chứng, chứng thực theo quy định.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức;</li> <li>- Tờ khai lệ phí trước bạ</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
20	1.002273.000.00.00.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<p>* Đối với Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở:</p> <p>(1) Quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư.</p> <p>(2) Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500; giấy phép xây dựng (nếu có).</p> <p>(3) Giấy chứng nhận hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền; chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính của chủ dự án phát triển nhà ở (trừ trường hợp được miễn hoặc chậm nộp theo quy định của pháp luật).</p> <p>(4) Sơ đồ nhà, đất đã xây dựng là bản vẽ mặt bằng hoàn công hoặc bản vẽ thiết kế mặt bằng có kích thước các cạnh của từng căn hộ đã bán phù hợp với hiện trạng xây dựng và hợp đồng đã ký; danh sách các căn hộ, công trình xây dựng để bán (có các thông tin số hiệu căn hộ, diện tích đất, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng chung, riêng của từng căn hộ); trường hợp nhà chung cư thì sơ đồ phải thể hiện phạm vi (kích thước, diện tích)</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phần đất sử dụng chung của các chủ căn hộ, mặt bằng xây dựng nhà chung cư, mặt bằng của từng tầng, từng căn hộ.</p> <p>(5) Báo cáo kết quả thực hiện dự án.</p> <p>* Đối với người mua nhà là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK.</p> <p>(2) Hợp đồng về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.</p> <p>(3) Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng.</p> <p>(4) Tờ khai lệ phí trước bạ; tờ khai thuế thu nhập cá nhân kèm bản sao giấy chứng minh nhân dân (trường hợp bên chuyển nhượng là cá nhân) hoặc tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp kèm theo bản</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				sao hóa đơn giá trị gia tăng (trường hợp bên chuyển nhượng là tổ chức kinh tế).		

21	2.000889.000. 00.00.H01	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p>	<p>Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021</p>	<p>* Trường hợp chuyển nhượng sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT).</li> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng hoặc tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được công chứng, chứng thực theo quy định (bản chính);</li> <li>- Giấy chứng nhận (bản chính);</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức nhận chuyển nhượng hoặc nhận tặng cho (Bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu).</li> <li>- Trường hợp chuyển nhượng, tặng cho tài sản mà chủ sở hữu tài sản không phải là người sử dụng đất thì nộp thêm văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản được chuyển nhượng hoặc tặng cho tài sản đó được công chứng, chứng thực theo quy định (bản chính);</li> <li>- Tờ khai lệ phí trước bạ; tờ khai thuế thu nhập cá nhân kèm bản sao giấy chứng minh nhân dân (trường hợp bên chuyển nhượng là cá nhân) hoặc tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp kèm theo bản sao hóa đơn giá trị gia tăng (trường hợp bên chuyển nhượng là tổ chức kinh tế).</li> </ul>		
----	----------------------------	---	--	---	--	--

\* Trường hợp cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:

- Hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được công chứng, chứng thực theo quy định (bản chính);

- Giấy chứng nhận đã cấp (bản chính);

- Trường hợp người sử dụng đất không đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì nộp thêm văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản được cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng tài sản đó có công chứng, chứng thực theo quy định (bản chính).

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
22	1.001991.000.00.00.H01	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng, văn bản mua bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</li> <li>- Hợp đồng thuê đất đã ký với Nhà nước.</li> </ul>		

23	2.000880.000. 00.00.H01	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>	<p>Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021</p>	<p>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm theo Thông tư 33/2017/TT-BTNMT).</p> <p>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp; trừ trường hợp thực hiện quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã có hiệu lực thi hành hoặc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án mà không thu hồi được bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>- Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành (trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền) hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp luật; văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thế chấp, góp vốn có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp, góp vốn và văn bản bàn giao tài sản thế chấp, góp vốn theo thỏa thuận; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành có nội dung xác định người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu</p>		
----	----------------------------	---	--	--	--	--

của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án đã được thi hành; hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất hoặc chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của tổ chức trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty.

- Văn bản chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của tổ chức.

- Văn bản của các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất đồng ý chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật đối với trường hợp hộ gia đình đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.

- Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
24	1.001134.000.00.00.H01	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 09/ĐK được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT);</li> <li>- Giấy chứng nhận đã cấp (bản chính);</li> <li>- Hợp đồng thuê đất đã lập (bản chính);</li> <li>- Quyết định giao đất, cho thuê đất (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu);</li> <li>- Chứng từ nộp tiền thuê đất đến thời điểm nộp hồ sơ (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đối chiếu).</li> <li>- Tờ khai lệ phí trước bạ; Tờ khai tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất.</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
25	1.005194.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (Mẫu số 10/ĐK được ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT);</li> <li>- Tờ tường trình về việc mất Giấy chứng nhận hoặc mất Trang bổ sung Giấy chứng nhận được Ủy ban nhân cấp xã nơi có đất xác nhận (bản chính).</li> <li>- Giấy tờ chứng minh đã đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương về việc mất Giấy chứng nhận (nếu có).</li> </ul>		
26	1.001980.000.00.00.H01	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm Thông tư số 33/2014/TT-BTNMT).</li> <li>- Giấy chứng nhận đã cấp (bản chính).</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
27	1.001009.000.00.00.H01	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản về chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Trích đo địa chính thửa đất đối với trường hợp chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất của một phần thửa đất;</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
28	1.002993.000.00.00.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<p>- Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà có hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền theo quy định nhưng bên chuyển quyền không trao Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển quyền, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</li> <li>+ Hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền đã lập theo quy định;</li> </ul> <p>- Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không lập hợp đồng, văn bản chuyển quyền theo quy định, hồ sơ gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</li> <li>+ Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</li> <li>+ Giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có đủ chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
29	1.010200.000.00.00.H01	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	Văn bản đề nghị chấp thuận việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo Mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.		

30	1.003010.000. 00.00.H01	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<p>* Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đồng thời với thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;</li> <li>- Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</li> </ul> <p>* Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin giao đất, thuê đất mà không phải thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị thẩm định của người xin giao đất, cho thuê đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;</li> <li>- Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.</li> </ul> <p>* Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất mà không phải thẩm định điều kiện cho phép chuyển</p>		
----	----------------------------	---	---	---	--	--

mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, gồm:

- Đơn đề nghị thẩm định của người xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT hoặc văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan đăng ký đầu tư;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Hồ sơ dự án đầu tư khi thực hiện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

\* Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất đối với trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng đất mà không lập dự án đầu tư gồm:

- Đơn đề nghị thẩm định của người xin chuyển mục đích sử dụng đất theo Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
31	2.001761.000.00.00.H01	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 07/3/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK;</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</li> <li>- Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay cho bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi dồn điền đổi thửa, đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng.</li> </ul>		
32	1.004206.000.00.00.H01	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</li> </ul>		
<b>II MÔI TRƯỜNG (8)</b>						

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	1.008675.000.00.H01	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 09/9/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép Mẫu số 2 Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2016/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật.</li> <li>- Văn bản thỏa thuận.</li> <li>- Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân của tổ chức cá nhân đề nghị và tổ chức cá nhân tiếp nhận.</li> <li>- Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của tổ chức cá nhân đề nghị và tổ chức cá nhân tiếp nhận.</li> </ul>		
2	1.008682.000.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 09/9/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký thành lập Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT.</li> <li>- Dự án thành lập.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh có đủ các điều kiện thành lập theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Đa dạng sinh học</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
3	1.010727.000.00.00.H01	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	405/QĐ-UBND ngày 07/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp GPMT (mẫu Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</li> <li>- Hồ sơ Giấy phép môi trường.</li> <li>- 01 báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công, xây dựng (đối với dự án đầu không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường).</li> </ul>		
4	1.010728.000.00.00.H01	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	405/QĐ-UBND ngày 07/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy phép môi trường (mẫu Phụ lục XIV ban hành kèm theo NĐ số 08/2022/NĐ-CP).</li> <li>- Hồ sơ Giấy phép môi trường.</li> </ul>		
5	1.010730.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	405/QĐ-UBND ngày 07/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị cấp GPMT (mẫu Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</li> <li>- Hồ sơ Giấy phép môi trường.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				- 01 báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công, xây dựng (đối với dự án đầu không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường).		
6	1.010729.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	405/QĐ-UBND ngày 07/3/2022	- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường (mẫu Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). - Hồ sơ Giấy phép môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).		
7	1.004249.000.00.00.H01	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (cấp Tỉnh)	405/QĐ-UBND ngày 07/3/2022	- Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). - Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).		
8	1.004240.000.00.00.H01	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	405/QĐ-UBND ngày 07/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Cam kết bảo vệ môi trường ... đã được phê duyệt hoặc xác nhận.</li> <li>- Hồ sơ Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).</li> </ul>		
<b>III</b>	<b>TÀI NGUYÊN NƯỚC (15)</b>					

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	1.004232.000. 00.00.H01	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất (Bản chính – theo mẫu)</li> <li>- Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm hoặc Thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200m<sup>3</sup>/ngày đêm (Bản chính-theo mẫu).</li> </ul>		
2	1.004228.000. 00.00.H01	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất (Bản chính - theo mẫu).</li> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép (Bản chính - theo mẫu).</li> <li>- Giấy phép đã được cấp (Bản sao).</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
3	1.004223.000.00.00.H01	Cấp giấy phép, khai thác sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (Bản chính – theo mẫu)</li> <li>- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (Bản chính).</li> <li>- Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất (Bản chính).</li> <li>- Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất kèm theo phương án khai thác đối với công trình có quy mô từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên hoặc báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm trong trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động (Bản chính - theo mẫu).</li> <li>- Văn bản góp ý, tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến (đối với trường hợp phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân).</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
4	1.004211.000.00.00.H01	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (Bản chính – theo mẫu)</li> <li>- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (Bản chính).</li> <li>- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép (Bản chính - theo mẫu).</li> <li>- Giấy phép đã được cấp (Bản sao).</li> </ul>		

5	1.004179.000. 00.00.H01	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (bản chính)</li> <li>- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (Bản chính).</li> <li>- Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác hoặc Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp đã có công trình khai thác kèm theo quy trình vận hành (nếu thuộc trường hợp quy định phải có quy trình vận hành) (Bản chính - theo mẫu).</li> <li>- Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước (Bản chính). Trường hợp chưa có công trình khai thác nước mặt, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.</li> </ul>		
---	----------------------------	--	---	---	--	--

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
6	1.004167.000.00.00.H01	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (bản chính – theo mẫu)</li> <li>- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (Bản chính).</li> <li>- Giấy phép đã được cấp (Bản sao).</li> <li>- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép (Bản chính - theo mẫu).</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
7	1.004122.000.00.00.H01	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất (Bản chính - theo mẫu).</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu.</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu.</li> <li>- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (Bản chính - theo mẫu).</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
8	2.001738.000.00.00.H01	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy vừa và nhỏ	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (bản chính – theo mẫu)</li> <li>- Bản sao giấy phép đã được cấp.</li> <li>- Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp (Bản chính - theo mẫu).</li> <li>* Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài những tài liệu quy định ở trên, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép còn bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu.</li> </ul> </li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (Bản chính - theo mẫu).</p> <p>* Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép, ngoài những tài liệu quy định ở trên, hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép còn bao gồm giấy tờ, tài liệu chứng minh việc thay đổi địa chỉ địa chỉ thường trú (đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hoặc địa chỉ thường trú của cá nhân hộ gia đình hành nghề) hoặc các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực đáp ứng quy mô hành nghề (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quy mô hành nghề). (Bản chính)</p>		
9	1.004283.000.00.00.H01	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	- Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước <i>(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2021/NĐ-</i>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p><i>CP</i>): chủ giấy phép nộp bản kê khai tính tiền cấp quyền (Bản chính – theo mẫu).</p> <p>- Trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2017/NĐ-CP): chủ giấy phép gửi văn bản đề nghị điều chỉnh kèm theo các tài liệu để chứng minh</p>		
10	2.001770.000.00.00.H01	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Bản chính - theo mẫu).		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
11	1.009669.000.00.00.H01	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Bản chính - theo mẫu).</li> <li>- Bản sao giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.</li> </ul>		
12	1.000824.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép tài nguyên nước (Bản chính theo mẫu).</li> <li>- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (bản chính)</li> </ul>		
13	1.004253.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Bản chính - theo mẫu).</li> <li>- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp phép (Bản sao có chứng thực).</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
14	1.001740.000.00.00.H01	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản lấy ý kiến (bản chính).</li> <li>- Quy mô, phương án chuyển nước, phương án xây dựng công trình và các thông tin, số liệu, tài liệu liên quan.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
15	2002850.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện, hồ chứa thủy lợi (bản chính).</li> <li>- Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện, hồ chứa thủy lợi (theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ).</li> </ul>		
<b>IV</b>	<b>KHOÁNG SẢN (14)</b>					
1	1.004367.000.00.00.H01	Đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp tỉnh)	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (Bản chính)</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ (Bản chính)</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
2	2.001783.000.00.00.H01	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Bản chính);</li> </ul>		
3	1.004481.000.00.00.H01	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo (Bản chính);</li> </ul>		
4	1.005408.000.00.00.H01	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Giấy phép thăm dò khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại (Bản chính);</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
5	2.001814.000.00.00.H01	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Bản chính) ;</li> <li>- Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li> </ul>		
6	2.001787.000.00.00.H01	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh)	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân (Bản chính);</li> <li>- Giấy phép thăm dò khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được cấp phép khai thác (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của UBND cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);		
7	1.004345.000.00.00.H01	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng (Bản chính);</li> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</p>		
8	2.001781.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Bản chính);</p> <p>- Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác khoáng sản (Bản chính);</p> <p>- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).		
9	1.004343.000.00.00.H01	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn (Bản chính);</li> </ul>		
10	2.001777.000.00.00.H01	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép (Bản chính);</li> </ul>		

11	1.004446.000. 00.00.H01	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)	Quyết định số 1562/QĐ- UBND ngày 03/7/2018	<p><b>* Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Quyết định Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li> </ul>		
----	----------------------------	---	---	--	--	--

- Quyết định chủ trương đầu tư đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước, Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của UBND cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu):

**\* Điều chỉnh nội dung giấy phép**

- Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản (Bản chính);

- Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư được điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác (Bản chính);

- Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản (Bản chính);

- Các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc

Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Quyết định phê duyệt kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

**\* Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Bản chính);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có) dự án đầu tư xây dựng công trình (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- |  |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|
|  |  |  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li><li>- Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản (nếu có) nằm trong diện tích xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li><li>- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).</li></ul> |  |
|--|--|--|---|--|



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
12	1.004135.000.00.00.H01	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Giấy phép khai thác khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị trả lại (Bản chính).</li> </ul>		

13	1.004132.000. 00.00.H01	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của UBND cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).</li> <li>- Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi (Bản chính);</li> <li>- Bản đăng ký khối lượng, kế hoạch, phương pháp, thiết bị dùng để thu hồi cát, sỏi (Bản chính);</li> <li>- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li> </ul>		
----	----------------------------	--	---	--	--	--

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
14	1.000778.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 03/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (Bản chính);</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của UBND cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</li> </ul>		
<b>V</b>	<b>KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (3)</b>					

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	1.000943.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;</li> <li>- Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp.</li> </ul>		
2	1.000970.000.00.00.H01	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn giấy phép;</li> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn kể từ khi được cấp giấy phép hoặc được sửa đổi, bổ sung giấy phép</li> <li>- Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
3	1.000987.000.00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	<p><b>* Đối với Tổ chức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của tổ chức;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên;</li> <li>- Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo</li> <li>- Bản khai kinh nghiệm công tác của nhân viên tham gia dự báo, cảnh báo, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc.</li> </ul> <p><b>* Đối với cá nhân</b></p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phù hợp với nội dung xin cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo;</li> <li>- Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo.</li> <li>- Bản khai kinh nghiệm công tác, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự nơi đã từng làm việc.</li> </ul>		
<b>VI</b>	<b>ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ</b>					

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	1.000049.000.00.00.H01	Thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 17/02/2022	<p><b>* Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp; giấy chứng nhận đủ sức khỏe hành nghề do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định.</li> <li>- Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp.</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật.</li> <li>- Bản sao kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</li> </ul> <p><b>* Về gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Bản khai tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc chứng nhận liên quan đến việc cập nhật kiến thức liên quan đến nội dung hành nghề trong khoảng thời gian 03 năm trước thời điểm chứng chỉ hết hạn.</p> <p>- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định.</p> <p>- Bản gốc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp.</p> <p><b>* Về cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:</b></p> <p>Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề; kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng.</p> <p><b>* Về cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:</b></p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành; kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng hoặc tệp tin</p>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>chứa ảnh màu chụp từ bản chính đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng.</p> <p>- Bản gốc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
2	1.001923.000.00.00.H01	Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 17/02/2022	<p><b>* Trường hợp thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc bưu chính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất trình thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân đối với cá nhân.</li> <li>- Xuất trình giấy giới thiệu hoặc công văn của cơ quan, tổ chức đối với cơ quan, tổ chức.</li> <li>- Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.</li> </ul> <p><b>* Trường hợp thực hiện bằng hình thức trực tuyến:</b></p> <p>Tệp tin chứa giấy giới thiệu hoặc công văn của cơ quan, tổ chức; tệp tin chứa phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ và ký bằng chữ ký số.</p> <p>Trường hợp không có chữ ký số thì xuất trình thẻ Căn cước công dân, hoặc hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân khi làm thủ tục mở tài khoản giao dịch trực tuyến, đồng thời cung cấp số điện thoại di động.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
<b>VI ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM</b>						
1	1.004583.000.00.00.H01	Thủ tục Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu đăng ký;</li> <li>- Hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực trong trường hợp pháp luật quy định;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc một trong các loại giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 Điều 97 của Luật đất đai (gọi chung là Giấy chứng nhận);</li> <li>- Trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở, thì nộp thêm các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật phải xin phép xây dựng hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật phải lập dự án đầu tư (01 bản sao không có chứng thực), trừ trường hợp hợp đồng thế chấp tài sản đó có công chứng, chứng thực; một trong các loại</li> </ul> </li> </ul>		Cấp tỉnh và huyện

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Bản vẽ thiết kế thể hiện được mặt bằng công trình của dự án trong trường hợp chủ đầu tư thế chấp dự án xây dựng công trình (01 bản sao không có chứng thực);</p> <p>+ Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật phải xin phép xây dựng hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật phải lập dự án đầu tư (01 bản sao không có chứng thực), trừ trường hợp hợp đồng thế chấp tài sản đó có công chứng, chứng thực; một trong các loại Bản vẽ thiết kế thể hiện được mặt bằng của tài sản gắn liền với đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là công trình xây dựng khác (01 bản sao không có chứng thực);</p> <p>- Văn bản thỏa thuận có công chứng, chứng thực giữa người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất về việc tạo lập tài sản gắn liền với đất trong trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất không đồng thời là chủ sở</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>hữu tài sản gắn liền với đất (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu);</p> <p>- Giấy tờ chứng minh trong các trường hợp sau:</p> <p>+ Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu);</p> <p>+ Một trong các loại giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng có điều khoản về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực); Văn bản xác nhận (có chữ ký và con dấu) của tổ chức tín dụng về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực).</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
2	1.004550.000.00.00.H01	Thủ tục Đăng ký thể chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021	<p>* Trường hợp đăng ký thể chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai xây dựng trong dự án của chủ đầu tư, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu đăng ký (01 bản chính);</li> <li>- Hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực trong trường hợp pháp luật quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận hoặc bản chính Quyết định giao đất, cho thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư;</li> <li>- Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật phải xin phép xây dựng hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật phải lập dự án đầu tư (01 bản sao không có chứng</li> </ul>		Cấp tỉnh và huyện

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thực), trừ trường hợp hợp đồng thế chấp tài sản đó có công chứng, chứng thực;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một trong các loại Bản vẽ thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng thể hiện được mặt bằng công trình của dự án hoặc mặt bằng của công trình xây dựng trong dự án đó đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở (01 bản sao không có chứng thực).</li> </ul> <p>*Trường hợp đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai của cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình mua nhà ở hình thành trong tương lai trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu đăng ký (01 bản chính);</li> <li>- Hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực trong trường hợp pháp luật quy định;</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền;</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Hợp đồng mua bán nhà ở được ký giữa bên thế chấp với chủ đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về nhà ở (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực).</p> <p>Trường hợp bên thế chấp là bên nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở thì, phải nộp thêm văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở phù hợp với quy định của pháp luật về nhà ở (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực).</p> <p>* Trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với nhà ở hình thành trong tương lai hoặc đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai của cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình xây dựng trên thửa đất thuộc quyền sử dụng của mình, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu đăng ký (01 bản chính);</li> <li>- Hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực trong trường hợp pháp luật quy định;</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc một trong các loại giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 Điều 97 của Luật đất đai (gọi chung là Giấy chứng nhận);</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Một trong các loại giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng có điều khoản về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực); Văn bản xác nhận (có chữ ký và con dấu) của tổ chức tín dụng về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phát triển nông nghiệp, nông thôn (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);</p> <p>- Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật phải xin phép xây dựng, trừ trường hợp hợp đồng thế chấp tài sản có công chứng, chứng thực (01 bản sao không có chứng thực).</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
3	1.003862.000.00.00.H01	Thủ tục Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021	<p>* Trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận mà chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất, hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu đăng ký (01 bản chính);</li> <li>- Hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực trong trường hợp pháp luật quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc một trong các loại giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 Điều 97 của Luật đất đai (gọi chung là Giấy chứng nhận);</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu</li> </ul>		Cấp tỉnh và huyện

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Một trong các loại giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng có điều khoản về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực); Văn bản xác nhận (có chữ ký và con dấu) của tổ chức tín dụng về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);</p> <p>- Hồ sơ đề nghị chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.</p> <p>* Trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất, hồ sơ gồm:</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu đăng ký (01 bản chính);</li> <li>- Hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực trong trường hợp pháp luật quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu);</li> <li>- Một trong các loại giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng có điều khoản về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực); Văn bản xác nhận (có chữ ký và con dấu) của tổ chức tín dụng về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phát triển nông nghiệp, nông thôn (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);</p> <p>- Hồ sơ đề nghị chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
4	1.003688.000.00.00.H01	Thủ tục Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu đăng ký (01 bản chính);</li> <li>- Hợp đồng mua bán tài sản có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua bán tài sản kèm văn bản về bảo lưu quyền sở hữu có công chứng, chứng thực trong trường hợp pháp luật quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận;</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu).</li> </ul>		Cấp tỉnh và huyện

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
5	1.003625.000.00.00.H01	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi (01 bản chính);</li> <li>- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (trừ trường hợp đăng ký thay đổi đối với tài sản bảo đảm là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai đã hình thành quy định tại khoản 4 Điều 18 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP) hoặc hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua bán tài sản có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản về bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm theo thỏa thuận của các bên (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) hoặc văn bản khác chứng minh nội dung thay đổi (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu) trong trường hợp thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đối với trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm mà trong hồ sơ đăng ký có Giấy chứng nhận;</li> </ul>		Cấp tỉnh và huyện



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu).</p>		
6	1.003046.000.00.00.H01	Thủ tục Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu sửa chữa sai sót (01 bản chính);</li> <li>- Phiếu yêu cầu đăng ký đã chứng nhận có sai sót (01 bản chính);</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận trong trường hợp nội dung chứng nhận có sai sót;</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền</li> </ul>		Cấp tỉnh và huyện

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
7	2.000801.000.00.00.H01	Thủ tục Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021	- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền		Cấp tỉnh và huyện
8	1.001696.000.00.00.H01	Thủ tục Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021	* Yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở sang đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai, hồ sơ gồm: - Phiếu yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp - Văn bản cung cấp thông tin về việc thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm và văn bản chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký do cơ quan đăng ký thế chấp quyền tài sản cấp		Cấp tỉnh và huyện

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền</p> <p>* Yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở sang đăng ký thế chấp nhà ở do nhà ở hình thành trong tương lai đã được hình thành (đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng), hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp (01 bản chính);</li> <li>- Văn bản cung cấp thông tin về việc thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm và văn bản chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký do cơ quan đăng ký thế chấp quyền tài sản cấp</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền</li> <li>- Hợp đồng thế chấp nhà ở có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				- Giấy chứng nhận (đã có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở).		
9	1.000655.000.00.00.H01	Thủ tục Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu xóa đăng ký (01 bản chính);</li> <li>- Văn bản đồng ý xóa đăng ký biện pháp bảo đảm của bên nhận bảo đảm hoặc văn bản xác nhận giải chấp của bên nhận bảo đảm trong trường hợp phiếu yêu cầu xóa đăng ký chỉ có chữ ký của bên bảo đảm;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đối với trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm mà trong hồ sơ đăng ký có Giấy chứng nhận;</li> </ul>		Cấp tỉnh và huyện

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền.</p> <p>* Trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm i khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP (cơ quan thi hành án dân sự hoặc Văn phòng thừa phát lại đã kê biên, xử lý xong tài sản bảo đảm), hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu yêu cầu xóa đăng ký</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đối với trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm mà trong hồ sơ đăng ký có Giấy chứng nhận;</li> <li>- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền</li> <li>- Văn bản xác nhận kết quả xử lý tài sản bảo đảm của cơ quan thi hành án dân sự hoặc Văn phòng thừa phát lại (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu).</li> </ul>		

### 13.SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Báo chí</b>						
1	2.001173.000.00.00.H01	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	Đơn đề nghị / Kết quả giải quyết TTHC		
2	2.001171.000.00.00.H01	Cho phép hợp báo (trong nước)	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	Đơn đề nghị / Kết quả giải quyết TTHC		
3	1.003888.000.00.00.H01	Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	Đơn đề nghị / Kết quả giải quyết TTHC		
4	1.004637.000.00.00.H01	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	335/QĐ-UBND ngày 24/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin</li> <li>- Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương (đối với tổ</li> </ul>	- Mẫu trình bày tên gọi của bản tin và bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài).	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				chức nước ngoài tại Việt Nam) - Kết quả giải quyết TTHC		
5	1.004640.000.00.00.H01	Văn bản chấp thuận nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	335/QĐ-UBND ngày 24/02/2021	- Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức; - Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin; - Kết quả giải quyết TTHC	- Mẫu trình bày tên gọi bản tin có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép và bản dịch tiếng Việt được công chứng đối với trường hợp thay đổi tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài.	
<b>Lĩnh vực Bưu chính</b>						
6	1.005442.000.00.00.H01	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	1771/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	- Giấy đề nghị cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính. - Bản gốc văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với trường hợp bị hư hỏng không sử dụng được - Kết quả giải quyết TTHC		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
7	1.004470.000.00.00.H01	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)	1771/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	<p>*Hồ sơ đề nghị xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với các trường hợp cung ứng dịch vụ thư không có địa chỉ nhận có khối lượng đơn chiếc đến 02 kilôgam (kg); cung ứng dịch vụ thư có khối lượng đơn chiếc trên 02 kilôgam (kg) và cung ứng dịch vụ gói, kiện hàng hóa gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo hoạt động bưu chính;</li> <li>- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động bưu chính hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoạt động bưu chính tại Việt Nam do doanh nghiệp tự đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao;</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC</li> </ul> <p>*Hồ sơ đề nghị xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với trường hợp làm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp</p>	<p>*Hồ sơ đề nghị xác nhận thông báo hoạt động bưu chính đối với các trường hợp cung ứng dịch vụ thư không có địa chỉ nhận có khối lượng đơn chiếc đến 02 kilôgam (kg); cung ứng dịch vụ thư có khối lượng đơn chiếc trên 02 kilôgam (kg) và cung ứng dịch vụ gói, kiện hàng hóa gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> </ul>	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo hoạt động bưu chính;</li> <li>- Bản sao giấy phép thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp được doanh nghiệp tự đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu biểu trưng, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có);</li> <li>- Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>- Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại</li> </ul>	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính.	
8	1.004379.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	1771/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép bưu chính;</li> <li>- Bản gốc giấy phép bưu chính còn thời hạn sử dụng, nhưng bị hư hỏng không sử dụng được;</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC</li> </ul>		
9	1.003633.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	1771/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép bưu chính;</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC</li> </ul>	- Báo cáo tài chính của 02 năm gần nhất do doanh nghiệp tự đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					tính chính xác của báo cáo; - Phương án kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo, nếu doanh nghiệp bị lỗ 02 năm liên tiếp; - Các tài liệu sau nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính lần gần nhất	
10	1.003687.000.00.00.H01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	1771/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	- Giấy đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính; - Kết quả giải quyết TTHC	- Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính;	
11	1.003659.000.00.00.H01	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	1771/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	- Giấy đề nghị cấp giấy phép bưu chính; - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động bưu chính hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoạt động bưu chính tại Việt	- Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp (nếu có); - Phương án kinh doanh;	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Nam do doanh nghiệp tự đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao;</p> <p>- Kết quả giải quyết TTHC</p>	<p>- Mẫu hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</p> <p>- Mẫu biểu trưng, nhãn hiệu, ký hiệu đặc thù hoặc các yếu tố thuộc hệ thống nhận diện của doanh nghiệp được thể hiện trên bưu gửi (nếu có);</p> <p>- Bảng giá cước dịch vụ bưu chính phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu chính công bố áp dụng</p>	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					<p>phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp phát sinh thiệt hại, quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, thời hạn giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật về bưu chính;</li> <li>- Thỏa thuận với doanh nghiệp khác, đối tác nước ngoài bằng tiếng Việt, đối với trường hợp hợp tác cung ứng một,</li> </ul>	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
					một số hoặc tất cả các công đoạn của dịch vụ bưu chính đề nghị cấp phép; - Tài liệu đã được hợp pháp hóa lãnh sự chứng minh tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài quy định tại điểm k khoản 2 Điều này.	
12	1.010902.H01	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (Cấp tỉnh)	1771/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	- Giấy đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính. - Kết quả giải quyết TTHC	- Tài liệu liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.	
<b>Lĩnh vực Phát thanh truyền hình – Thông tin điện tử</b>						
13	1.000067.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng		nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4, bao gồm: Tên doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi - Kết quả giải quyết TTHC		
14	2.001666.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Thông báo thay đổi thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng, nội dung bao gồm: Tên doanh nghiệp; số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng; những nội dung thay đổi - Kết quả giải quyết TTHC		
15	1.000073.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 đã được phê duyệt, bao gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp; số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi - Kết quả giải quyết TTHC		
16	2.001681.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành		



STT	Mã TTTC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTTC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng		viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Tên doanh nghiệp, số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi. - Kết quả giải quyết TTTC		
17	2.001684.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Thông báo thay đổi trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ bao gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp, số giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng; những nội dung thay đổi. - Kết quả giải quyết TTTC		
18	2.001766.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Thông báo thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, nội dung bao gồm: Tên tổ chức, doanh nghiệp; số giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				tổng hợp; những nội dung thay đổi. - Kết quả giải quyết TTHC		
19	2.001087.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép (nêu rõ số giấy phép, ngày cấp của giấy phép đã cấp và lý do đề nghị cấp lại giấy phép). - Trường hợp giấy phép bị hư hỏng thì gửi kèm theo bản giấy phép bị hư hỏng. - Kết quả giải quyết TTHC		
20	2.001091.000.00.00.H01	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Văn bản đề nghị gia hạn (nêu rõ thời gian gia hạn) - Kết quả giải quyết TTHC		
21	2.001098.000.00.00.H01	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp - Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng	- Đề án hoạt động có chữ ký, dấu của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mục đích cung cấp thông tin; nội dung thông tin, các chuyên	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể). Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản chấp thuận của các tổ chức cung cấp nguồn tin để đảm bảo tính hợp pháp của nguồn tin</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC</li> </ul>	<p>mục dự kiến; nguồn tin chính thức, bản in trang chủ và các trang chuyên mục chính; phương án nhân sự, kỹ thuật, quản lý thông tin, tài chính nhằm bảo đảm hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp phù hợp với các quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 5 Điều 23 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP và khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam</p>	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
22	1.003384.000.00.00.H01	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung;</li> <li>- Đơn với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC</li> </ul>		
23	1.005452.000.00.00.H01	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị (nêu rõ nội dung, lý do cần sửa đổi, bổ sung)</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC</li> </ul>	- Các tài liệu chứng minh có liên quan.	
24	2.001765.000.00.00.H01	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu các loại giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều</li> </ul> </li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>29 Nghị định số 06/2016/NĐ;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) đối với tổ chức, thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;</p> <p>+ Văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;</p> <p>+ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với doanh nghiệp quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP.</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>đề đổi chiều văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thẻ thường trú, giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.</p> <p>- Kết quả giải quyết TTHC</p>		
<b>Lĩnh vực Xuất bản – In và Phát hành</b>						
25	2.001594.000.00.00.H 01	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	1983/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo mẫu quy định.</li> <li>- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự; vệ sinh môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp</li> <li>- Bản sao có chứng thực một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh về việc có mặt bằng sản xuất và thiết bị để thực hiện một trong các công đoạn chế bản in, in và gia công sau in xuất bản phẩm;</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu chứng minh về người đứng đầu cơ sở in, có</li> </ul>	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập cơ sở in - Bản sao có chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo chuyên ngành in cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp - Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định - Kết quả giải quyết TTHC	mặt bằng sản xuất và thiết bị trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm tại Khoản 2 Điều 32 Luật xuất bản.	
26	1.003725.000.00.00.H01	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	1983/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	- Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh. - Kết quả giải quyết TTHC	- Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh.	
27	2.001732.000.00.00.H01	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Hai (02) bản đơn đề nghị chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu - Bản chính giấy xác nhận đã đăng ký máy đó - Bản sao có bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>chứng thực nếu gửi bằng đường bưu chính, chuyển phát giấy tờ đảm bảo tư cách pháp nhân của tổ chức, cá nhân được chuyển nhượng máy</p> <p>- Kết quả giải quyết TTHC</p>		
28	2.001728.000.00.00.H01	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	<p>- Đơn đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu</p> <p>- Bản sao có bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (nếu gửi bằng đường bưu chính, chuyển phát) giấy phép nhập khẩu máy do Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp; hợp đồng và hóa đơn mua máy hoặc chứng từ thuê mua máy</p> <p>- Đơn đề nghị chuyển nhượng (đối với máy đã đăng ký sử dụng) có xác nhận của Sở Thông tin và Truyền thông nơi đã đăng ký máy đó</p> <p>- Kết quả giải quyết TTHC</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
29	2.001737.000.00.00.H01	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Tờ khai thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in - Kết quả giải quyết TTHC		
30	2.001740.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động cơ sở in	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in - Kết quả giải quyết TTHC		
31	2.001744.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép hoạt động in	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in. - Giấy phép hoạt động in (đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng) - Kết quả giải quyết TTHC	- Các giấy tờ chứng minh sự thay đổi trong các trường hợp cụ thể	
32	1.004153.000.00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động in	338/QĐ-UBND ngày 26/02/2019	- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm theo mẫu quy định. - Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký thuế, quyết định thành lập cơ sở in đối với cơ sở in sự nghiệp công lập.		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC</li> </ul>		
33	1.003114.000.00.00.H01	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (cấp địa phương)	1983/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm.</li> <li>- Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh.</li> <li>- Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ quan có thẩm quyền của Việt nam cấp.</li> <li>- Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp</p> <p>- Kết quả giải quyết TTHC</p>		
34	1.003483.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (cấp địa phương)	1983/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép trong đó ghi rõ mục đích, thời gian, địa điểm và tên các đơn vị tham gia triển lãm, hội chợ</p> <p>- Kết quả giải quyết TTHC</p>	- Danh mục xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ theo mẫu quy định	
35	2.001564.000.00.00.H01	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (cấp địa phương)	1983/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép in gia công cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.</p> <p>- Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm</p> <p>- Bản sao có chứng thực hợp đồng in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.</p> <p>- Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				in hoặc giấy ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền đặt in. - Kết quả giải quyết TTHC		
36	1.003729.000.00.00.H01	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	1983/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	- Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. - Bản chính giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm - Kết quả giải quyết TTHC		
37	2.001584.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	1983/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. - Bản chính giấy phép bị hư hỏng hoặc bản sao giấy phép (nếu có) trong trường hợp bị mất. - Kết quả giải quyết TTHC		
38	1.003868.000.00.00.H01	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (địa phương)	1983/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	- Đơn đề nghị cấp giấy phép; - Bản thảo điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản; hoặc 01 bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ điện tử với định dạng	Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>không cho phép can thiệp, sửa đổi;</p> <p>- Ý kiến xác nhận bằng văn bản:</p> <p>+ Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền.</p> <p>+ Đối với tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương; tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương phải có ý kiến của tổ chức đảng, cơ quan cấp trên.</p> <p>- Kết quả giải quyết TTHC</p>	<p>giáp lai giữa các trang bản thảo;</p> <p>- Đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản.</p>	
39	1.008201.000.00.00.H01	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	1983/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	<p>- Đơn đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm;</p> <p>- Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê,</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh - Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ quan có thẩm quyền của Việt nam cấp - Bản sao (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về phát hành xuất bản phẩm của người đứng đầu cơ sở phát hành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp - Kết quả giải quyết TTHC		

**14.SỞ TƯ PHÁP**

<b>TT</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố TTHC</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
1	2.001333.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (mẫu TP-ĐGTS-07) ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BTP.		Bán đấu giá tài sản	
2	2.001225.000.00.00.H01	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	540/QĐ-UBND	Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến		Bán đấu giá tài sản	
3	2.002139.000.00.00.H01	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	540/QĐ-UBND	Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá Báo cáo kết quả tập sự hành nghề đấu giá.		Bán đấu giá tài sản	
4	2.001258.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	829/QĐ-UBND	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động		Bán đấu giá tài sản	
5	2.001247.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	540/QĐ-UBND	- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của Trưởng chi nhánh - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh		Bán đấu giá tài sản	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định thành lập chi nhánh</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh.</li> </ul>			
6	2.001395.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều lệ của doanh nghiệp đối với công ty đấu giá hợp danh</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, Chứng chỉ hành nghề đấu giá của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản, cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản.</li> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động</li> </ul>		Bán đấu giá tài sản	



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
7	2.001807.000.00.00.H01	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	829/QĐ-UBND	<p>- Giấy đề nghị cấp lại Thẻ đấu giá viên; - 01 ảnh màu cỡ 2 cm x 3 cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh).</p> <p>- 01 ảnh màu cỡ 2 cm x 3 cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh)</p>		Bán đấu giá tài sản	
8	2.001815.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Thẻ đấu giá viên	540/QĐ-UBND	<p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của đấu giá viên được đề nghị cấp Thẻ</p> <p>01 ảnh màu cỡ 2 cm x 3 cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh).</p> <p>Giấy đề nghị cấp Thẻ đấu giá viên</p>		Bán đấu giá tài sản	
9	2.002193.000.00.00.H01	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường (cấp tỉnh)	540/QĐ-UBND	<p>a) Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, Sở Tư pháp giúp UBND cấp tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường thì khi có một trong các căn cứ sau:</p> <p>- Không có sự thống nhất về cơ quan giải quyết bồi thường trong</p>		Bồi thường nhà nước	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan trong phạm vi quản lý của địa phương mình cùng gây thiệt hại;</p> <p>- Cơ quan nhà nước ở địa phương bị giải thể theo quyết định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>b) Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, Sở Tư pháp thực hiện việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường khi người yêu cầu bồi thường chưa xác định ngay được cơ quan giải quyết bồi thường thì người yêu cầu bồi thường gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017.</p>			
10	2.002192.000.00.00.H01	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	540/QĐ-UBND	Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường;		Bồi thường nhà nước	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại;            Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có).            Văn bản yêu cầu bồi thường;            Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại;            Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền;            Trường hợp người bị thiệt hại chết mà có di chúc thì người yêu cầu bồi thường phải cung cấp di chúc, trường hợp không có di chúc thì phải có văn bản hợp pháp về quyền thừa kế.            Trường hợp người yêu cầu bồi thường trực tiếp nộp hồ sơ thì các giấy tờ, tài liệu và chứng cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 là bản sao nhưng phải có bản chính để đối chiếu; trường hợp người yêu cầu bồi thường gửi hồ sơ</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ, tài liệu và chứng cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 là bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực.			
11	2.002191.000.00.00.H01	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	540/QĐ-UBND	Văn bản yêu cầu bồi thường (mẫu 01/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP). - Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 17/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP); - Biên bản trả lời thông báo tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 18/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP). Trường hợp cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại đã Thông báo nhưng người bị thiệt hại chưa đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự mà yêu cầu sau thì thành phần hồ sơ gồm: Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi		Bồi thường nhà nước	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				danh dự (mẫu 17/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP); Ý kiến của người bị thiệt hại đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự; Văn bản đề nghị phục hồi danh dự.			
12	2.002387.000.00.00.H01	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	1498/QĐ-UBND	Thông báo		Công chứng	
13	1.000112.000.00.00.H01	Bỏ nhiệm công chứng viên	540/QĐ-UBND	Giấy xác nhận của Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư về thời gian hành nghề luật sư Các giấy tờ khác chứng minh là người được miễn đào tạo nghề công chứng theo quy định của pháp luật Quyết định bỏ nhiệm thẩm tra viên cao cấp ngành toà án, kiểm tra viên cao cấp ngành kiểm sát, chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>pháp luật            Quyết định bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên hoặc Giấy chứng minh thẩm phán, Giấy chứng minh kiểm sát viên, Giấy chứng nhận điều tra viên kèm theo giấy tờ chứng minh đã có thời gian làm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên từ 05 năm trở lên            Quyết định phong hàm Giáo sư, Phó giáo sư chuyên ngành luật; Bằng tiến sĩ luật            Phiếu lý lịch tư pháp            Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp            Đơn đề nghị bổ nhiệm công chứng viên theo Mẫu TP-CC-03 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;            Bản sao bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ, tiến sĩ luật</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Bản sao giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng</p> <p>Giấy tờ chứng minh về thời gian công tác pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 01/2021/TT-BTP;</p> <p>Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng. Đối với người được miễn đào tạo nghề công chứng thì phải có bản sao giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng và giấy tờ chứng minh là người được miễn đào tạo nghề công chứng quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Công chứng;</p>			
14	2.000743.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	540/QĐ-UBND	- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hành Luật Công chứng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng;</li> <li>- Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên.</li> </ul>			
15	1.001647.000.00.00.H01	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	540/QĐ-UBND	<p>Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng, trong đó có nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở, danh sách công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; tên, số Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giá chuyển nhượng, việc thanh toán tiền và bàn giao Văn phòng công chứng được chuyển nhượng; quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác có liên quan</p> <p>Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng công chứng phải có chữ ký của công chứng viên hợp danh đại</p>		Công chứng	



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>diện cho các công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng, các công chứng viên nhận chuyển nhượng và phải được công chứng Văn bản cam kết của các công chứng viên nhận chuyển nhượng về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, tiếp nhận toàn bộ yêu cầu công chứng đang thực hiện và hồ sơ đang được lưu trữ tại Văn phòng công chứng được chuyển nhượng</p> <p>Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng</p> <p>Bản sao Quyết định bổ nhiệm công chứng viên của các công chứng viên nhận chuyển nhượng; giấy tờ chứng minh đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên đối với công chứng viên nhận chuyển nhượng dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng</p> <p>Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của Văn</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				phòng công chứng được chuyển nhượng Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng			
16	2.000758.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập;</li> <li>- Giấy đăng ký hành nghề của các công chứng viên đang hành nghề tại các Văn phòng công chứng bị sáp nhập.</li> <li>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</li> </ul>		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
17	1.001665.000.00.00.H01	Sáp nhập Văn phòng công chứng	540/QĐ-UBND	<p>Hợp đồng sáp nhập Văn phòng công chứng, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: Tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; thời gian thực hiện sáp nhập; phương án chuyển tài sản của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập sang Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; phương án sử dụng lao động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng công chứng bị sáp nhập và các nội dung khác có liên quan</p> <p>Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng</p> <p>Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng</p> <p>Biên bản kiểm kê hồ sơ công chứng</p>		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng tính đến ngày đề nghị sáp nhập			
18	2.000766.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng được hợp nhất tính đến ngày đề nghị hợp nhất;</li> <li>- Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng được hợp nhất;</li> <li>- Hợp đồng hợp nhất Văn phòng công chứng;</li> <li>- Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng được hợp nhất;</li> <li>- Quyết định cho phép thành lập và</li> </ul>		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng được hợp nhất.			
19	2.000778.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</li> <li>- Bản chính giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng;</li> <li>- Một số giấy tờ sau đây tùy thuộc vào nội dung đăng ký hoạt động được đề nghị thay đổi. Cụ thể như sau: + Trường hợp thay đổi tên gọi của Văn phòng công chứng: Văn bản thỏa thuận của các thành viên hợp danh về việc thay đổi tên gọi của Văn phòng công chứng; + Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở của Văn phòng công chứng: Giấy tờ chứng minh về trụ sở mới; + Trường hợp Văn phòng công chứng thay đổi</li> </ul>		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Trưởng Văn phòng: Giấy tờ chứng minh công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên, kèm theo thỏa thuận bằng văn bản của các thành viên hợp danh về việc thay đổi Trưởng Văn phòng; + Trường hợp Văn phòng công chứng bổ sung công chứng viên: Văn bản chấp thuận của các công chứng viên hợp danh trong trường hợp bổ sung công chứng viên hợp danh hoặc hợp đồng lao động trong trường hợp bổ sung công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động kèm theo hồ sơ đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên; + Trường hợp Văn phòng công chứng giảm số lượng công chứng viên: Văn bản chấp thuận của các công chứng viên hợp danh và văn bản thông báo về việc chấm dứt tư cách thành viên hợp danh theo quy định tại khoản 2 Điều</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>18 của Thông tư số 01/2021/TT-BTP hoặc giấy tờ chứng minh công chứng viên chấm dứt tư cách thành viên hợp danh trong các trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 của Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng hoặc quyết định miễn nhiệm công chứng viên hoặc văn bản chấm dứt hợp đồng lao động với công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng.</p>			
20	2.000789.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	540/QĐ-UBND	<p>01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của mỗi công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh) Thẻ Hội viên hoặc giấy tờ khác chứng minh công chứng viên đã là Hội viên của Hội công chứng viên (ở những nơi đã thành lập Hội công chứng viên)</p>		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Quyết định bổ nhiệm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu)</p> <p>Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công chứng viên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở</p> <p>Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên</p> <p>Giấy tờ chứng minh đã chấm dứt hành nghề đối với người đang hành nghề luật sư, đấu giá, thừa phát lại hoặc công việc thường xuyên khác</p> <p>Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng phù hợp với nội dung đã nêu trong đề án thành lập</p> <p>Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021</p>			



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng			
21	1.001153.000.00.00.H01	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự khi đề nghị thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đã đăng ký tập sự; Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng; Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu); Thông báo bằng văn bản của Sở Tư pháp nơi Người tập sự đã đăng ký tập sự trước đó về việc rút tên người tập sự khỏi Danh sách Người tập sự		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				của Sở Tư pháp, xác nhận thời gian tập sự, nơi tập sự và số lần tạm ngừng tập sự.			
22	1.001688.000.00.00.H01	Hợp nhất Văn phòng công chứng	540/QĐ-UBND	<p>Kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 03 (ba) năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng công chứng được hợp nhất tính đến ngày đề nghị hợp nhất</p> <p>Biên bản kiểm kê các hồ sơ công chứng và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng công chứng được hợp nhất</p> <p>Danh sách các công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại các Văn phòng công chứng được hợp nhất</p> <p>Quyết định cho phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng công chứng được hợp nhất.</p> <p>Hợp đồng hợp nhất Văn phòng công chứng</p>		Công chứng	
23	1.001877.000.00.00.H01	Thành lập Văn phòng công chứng	540/QĐ-UBND	Bản sao quyết định bổ nhiệm công chứng viên tham gia thành lập Văn		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phòng công chứng  Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo Mẫu TP-CC-08 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;  Đề án thành lập Văn phòng công chứng</p>			
24	1.001721.000.00.00.H01	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	540/QĐ-UBND	<p>Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP;  Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng.</p>		Công chứng	
25	1.001071.000.00.00.H01	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	540/QĐ-UBND	<p>Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;</p>		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu)			
26	1.001125.000.00.00.H01	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự.		Công chứng	
27	1.001446.000.00.00.H01	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	540/QĐ-UBND	Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng; Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (bản sao có		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu)			
28	1.001438.000.00.00.H01	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	540/QĐ-UBND	Báo cáo bằng văn bản về việc chấm dứt tập sự hành nghề công chứng		Công chứng	
29	1.000075.000.00.00.H01	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	540/QĐ-UBND	Đơn đề nghị miễn nhiệm công chứng viên theo Mẫu TP-CC-04 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; Văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên của Sở Tư pháp.		Công chứng	
30	1.003118.000.00.00.H01	Thành lập Hội công chứng viên	540/QĐ-UBND	Đề án thành lập Hội công chứng viên Tờ trình Đề án Báo cáo thẩm định Đề án		Công chứng	
31	1.001799.000.00.00.H01	Cấp lại Thẻ công chứng viên	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị cấp lại Thẻ công chứng viên theo Mẫu TP-CC-07 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng</p> <p>01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ)</p> <p>Thẻ công chứng viên đang sử dụng (trong trường hợp Thẻ bị hỏng)</p>			
32	1.001756.000.00.00.H01	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	540/QĐ-UBND	<p>Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư, Chứng chỉ hành nghề đầu giá, quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại, giấy tờ chứng minh đã chấm dứt công việc thường xuyên khác; giấy tờ chứng minh đã được Sở Tư pháp xóa đăng ký hành nghề ở tổ chức hành nghề công chứng trước đó hoặc văn bản cam kết chưa đăng ký hành nghề công chứng kể từ khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chứng viên.</p> <p>Giấy tờ chứng minh công chứng viên là hội viên Hội công chứng viên tại địa phương hoặc hội viên Hiệp hội công chứng viên Việt Nam</p> <p>Quyết định bổ nhiệm của công</p>		Công chứng	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu)</p> <p>01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của mỗi công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh)</p> <p>Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công chứng viên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở</p> <p>Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên theo Mẫu TP-CC-06 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
33	1.000100.000.00.00.H01	Bổ nhiệm lại công chứng viên	540/QĐ-UBND	Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp Bản sao quyết định miễn nhiệm công chứng viên Phiếu lý lịch tư pháp Bản sao các giấy tờ chứng minh lý do miễn nhiệm không còn, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật công chứng. Đơn đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên theo Mẫu TP-CC-05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;		Công chứng	
34	2.000843.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có	540/QĐ-UBND	Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để		Chứng thực	



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		thâm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		chụp. Bản sao, chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực phải có đầy đủ các trang đã ghi thông tin của bản chính.			
35	2.000884.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	540/QĐ-UBND	+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng. + Giấy tờ, văn bản mà mình sẽ yêu cầu chứng thực chữ ký. Trường hợp chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài, nếu người thực hiện chứng thực không hiểu rõ nội dung của giấy tờ, văn bản thì có quyền yêu cầu người yêu cầu chứng thực nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt nội dung của giấy tờ, văn bản đó (bản dịch không cần công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch, người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung của bản dịch).		Chứng thực	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
36	2.000815.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	540/QĐ-UBND	Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp. Bản sao từ bản chính để thực hiện chứng thực phải có đầy đủ các trang đã ghi thông tin của bản chính.		Chứng thực	
37	2.000908.000.00.00.H01	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	540/QĐ-UBND	+ Trường hợp nộp trực tiếp thì xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng. + Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng, phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao.		Chứng thực	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				+ Trường hợp người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính.			
38	1.001122.000.00.00.H01	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	540/QĐ-UBND	Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc. Chứng chỉ đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm. Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ		Giám định tư pháp	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chức có thẩm quyền đề nghị quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Giám định tư pháp hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp.</p> <p>Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp.</p> <p>02 ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm (chụp trong thời gian 6 tháng gần nhất) để phục vụ việc cấp thẻ.</p>			
39	2.000894.000.00.00.H01	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức đã đề nghị bổ nhiệm người đó;</li> <li>- Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong</li> </ul>		Giám định tư pháp	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật giám định tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật giám định tư pháp.</li> <li>+ Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật giám định tư pháp</li> <li>+ Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp.</li> <li>+ Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật giám định tư pháp.</li> <li>+ Theo đề nghị của giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng có quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc.</li> </ul>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
40	1.001117.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	540/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động		Giám định tư pháp	
41	2.000555.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	540/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Giấy đăng ký hoạt động cũ		Giám định tư pháp	
42	2.000568.000.00.00.H01	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	540/QĐ-UBND	Đề án về việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định, trong đó nêu rõ điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định theo quy định của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định và kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định Bản sao quyết định bổ nhiệm giám		Giám định tư pháp	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>định viên tư pháp phù hợp với việc thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định</p> <p>Quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp đã được cấp</p> <p>Đơn xin phép thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định</p>			
43	2.000823.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	540/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký hoạt động</p> <p>Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp</p> <p>Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp theo Đề án thành lập quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Luật giám định tư pháp</p> <p>Bản sao quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp</p>		Giám định tư pháp	
44	2.000890.000.00.00.H01	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	540/QĐ-UBND	<p>Dự thảo Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp</p> <p>Đơn xin phép thành lập</p> <p>Bản sao Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp</p> <p>Đề án thành lập Văn phòng giám</p>		Giám định tư pháp	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				định tư pháp phải nêu rõ mục đích thành lập; dự kiến về tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định theo quy định của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định và kế hoạch triển khai thực hiện			
45	1.008914.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		Hòa giải thương mại	



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
46	1.008916.000.00.00.H01	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	2330/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động.		Hòa giải thương mại	
47	1.009284.000.00.00.H01	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc (cấp tỉnh)	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng sau đại học;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc.</li> </ul> <p>Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký làm hòa giải</li> </ul>		Hòa giải thương mại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				viên thương mại vụ việc theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;			
48	1.008913.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép thành lập Trung tâm;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm.</li> </ul>		Hòa giải thương mại	
49	1.008915.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép thành lập chi nhánh;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh.</li> </ul>		Hòa giải thương mại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác					
50	1.009283.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam;</li> <li>- Báo cáo về việc thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng lao động, hoàn tất các vụ việc đã nhận.</li> </ul>		Hòa giải thương mại	
51	2.000515.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm	540/QĐ-UBND	- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại;		Hòa giải	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động (cấp tỉnh)		- Báo cáo về việc thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng, hoàn tất các vụ việc đã nhận của Trung tâm hòa giải thương mại.		thương mại	
52	2.001716.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	540/QĐ-UBND	Quyết định thành lập chi nhánh của Trung tâm hòa giải thương mại. Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành		Hòa giải thương mại	
53	2.002047.000.00.00.H01	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	540/QĐ-UBND	- Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp về việc thay đổi tên gọi của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực. - Văn bản đề nghị thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động.		Hòa giải thương mại	
54	2.000635.000.00.00.H01	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	540/QĐ-UBND	- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của		Hộ tịch	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch theo mẫu đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân.</li> <li>- Văn bản yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</li> </ul> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Trường hợp pháp luật quy định xuất trình giấy tờ khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ xuất trình, đối chiếu với thông tin trong Tờ khai và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm bản sao giấy tờ đó. Người tiếp nhận có thể chụp 01 bản giấy tờ xuất trình hoặc ghi lại thông tin của giấy tờ xuất trình để lưu hồ sơ.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.			
55	1.000688.000.00.00.H01	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	540/QĐ-UBND	<p>Phiếu lý lịch tư pháp            Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật trừ những người là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật            Giấy chứng nhận sức khỏe            Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành            Văn bản giải trình, cam kết về quá trình phấn đấu về việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi làm việc cuối cùng của người đó trước thời điểm đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc của công an xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú (đối với người thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2a của Nghị</p>		Luật sư	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>định số 137/2018/NĐ-CP).            Bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật luật sư bao gồm một trong các giấy tờ sau đây: Bản sao Quyết định bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Biên bản bầu thẩm phán của Hội đồng nhân dân đối với trường hợp thẩm phán do Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh bầu; Bản sao Quyết định phong hàm Giáo sư, Phó Giáo sư chuyên ngành luật sư hoặc bản sao bằng tiến sỹ luật; Bản sao Quyết định bổ nhiệm thẩm tra viên cao cấp ngành Tòa án, kiểm tra viên cao cấp ngành Kiểm sát, chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp chuyên ngành luật; các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư.</p>			



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
56	1.000828.000.00.00.H01	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	540/QĐ-UBND	<p>Phiếu lý lịch tư pháp Giấy chứng nhận sức khỏe Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư theo mẫu do Bộ Tư pháp ban hành Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật Bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư Văn bản giải trình, cam kết về quá trình phấn đấu về việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi làm việc cuối cùng của người đó trước thời điểm đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc của công an xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú (đối với người thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2a của Nghị định số 137/2018/NĐ-CP).</p>		Luật sư	
57	1.008624.000.00.00.H01	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> </ul>		Luật sư	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe;</li> <li>- Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật trừ những người là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật;</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra hoặc bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Luật sư đối với trường hợp miễn tập sự hành nghề luật sư bao gồm một trong các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Quyết định bổ nhiệm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Biên bản bầu thẩm phán của Hội đồng nhân dân đối với trường hợp thẩm phán do Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh bầu.</li> <li>+ Bản sao Quyết định phong hàm Giáo sư, Phó Giáo sư chuyên ngành luật sư hoặc bản sao bằng tiến sỹ</li> </ul> </li> </ul>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>luật. + Bản sao Quyết định bổ nhiệm thẩm tra viên cao cấp ngành Tòa án, kiểm tra viên cao cấp ngành Kiểm sát, chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp chuyên ngành luật. + Các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người được miễn tập sự hành nghề luật sư.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh lý do bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư không còn.</p>			
58	1.008709.000.00.00.H01	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	1883/QĐ-UBND	<p>Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích, lý do chuyển đổi và cam kết về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi</p> <p>Dự thảo Điều lệ của công ty luật chuyển đổi</p> <p>Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi</p> <p>Danh sách thành viên hoặc luật sư</p>		Luật sư	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chủ sở hữu; bản sao Thẻ luật sư của các luật sư thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật chuyển đổi</p> <p>Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở</p>			
59	1.002153.000.00.00.H01	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	1883/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký hành nghề luật sư</p> <p>Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư</p> <p>Bản sao Hợp đồng lao động ký kết với cơ quan, tổ chức</p>		Luật sư	
60	1.002099.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	1883/QĐ-UBND	<p>Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh</p> <p>Bản sao Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư thành lập chi nhánh</p> <p>Quyết định thành lập chi nhánh</p> <p>Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao Thẻ luật sư của Trưởng chi nhánh;</p>		Luật sư	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Giấy tờ chứng minh về trụ sở của chi nhánh			
61	1.002032.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1883/QĐ-UBND	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Kèm theo giấy tờ chứng minh về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động		Luật sư	
62	1.002010.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	1883/QĐ-UBND	Dự thảo Điều lệ của công ty luật; Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư của luật sư thành lập văn phòng luật sư, thành lập hoặc tham gia thành lập công ty luật; Giấy tờ chứng minh về trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư. Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu thống nhất (Mẫu 02) Giấy đề nghị đăng ký hoạt động theo mẫu thống nhất (mẫu 03)		Luật sư	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
63	1.002398.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	1883/QĐ-UBND	Giấy đề nghị chuyển đổi; Văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp Dự thảo Điều lệ của công ty luật Việt Nam		Luật sư	
64	1.002055.000.00.00.H01	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1883/QĐ-UBND	Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Giấy đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và người dự kiến là đại diện theo pháp luật đối với việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư, công ty luật Họ, tên, số và ngày cấp Thẻ luật sư của người dự kiến là đại diện theo pháp luật		Luật sư	
65	1.002079.000.00.00.H01	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	1883/QĐ-UBND	Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư		Luật sư	

<b>TT</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố TTHC</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
66	1.002181.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1883/QĐ-UBND	Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài Giấy tờ chứng minh về trụ sở		Luật sư	
67	1.002198.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1883/QĐ-UBND	Giấy đề nghị thay đổi đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài Bản sao Giấy phép thành lập của chi nhánh, công ty luật nước ngoài; Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Bộ Tư pháp		Luật sư	
68	1.002368.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	1883/QĐ-UBND	Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài Giấy tờ chứng minh về trụ sở Giấy đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do, số Giấy đăng ký hoạt động		Luật sư	
69	1.002384.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	1883/QĐ-UBND	Giấy tờ chứng minh trụ sở của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của		Luật sư	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam			
70	1.002218.000.00.00.H01	Hợp nhất công ty luật	1883/QĐ-UBND	Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật Hợp đồng hợp nhất, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị hợp nhất; Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị hợp nhất Điều lệ của công ty luật hợp nhất		Luật sư	
71	1.002234.000.00.00.H01	Sáp nhập công ty luật	1883/QĐ-UBND	Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật Hợp đồng sáp nhập công ty luật, trong đó phải quy định rõ về thủ tục, thời hạn và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các công ty luật bị sáp nhập		Luật sư	



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập			
72	2.000505.000.00.00.H01	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	1108/QĐ-UBND	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng (Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP).		Lý lịch tư pháp	
73	2.001417.000.00.00.H01	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	1108/QĐ-UBND	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức (Mẫu số 05a/2013/TT-LLTP).		Lý lịch tư pháp	
74	2.000488.000.00.00.H01	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	1498/QĐ-UBND	+ Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Trường hợp nộp bản chụp thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp không có bản chính để đối chiếu thì nộp bản sao		Lý lịch tư pháp	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>có chứng thực theo quy định của pháp luật).</p> <p>+ Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền thì không cần văn bản ủy quyền). Văn bản ủy quyền phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Ngoài ra, người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc đối tượng được miễn hoặc giảm phí phải xuất trình các giấy tờ để chứng minh.</p> <p>+ Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu quy định (Mẫu số 03/2013/TT-LLTP; Mẫu số 04/2013/TT-LLTP).</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				+ Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu quy định (Mẫu số 03/2013/TT-LLTP; Mẫu số 04/2013/TT-LLTP).			
75	1.004878.000.00.00.H01	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha đẻ, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</li> <li>- Văn bản lấy ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi của cha mẹ đẻ, người giám hộ và của trẻ em từ</li> </ul>		Nuôi con nuôi	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đủ 9 tuổi trở lên;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi nước ngoài.</li> <li>- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi (đối với trường hợp cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi).</li> <li>- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.</li> </ul> <p>Số lượng hồ sơ:          Hồ sơ của người nhận con nuôi: 02 bộ.          Hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi: 03 bộ nộp cho Sở Tư pháp và 01 bản chụp bộ hồ sơ khi nộp hồ sơ</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của người nhận con nuôi tại Cục Con nuôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (sử dụng cho trường hợp nhận con riêng, cháu ruột);</li> <li>- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;</li> <li>- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;</li> <li>- Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe;</li> <li>- Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân:</li> </ul> <p>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn. + Trường hợp người nhận con nuôi</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. - Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm: +) Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha dượng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi. +) Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi. Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được: *) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				lại. *) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam về chứng thực chữ ký.			
76	2.002349.000.00.00.H01	Thủ tục Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trường hợp cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi thì không cần văn bản này);</li> </ul>		Nuôi con nuôi	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				- Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật nước láng giềng.			
77	1.003976.000.00.00.H01	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng);</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;</li> <li>- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe;</li> <li>- Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn. + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</li> <li>- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân</li> </ul>		Nuôi con nuôi	



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dân hoặc Công an cấp xã nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm).</p> <p>Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được: *) Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hoá lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. *) Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực chữ ký người</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam về chứng thực chữ ký.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành</li> </ul>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>vi dân sự;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng;</li> <li>- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em;</li> <li>- Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định nhưng không thành đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu.</li> <li>- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó: Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.</li> </ul> <p>Hồ sơ của người nhận con nuôi: 02 bộ.          Hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi: 03 bộ hồ sơ nộp cho Sở Tư</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				pháp và 01 bản chụp bộ hồ sơ khi nộp hồ sơ người nhận con nuôi tại Cục Con nuôi (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam ít nhất là 01 năm nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi).			
78	1.003160.000.00.00.H01	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</li> <li>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</li> </ul> </li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người</li> </ul>		Nuôi con nuôi	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận con nuôi thường trú cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi.</li> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành</li> </ul>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				vi dân sự; - Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.			
79	1.003179.000.00.00.H01	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng		Nuôi con nuôi	
80	1.008727.000.00.00.H01	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị thay đổi.</li> <li>- Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của thành viên hợp danh mới; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân mới.</li> </ul>		Quản tài viên	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
81	1.001600.000.00.00.H01	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	540/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.		Quản tài viên	
82	1.001633.000.00.00.H01	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	540/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản		Quản tài viên	
83	1.001842.000.00.00.H01	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Luật		Quản tài viên	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh nghiệp tư nhân (nếu có)</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, doanh nghiệp đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản nộp Phiếu lý lịch tư pháp của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong công ty hợp danh (nếu có); bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của chủ doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Luật Phá sản; bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên của những người khác hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong doanh</p>			



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				nghiep tư nhân theo yêu cầu của Sở Tư pháp.			
84	1.002626.000.00.00.H01	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân Bản chụp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên Trong trường hợp cần thiết, người đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân nộp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Sở Tư pháp		Quản tài viên	
85	1.005136.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	540/QĐ-UBND	+ Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2020-TKXNCQTVN) kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng; + Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền		Quốc tịch	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cấp.            + Bản sao giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam (Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi) hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nhưng trên đó ghi họ tên Việt Nam của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó; Trường hợp pháp luật quy định giấy</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2020-TKXNCQTVN) kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng;</p> <p>+ Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>Bản khai lý lịch;</p> <p>- Một trong các giấy tờ để làm cơ sở xác minh về quốc tịch, gồm: bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ từ năm 1945 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956, trong đó có ghi quốc tịch Việt</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam. Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p>			
86	2.002038.000.00.00.H01	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam;</li> </ul>		Quốc tịch	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;</li> <li>- Bản khai lý lịch;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (là một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị</li> </ul>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó);</p> <p>- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam: Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>từ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc</p>			



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó.</p> <p>- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.</p> <p>- Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.</p> <p>Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:</p> <p>+ Đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam,</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó.</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng.</p> <p>+ Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p> <p>Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p>			
87	2.002039.000.00.00.H01	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế.</li> </ul>		Quốc tịch	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai lý lịch;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học</li> </ul>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>pháp và Sở Giáo dục đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú);</li> <li>- Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam).</li> <li>- Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc</li> </ul>			



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.</p> <p>Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>- Những người được miễn một số</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam thì phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;</li> <li>+ Nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con;</li> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được</li> </ul>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p> cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>+ Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam).</p> <p>- Người xin nhập quốc tịch Việt</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam;</li> <li>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng.;</li> </ul>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>+ Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Trường hợp pháp luật quy định giấy</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.</p>			
88	2.001895.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.</li> <li>- Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để chứng minh khi sinh ra người đó có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam.</li> </ul>		Quốc tịch	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam.</p> <p>Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.</p> <p>Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (Mẫu TP/QT-2020-TKXNNGVN) kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng</p>			
89	2.002036.000.00.00.H01	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- Bản khai lý lịch;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 của Luật quốc tịch năm 2008;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan</li> </ul>		Quốc tịch	



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;</p> <p>- Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>- Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp.</p> <p>- Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</p> <p>- Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.</p> <p>Trường hợp chỉ người cha hoặc</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</p> <p>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc</p>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.			
90	1.000390.000.00.00.H01	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	540/QĐ-UBND	Thẻ tư vấn viên pháp luật cũ (trong trường hợp Thẻ bị hư hỏng) Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, trong đó có xác nhận của Trung tâm tư vấn pháp luật hoặc Chi nhánh về tình trạng của Thẻ tư vấn viên pháp luật Hai ảnh chân dung cỡ 2 cm x 3 cm		Tư vấn pháp luật	
91	1.000404.000.00.00.H01	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	540/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị của Trung tâm tư vấn pháp luật		Tư vấn pháp luật	
92	1.000426.000.00.00.H01	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật Bản sao Bằng cử nhân luật Giấy xác nhận về thời gian công tác pháp luật của người được đề nghị		Tư vấn pháp luật	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
93	1.000614.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	540/QĐ-UBND	<p>Đơn đăng ký hoạt động</p> <p>Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật thành lập chi nhánh trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, hoặc bản sao Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật thành lập chi nhánh và xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp</p> <p>Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Chi nhánh</p> <p>Bản sao có chứng thực Thẻ luật sư của luật sư hoặc Thẻ tư vấn viên pháp luật của người dự kiến làm Trưởng chi nhánh trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, hoặc bản sao Thẻ luật sư của luật sư hoặc Thẻ tư vấn viên pháp luật của người dự kiến làm Trưởng chi nhánh trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính và xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp</p>		Tư vấn pháp luật	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
94	1.000588.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	540/QĐ-UBND	<p>Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh</p> <p>Giấy xác nhận trụ sở mới của Trung tâm, Chi nhánh trong trường hợp thay đổi trụ sở</p> <p>Quyết định về việc cử Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh trong trường hợp thay đổi Giám đốc Trung tâm, Trưởng Chi nhánh</p> <p>Hồ sơ đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, hồ sơ của luật sư trong trường hợp bổ sung tư vấn viên pháp luật, luật sư. Sở Tư pháp xem xét, cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật cho người được đề nghị</p> <p><b>THÔNG BÁO VỀ VIỆC THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TƯ VẤN PHÁP LUẬT</b></p>		Tư vấn pháp luật	
95	1.000627.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	540/QĐ-UBND	<p>Dự thảo quy chế tổ chức, hoạt động của Trung tâm tư vấn do tổ chức chủ quản ban hành</p> <p>Danh sách kèm theo hồ sơ của</p>		Tư vấn pháp luật	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người được đề nghị cấp Thẻ tư vấn viên pháp luật, của luật sư làm việc theo hợp đồng lao động cho Trung tâm</p> <p>Quyết định của tổ chức chủ quản về việc thành lập Trung tâm tư vấn pháp luật; về việc cử Giám đốc của Trung tâm tư vấn pháp luật</p> <p>Đơn đăng ký hoạt động</p>			
96	1.008922.000.00.00.H01	Bổ nhiệm Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị bổ nhiệm Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp được cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật để đối chiếu;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về thời gian công tác pháp luật bao gồm quyết định tuyển dụng, hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng</li> </ul>		Thừa phát lại	



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bảo hiểm xã hội; giấy tờ chứng minh đã miễn nhiệm, thu hồi chứng chỉ hành nghề hoặc thu hồi thẻ đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; giấy tờ chứng minh đã nghỉ hưu hoặc thôi việc đối với trường hợp thuộc khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề Thừa phát lại để đối chiếu.</p>			
97	1.008924.000.00.00.H01	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	<p>- Đơn đề nghị bổ nhiệm lại Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</p> <p>- Phiếu lý lịch tư pháp được cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;</p> <p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại để đối chiếu;</p>		Thừa phát lại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính giấy tờ chứng minh lý do miễn nhiệm không còn để đối chiếu, trừ trường hợp được miễn nhiệm theo nguyện vọng.			
98	1.008923.000.00.00.H01	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	540/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị miễn nhiệm Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm Thừa phát lại để đối chiếu.		Thừa phát lại	
99	1.008937.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; - Giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với việc chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; - Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng (trong trường hợp		Thừa phát lại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				thay đổi trụ sở); - Hồ sơ đăng ký hành nghề của các Thừa phát lại theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.			
100	1.008936.000.00.00.H01	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại có công chứng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Biên bản kiểm kê hồ sơ nghiệp vụ của Văn phòng được chuyển nhượng;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại của các Thừa phát lại nhận chuyển nhượng để đối chiếu;</li> <li>- Giấy đề nghị chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Giấy đề nghị chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Bản chính Quyết định cho phép</li> </ul>		Thừa phát lại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 02 năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng được chuyển nhượng;</li> <li>- Văn bản cam kết của Thừa phát lại nhận chuyển nhượng với nội dung quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.</li> </ul>			
101	1.008934.000.00.00.H01	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị hợp nhất, giấy đề nghị sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Giấy đề nghị hợp nhất, giấy đề nghị sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập trong đó có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở của các Văn phòng bị hợp nhất, sáp</li> </ul>		Thừa phát lại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhập; thời gian thực hiện hợp nhất, sáp nhập; phương án xử lý tài sản, sử dụng lao động của các Văn phòng; việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các Văn phòng và các nội dung khác có liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng tính đến ngày đề nghị hợp nhất, sáp nhập;</li> <li>- Biên bản kiểm kê các hồ sơ nghiệp vụ và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng bị hợp nhất, sáp nhập;</li> <li>- Danh sách Thừa phát lại hợp danh và Thừa phát lại làm việc theo chế độ hợp đồng (nếu có) tại các Văn phòng;</li> <li>- Bản chính Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng.</li> </ul>			

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
102	1.008931.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh việc thay đổi và bản chính Giấy đăng ký hoạt động.</li> </ul>		Thừa phát lại	
103	1.008930.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại để đối chiếu;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện quy định tại khoản 3, 4 Điều 17 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP;</li> <li>- Hồ sơ đăng ký hành nghề của Thừa phát lại theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.</li> </ul>		Thừa phát lại	
104	1.008935.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động, Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng</li> </ul>		Thừa phát lại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại		<p>ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký hoạt động, Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> <li>- Quyết định cho phép hợp nhất, Quyết định cho phép sáp nhập;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của các Thừa phát lại đang hành nghề tại Văn phòng Thừa phát lại để đối chiếu.</li> </ul>			
105	1.008933.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định cho phép chuyển đổi để đối chiếu;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 của</li> </ul>		Thừa phát lại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Nghị định số 08/2020/NĐ-CP. - Giấy đề nghị đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;			
106	1.008932.000.00.00.H01	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản thuyết minh về việc chuyển đổi loại hình hoạt động, trong đó nêu rõ phương án chuyển đổi, tình hình tổ chức và hoạt động của Văn phòng tính đến ngày đề nghị chuyển đổi, dự kiến về tổ chức, tên gọi, địa điểm đặt trụ sở, nhân sự, các điều kiện vật chất;</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại để đối chiếu;</li> <li>- Bản chính Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại.</li> <li>- Giấy đề nghị chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</li> </ul>		Thừa phát lại	
107	1.008929.000.00.00.H01	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	- Giấy đề nghị thành lập Văn phòng Thừa phát lại theo mẫu do Bộ		Thừa phát lại	



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản thuyết minh về tổ chức, tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện; - Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại để đối chiếu.			
108	1.008928.000.00.00.H01	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	- Giấy đề nghị cấp lại Thẻ Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - 01 ảnh chân dung của Thừa phát lại cỡ 2cm x 3cm chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ; - Bản chính Thẻ Thừa phát lại trong trường hợp Thẻ bị hỏng.		Thừa phát lại	
109	1.008927.000.00.00.H01	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; - Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại		Thừa phát lại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>để đối chiếu;</p> <p>- 01 ảnh chân dung của Thừa phát lại cỡ 2cm x 3cm chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ.</p>			
110	1.008926.000.00.00.H01	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.		Thừa phát lại	
111	1.008925.000.00.00.H01	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	540/QĐ-UBND	<p>- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghề Thừa phát lại hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề Thừa phát lại hoặc quyết định công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài để đối chiếu.</p> <p>- Giấy đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;</p>		Thừa phát lại	
112	1.008906.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp	2330/QĐ-UBND	- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh, trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu;		Trọng tài thương mại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyên địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác		- Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam			
113	1.008889.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài (Mẫu số 04/TP-TTTM);</li> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu;</li> <li>- Bản sao có chứng thực Điều lệ Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu.</li> </ul>		Trọng tài thương mại	
114	1.008890.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 05/TP-TTTM);</li> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong</li> </ul>		Trọng tài thương mại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác		trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu; - Bản chính Quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trọng tài; - Bản chính Quyết định của Trung tâm trọng tài về việc cử Trưởng Chi nhánh.			
115	1.008905.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	540/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; - Bản chính Giấy đăng ký hoạt động; - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu.		Trọng tài thương mại	
116	1.008904.000.00.00.H01	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	540/QĐ-UBND	- Bản chính Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; - Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Tổ chức		Trọng tài thương mại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; - Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu; Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu.			
117	1.001248.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	540/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 12/TP-TTTM); Giấy xác nhận về việc bị mất Giấy đăng ký hoạt động của công an cấp xã nơi mất giấy tờ (trong trường hợp bị mất).		Trọng tài thương mại	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
118	2.000829.000.00.00.H01	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	540/QĐ-UBND	Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý; Giấy tờ chứng minh người thuộc diện trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 33 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý		Trợ giúp pháp lý	
119	2.001687.000.00.00.H01	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	540/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý. Giấy tờ, tài liệu liên quan đến yêu cầu thay đổi.		Trợ giúp pháp lý	
120	2.000592.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	540/QĐ-UBND	- Đơn khiếu nại - Các giấy tờ có liên quan		Trợ giúp pháp lý	
121	2.001680.000.00.00.H01	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	540/QĐ-UBND	Đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.		Trợ giúp pháp lý	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
122	1.001233.000.00.00.H01	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý đã được cấp.</li> <li>- Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-04);</li> </ul>		Trợ giúp pháp lý	
123	2.000596.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đơn đề nghị tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-01);</li> <li>- Danh sách luật sư, tư vấn viên pháp luật đủ điều kiện thực hiện trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-02);</li> <li>Bản sao thẻ luật sư, thẻ tư vấn viên pháp luật.</li> </ul>		Trợ giúp pháp lý	
124	2.000518.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	540/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (mẫu TP-TGPL - 11)		Trợ giúp pháp lý	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				02 ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm			
125	2.000587.000.00.00.H01	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	540/QĐ-UBND	Đơn đề nghị làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL - 10) Giấy tờ chứng minh là người đã nghỉ hưu theo quy định Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú 02 ảnh màu chân dung cỡ 2 cm x 3 cm		Trợ giúp pháp lý	
126	2.000840.000.00.00.H01	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	540/QĐ-UBND	Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý Văn bản thông báo về việc chấm dứt thực hiện trợ giúp pháp lý		Trợ giúp pháp lý	
127	2.000954.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	540/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP (Mẫu TP-TGPL-05).		Trợ giúp pháp lý	



TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
128	2.000970.000.00.00.H01	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, trong đó nêu rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Trợ giúp pháp lý và giới thiệu về tổ chức, hoạt động của tổ chức tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, nêu rõ số luật sư, số tư vấn viên pháp luật làm việc tại tổ chức; vụ việc tham gia tố tụng; kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý (nếu có); Bản sao Giấy đăng ký hoạt động Các tài liệu khác theo thông báo lựa chọn tổ chức (nếu có).		Trợ giúp pháp lý	
129	2.000977.000.00.00.H01	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, trong đó có nêu rõ việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật Trợ giúp pháp lý và giới thiệu về quá trình hành nghề của luật sư, vụ việc tham gia tố tụng; kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý (nếu có);		Trợ giúp pháp lý	

<b>TT</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố TTHC</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
				Bản sao thẻ luật sư; Các tài liệu khác theo thông báo lựa chọn luật sư (nếu có).			

**15.SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Di sản văn hóa</b>					
1	2.001631.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận. - Đơn đề nghị đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.		
2	1.003838.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính. - Đơn đề nghị nghiên cứu sưu tầm văn hoá phi vật thể. - Đề án nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể.		
3	2.001613.000.00.00.H01	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản xác nhận. - Đơn đề nghị xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				bảo tàng ngoài công lập.		
4	1.003793.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bảo tàng.</li> <li>- Văn bản xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</li> </ul>		
5	2.001591.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khảo cổ	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính.</li> <li>- Văn bản đề nghị cấp phép khai quật khảo cổ.</li> <li>- Sơ đồ tỉ lệ 1:500, thể hiện rõ vị trí, diện tích địa điểm khảo cổ cần khai quật khảo cổ.</li> <li>- Văn bản đề nghị cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ của tổ chức</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				phối hợp khai quật khẩn cấp (nếu có).		
6	1.003738.000.00.00.H01	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Chứng chỉ hành nghề.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.</li> <li>- Bản sao hợp pháp các văn bằng chuyên môn có liên quan.</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.</li> </ul>		
7	1.003646.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính.</li> <li>- Văn bản đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.</li> <li>- Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết và file lưu trữ (nếu có).</li> <li>- Bản ghi âm, ghi hình (nếu có).</li> <li>- Bản sao, bản đập (nếu có), bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật.</li> <li>- Tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có).</li> </ul>		
8	1.003835.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính.</li> <li>- Đơn đề nghị thẩm định và làm thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.</li> <li>- Bản thuyết minh hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh đặc tả chi tiết và file lưu trữ (nếu có).</li> <li>- Bản ghi âm, ghi hình (nếu có).</li> <li>- Bản sao, bản dập (nếu có), bản dịch đối với những hiện vật là sách, tài liệu chữ cổ hoặc hiện vật có hoa văn trang trí, có chữ viết thể hiện trên hiện vật.</li> <li>- Tài liệu khác liên quan đến hiện vật (nếu có).</li> </ul>		
9	1.001106.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.</li> <li>- Bản sao quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>ký kinh doanh có giá trị pháp lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách kèm theo lý lịch khoa học.</li> <li>- Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa cơ sở kinh doanh giám định cổ vật và các chuyên gia.</li> <li>- Danh mục trang thiết bị, phương tiện để thực hiện giám định.</li> </ul>		
10	1.001123.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Bản chính Giấy chứng nhận (đối với trường hợp bị hỏng hoặc có sự thay đổi các thông tin).</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã cấp thì phải gửi kèm theo hồ sơ các giấy tờ có liên quan đến sự thay đổi các thông tin.</li> </ul>		
11	1.001822.000.00.00.H01	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Chứng chỉ.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.</li> <li>- Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				nghị cấp Chứng chỉ hành nghề. - Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích. - 02 ảnh màu cỡ 3cm x 4cm chụp trong năm đề nghị cấp.		
12	1.002003.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Chứng chỉ. - Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Bản chính Chứng chỉ (đối với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề hoặc hết hạn sử dụng, bị hỏng). - Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. - 02 ảnh màu cỡ 3cm x 4cm chụp trong năm đề nghị cấp lại.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>- Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Chứng chỉ hành nghề đã cấp, phải gửi kèm theo hồ sơ các bản sao chứng chỉ, chứng nhận (qui định tại điểm b, c khoản 1 điều 11 Nghị định 61/NĐ-CP), cụ thể:</p> <p>+ Bản sao Chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng, hành nghề thiết kế xây dựng, hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng, kiến trúc liên quan đến hoạt động đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quy định.</p> <p>+ Bản sao chứng chỉ hoặc chứng nhận đã</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức về tu bổ di tích.		
13	1.003901.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.</li> <li>- Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề.</li> <li>- Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.</li> </ul>		
14	1.001641.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận hành nghề tu bổ di tích.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Bản chính Giấy chứng nhận (đối với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề hoặc hết hạn sử dụng, bị hỏng).</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.</li> <li>- Trường hợp bổ sung nội dung hành nghề đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận hành nghề đã cấp, phải gửi kèm theo hồ sơ các bản sao:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.</li> </ul> </li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				+ Danh sách người được cấp Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề (trường hợp bổ sung nội dung hành nghề).		
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Điện ảnh</b>					
15	1.003035.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép phổ biến phim. - Đơn đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim. - Giấy chứng nhận bản quyền phim.		
16	1.003017.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép phổ biến phim. - Đơn đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				biệt tác động đến người xem phim. - Giấy chứng nhận bản quyền phim.		
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm</b>					
17	1.001833.000.00.00.H01	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Thông báo bằng văn bản phải nêu rõ: tên, chủ đề cuộc thi, địa điểm, thời gian tổ chức cuộc thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật. Trường hợp phối hợp với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế; tổ chức cuộc thi sáng tác tác phẩm tại Việt Nam, Văn bản thông báo phải nêu rõ tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phối hợp tổ chức thi.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				- Đề án tổ chức cuộc thi và thể lệ cuộc thi.		
18	1.001809.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam.</li> <li>- Danh sách tác giả, tác phẩm, chất liệu, kích thước tác phẩm, năm sáng tác.</li> <li>- Mỗi tác phẩm một ảnh màu kích thước 10cm x 15cm. Riêng đối với triển lãm nghệ thuật sắp đặt phải có ảnh chính diện, bên phải và bên trái tác phẩm, kèm theo văn bản trình bày ý tưởng nội dung tác phẩm. Trường hợp tác phẩm có chữ nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt. Tổ chức, cá nhân phải chịu</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				trách nhiệm về nội dung bản dịch. - Đối với triển lãm ngoài trời tổ chức tại Việt Nam: Văn bản của chủ địa điểm triển lãm cam kết đảm bảo các điều kiện về trật tự, an toàn xã hội, văn minh công cộng, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ. - Đối với trường hợp đưa tác phẩm mỹ thuật ra nước ngoài triển lãm, phải kèm theo giấy mời hoặc văn bản thoả thuận của đối tác nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền);		
19	1.001778.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép. - Đơn đề nghị cấp giấy phép sao chép tranh, tượng danh nhân văn		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				hóa, ảnh hùng dân tộc, lãnh tụ. - Ảnh màu kích thước 18cm x 24cm chụp bản mẫu và bản sao. - Hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm mẫu: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu.		
20	1.001755.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép. - Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng. - Quyết định chọn mẫu phác thảo bước hai của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, kèm theo ảnh, phác thảo chụp bốn mặt cỡ ảnh 18cm x 24cm có kèm chú thích.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thành phần hồ sơ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.</li> </ul>		
21	1.001738.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc.</li> <li>- Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li> <li>- Thẻ lệ.</li> </ul>		
22	1.001704.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam.</li> <li>- Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng).</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13cm x 18cm hoặc ghi vào đĩa CD.</li> <li>- Đối với trường hợp tổ chức triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại các địa điểm không phải là nhà triển lãm phải có văn bản đồng ý của chủ địa điểm tổ chức triển lãm.</li> <li>- Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khoa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người được chụp về nội dung chụp, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm.</li> </ul>		
23	1.001671.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách tác phẩm bằng tiếng Việt (ghi rõ số thứ tự tác phẩm, tên tác phẩm, tên tác giả, chất liệu, kích thước, số lượng).</li> <li>- Ảnh sẽ triển lãm có chú thích; ảnh in trên giấy kích thước nhỏ nhất 13cm x 18cm hoặc ghi vào đĩa CD.</li> <li>- Thư mời, thông báo, sách ảnh (nếu có), văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng với đối tác nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt.</li> <li>- Đối với các tác phẩm nhiếp ảnh khỏa thân lộ rõ danh tính phải có văn bản thỏa thuận giữa người chụp ảnh và người</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				được chụp về nội dung chụp, thời gian và phạm vi công bố tác phẩm.		
24	1.001229.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm.</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo);</li> <li>- Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10cm x 15cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số.</li> <li>- Văn bản thỏa thuận hoặc thư mời, thông báo,</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>hợp đồng của phía nước ngoài về việc tổ chức triển lãm.</p> <p>- Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân của người tổ chức triển lãm (đối với triển lãm do cá nhân người Việt Nam đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua đường bưu điện); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến).</p>		
25	1.001211.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm.</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo).</li> <li>- Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu và makét trưng bày (kích thước 10cm x 15cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số.</li> <li>- Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê, mượn địa điểm triển lãm.</li> <li>- Hộ chiếu (đối với triển lãm do người nước ngoài hoặc người Việt</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>Nam định cư ở nước ngoài đứng tên tổ chức): Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp qua đường bưu điện); Nộp bản chụp lại từ bản gốc (trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến).</p> <p>- Phương án bảo đảm các điều kiện về trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ.</p>		
26	1.001191.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy phép đã được cấp.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tổ chức triển lãm.</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo).</li> <li>- Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10cm x 15cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số.</li> </ul>		
27	1.001182.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy phép đã được cấp.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm.</li> <li>- Danh sách tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung (có ghi rõ tên tác giả, chủ sở hữu; tên, số lượng; chất liệu, kích thước tác phẩm hoặc hiện vật, tài liệu; các chú thích kèm theo).</li> <li>- Ảnh chụp từng tác phẩm, hiện vật, tài liệu thay thế hoặc bổ sung và makét trưng bày (kích thước 10x15 cm) in trên giấy hoặc ghi vào phương tiện lưu trữ kỹ thuật số.</li> </ul>		
28	1.001147.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Thông báo tổ chức triển lãm.</li> </ul>		
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn</b>					

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
29	1.009397.000.00.00.H01	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật.</li> <li>- Kịch bản, danh mục tác phẩm gắn với tác giả, người chịu trách nhiệm chính về nội dung chương trình (đối với tác phẩm nước ngoài phải kèm bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch).</li> </ul>		
30	1.009398.000.00.00.H01	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan.</li> <li>- Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan.</li> </ul>		
31	1.009399.000.00.00.H01	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.</li> <li>- Đề án tổ chức cuộc thi.</li> </ul>		
32	1.009403.000.00.00.H01	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Tờ khai về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu.</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp số 1.</li> <li>- Bản sao giấy mời dự thi kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch.</li> </ul>		
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa cơ sở</b>					
33	1.003676.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phần số lượng khách mời.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.</li> <li>- Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội.</li> <li>- Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống).</li> </ul>		
34	1.003654.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Tên lễ hội, sự cần thiết về lễ việc tổ chức hội.</li> <li>- Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội.</li> <li>- Dự kiến thành phần, số lượng khách mời.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội.</li> <li>- Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.</li> </ul>		
35	1.001029.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.</li> <li>- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.</li> </ul>		
36	1.001008.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.		
37	1.000963.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (<i>trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp</i>); nộp bản sao có chứng thực (<i>trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến</i>).</li> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				kinh doanh dịch vụ karaoke.		
38	1.000922.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).</li> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				kinh doanh: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).		
39	1.004659.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính và Giấy công nhận.</li> <li>- Báo cáo thành tích 05 năm xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa của Công đoàn cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.</li> <li>- Công văn đề nghị của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				dựng đời sống văn hóa” cấp tỉnh.		
40	1.004650.000.00.00.H01	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng, vị trí lắp đặt bảng quảng cáo.</li> <li>- Bản sao chụp (bản photocopy và mang theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo.</li> <li>- Bản sao chụp (bản</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>photocopy và mang theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật quảng cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao chụp (bản photocopy và mang theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức (trong trường hợp quảng cáo cho sự kiện, chính sách xã hội).</li> <li>- Ma-két sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo. Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với bảng-rôn.</li> <li>- Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo.</li> <li>- Bản sao chụp (bản photocopy và mang theo bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với loại</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				bảng quảng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Quảng cáo.		
41	1.004645.000.00.00.H01	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Văn bản thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo (nêu rõ nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo, số lượng người tham gia đoàn người thực hiện quảng cáo, thời gian và lộ trình thực hiện).</li> </ul>		
42	1.004639.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thao và Du lịch quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi doanh nghiệp thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận.</li> <li>- Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh được sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài trong năm tài chính gần nhất.</li> <li>- Các giấy tờ quy định tại Điểm 2 và Điểm 3 nêu trên phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng thực và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.		
43	1.004666.000.00.00.H01	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có chứng thực.</li> <li>- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
44	1.004662.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp. Trường hợp Giấy phép bị mất phải có giấy xác nhận của cơ quan công an nơi bị mất Giấy phép.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.</li> </ul>		
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa</b>					
45	1.003784.000.00.00.H01	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (theo mẫu).</li> <li>- Giấy chứng nhận bản quyền tác giả, bản dịch tóm tắt nội dung phim; giấy ủy quyền; chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật, cụ thể.</li> <li>+ Cá nhân, tổ chức nhập khẩu phim để phổ biến theo quy định của pháp luật phải cung cấp Giấy chứng nhận bản quyền tác giả; hợp đồng; bản dịch tóm tắt nội dung phim.</li> <li>+ Cá nhân, tổ chức nhập khẩu di vật, cổ vật phải cung cấp Giấy chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cá nhân, tổ chức làm dịch vụ giao nhận vận chuyển văn hóa phẩm nhập khẩu cho khách hàng phải cung cấp giấy ủy quyền.</li> <li>- Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có).</li> </ul>		
46	1.003743.000.00.00.H01	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Biên bản giám định và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm.</li> <li>- Văn hóa phẩm đề nghị giám định (bản gốc);</li> <li>- Bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật (bao gồm cả di vật, cổ vật tái xuất khẩu) của</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật.		
47	2.001496.000.00.00.H01	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản phê duyệt. - Đơn đề nghị của thương nhân nhập khẩu. - Hình ảnh tác phẩm nhập khẩu, nêu rõ chất liệu, kích thước.		
48	1.003608.000.00.00.H01	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản phê duyệt. - Đơn đăng ký xét duyệt nội dung tác phẩm. - Bản sao văn bản chứng minh nguồn gốc hợp		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>pháp của tác phẩm hoặc sản phẩm.</p> <p>- Tác phẩm đề nghị xét duyệt nội dung để nhập khẩu.</p>		
49	1.003560.000.00.00.H01	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<p>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản phê duyệt.</p> <p>- Đơn đề nghị nhập khẩu sản phẩm.</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các loại giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý có giá trị tương đương khác và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (nếu có).</p> <p>- Bản mô tả nội dung, hình ảnh, cách thức vận</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				hành/sử dụng, chủng loại, số lượng, tính năng của từng loại hàng hóa và các thông tin liên quan khác đến sản phẩm nhập khẩu (nếu có).		
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Thư viện</b>					
50	1.008895.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo thành lập thư viện (theo mẫu).</li> </ul> </li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài:</li> <li>+ Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo thành lập thư viện.</li> <li>+ Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14.</li> </ul>		
51	1.008896.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> <li>- Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo sáp nhập/ hợp nhất /chia/ tách thư viện.</li> </ul>		
52	1.008897.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam		- Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện.		
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Gia đình</b>					
53	1.005441.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC:</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.</li> <li>+ Quy chế hoạt động của cơ sở được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.</li> <li>- Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.</li> <li>- Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở hỗ trợ</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>nạn nhân bạo lực gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình có trụ sở hoạt động đặt trên địa bàn.</li> <li>- Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính.</li> <li>- Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu.</li> <li>- Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc.		
54	1.001420.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hư hỏng).</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động</li> </ul> </li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>được phê duyệt (trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất).</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.</p>		
55	1.001407.000.00.00.H01	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<p>- Kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.</p> <p>+ Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (trường hợp Quy chế hoạt động được sửa đổi, bổ sung).</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở.</li> <li>- Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.</li> <li>- Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động).</li> <li>- Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở (nếu có sửa đổi, bổ sung).</li> </ul>		
56	2.001414.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC:</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>+ Quy chế hoạt động của cơ sở được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.</p> <p>- Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình có trụ sở chính hoạt động đặt trên địa bàn.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính.</li> <li>- Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu.</li> <li>- Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				tham gia tập huấn cho người làm việc.		
57	1.000919.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hỏng);</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất).</li> </ul> </li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.		
58	1.000817.000.00.00.H01	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC:</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</li> <li>+ Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phê duyệt (trường hợp Quy chế hoạt động được sửa đổi, bổ sung).</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở.</li> <li>- Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động).</li> <li>- Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở (nếu có sửa đổi, bổ sung).</li> </ul>		
59	1.000454.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.</li> <li>- Đơn đăng ký tham dự kiểm tra.</li> <li>- Giấy xác nhận đã qua khóa đào tạo tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan nơi người đó công tác hoặc</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.</p> <p>- 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm.</p>		
60	1.000433.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<p>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Đơn đăng ký tham dự kiểm tra.</p> <p>- Giấy xác nhận đã qua khóa đào tạo tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</p> <p>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan nơi người đó công tác hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.</p> <p>- 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm.</p>		
61	1.000379.000.00.00.H01	Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<p>- Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ nhân viên</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình. - Đơn đề nghị cấp Thẻ nhân viên chăm sóc. - Bản sao Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình. - 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm.		
62	1.000104.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình. - Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Thẻ cũ (trong trường hợp thẻ bị rách hoặc hư hỏng). - Đơn đề nghị cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc. - Bản sao Chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc. - 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm.		
63	2.000022.000.00.00.H01	Thủ tục cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ nhân viên tư vấn.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Thẻ nhân viên tư vấn.</li> <li>- Bản sao Chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</li> <li>- 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm.</li> </ul>		
64	1.003310.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ nhân viên tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Thẻ cũ (trong trường hợp thẻ bị rách hoặc hư hỏng).</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</li> <li>- 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm.</li> </ul>		
<b>IX</b>	<b>Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</b>					
65	1.004723.000.00.00.H01	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản trả lời.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
		tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng/súng săn/vũ khí thể thao/vật liệu nổ/công cụ hỗ trợ để làm đạo cụ.</li> <li>- Bản sao chứng thực quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ quan, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật.</li> <li>- Kịch bản phim hoặc Bản nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật.</li> </ul>		
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực Thể dục thể thao</b>					
66	1.002445.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh.</li> </ul>		
67	1.002396.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh.</li> </ul>		
68	1.003441.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của giấy chứng nhận đủ điều kiện.</li> </ul>		
69	1.000983.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.</li> <li>- Tài liệu chứng minh sự thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện.</li> </ul>		
70	1.001782.000.00.00.H01	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính.</li> <li>- Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều lệ giải thể thao.</li> <li>- Chương trình thi đấu.</li> </ul>		
71	1.002013.000.00.00.H01	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính.</li> <li>- Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức.</li> <li>- Điều lệ giải thể thao.</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
72	1.001782.000.00.00.H01	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình thi đấu.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính.</li> <li>- Đơn xin đăng cai tổ chức, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn khi tổ chức.</li> <li>- Điều lệ giải thể thao.</li> <li>- Chương trình thi đấu.</li> </ul>		
73	1.000953.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
74	1.000936.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
75	1.000920.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
76	1.001195.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
77	1.000904.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
78	1.000883.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
79	1.000863.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				nhận của nhân viên chuyên môn.		
80	1.000847.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
81	1.000830.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				kinh doanh hoạt động thể thao. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.		
82	1.000814.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận. - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận. - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
83	1.000644.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
84	1.000842.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
85	1.005163.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
86	2.002188.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
87	1.000594.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
88	1.000560.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
89	1.000544.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
90	1.000518.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				nhận của nhân viên chuyên môn.		
91	1.000501.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
92	1.000485.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				kinh doanh hoạt động thể thao. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.		
93	1.001801.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận. - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận. - Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
94	1.001500.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
95	1.005162.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
96	1.001517.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
97	1.001527.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.</li> </ul>		
98	1.001056.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.</li> <li>- Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				- Bản sao văn bản, chứng chỉ, giấy chứng nhận của nhân viên chuyên môn.		
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực Lữ hành</b>					
99	1.004528.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận điểm du lịch	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định công nhận điểm du lịch.</li> <li>- Đơn đề nghị công nhận điểm du lịch.</li> <li>- Bản thuyết minh về điều kiện công nhận điểm du lịch.</li> <li>- GCN quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất/hợp đồng thuê đất.</li> <li>- Danh sách nhân sự và văn bản, chứng chỉ.</li> <li>- Thành phần hồ sơ minh chứng cho báo cáo thuyết minh điều kiện công nhận điểm du lịch (Kết quả giải quyết TTHC theo quy định</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>của pháp luật chuyên ngành có liên quan):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</li> <li>+ Quy hoạch, chủ trương đầu tư, giấy phép xây dựng;</li> <li>+ Các loại giấy tờ liên quan đến hoạt động PCCC, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự;</li> </ul> <p>Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.</p>		
100	2.001628.000.00.00.H01	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành.</li> <li>- Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành.</li> <li>- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		
101	2.001616.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận ký quỹ phù hợp với phạm vi kinh doanh.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
102	2.001622.000.00.00.H01	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận ký quỹ phù hợp với phạm vi kinh doanh.</li> </ul>		
103	2.001611.000.00.00.H01	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp.</li> <li>- Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> </ul>		
104	2.001589.000.00.00.H01	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp.</li> <li>- Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> <li>- Quyết định giải thể, biên bản họp của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp giải</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thể theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp; Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp.</p>		
105	1.003742.000.00.00.H01	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp.</li> <li>- Quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản.</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
106	1.001837.000.00.00.H01	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.</li> <li>- Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phép thành lập Văn phòng đại diện của Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đối với trường hợp bị thu hồi Giấy phép).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội.</li> <li>- Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động.</li> <li>- Đối với trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, hồ sơ chấm dứt hoạt động</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				Văn phòng đại diện chỉ bao gồm Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện và Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.		
107	1.001440.000.00.00.H01	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.</li> <li>- 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4 cm.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
108	1.004605.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế.</li> <li>- Mẫu Đăng ký tham dự khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch.</li> </ul>		
109	1.003717.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.</li> <li>- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài được cơ quan đại diện ngoại</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</li> <li>- Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong năm tài chính gần nhất, được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện, được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</li> <li>- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phòng đại diện bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thoả thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện.</li> <li>+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 và quy định pháp luật có liên quan.</li> </ul>		
110	1.003240.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký.</li> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 1 năm 2016.</li> <li>- Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến, bao gồm:</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>+ Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thoả thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện;</p> <p>+ Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 và quy định pháp luật có liên quan.</p>		
111	1.003275.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<p>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.</p> <p>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký.		
112	1.005161.000.00.00.H01	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.</li> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký.</li> <li>- Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp</li> </ul> </li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>+ Trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện: Văn bản của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>phòng đại diện; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi.</p> <p>+ Trường hợp thay địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thoả thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện.</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
113	1.003002.000.00.00.H01	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</li> <li>- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài ký.</li> <li>- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài được dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong năm tài chính gần nhất được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				quy định pháp luật Việt Nam.		
114	1.004628.000.00.00.H01	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ: Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ ngoại ngữ: Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ.</li> <li>+ Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài.</li> <li>+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo.</p> <p>+ Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 này còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.</p> <p>Văn bản, chứng chỉ, giấy chứng nhận do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công</p>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4 cm.		
115	1.004623.000.00.00.H01	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.</li> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ: Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.</li> <li>- 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm.</li> </ul>		
116	1.001432.000.00.00.H01	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/ thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.</li> <li>- Kết quả giải quyết TTHC trước đó: Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.</li> <li>- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.</li> <li>- 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4 cm.</li> <li>- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp.</li> </ul>		
117	1.004614.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa/Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.</li> <li>- 02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm.</li> <li>- Bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi trong trường hợp cấp lại thẻ do thay đổi thông tin trên thẻ hướng dẫn viên du lịch.</li> </ul>		
118	1.003490.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.</li> <li>- Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch.</li> <li>- Bản tự đánh giá chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định trong tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch.</li> <li>- Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch.</li> </ul>		
<b>XII</b>	<b>Lĩnh vực Dịch vụ du lịch khác</b>					
119	1.004551.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.</li> <li>- Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.</li> <li>- Thành phần hồ sơ minh chứng cho báo cáo thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				vụ khách du lịch (Kết quả giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan): + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. + Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ thể thao theo quy định của pháp luật. + Các loại giấy tờ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, PCCC, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự. - GCN quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất/hợp đồng thuê đất. - Danh sách nhân sự và văn bằng, chứng chỉ.		
120	1.004503.000.00.00.00.H01	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.</li> <li>- Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.</li> <li>- Thành phần hồ sơ minh chứng cho báo cáo thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Kết quả giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan):               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ vui chơi, giải trí theo quy định của pháp luật.</li> <li>+ Quy hoạch, chủ trương đầu tư, giấy phép xây dựng.</li> </ul> </li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm nếu có kinh doanh dịch vụ ăn uống.</li> <li>+ Các loại giấy tờ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, PCCC, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự.</li> <li>- GCN quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất/hợp đồng thuê đất.</li> <li>- Danh sách nhân sự và văn bằng, chứng chỉ.</li> </ul>		
121	1.001455.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.</li> <li>- Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.</li> <li>- Thành phần hồ sơ minh chứng cho báo</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>cáo thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Kết quả giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ vui chơi, giải trí theo quy định của pháp luật.</li> <li>+ Quy hoạch, chủ trương đầu tư, giấy phép xây dựng.</li> <li>+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm nếu có kinh doanh dịch vụ ăn uống.</li> <li>+ Các loại giấy tờ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, PCCC,</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				bảo vệ môi trường, an ninh trật tự. - GCN quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất/hợp đồng thuê đất. - Danh sách nhân sự và văn bằng, chứng chỉ.		
122	1.004580.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định. - Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. - Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. - Thành phần hồ sơ minh chứng cho báo cáo thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Kết quả giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan):		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ vui chơi, giải trí theo quy định của pháp luật.</li> <li>+ Quy hoạch, chủ trương đầu tư, giấy phép xây dựng.</li> <li>+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm nếu có kinh doanh dịch vụ ăn uống.</li> <li>+ Các loại giấy tờ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, PCCC, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự.</li> <li>- GCN quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất/hợp đồng thuê đất.</li> <li>- Danh sách nhân sự và văn bằng, chứng chỉ.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
123	1.004572.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định.</li> <li>- Đơn đề nghị cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.</li> <li>- Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.</li> <li>- Thành phần hồ sơ minh chứng cho báo cáo thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Kết quả giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</li> <li>+ Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ vui chơi, giải trí theo quy định của pháp luật.</li> </ul> </li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quy hoạch, chủ trương đầu tư, giấy phép xây dựng.</li> <li>+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm nếu có kinh doanh dịch vụ ăn uống.</li> <li>+ Các loại giấy tờ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, PCCC, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự.</li> <li>- GCN quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất/hợp đồng thuê đất.</li> <li>- Danh sách nhân sự và văn bằng, chứng chỉ.</li> </ul>		
124	1.004594.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)	1982/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch.</li> <li>- Đơn đề nghị công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản tự đánh giá chất lượng của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định trong tiêu chuẩn quốc gia về xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch.</li> <li>- Danh sách người quản lý và nhân viên trong cơ sở lưu trú du lịch.</li> <li>- Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ và giấy chứng nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực du lịch của người quản lý, trưởng bộ phận trong cơ sở lưu trú du lịch.</li> </ul>		
125	3.000176	Thủ tục đăng ký đề nghị hỗ trợ đầu tư	622/QĐ-UBND, ngày 29/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Thông báo chấp nhận hoặc từ chối bằng văn bản.</li> <li>- Đề xuất dự án đầu tư.</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ.</li> </ul>		
126	1.009476	Thủ tục đề nghị nhận hỗ trợ đầu tư	622/QĐ-UBND, ngày 29/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản cam kết hỗ trợ thực hiện Nghị quyết.</li> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ.</li> <li>- Đề xuất dự án đầu tư.</li> </ul>		
127	1.009475	Thủ tục đề nghị hỗ trợ đầu tư	622/QĐ-UBND, ngày 29/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả giải quyết TTHC: Thanh toán chi phí hỗ trợ.</li> <li>- Công văn đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ.</li> <li>- Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư dự án.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; loại đất ghi trên Giấy chứng nhận phù</li> </ul>		



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<p>hợp với loại hình đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao có chứng thực Giấy phép xây dựng (trừ trường hợp được miễn cấp giấy phép theo quy định).</li> <li>- Bản sao thiết kế - dự toán đối với công trình xây dựng; Bản sao hồ sơ về mua sắm trang thiết bị, vật liệu xây dựng và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình; Riêng đối với hỗ trợ lãi suất kèm bản sao có chứng thực hoặc xác nhận của tổ chức tín dụng hợp đồng tín dụng vay vốn đối với ngân hàng, bảng kê dự nợ vay và số tiền lãi suất đã nộp từ ngày vay đến thời điểm hỗ trợ có xác nhận của tổ chức tín dụng vay trên địa bàn</li> </ul>		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				tỉnh (xác nhận khách hàng vay vốn và sử dụng vốn đúng mục đích). - Bản sao Quyết định công nhận cơ sở dịch vụ du lịch đạt chuẩn hoặc xác nhận cơ sở đủ điều kiện hoạt động.		

## 16.SỞ XÂY DỰNG

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	1.009973.000.00.00.H01	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (cấp tỉnh)	1297/QĐ-UBND	Tờ trình thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng;	Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt;	

				Các văn bản pháp lý kèm theo.	Hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định.	
2	1.009979.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng; (đối với trường hợp bị rách, nát).	Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp	
3	1.009990.000.00.00.H01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (do lỗi của cơ quan cấp)	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động. Bản gốc chứng chỉ hành nghề còn thời hạn.		
4	1.009988.000.00.00.H01	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập;		

				<p>Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;</p> <p>Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung kê khai;</p> <p>Hợp đồng;</p> <p>Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng.</p>		
5	1.009987.000.00.00.H01	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài hạng II, III	1297/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động;</p> <p>Văn bằng được đào tạo.</p>		
6	1.009986.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	1297/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng;</p> <p>Chứng chỉ hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại,</p>		

				hạng chứng chỉ đề nghị cấp; Các quyết định phân công công việc; Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.		
7	1.009984.000.00.00.H01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động; Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp; Các quyết định phân công công việc. Bản gốc chứng chỉ hành nghề còn thời hạn nhưng bị hư hỏng		
8	1.009983.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng; Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp;		

				<p>Các quyết định phân công công việc;          Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.</p>		
9	1.009928.000.00.00.H01	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	1297/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng;          Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp;          Chứng chỉ hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp;          Các quyết định phân công công việc;          Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.</p>		
10	1.009991.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	1297/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;          Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập;          Quyết định công nhận phòng thí</p>		

				nghiệm chuyên ngành xây dựng; Chứng chỉ hành nghề kèm theo bản kê khai và tự xác định hạng chứng chỉ; Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung kê khai; Hợp đồng; Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng.		
11	1.009989.000.00.00.H01	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp.		
12	1.009985.000.00.00.H01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (do lỗi của cơ quan cấp)	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động. Bản gốc chứng chỉ hành nghề còn thời hạn sử dụng nhưng bị ghi sai thông tin.		

13	1.009981.000.00.00.H01	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	1297/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng;</p> <p>Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng;</p> <p>Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung điều chỉnh;</p> <p>Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư.</p>		
14	1.009980.000.00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	1297/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng;</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp;</p> <p>Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử báo cáo tổng hợp kiểm toán tài</p>		



				<p>chính trong 03 năm gần nhất;</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu;</p> <p>Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu;</p> <p>Quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của dự án.</p>		
15	1.009976.000.00.00.H01	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho	1297/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình;</p> <p>Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử</p>	Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả	

		công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án):		dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình; Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình; Thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến;	thực trạng công trình được di dời. Bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.	
16	1.009975.000.00.00.H01	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình; Giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình.	- Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (kích thước tối thiểu	

					10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo. - Hồ sơ thiết kế sửa chữa, cải tạo tương ứng với mỗi loại công trình.	
17	1.009982.000.00.00.H01	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp; Các quyết định phân công công việc; Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.		
18	1.009978.000.00.00.H01	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng;	Bản chính giấy phép xây	

		tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)			dựng đã được cấp.	
19	1.009977.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng; Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp; Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế;	Bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200	
20	1.009974.000.00.00.H01	Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng. <b>1. Đối với công trình không theo tuyển:</b> - Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định; báo cáo kết quả thẩm tra.	02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng.  02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng	

**2. Đối với công trình theo tuyến:**

- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất.

- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định; báo cáo kết quả thẩm tra thiết;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

- Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại

nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy

02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng.

02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng.

cơ quan chuyên môn về xây dựng.

**3. Đối với công trình tín ngưỡng, tôn giáo:**

- Ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng.

**4. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:**

Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất.

Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định;

báo cáo kết quả thẩm tra;

02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng.

				<p>Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;</p> <p><b>5. Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:</b></p> <p>Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất.</p> <p>Quyết định phê duyệt dự án;</p> <p>Văn bản thông báo kết quả thẩm định; báo cáo kết quả thẩm tra;</p> <p>Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.</p>		
21	1.009972.000.00.00.H01	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.	1297/QĐ-UBND	<p>Tờ trình báo cáo nghiên cứu khả thi;</p> <p>Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>Quyết định lựa chọn phương án thiết kế</p>	Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi và bản vẽ;	

				kiến trúc thông qua thi tuyển.	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt.	
22	1.009936.000.00.00.H01	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp.		
23	1.008432.000.00.00.H01	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1651/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch; Các văn bản pháp lý có liên quan.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ hiện trạng vị trí, Bản vẽ sơ đồ nhà đất, Bản trích lục, trích đo địa chính thửa đất...;	
24	1.010007.000.00.00.H01	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại Khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	1400/QĐ-UBND	Đơn đề nghị có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân.		



25	1.010009.000.00.00.H01	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)	1400/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị của nhà đầu tư; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất; Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính; Giấy tờ chứng minh có vốn ký quỹ.		
26	1.010006.000.00.00.H01	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	1400/QĐ-UBND	Đơn đề nghị theo mẫu quy định; Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân; Giấy chứng nhận đối với nhà ở đã mua hoặc hợp đồng thuê nhà.		
27	1.010005.000.00.00.H01	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy	1400/QĐ-UBND	Đơn đề nghị theo mẫu quy định;		

		định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP		Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân; Giấy chứng nhận đối với phần diện tích nhà đất đã mua hoặc hợp đồng mua bán.		
28	1.007764.000.00.00.H01	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	1400/QĐ-UBND	Đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở; Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng và có đủ điều kiện về nhà ở; Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở xã hội (nếu có)		
29	1.007766.000.00.00.H01	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	1400/QĐ-UBND	Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ; Giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở. Bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân.		

30	1.007767.000.00.00.H01	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	1400/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị mua nhà ở cũ;</p> <p>Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;</p> <p>Hợp đồng thuê nhà ở được lập hợp pháp;</p> <p>Giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà ở.</p>		
31	1.007762.000.00.00.H01	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.	2148/QĐ-UBND	<p>Công văn đề nghị định giá, điều chỉnh giá;</p> <p>Phương án giá;</p> <p>Văn bản thẩm định phương án giá.</p>		
32	1.007750.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	2775/QĐ-UBND	<p>Văn bản đề nghị thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua;</p> <p>Giấy tờ về quyền sử dụng đất;</p> <p>Giấy tờ về nghiệm thu việc hoàn thành xây dựng cơ sở hạ</p>	Hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ thi công.	

				tàng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ.		
33	1.007748.000.00.00.H01	Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	2775/QĐ-UBND	<p><b>* Đối với cá nhân:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở.</li> <li>- Bản sao và xuất trình bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có công chứng.</li> </ul> <p><b>* Đối với tổ chức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở.</li> <li>- Giấy chứng nhận đối với nhà ở; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</li> </ul>		
34	1.007763.000.00.00.H01	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	2775/QĐ-UBND	<p>Văn bản đăng ký thuê nhà ở;</p> <p>Đơn đề nghị thuê nhà ở;</p> <p>Bản sao quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác</p>		

				có xác nhận của cơ quan ra quyết định.		
35	1.006873.000.00.00.H01	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	2775/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư;</p> <p>Giấy phép xây dựng nhà chung cư;</p> <p>Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc văn bản chấp thuận tổng mặt bằng khu vực có nhà chung cư;</p> <p>Văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình nhà chung cư;</p> <p>Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư.</p>	Bản vẽ thiết kế cơ sở nhà chung cư	
36	1.006876.000.00.00.H01	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	2775/QĐ-UBND	Đơn đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư;		

				Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư; Quyết định công nhận hạng nhà chung cư.		
37	1.006871.000.00.00.H01	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	2775/QĐ-UBND	Bảng khai công bố hợp quy; Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận hợp quy kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức hợp quy cấp.		
38	1.007765.000.00.00.H01	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	2775/QĐ-UBND	Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên; Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có).		
39	1.002625.000.00.00.H01	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	2775/QĐ-UBND	Đơn xin cấp lại (cấp đổi) chỉ hành nghề môi giới bất động sản		
40	1.002572.000.00.00.H01	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	2775/QĐ-UBND	Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng;		

				<p>Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài;</p> <p>Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);</p> <p>Bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông;</p> <p>Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp;</p> <p>Kết quả sát hạch.</p>		
41	1.002621.000.00.00.H01	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp xây dựng do UBND cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	2775/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị trong đó có thông tin điều chỉnh và các tài liệu chứng minh về thông tin điều chỉnh kèm theo.		
42	2.001116.000.00.00.H01	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	2775/QĐ-UBND	Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định		

				<p>viên tư pháp xây dựng;</p> <p>Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng;</p> <p>Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp;</p> <p>Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc;</p> <p>Các giấy tờ khác chứng minh người được đề nghị bổ nhiệm.</p>	
43	1.002693.000.00.00.H01	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	2775/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị nêu rõ vị trí cây cần chặt hạ, dịch chuyển; loại cây;</p> <p>Sơ đồ vị trí cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển.</p>	<p>Ảnh màu chụp hiện trạng cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển (cỡ ảnh tối thiểu 10cm × 15cm)</p>



44	1.002515.000.00.00.H01	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	2775/QĐ-UBND	<p>1. Đối với cá nhân: Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc; Chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo.</p> <p>2. Đối với tổ chức: Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc.</p>		
45	1.003011.000.00.00.H01	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	2775/QĐ-UBND	<p>Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án; Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; Các văn bản pháp lý có liên quan.</p>	<p>Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch; Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;</p>	

					Các phụ lục tính toán kèm theo;	
46	1.002701.000.00.00.H01	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	2775/QĐ-UBND	<p>Tờ trình đề nghị thẩm định;</p> <p>Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch;</p> <p>Đánh giá sơ bộ hiện trạng;</p> <p>Dự kiến các chỉ tiêu cơ bản áp dụng trong đồ án về quy mô dân số, nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>Tổng hợp lấy ý kiến nhiệm vụ quy hoạch;</p> <p>Các văn bản pháp lý có liên quan.</p>	<p>Các bản vẽ in màu thu nhỏ.</p> <p>Yêu cầu cụ thể về việc điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập tài liệu;</p> <p>Dự kiến các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực lập quy hoạch chi tiết đô thị;</p> <p>Xác định danh mục bản vẽ, thuyết minh, phụ lục kèm theo;</p> <p>Số lượng, quy cách của sản</p>	

					<p>phẩm hồ sơ đồ án;</p> <p>Kế hoạch và tiến độ tổ chức lập quy hoạch;</p> <p>Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;</p>	
47	1.008992.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	2391/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị công nhận chứng chỉ hành nghề;</p> <p>Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp, dịch ra tiếng Việt và được công chứng;</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao.</p>		

48	1.008991.000.00.00.H01	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	2391/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề;          Chứng chỉ (hoặc chứng nhận) tham gia hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục lĩnh vực kiến trúc do tổ chức xã hội nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu đào tạo về kiến trúc cấp;          Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao.</p>		
49	1.008993.000.00.00.H01	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	2391/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề;          Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp, dịch ra tiếng Việt và được công chứng;</p>		

				Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao.		
50	1.008989.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).	2391/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề; Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao; Giấy tờ chứng minh thông tin cần thay đổi		
51	1.008990.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	2391/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề; Bản gốc chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được cấp.		
52	1.008891.000.00.00.H01	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	2391/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp;		

				<p>Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ);</p> <p>Hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc theo kê khai (trường hợp cá nhân hành nghề độc lập);</p> <p>Kết quả sát hạch đạt yêu cầu còn hiệu lực.</p>		
53	1.010747.000.00.00.H01	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đầu tư	414/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư;</p> <p>Dự thảo hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản;</p> <p>Quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án;</p>	Quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc bản vẽ tổng mặt bằng.	

Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng của dự án;

Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Báo cáo quá trình thực hiện dự án;

Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ chứng minh việc thành lập tổ chức;

Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính; chứng minh các

				nguồn vốn huy động (nếu có);		
54	1.009791.000.00.00.H01	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	989/QĐ-UBND	Báo cáo đánh giá an toàn công trình xây dựng; Báo cáo kết quả tổ chức thực hiện kiểm tra, kiểm định đánh giá chất lượng hiện trạng công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp.		
55	1.009794.000.00.00.H01	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) (Thay thế thủ tục tại Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng)	989/QĐ-UBND	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình; Danh mục hồ sơ hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình.		



56	1.009788.000.00.00.H01	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	989/QĐ-UBND	Báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình.		
----	------------------------	--	-------------	--	--	--

**17.SỞ Y TẾ**

<b>ST T</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố TTHC</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
1	1.003108.000 .00.00.H01	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	620/QĐ- UBND	<p>Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.</p> <p>Mẫu nhãn sản phẩm (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân);</p> <p>Đối với quảng cáo trên báo nói, báo hình thì phải có kịch bản dự kiến quảng cáo và nội dung dự kiến quảng cáo ghi trong đĩa hình, đĩa âm thanh; đối với quảng cáo trên các phương tiện khác thì phải có ma kết (mẫu nội dung) dự kiến quảng cáo (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân);</p> <p>Đối với nội dung quảng cáo ngoài công dụng, tính năng của sản phẩm ghi trong bản công bố sản phẩm thì phải có tài liệu khoa học chứng</p>		An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>minh (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân); Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng.</p> <p>Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy/Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm còn hiệu lực (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);</p>			
2	1.003348.000 .00.00.H01	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	620/QĐ-UBND	<p>1. Bản công bố sản phẩm được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.</p> <p>2. Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu</p>		An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>(Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự).</p> <p>3. Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực).</p> <p>4. Bảng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bảng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
3	1.002425.000 .00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu số 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định này); Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở); Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp. Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.		An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	
4	1.003332.000 .00.00.H01	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực	620/QĐ- UBND	1. Bản công bố sản phẩm theo quy định 2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm		An toàn thực phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		<p>trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực).</p> <p>3. Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử</p>		và Dinh dưỡng	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm</p>			
5	1.001908.000 .00.00.H01	Công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề được	234/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị công nhận biết thành thạo tiếng Việt hoặc sử dụng Bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc số định danh cá nhân hoặc giấy tờ tương đương khác còn hạn sử dụng Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 07/2018/TT-BYT đối với trường hợp đề nghị công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác để hành nghề được; văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 07/2018/TT-BYT</p>		Dược phẩm	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đối với người đề nghị công nhận có đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề được.</p> <p>Hai ảnh màu 04 cm x 06 cm được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ.</p>			
6	1.002035.000 .00.00.H01	Kiểm tra và công nhận thành thạo ngôn ngữ trong hành nghề được	234/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị kiểm tra và công nhận thành thạo ngôn ngữ trong hành nghề được theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 07/2018/TT-BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc số định danh cá nhân hoặc giấy tờ tương đương khác còn hạn sử dụng;</p> <p>Hai ảnh màu 04 cm x 06 cm được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ.</p>		Dược phẩm	
7	1.004459.000 .00.00.H01	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với	234/QĐ-UBND	Đơn đề nghị bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược		theo Mẫu số 23 Phụ lục II của Nghị định 54/2017/NĐ-CP;			
8	1.004516.000 .00.00.H01	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	234/QĐ- UBND	Đơn đề nghị bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ theo Mẫu số 22 Phụ lục II của Nghị định 54/2017/NĐ-CP. Tài liệu kỹ thuật bao gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược hoặc Giấy chứng nhận Thực hành tốt tại địa điểm kinh doanh (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật sau: a) Đối với cơ sở bán lẻ thuốc: Tài liệu về địa điểm, khu vực bảo quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. b) Đối với cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền: Tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định 54/2017/NĐ-CP theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế; (Yêu cầu đối với Tài liệu quy định tại điểm này phải được đóng dấu		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của cơ sở trên trang bìa ngoài và đóng dấu giáp lai đối với tất cả các trang còn lại của tài liệu kỹ thuật. Trường hợp cơ sở không có con dấu thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cơ sở). Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở. Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược.</p>			
9	1.002339.000 .00.00.H01	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	620/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đánh giá đáp ứng GDP theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư 03/2018/TT-BYT; Tài liệu kỹ thuật về cơ sở phân phối được trình bày theo hướng dẫn về hồ sơ tổng thể quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục IV kèm theo Thông tư Thông tư 03/2018/TT-BYT.</p>		Dược phẩm	
10	1.004604.000 .00.00.H01	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I của Nghị định số		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		trường hợp Chứng chỉ hành nghề được bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề được		54/2017/NĐ-CP, 02 ảnh chân dung của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được trong thời gian không quá 06 tháng			
11	1.004596.000 .00.00.H01	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục I của Nghị định 54/2017/NĐ-CP, có ảnh chân dung của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng; Bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ sau: -Đối với trường hợp thay đổi thông tin cá nhân của người hành nghề được phải có giấy tờ chứng minh liên quan đến nội dung thay đổi, gồm một trong các giấy tờ sau: Chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hộ khẩu, thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ xác nhận liên quan đến nội dung thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật; - Đối với trường hợp thay đổi		Được phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phạm vi hoạt động chuyên môn, yêu cầu các giấy tờ chứng minh nội dung thay đổi sau: Văn bằng chuyên môn tương ứng và giấy xác nhận thời gian thực hành chuyên môn tại cơ sở được phù hợp. (Đối với các giấy tờ trên do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định. Các giấy tờ này phải có bản dịch sang tiếng Việt và được công chứng theo quy định). Bản sao Chứng chỉ hành nghề được đã cấp.</p>			
12	1.004449.000 .00.00.H01	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên	620/QĐ- UBND	<p>Đơn đề nghị xuất khẩu thuốc theo Mẫu số 07 Phụ lục III của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP Bản sao đơn thuốc, sổ y bạ theo dõi điều trị ngoại trú có chứng thực hoặc có chữ ký của người đề nghị hoặc có đóng dấu của tổ chức đề nghị. Các giấy tờ này phải có đầy đủ các nội dung sau: Tên, tuổi người bệnh; tên thuốc, hàm lượng hoặc nồng độ và dung tích; số lượng thuốc (hoặc số ngày dùng</p>		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt		thuốc); liều dùng; họ tên, chữ ký của thầy thuốc; địa chỉ của bệnh viện, phòng khám nơi thầy thuốc hành nghề. Trường hợp bản sao có chữ ký của người đề nghị hoặc đóng dấu của tổ chức đề nghị thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ; Tài liệu này nếu không được thể hiện bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh thì phải nộp thêm bản dịch công chứng của tài liệu đó ra tiếng Việt hoặc tiếng Anh			
13	1.004087.000 .00.00.H01	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị nhập khẩu thuốc theo Mẫu số 27 Phụ lục III tại Phụ lục II của Nghị định số 155/2018/NĐ- CP (sửa đổi Nghị định số 54/2017/NĐ-CP); Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có chữ ký của người đề nghị cấp phép nhập khẩu hoặc bản sao có đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép nhập khẩu đối với đơn thuốc, sổ y bạ theo dõi điều trị ngoại trú. Các giấy tờ này phải có đầy đủ các nội dung sau: Tên, tuổi		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người bệnh; tên thuốc, hàm lượng hoặc nồng độ và dung tích; số lượng thuốc (hoặc số ngày dùng thuốc); liều dùng; họ tên, chữ ký của thầy thuốc; địa chỉ của bệnh viện, phòng khám nơi thầy thuốc hành nghề. Trường hợp nộp bản sao có chữ ký của người đề nghị cấp phép nhập khẩu hoặc bản sao có đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép nhập khẩu thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ. Trường hợp thuốc không phải là thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất và thuốc hàng hóa nhập cảnh của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước ngoài, những người làm việc tại các cơ quan, tổ chức này hoặc các tổ chức được cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam, cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				ngoài giới thiệu thì không phải nộp tài liệu quy định tại điểm này.			
14	1.003613.000 .00.00.H01	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	620/QĐ-UBND	Bảng kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước theo Mẫu số 04 Phụ lục VII của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP. Tài liệu chứng minh biến động của các yếu tố chi phí đầu vào như nguyên liệu, nhiên liệu, tỷ giá, chi phí nhân công, các chi phí khác liên quan để thuyết minh lý do tăng giá và tỷ lệ tăng giá.		Dược phẩm	
15	1.003001.000 .00.00.H01	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược theo Mẫu số 19 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP; Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở; Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược. Tài liệu kỹ thuật bao gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược hoặc Giấy chứng nhận		Dược phẩm	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Thực hành tốt tại địa điểm kinh doanh (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật về địa Điểm, khu vực bảo quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc; đối với cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 69 của Luật này			
16	1.002952.000 .00.00.H01	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị đánh giá định kỳ việc duy trì đáp ứng GPP theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư 02/2018/TT-BYT Báo cáo tóm tắt về hoạt động của cơ sở bán lẻ thuốc trong thời gian 03 năm gần nhất tính từ thời điểm đánh giá liền trước (không bao gồm các đợt đánh giá đột xuất, thanh tra, kiểm tra của Bộ Y tế, Sở Y tế) đến ngày đánh giá định kỳ Tài liệu kỹ thuật cập nhật về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				và nhân sự của cơ sở bán lẻ thuốc (nếu có thay đổi)			
17	1.002934.000 .00.00.H01	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT- BYT	620/QĐ- UBND	Báo cáo thay đổi kèm tài liệu kỹ thuật tương ứng với sự thay đổi.		Dược phẩm	
18	1.002258.000 .00.00.H01	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược theo Mẫu số 19 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP; Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở; Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược. Tài liệu kỹ thuật bao gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược hoặc Giấy chứng nhận Thực hành tốt tại địa điểm kinh doanh (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật về địa Điểm, khu vực bảo		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc			
19	1.002235.000 .00.00.H01	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	620/QĐ-UBND	Báo cáo thay đổi kèm tài liệu kỹ thuật tương ứng với sự thay đổi.		Dược phẩm	
20	1.002399.000 .00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược theo Mẫu số 19 Phụ lục I tại Phụ lục II của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP; Tài liệu kỹ thuật bao gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược hoặc Giấy chứng nhận Thực hành tốt tại địa điểm kinh doanh (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật sau: a) Đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc: Tài liệu về địa điểm, kho bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc,		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trang thiết bị bảo quản, phương tiện vận chuyên, hệ thống quản lý chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc; b) Đối với cơ sở bán lẻ thuốc: Tài liệu về địa điểm, khu vực bảo quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. Đối với cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền: Tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định 54/2017/NĐ-CP theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;</p> <p>Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.</p> <p>Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược.</p> <p>Tài liệu thuyết minh cơ sở đáp ứng các biện pháp bảo đảm an ninh,</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				không thất thoát thuốc phải kiểm soát đặc biệt theo Mẫu số 18 Phụ lục II của Nghị định 54/2017/NĐ- CP. Danh mục các thuốc và qui trình pha chế các thuốc đối với cơ sở bán lẻ là nhà thuốc nếu có tổ chức pha chế theo đơn thuốc phải kiểm soát đặc biệt.			
21	1.004529.000 .00.00.H01	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuốc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ- UBND	03 (ba) bản Đơn hàng mua thuốc theo Mẫu số 19 Phụ lục II tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP. Văn bản giải thích rõ lý do khi số lượng thuốc đề nghị mua vượt quá 150% so với số lượng sử dụng lần trước.		Dược phẩm	
22	1.002292.000 .00.00.H01	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị đánh giá định kỳ việc duy trì đáp ứng GDP theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư 03/2018/TT-BYT; Tài liệu kỹ thuật cập nhật về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân sự của cơ sở phân phối (nếu có thay đổi);		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Báo cáo tóm tắt về hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc của cơ sở trong thời gian 03 năm gần nhất tính từ thời điểm đánh giá liền trước (không bao gồm các đợt đánh giá đột xuất, thanh tra, kiểm tra của Bộ Y tế, Sở Y tế) đến ngày đề nghị đánh giá định kỳ.			
23	1.003963.000 .00.00.H01	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc theo Mẫu số 02 Phụ lục VI của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP; Nội dung thông tin thuốc (Bản chính và được làm thành 02 (hai) bản); Mẫu nhãn và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc hiện hành đã được Bộ Y tế phê duyệt (Bản sao); Tài liệu tham khảo có liên quan đến nội dung thông tin thuốc đề nghị xác nhận (nếu có) (Bản sao có đóng dấu của cơ sở đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc đối với tài liệu do Bộ Y tế cấp hoặc bản sao có chứng thực đối với tài		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>liệu không do Bộ Y tế cấp); Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam đối với cơ sở nước ngoài đứng tên đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc (Bản sao có chứng thực) hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với cơ sở kinh doanh dược của Việt Nam đứng tên đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc (Bản sao có đóng dấu của cơ sở đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc) Miễn nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do Bộ Y tế cấp đối với cơ sở kinh doanh dược của Việt Nam đứng tên đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc; Giấy ủy quyền của cơ sở đăng ký thuốc cho cơ sở đứng tên trên hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc trong trường hợp ủy quyền (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực); Chương trình hội thảo giới thiệu</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				thuốc. (Yêu cầu đối với hồ sơ: Tài liệu được in trên khổ A4. Toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ phải có dấu giáp lai của cơ sở đề nghị xác nhận nội dung thông tin thuốc.) * Quy định cho mỗi hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức phát hành tài liệu thông tin thuốc: a) 01 (một) nội dung thông tin thuốc cho một thuốc; b) 01 (một) nội dung thông tin thuốc cho 02 (hai) hay nhiều thuốc có cùng hoạt chất và đường dùng của cùng nhà sản xuất nhưng khác hàm lượng hoặc dạng bào chế.			
24	1.004532.000 .00.00.H01	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có	620/QĐ- UBND	Văn bản đề nghị hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, trong đó ghi rõ: - Tên thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Nồng độ,		Dược phẩm	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)		hàm lượng. - Số lượng - Lý do xin hủy - Phương pháp hủy.			
25	1.004557.000.00.00.H01	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	620/QĐ-UBND	Văn bản thông báo tổ chức bán lẻ thuốc lưu động theo Mẫu số 23 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP		Dược phẩm	
26	1.004571.000.00.00.H01	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế(Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược; Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thay đổi trong trường hợp thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở. Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược đối với các trường hợp thay đổi vị trí công việc yêu		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)		cầu phải có Chứng chỉ hành nghề được;			
27	1.004576.000 .00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược theo Mẫu số 20 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.		Dược phẩm	
28	1.004585.000 .00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược theo Mẫu số 19 Phụ lục I tại Phụ lục II của Nghị định số 155/2018/NĐ- CP; Tài liệu bao gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược hoặc Giấy chứng nhận Thực hành tốt tại địa điểm kinh doanh (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật tương ứng với điều kiện kinh doanh thay đổi sau:		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		a) Đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc: Tài liệu về địa điểm, kho bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc, trang thiết bị bảo quản, phương tiện vận chuyển, hệ thống quản lý chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc; b) Đối với cơ sở bán lẻ thuốc: Tài liệu về địa điểm, khu vực bảo quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. Đối với cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền: Tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định 54/2017/NĐ-CP theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế; Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở.			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề được.			
29	1.004599.000 .00.00.H01	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo Mẫu số 04 Phụ lục I của Nghị định 54/2017/NĐ-CP, có ảnh chân dung của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng; Bản sao Chứng chỉ hành nghề được đã được cấp, trường hợp bị mất phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.		Dược phẩm	
30	1.004616.000 .00.00.H01	Cấp Chứng chỉ hành nghề được (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật được) theo hình thức xét hồ sơ	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP, 02 ảnh chân dung của người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được trong thời gian không quá 06 tháng; Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn. Đối với các văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải kèm theo bản sao có chứng thực giấy công nhận tương đương		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của cơ quan có thẩm quyền về công nhận tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP;</p> <p>Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp</p> <p>Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận thời gian thực hành theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I của Nghị định số 54/2017/NĐ-CP; Trường hợp thực hành tại nhiều cơ sở, thời gian thực hành được tính là tổng thời gian thực hành tại các cơ sở nhưng phải có Giấy xác nhận thời gian thực hành của từng cơ sở đó;</p> <p>Trường hợp đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề được với phạm vi hoạt động khác nhau và yêu cầu thời gian thực hành, cơ sở thực hành chuyên môn khác nhau thì hồ sơ phải có Giấy xác nhận thời gian thực hành chuyên môn và nội dung thực hành chuyên môn của một hoặc một số cơ sở đáp ứng yêu cầu của mỗi phạm vi, vị trí hành nghề.</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Trường hợp các phạm vi hoạt động chuyên môn có cùng yêu cầu về thời gian thực hành và cơ sở thực hành chuyên môn thì không yêu cầu phải có Giấy xác nhận riêng đối với từng phạm vi hoạt động chuyên môn;</p> <p>Giấy xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về được đối với trường hợp đã bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề được quy định tại Khoản 9 Điều 28 của Luật được. Bản sao có chứng thực căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.</p> <p>Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận hiện không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không thuộc trường hợp bị cấm hành nghề, cấm làm công việc liên quan đến hoạt động được theo bản án, quyết định của</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Tòa án do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp. (Yêu cầu đối với các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp nộp trong hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dược: các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định. Các giấy tờ này phải có bản dịch sang tiếng Việt và được công chứng theo quy định).</p>			
31	1.004593.000 .00.00.H01	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu,	1094/QĐ-UBND	<p>Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu pháp lý chứng minh việc thành lập cơ sở. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược theo Mẫu số 19 Phụ lục I tại Phụ lục II của Nghị định số 155/2018/NĐ-CP; Bản sao có chứng thực Chứng chỉ hành nghề dược. Tài liệu kỹ thuật bao gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược hoặc Giấy chứng nhận</p>		Dược phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		Thực hành tốt tại địa điểm kinh doanh (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật sau: a) Đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc: Tài liệu về địa điểm, kho bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc, trang thiết bị bảo quản, phương tiện vận chuyên, hệ thống quản lý chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc; b) Đối với cơ sở bán lẻ thuốc: Tài liệu về địa điểm, khu vực bảo quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự theo nguyên tắc Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. Đối với cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền: Tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định 54/2017/NĐ-CP theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;			



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
32	1.001893.000 .00.00.H01	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	1094/QĐ- UBND	<p>Danh mục thuốc dự kiến bán tại kê thuốc. Danh mục này phải nằm trong Danh mục thuốc được bán tại kê thuốc theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này; Bản chụp tử, quây, kê bảo quản thuốc; Quy trình kiểm tra, giám sát: chất lượng thuốc; xuất, nhập thuốc của cơ sở. Bản công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc theo Mẫu số 07 Bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ký, đóng dấu xác nhận của cơ sở đó; Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ sơ cấp dược trở lên của người chịu trách nhiệm chuyên môn;</p>		Dược phẩm	
33	1.004539.000 .00.00.H01	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và	Quyết định số 1612/QĐ- UBND	Bản công bố cơ sở khám, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 111/2017/NĐ-CP.		Đào tạo và Nghiên cứu	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố		Các tài liệu gửi kèm bản công bố để minh chứng cơ sở khám, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu (nếu có) bao gồm: - Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành - Trình độ đào tạo thực hành - Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ) - Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu - Danh sách các khoa, phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa, phòng - Danh mục cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo thực hành		khoa học	
34	1.000511.000 .00.00.H01	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	234/QĐ- UBND	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đã được cấp kèm theo mẫu hoặc kịch bản quảng cáo đã được duyệt; Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ra thị trường. Văn bản đề nghị cấp lại giấy xác nội dung quảng cáo theo quy định		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BYT;			
35	1.001750.000 .00.00.H01	Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	234/QĐ- UBND	Đơn đề nghị áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BYT. Tài liệu chứng minh tính hợp pháp, bằng chứng lâm sàng, tính hiệu quả trong khám bệnh, chữa bệnh của kỹ thuật mới, phương pháp mới: - Bản sao có chứng thực văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Việt Nam áp dụng phương pháp mới, kỹ thuật mới. - Báo cáo đánh giá kết quả về tính an toàn, hiệu quả trong áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Việt Nam đã thực hiện kỹ thuật mới, phương pháp mới. Đề án triển khai áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới bao gồm các nội dung chủ yếu sau: mô tả		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>năng lực của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị áp dụng về cơ sở vật chất, nhân lực, thiết bị y tế, quy trình kỹ thuật dự kiến thực hiện theo quy định tại các điều 4, 5, 6 và 7 Thông tư số 07/2015/TT-BYT; giá dịch vụ dự kiến áp dụng, hiệu quả kinh tế - xã hội và phương án triển khai thực hiện.</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ chuyên môn của người hành nghề có liên quan đến thực hiện kỹ thuật mới, phương pháp mới. Đối với các văn bản, giấy chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn của người hành nghề do cơ sở nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao kỹ thuật mới, phương pháp mới trong trường hợp nhận chuyển giao từ cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
36	1.001734.000 .00.00.H01	Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	234/QĐ- UBND	<p>Đơn đề nghị áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BYT.</p> <p>Báo cáo kết quả áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BYT.</p> <p>Quy trình kỹ thuật do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất và được phê duyệt theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BYT.</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	
37	1.001824.000 .00.00.H01	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	234/QĐ- UBND	<p>Đơn đề nghị cho phép khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm Thông tư số 30/2014/TT-BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề chỉ người hành nghề;</p> <p>Kế hoạch tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm Thông tư số 30/2014/TT-BYT;</p> <p>Văn bản cho phép của cơ sở khám</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				bệnh, chữa bệnh hoặc của người đứng đầu địa điểm nơi cá nhân dự kiến tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo; Văn bản chứng minh nguồn tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.			
38	1.001846.000 .00.00.H01	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	234/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cho phép khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT- BYT; Văn bản phân công, bổ nhiệm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với đoàn trong nước, nước ngoài khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo, đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động; Bản kê khai danh sách các thành viên tham gia khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BYT; Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của người hành nghề		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>khám bệnh, chữa bệnh; Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của người trực tiếp tham gia khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thuộc diện phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; Kế hoạch tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BYT; Văn bản cho phép của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc của người đứng đầu địa điểm nơi đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo dự kiến tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo; Văn bản chứng minh nguồn tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p>			
39	2.000968.000 .00.00.H01	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia	234/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 Phụ lục XV ban hành kèm theo Nghị định này Giấy chứng nhận sức khỏe trong		Khám bệnh,	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn 2 Ảnh 4 x 6 cm, ảnh màu, nền trắng, trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.		chữa bệnh	
40	1.000562.000.00.00.H01	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	234/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo theo quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BYT;		Khám bệnh, chữa bệnh	
41	1.001086.000.00.00.H01	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	234/QĐ-UBND	- Công văn đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật. - Biên bản họp Hội đồng chuyên môn kỹ thuật đối với các trường hợp cần thành lập Hội đồng chuyên môn để thẩm định một phần hoặc toàn bộ danh mục kỹ thuật tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. - Danh mục kỹ thuật đề nghị phê duyệt bao gồm: + Các kỹ thuật mà cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang thực hiện; đang tổ chức triển khai thực hiện theo tuyến chuyên môn kỹ thuật của cơ sở mình; +		Khám bệnh, chữa bệnh	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Các kỹ thuật của tuyến trên mà cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang thực hiện; đang tổ chức triển khai thực hiện; + Hồ sơ mô tả năng lực của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về cơ sở vật chất, nhân lực, thiết bị y tế; hiệu quả kinh tế - xã hội và phương án triển khai thực hiện kỹ thuật. Bảng danh mục kỹ thuật đề nghị phê duyệt phải được trình bày theo đúng kết cấu (viết đúng chuyên khoa, số thứ tự kỹ thuật, tên kỹ thuật) của Danh mục kỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư 43/2013/TT-BYT.</p>			
42	1.001641.000 .00.00.H01	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế	234/QĐ- UBND	<p>Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở</p> <p>Danh sách người tham gia khám sức khỏe của người lái xe theo Mẫu 02 Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Nghị định 109/2016/NĐ-CP Văn bản công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe của người lái xe theo Mẫu 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP</p> <p>Bản danh mục cơ sở vật chất và thiết bị y tế quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015</p> <p>Bản sao hợp lệ danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>Bản sao hợp lệ hợp đồng hỗ trợ chuyên môn của bệnh viện (nếu có).</p>			
43	1.001866.000 .00.00.H01	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	234/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cho phép khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BYT;</p> <p>Kế hoạch tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BYT;</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Văn bản phân công, bổ nhiệm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với đoàn trong nước, nước ngoài khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo, đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động;</p> <p>Bản kê khai danh sách các thành viên tham gia khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của người trực tiếp tham gia khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thuộc diện phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>Văn bản cho phép của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc của người đứng đầu địa điểm nơi đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo dự kiến tổ chức hoạt động khám bệnh,</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chữa bệnh nhân đạo; Văn bản chứng minh nguồn tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;			
44	1.001884.000 .00.00.H01	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đồ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	234/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cho phép khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT- BYT; Văn bản phân công, bổ nhiệm người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đồ lưu động; Bản kê khai danh sách các thành viên tham gia khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BYT; Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của người trực tiếp tham gia khám bệnh, chữa		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bệnh nhưng không thuộc diện phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>Kế hoạch tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BYT;</p> <p>Văn bản cho phép của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc của người đứng đầu địa điểm nơi đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo dự kiến tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>Văn bản chứng minh nguồn tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo;</p> <p>Quyết định thành lập đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam</p>			
45	1.001077.000 .00.00.H01	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa	2225/QĐ-UBND	- Công văn đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật. - Biên bản họp Hội đồng chuyên môn kỹ thuật đối với các trường hợp cần		Khám bệnh,	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế		thành lập Hội đồng chuyên môn để thẩm định một phần hoặc toàn bộ danh mục kỹ thuật tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. - Danh mục kỹ thuật đề nghị phê duyệt bổ sung bao gồm: + Các kỹ thuật quy định cho tuyến chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cần bổ sung; + Các kỹ thuật của tuyến trên cần bổ sung mà cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã có đủ điều kiện thực hiện; + Hồ sơ mô tả năng lực của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về cơ sở vật chất, nhân lực, thiết bị y tế; hiệu quả kinh tế - xã hội và phương án triển khai thực hiện kỹ thuật. Bảng danh mục kỹ thuật đề nghị phê duyệt bổ sung phải được trình bày theo đúng kết cấu (viết đúng chuyên khoa, số thứ tự kỹ thuật, tên kỹ thuật) của Danh mục kỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư 43/2013/TT- BYT.		chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
46	1.001595.000 .00.00.H01	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2225/QĐ- UBND	Đơn đề nghị được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm Thông tư số 35/2013/TT- BYT. Báo cáo về việc khắc phục sai sót chuyên môn kỹ thuật hoặc các biện pháp đã thực hiện để bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 43 Luật khám bệnh, chữa bệnh và các tài liệu liên quan; Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.		Khám bệnh, chữa bệnh	
47	1.008069.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2225/QĐ- UBND	a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>c) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>d) Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>đ) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>e) Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ</p>			



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP và Chương V Nghị định 155/2018/NĐ-CP; g) Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;			
48	1.006780.000 .00.00.H01	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mắt, rách, hồng	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ tại Sở Y tế		Khám bệnh, chữa bệnh	
49	1.000854.000 .00.00.H01	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2225/QĐ-UBND	Đơn đề nghị được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm Thông tư số 35/2013/TT-BYT Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề; Báo cáo về việc khắc phục sai sót chuyên môn kỹ thuật của người hành nghề; Giấy chứng nhận cập nhật kiến		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				thức y khoa liên tục về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến sai sót chuyên môn kỹ thuật của người hành nghề trong thời gian bị đình chỉ hoạt động chuyên môn; Bản sao có chứng thực giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về lao động của Việt Nam cấp đối với người hành nghề là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.			
50	2.000552.000 .00.00.H01	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	620/QĐ- UBND	a. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ theo Phụ lục số 2b ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT; b. Báo cáo bằng văn bản của trạm, điểm sơ cấp cứu về việc thay đổi địa điểm (Kèm theo Hợp đồng thuê địa điểm hoặc cam kết đồng ý cho mượn của chủ địa điểm hoặc người quản lý nơi đặt trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ);		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
51	2.000559.000 .00.00.H01	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	620/QĐ- UBND	a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT. b) Bản sao có chứng thực quyết định thành lập điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ. c) Hợp đồng cho thuê địa điểm hoặc giấy cam kết đồng ý cho mượn của chủ địa điểm hoặc người quản lý nơi đặt điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ. d) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận chuyên môn của nhân sự làm việc tại điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ. đ) Quy chế hoạt động của điểm sơ cấp cứu. e) Báo cáo nguồn tài chính để đảm bảo kinh phí hoạt động của điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.		Khám bệnh, chữa bệnh	
52	1.001138.000 .00.00.H01	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT. b) Bản sao có chứng thực quyết định thành lập trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ. c) Hợp đồng cho thuê địa điểm		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				hoặc giấy cam kết đồng ý cho mượn của chủ địa điểm hoặc người quản lý nơi đặt trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ. d) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận chuyên môn của nhân sự làm việc tại trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ. đ) Quy chế hoạt động của trạm sơ cấp cứu. e) Báo cáo nguồn tài chính để đảm bảo kinh phí hoạt động của trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.			
53	1.001393.000 .00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận là lương y theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BYT; 02 ảnh màu cỡ 4x6 cm chụp trên nền trắng (không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ); 02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận.		Khám bệnh, chữa bệnh	
54	1.001398.000 .00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận là lương y theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BYT.		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT		<p>Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, nơi cư trú (trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).</p> <p>02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm chụp trên nền trắng (trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).</p> <p>02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận.</p> <p>Bản sao có chứng thực các chứng chỉ học phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 29/2015/TT-BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực bảng điểm kết quả kiểm tra cuối khóa do Hội đồng kiểm tra sát hạch của Bộ Y tế tổ chức theo quy định tại Thông tư số 13/1999/TT-BYT;</p> <p>Giấy xác nhận quá trình thực tập khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BYT.</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
55	1.001532.000 .00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	620/QĐ- UBND	<p>Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận là lương y theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BYT.</p> <p>Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, nơi cư trú (trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).</p> <p>02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm chụp trên nền trắng (trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).</p> <p>02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận.</p> <p>Bản khai quá trình hành nghề có xác nhận bằng văn bản của Trưởng Trạm y tế xã. Ngoài ra, nếu hành nghề tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền hoặc phòng chẩn trị YHCT tư nhân thì bổ sung thêm xác nhận bằng văn bản của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Thông tư số 29/2015/TT-BYT. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham dự các lớp bồi dưỡng về y học cổ truyền.			
56	1.001538.000 .00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận là lương y theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BYT. Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, nơi cư trú (trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ). 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm chụp trên nền trắng (trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ). Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, y học cổ truyền, trang thiết bị y tế tư nhân với phạm vi hành nghề là khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền, bắt (xem) mạch, kê đơn, bóc (hốt) thuốc theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				29/2015/TT-BYT. 02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận.			
57	1.001552.000 .00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận là lương y theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2015/TT-BYT. Sơ yếu lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, nơi cư trú (trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ). 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm chụp trên nền trắng (trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ). 02 phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận. Bản sao có chứng thực các chứng chỉ học phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 29/2015/TT-BYT; Giấy xác nhận quá trình thực tập khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo		Khám bệnh, chữa bệnh	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Thông tư số 29/2015/TT-BYT; Bản sao có chứng thực văn bằng về trình độ học vấn.			
58	1.001907.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 41/2011/TT- BYT; Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài; Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề; Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT; Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>lục 14 Thông tư 41/2011/TT-BYT;            Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề;            Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III - Thông tư 41/2011/TT-BYT;            Điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện Nhà nước thực hiện theo quy định tại Quyết định số 5571/QĐ - BYT ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành mẫu Điều lệ tổ chức và hoạt động của bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế; đối với bệnh viện tư nhân thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này và phương án hoạt động ban đầu đối với bệnh viện;            Bản sao có chứng thực hợp đồng</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>vận chuyển người bệnh đối với bệnh viện không có phương tiện vận chuyển cấp cứu;            Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;            Văn bản chứng minh nguồn tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo</p>			
59	1.002073.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	620/QĐ-UBND	<p>Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;            Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 - Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 kèm theo Thông tư 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề;</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Bản sao có chứng thực hợp đồng với công ty dịch vụ hàng không để</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>vận chuyển người bệnh đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh ra nước ngoài; Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.</p>			
60	1.001987.000 .00.00.H01	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn	620/QĐ-UBND	<p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế và hồ sơ nhân sự tương ứng với quy mô hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn dự kiến điều chỉnh Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 19- Thông tư 41/2011/TT-BYT;</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
61	1.002000.000 .00.00.H01	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 18- Thông tư 41/2011/TT- BYT; Bản gốc giấy phép bị hư hỏng (nếu có).		Khám bệnh, chữa bệnh	
62	1.002015.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	620/QĐ- UBND	Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài; Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện Nhà nước thực hiện theo quy định tại Quyết định số 5571/QĐ - BYT ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành mẫu Điều lệ tổ chức và hoạt động của bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế; Bản sao có chứng thực hợp đồng với công ty dịch vụ hàng không để vận chuyển người bệnh đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh ra nước ngoài; Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 17 kèm theo Thông tư 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.</p>			
63	1.002037.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền	620/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 - kèm theo Thông tư 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm		<p>đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14. Kế hoạch tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo - Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện Nhà nước thực hiện theo quy định tại Quyết định số 5571/QĐ - BYT ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành mẫu Điều lệ tổ chức và hoạt động của bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế;</p>			



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Bản sao có chứng thực hợp đồng với công ty dịch vụ hàng không để vận chuyển người bệnh đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh ra nước ngoài; Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.			
64	1.002058.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 kèm theo Thông tư 41/2011/TT-BYT; Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài; Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề Danh sách người đăng ký hành		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 - Thông tư 41/2011/TT-BYT Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề; Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.			
65	1.002097.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	620/QĐ-UBND	<p>Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề</p> <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 kèm theo Thông tư 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 - Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề;</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p> <p>Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
66	1.002111.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 kèm theo Thông tư 41/2011/TT-BYT; Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài; 3) Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT ) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 - Thông tư 41/2011/TT- BYT Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề; Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.</p>			
67	1.002131.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 kèm theo Thông tư 41/2011/TT-BYT; Bản sao có chứng thực quyết định		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		cơ sở dịch vụ làm răng giả		<p>thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề</p> <p>Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 - Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề;</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p> <p>Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.</p>			
68	1.002140.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	620/QĐ- UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 kèm theo Thông tư 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề và</p> <p>Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 - Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề;</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p> <p>Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.</p>			
69	1.002162.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nghề            Danh sách người đăng ký hành            nghề của cơ sở khám bệnh, chữa            bệnh theo mẫu quy định tại Phụ            lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT            Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị            y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa            bệnh theo mẫu quy định tại Phụ            lục 14- Thông tư 41/2011/TT-BYT            Hồ sơ nhân sự của người làm việc            chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng            không thuộc diện phải cấp chứng            chỉ hành nghề;            Tài liệu chứng minh cơ sở khám            bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện            về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ            chức nhân sự phù hợp với phạm vi            hoạt động chuyên môn của một            trong các hình thức tổ chức quy            định tại Mục 1 Chương III Thông            tư 41/2011/TT-BYT            Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên            môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh            đề xuất phạm vi hoạt động chuyên            môn, danh mục kỹ thuật dự kiến            thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p> <p>Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.</p>			
70	1.002182.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề</p> <p>Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14- Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề;</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p> <p>Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.			
71	1.002191.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ- UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 41/2011/TT- BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề;</p> <p>Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 - Thông tư 41/2011/TT-</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>BYT;            Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề;            Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT            Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.            Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
72	1.002205.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ- UBND	<p>Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề;</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 - Thông tư 41/2011/TT- BYT</p> <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 41/2011/TT- BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p> <p>Văn bản chứng minh có nguồn gốc tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.</p>			
73	1.002215.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên	620/QĐ-UBND	Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Khám bệnh,	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		<p>đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề</p> <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14- Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề;</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện</p>		chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư 41/2011/TT-BYT</p> <p>Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p> <p>Văn bản chứng minh có nguồn tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.</p>			
74	1.002230.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư số 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Bản sao có chứng thực quyết định thành lập đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề;</p> <p>Danh sách người đăng ký hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 6- Thông tư 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 14- Thông tư 41/2011/TT-BYT;</p> <p>Hồ sơ nhân sự của người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề;</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Thông</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tu 41/2011/TT-BYT</p> <p>Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p> <p>Văn bản chứng minh có nguồn tài chính ổn định bảo đảm cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.</p>			
75	2.000980.000 .00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục XV ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>Bản thuyết minh về bài thuốc gia truyền, phương pháp chữa bệnh gia truyền theo Mẫu số 02 Phụ lục XV ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>Giấy chứng nhận sức khỏe trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn theo mẫu quy định;</p> <p>Hai ảnh 4 x 6 cm, ảnh màu, nền trắng, trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày nộp đơn.</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
76	2.000984.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ- UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP</p> <p>Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;            Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;            Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP;            Bản sao hợp lệ hợp đồng vận chuyển người bệnh đối với nhà hộ sinh không có phương tiện vận chuyển cấp cứu ngoài cơ sở;            Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Giám đốc Sở Y tế ban hành;</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Giám đốc Sở Y tế ban hành.			
77	1.002464.000 .00.00.H01	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BYT; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được quảng cáo do Giám đốc Sở Y tế cấp và danh mục kỹ thuật chuyên môn đã được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt. Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của người thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được quảng cáo trong trường hợp		Khám bệnh, chữa bệnh	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>pháp luật quy định phải có chứng chỉ hành nghề.</p> <p>Nếu quảng cáo trên báo nói, báo hình thì phải có 01 bản ghi nội dung quảng cáo dự kiến trong đĩa hình, đĩa âm thanh, file mềm kèm theo 03 bản kịch bản dự kiến quảng cáo, trong đó miêu tả rõ nội dung, phương tiện dự kiến quảng cáo, phần hình ảnh (đối với báo hình), phần lời, phần nhạc;</p> <p>Nếu quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo không phải báo nói, báo hình thì phải có 03 bản ma-két nội dung dự kiến quảng cáo in màu kèm theo file mềm ghi nội dung dự kiến quảng cáo;</p> <p>Nếu quảng cáo thông qua hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện: Ngoài các tài liệu quy định tại điểm này phải có các tài liệu: mẫu quảng cáo sử dụng trong chương trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt còn hiệu lực (trong trường hợp mẫu quảng cáo đã được duyệt nội dung), chương trình có ghi rõ</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tên nội dung báo cáo, thời gian (ngày/tháng/năm), địa điểm tổ chức (địa chỉ cụ thể); nội dung bài báo cáo và tài liệu trình bày, phát cho người dự; bảng kê tên, chức danh khoa học, trình độ chuyên môn của báo cáo viên (Báo cáo viên phải có bằng cấp chuyên môn về y phù hợp).</p> <p>Mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm đã được cơ quan y tế có thẩm quyền chấp thuận trong trường hợp pháp luật quy định nhãn sản phẩm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền duyệt.</p> <p>Trường hợp đơn vị đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo là đơn vị được ủy quyền thì phải có các giấy tờ sau đây: - Văn bản ủy quyền hợp lệ; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài của đơn vị được ủy quyền.</p> <p>Tài liệu tham khảo, chứng minh, xác thực thông tin trong nội dung</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quảng cáo: - Các tài liệu bằng tiếng Anh phải dịch ra tiếng Việt kèm theo tài liệu gốc bằng tiếng Anh. Bản dịch tiếng Việt phải được đóng dấu xác nhận của đơn vị đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo; - Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài không phải là tiếng Anh phải dịch ra tiếng Việt và kèm theo tài liệu gốc bằng tiếng nước ngoài. Bản dịch tiếng Việt phải được công chứng theo quy định của pháp luật.</p> <p>Các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phải còn hiệu lực, là bản sao chứng thực hoặc bản sao có đóng dấu của đơn vị đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo. Các tài liệu trong hồ sơ phải có dấu, dấu giáp lai của đơn vị đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo;</p> <p>Mẫu nội dung quảng cáo được trình bày trên khổ giấy A4. Mẫu hình thức quảng cáo ngoài trời khổ lớn có thể trình bày trên khổ giấy</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				A3 hoặc khổ giấy khác và ghi rõ tỷ lệ kích thước so với kích thước thật.			
78	1.003531.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị theo Mẫu 07 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Quyết định bãi nhiệm người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở trước đây Quyết định bổ nhiệm người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người được bổ nhiệm chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của người được bổ nhiệm chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Giấy xác nhận quá trình đã hành nghề 36 tháng sau khi được cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu 10 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Bản gốc Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp			
79	1.003547.000 .00.00.H01	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ- UBND	Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 06 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP		Khám bệnh, chữa bệnh	
80	1.003516.000 .00.00.H01	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị theo Mẫu 08 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP Bản gốc giấy phép bị hư hỏng (nếu có).		Khám bệnh, chữa bệnh	
81	1.003848.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Bản sao hợp lệ quyết định thành		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập		<p>lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện nhà nước thực hiện theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế; đối với bệnh viện tư nhân thực hiện theo Mẫu 03 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP và phương án hoạt động ban đầu đối với bệnh viện; Bản sao hợp lệ hợp đồng vận chuyển người bệnh đối với bệnh viện không có phương tiện vận chuyển cấp cứu ngoài cơ sở; Danh mục chuyên môn kỹ thuật</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;			
82	1.003720.000 .00.00.H01	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ- UBND	Văn bản công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe theo Mẫu 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở; Danh sách người tham gia khám sức khỏe theo Mẫu 02 Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Bản sao hợp lệ danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Bản sao hợp lệ hợp đồng hỗ trợ		Khám bệnh, chữa bệnh	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chuyên môn của bệnh viện (nếu có).			
83	1.003748.000 .00.00.H01	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ- UBND	Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề đã được cấp; Bản sao hợp lệ văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận chuyên môn phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn đề nghị bổ sung; II. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) Đơn đề nghị cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề theo Mẫu 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;		Khám bệnh, chữa bệnh	
84	1.003644.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 04 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài (nếu có sự thay đổi so với hồ sơ trước đây). Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có sự thay đổi so với hồ sơ trước đây).</p> <p>Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP (nếu có sự thay đổi so với hồ sơ trước đây).</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP (nếu có sự thay đổi so với hồ sơ trước đây).</p> <p>Điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện nhà nước thực hiện theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế; đối với bệnh viện tư nhân thực hiện theo Mẫu 03 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP và phương án hoạt động ban đầu đối với bệnh viện (nếu có sự thay đổi so với hồ sơ trước đây).</p> <p>Bản sao hợp lệ hợp đồng vận chuyển người bệnh đối với bệnh viện, nhà hộ sinh không có phương tiện vận chuyển cấp cứu ngoài cơ sở (nếu có sự thay đổi so với hồ sơ trước đây).</p> <p>Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành (nếu có sự thay</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đổi so với hồ sơ trước đây).          Đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh: Bản sao hợp lệ hợp đồng hỗ trợ chuyên môn với bệnh viện. Trong trường hợp có cung cấp dịch vụ vận chuyển người bệnh ra nước ngoài cần có bản sao hợp lệ hợp đồng vận chuyển người bệnh với công ty dịch vụ hàng không (nếu có sự thay đổi so với hồ sơ trước đây)          - Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP (nếu có sự thay đổi so với hồ sơ trước đây).</p>			
85	1.003746.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế xã	620/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;          Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;            Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;            Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;            Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;            Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài.</p>			
86	1.003774.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;</p> <p>Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>Bản sao hợp lệ hợp đồng vận chuyển người bệnh đối với nhà hộ sinh không có phương tiện vận chuyển cấp cứu ngoài cơ sở;</p> <p>Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;</p>			
87	1.003803.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p>		Khám bệnh, chữa bệnh	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP;</p> <p>Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Bộ Y tế ban hành; Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài;			
88	1.003876.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	620/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>vốn đầu tư nước ngoài;            Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành            nghề của người chịu trách nhiệm            chuyên môn kỹ thuật của cơ sở            khám bệnh, chữa bệnh; người phụ            trách bộ phận chuyên môn của cơ            sở khám bệnh, chữa bệnh;            Danh sách đăng ký người hành            nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa            bệnh (bao gồm đăng ký người            hành nghề và người làm việc            chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng            không thuộc diện phải cấp chứng            chỉ hành nghề) theo mẫu quy định            tại Phụ lục IV ban hành kèm theo            Nghị định 109/2016/NĐ-CP;            Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị            y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở            khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu            02 Phụ lục XI ban hành kèm theo            Nghị định 109/2016/NĐ-CP;            Tài liệu chứng minh cơ sở khám            bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện            về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ            chức nhân sự phù hợp với phạm vi            hoạt động chuyên môn của một</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP; Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;			
89	1.003628.000 .00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2225/QĐ-UBND	Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 02 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP (nếu có sự thay đổi so với trước đây) Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định 109/2016/NĐ-CP (nếu có sự thay đổi so với trước đây) Điều lệ tổ chức và hoạt động đối với bệnh viện nhà nước thực hiện theo mẫu quy định của Bộ trưởng		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Bộ Y tế; đối với bệnh viện tư nhân thực hiện theo Mẫu 03 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP và phương án hoạt động ban đầu đối với bệnh viện (nếu có sự thay đổi so với trước đây)</p> <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo Mẫu 05 Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP</p> <p>Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc văn bản có tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có vốn đầu tư nước ngoài (nếu có sự thay đổi so với trước đây)</p> <p>Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>khám bệnh, chữa bệnh; người phụ trách bộ phận chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có sự thay đổi so với trước đây)</p> <p>Danh sách đăng ký người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm đăng ký người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP (nếu có sự thay đổi so với trước đây)</p> <p>Bản sao hợp lệ hợp đồng vận chuyển người bệnh đối với bệnh viện, nhà hộ sinh không có phương tiện vận chuyển cấp cứu ngoài cơ sở (nếu có sự thay đổi so với trước đây)</p> <p>Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất trên cơ sở danh mục chuyên môn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành (nếu có sự thay đổi so với trước đây)</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh: Bản sao hợp lệ hợp đồng hỗ trợ chuyên môn với bệnh viện. Trong trường hợp có cung cấp dịch vụ vận chuyển người bệnh ra nước ngoài cần có bản sao hợp lệ hợp đồng vận chuyển người bệnh với công ty dịch vụ hàng không (nếu có sự thay đổi so với trước đây)			
90	1.003773.000 .00.00.H01	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2225/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn theo Mẫu 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; Bản sao hợp lệ văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận chuyên môn phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn đề nghị thay đổi; Bản gốc chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp; Giấy xác nhận quá trình thực hành quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này; Hai ảnh màu 04 cm x 06 cm được chụp trên nền trắng trong thời gian		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				không quá 06 tháng, tính đến ngày nộp đơn. (Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn; Giấy xác nhận quá trình thực hành; Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận biết tiếng Việt thành thạo do tổ chức nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt, bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).			
91	1.003787.000 .00.00.H01	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2225/QĐ-UBND	Đơn đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh, theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng minh thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh của người hành nghề; Bản gốc chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp; Hai ảnh màu 04 cm x 06 cm, được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng, tính đến ngày nộp đơn.		Khám bệnh, chữa bệnh	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
92	1.003800.000 .00.00.H01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2225/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 10/2016/NĐ-CP. Hai ảnh 04 x 06 cm được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng, tính đến ngày nộp đơn.		Khám bệnh, chữa bệnh	
93	1.003824.000 .00.00.H01	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2225/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu 09 Phụ lục I đối với người Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ- CP; Giấy chứng nhận đã cập nhật kiến thức y khoa liên tục theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế; Bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề, cụ thể như sau: a) Văn bằng chuyên môn y; b) Văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp được Bộ Giáo dục và		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học nhưng phải kèm theo giấy chứng nhận đã qua đào tạo bổ sung theo ngành, chuyên ngành phù hợp với thời gian đào tạo ít nhất là 12 tháng tại cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì được coi là tương đương với văn bằng bác sỹ và được cấp chứng chỉ hành nghề với chức danh là bác sỹ;</p> <p>c) Văn bằng cử nhân hóa học, sinh học, dược sỹ trình độ đại học và phải kèm theo chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đào tạo chuyên ngành kỹ thuật y học về xét nghiệm với thời gian đào tạo ít nhất là 3 tháng hoặc văn bằng đào tạo sau đại học về chuyên khoa xét nghiệm;</p> <p>d) Giấy chứng nhận là lương y hoặc giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền hoặc người có phương pháp chữa bệnh gia truyền do Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc Giám đốc Sở Y tế cấp. Trường hợp mất các văn bằng chuyên môn trên thì</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phải có giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận thay thế bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo nơi đã cấp văn bằng chuyên môn đó cấp.</p> <p>Giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 6 Điều 23 và khoản 5 Điều 25 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP cấp.</p> <p>Phiếu lý lịch tư pháp.</p> <p>Sơ yếu lý lịch tự thuật theo Mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đang làm việc trong cơ sở y tế tại thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoặc sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú đối với những người xin cấp chứng chỉ hành nghề không làm việc cho cơ sở y tế nào tại thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				. Hai ảnh màu 04 cm x 06 cm được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 tháng, tính đến ngày nộp đơn. (Bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn; Giấy xác nhận quá trình thực hành; Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận biết tiếng Việt thành thạo do tổ chức nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt, bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).			
94	1.003709.000 .00.00.H01	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2225/QĐ- UBND	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP. Bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề, cụ thể như sau: a) Văn bằng chuyên môn y; b) Văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học nhưng phải kèm		Khám bệnh, chữa bệnh	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>theo giấy chứng nhận đã qua đào tạo bổ sung theo ngành, chuyên ngành phù hợp với thời gian đào tạo ít nhất là 12 tháng tại cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì được coi là tương đương với văn bằng bác sỹ và được cấp chứng chỉ hành nghề với chức danh là bác sỹ;</p> <p>c) Văn bằng cử nhân hóa học, sinh học, dược sĩ trình độ đại học và phải kèm theo chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đào tạo chuyên ngành kỹ thuật y học về xét nghiệm với thời gian đào tạo ít nhất là 3 tháng hoặc văn bằng đào tạo sau đại học về chuyên khoa xét nghiệm; d) Giấy chứng nhận là lương y hoặc giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền hoặc người có phương pháp chữa bệnh gia truyền do Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc Giám đốc Sở Y tế cấp. Trường hợp mất các văn bằng chuyên môn trên thì phải có giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận thay thế bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo nơi đã cấp văn bằng chuyên môn đó cấp.</p> <p>Giấy xác nhận quá trình thực hành theo Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP hoặc bản sao hợp lệ các văn bằng tốt nghiệp bác sỹ nội trú, bác sỹ chuyên khoa I, bác sỹ chuyên khoa II, trừ trường hợp là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc người có phương pháp chữa bệnh gia truyền.</p> <p>Giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 6 Điều 23 và khoản 5 Điều 25 Nghị định 109/2016/NĐ-CP cấp.</p> <p>Phiếu lý lịch tư pháp.</p> <p>Sơ yếu lý lịch tự thuật theo Mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đang làm việc trong cơ sở y tế tại thời điểm đề nghị cấp</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chứng chỉ hành nghề hoặc sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú đối với những người xin cấp chứng chỉ hành nghề không làm việc cho cơ sở y tế nào tại thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề</p> <p>Sơ yếu lý lịch tự thuật theo Mẫu 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác đối với người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đang làm việc trong cơ sở y tế tại thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoặc sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú đối với những người xin cấp chứng chỉ hành nghề không làm việc cho cơ sở y tế nào tại thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề</p>			
95	1.000793.000 .00.00.H01	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp	234/QĐ-UBND	Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;		Mỹ phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT		Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đã hết hiệu lực kèm theo mẫu hoặc kịch bản quảng cáo đã được duyệt. Văn bản đề nghị cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo theo quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BYT;			
96	1.000662.000 .00.00.H01	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	234/QĐ- UBND	Văn bản đề nghị cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo theo quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BYT; Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đã được cấp kèm theo mẫu hoặc kịch bản quảng cáo đã được duyệt; Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ra thị trường.		Mỹ phẩm	
97	1.000990.000 .00.00.H01	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	234/QĐ- UBND	Văn bản đề nghị cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo theo quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BYT;		Mỹ phẩm	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
98	1.003073.000 .00.00.H01	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	2225/QĐ- UBND	Giấy tờ chứng minh sự thay đổi. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm;		Mỹ phẩm	
99	1.002483.000 .00.00.H01	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	620 /QĐ- UBND	Văn bản đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư 09/2015/TT-BYT; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài; Nếu quảng cáo trên báo nói, báo hình thì phải có 01 bản ghi nội dung quảng cáo dự kiến trong đĩa hình, đĩa âm thanh, file mềm kèm theo 03 bản kịch bản dự kiến quảng cáo, trong đó miêu tả rõ nội dung, phương tiện dự kiến quảng cáo, phần hình ảnh (đối với báo		Mỹ phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hình), phân lời, phân nhạc;            Nếu quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo không phải báo nói, báo hình thì phải có 03 bản ma-két nội dung dự kiến quảng cáo in màu kèm theo file mềm ghi nội dung dự kiến quảng cáo;            Nếu quảng cáo thông qua hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện: Ngoài các tài liệu quy định tại điểm này phải có các tài liệu: mẫu quảng cáo sử dụng trong chương trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt còn hiệu lực (trong trường hợp mẫu quảng cáo đã được duyệt nội dung), chương trình có ghi rõ tên nội dung báo cáo, thời gian (ngày/tháng/năm), địa điểm tổ chức (địa chỉ cụ thể); nội dung bài báo cáo và tài liệu trình bày, phát cho người dự; bảng kê tên, chức danh khoa học, trình độ chuyên môn của báo cáo viên            Mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm đã được cơ quan y tế có thẩm quyền chấp thuận trong</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trường hợp pháp luật quy định nhân sản phẩm phải được cơ quan y tế có thẩm quyền duyệt.</p> <p>Trường hợp đơn vị đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo là đơn vị được ủy quyền thì phải có các giấy tờ sau đây: - Văn bản ủy quyền hợp lệ; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài của đơn vị được ủy quyền.</p> <p>Tài liệu tham khảo, chứng minh, xác thực thông tin trong nội dung quảng cáo: - Các tài liệu bằng tiếng Anh phải dịch ra tiếng Việt kèm theo tài liệu gốc bằng tiếng Anh. Bản dịch tiếng Việt phải được đóng dấu xác nhận của đơn vị đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo; - Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài không phải là tiếng Anh phải dịch ra tiếng Việt và kèm theo tài liệu gốc bằng tiếng nước ngoài. Bản dịch tiếng Việt phải được công chứng theo quy</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>định của pháp luật.            Các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị            xác nhận nội dung quảng cáo phải            còn hiệu lực, là bản sao chứng thực            hoặc bản sao có đóng dấu của đơn            vị đề nghị xác nhận nội dung            quảng cáo. Các tài liệu trong hồ sơ            phải có dấu, dấu giáp lai của đơn            vị đề nghị xác nhận nội dung            quảng cáo;            Mẫu nội dung quảng cáo được            trình bày trên khổ giấy A4. Mẫu            hình thức quảng cáo ngoài trời khổ            lớn có thể trình bày trên khổ giấy            A3 hoặc khổ giấy khác và ghi rõ tỷ            lệ kích thước so với kích thước            thật.            Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm            đã được cơ quan nhà nước có thẩm            quyền cấp.            Tài liệu hợp lệ, tin cậy chứng minh            cho tính năng, công dụng của sản            phẩm trong trường hợp nội dung            quảng cáo mỹ phẩm nêu tính năng,            công dụng của sản phẩm không có            trong nội dung của Phiếu công bố</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				sản phẩm mỹ phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền cấp số tiếp nhận.			
100	1.002600.000 .00.00.H01	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	620 /QĐ-UBND	Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm; Giấy ủy quyền của nhà sản xuất hoặc chủ sở hữu sản phẩm ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường được phân phối sản phẩm mỹ phẩm tại Việt Nam (áp dụng đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước mà tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường không phải là nhà sản xuất).		Mỹ phẩm	
101	1.003055.000 .00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	2225/QĐ-UBND	Sơ đồ mặt bằng và thiết kế của cơ sở sản xuất; Danh mục thiết bị hiện có của cơ sở sản xuất Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày		Mỹ phẩm	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm;			
102	1.003064.000 .00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	2225/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm theo mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm		Mỹ phẩm	
103	1.003048.000 .00.00.H01	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế lần đầu	Quyết định số 1612/QĐ-UBND	I. Thành phần hồ sơ ký hợp đồng KCB BHYT quy định tại Điều 16 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018, bao gồm: 1. Trường hợp ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh lần đầu, hồ sơ gồm: a) Công văn đề nghị ký hợp đồng của cơ sở KCB. b) Bản sao giấy phép hoạt động KCB do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho cơ sở KCB. c) Bản chụp có đóng dấu của cơ sở đối với quyết định phân hạng bệnh viện của cấp có thẩm quyền (nếu có) hoặc quyết định về tuyển chuyên môn kỹ thuật của cấp có thẩm quyền đối với cơ		Tài chính y tế	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				sở KCB ngoài công lập; d) Danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế, danh mục thuốc, hóa chất, vật tư y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bằng văn bản hoặc file điện tử). II. Nội dung hợp đồng hợp đồng KCB BHYT đối với cơ sở KCB BHYT quy định tại Điều 17 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 Nội dung hợp đồng KCB BHYT được lập theo Mẫu số 7 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018. Tùy theo điều kiện của cơ sở KCB, cơ quan BHXH và cơ sở KCB thống nhất bổ sung nội dung trong Hợp đồng nhưng không trái quy định của pháp luật về BHYT.			
104	1.001514.000 .00.00.H01	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	234/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan tổ chức đã đề nghị bổ nhiệm người đó; Văn bản giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong		Tổ chức cán bộ	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Giám định Tư pháp			
105	1.001523.000 .00.00.H01	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	234/QĐ- UBND	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần và danh sách trích ngang theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2014/TT-BYT</li> <li>2. Bản sao chứng thực các văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần;</li> <li>3. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2014/TT-BYT, có dán ảnh màu 4cm x 6cm chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng, đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</li> <li>4. Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>5. Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành</li> </ol>		Tổ chức cán bộ	



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				kèm theo Thông tư số 02/2014/TT- BYT.			
106	1.009249.000 .00.00.H01	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	234/QĐ- UBND	<p>Đơn đề nghị xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông</p> <p>Bản báo cáo thành tích: Báo cáo thành tích phải nêu rõ việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quá trình hành nghề và thâm niên công tác, năng lực và thành tích trong công tác y dược cổ truyền có xác nhận của đơn vị công tác</p> <p>Các giấy tờ chứng nhận hoặc chứng minh đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 của Thông tư này (bản sao công chứng hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức nghiệm thu, giới thiệu)</p> <p>Giấy giới thiệu của cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp giới thiệu tham gia xét tặng giải thưởng (bản phô tô)</p> <p>Giấy xác nhận của đơn vị có thẩm quyền về thời gian công tác của cá</p>		Thi đua, khen thưởng	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				nhân theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này (nếu có)			
107	1.009346.000 .00.00.H01	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	234/QĐ- UBND	<p>Tờ trình của đơn vị theo mẫu số 1a quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020.</p> <p>Báo cáo thành tích của tổ chức theo mẫu số 1b, cá nhân theo mẫu số 2a quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BYT ngày 02/12 /2020.</p> <p>Các hồ sơ liên quan quy định tại của Thông tư số 23/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020 (bản sao có chứng thực), bao gồm: a) Quyết định hoặc giấy chứng nhận phong tặng danh hiệu Thầy thuốc Ưu tú, Nhà giáo Ưu tú, Chiến sỹ thi đua toàn quốc; các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác có liên quan; b) Giấy chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến; Quyết định, biên bản nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học; trang bìa sách có ghi tên tác giả và nhà xuất bản; c) Quyết</p>		Thi đua, khen thưởng	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập và văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền ký ban hành; d) Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các giấy tờ pháp lý chứng minh về thời gian công tác tại chiến trường B, C, K; chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, quân tình nguyện Việt Nam tại Lào, Campuchia và biên giới, biển đảo; vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; đ) Văn bản đề xuất của các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam có tổ chức, cá nhân đề nghị xét tặng. Xác nhận của Bộ trưởng Bộ Y tế (qua Vụ Hợp tác quốc tế) về những đóng góp, cống hiến của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho lĩnh vực Y tế dự phòng Việt Nam. Các văn bản, minh chứng về quá trình công tác, cống hiến của cá nhân công tác tại các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; e) Các văn bản, tài liệu liên quan khác (Nếu có).</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của đơn vị theo mẫu số 1c</p> <p>Biên bản kiểm phiếu đối với tổ chức theo mẫu 1d</p> <p>biên bản kiểm phiếu đối với cá nhân theo mẫu số 2b quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020.</p> <p>Tờ trình của hội đồng cấp cơ sở theo mẫu số 1đ quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020.</p> <p>Biên bản họp của hội đồng cấp cơ sở theo mẫu số 1e quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020.</p> <p>Các hồ sơ liên quan theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 23/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu của Hội đồng cấp cơ sở đối với cá nhân theo mẫu</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				số 2d quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 23/2020/TT- BYT ngày 02/12/2020. Biên bản kiểm phiếu của Hội đồng cấp cơ sở đối với tổ chức theo mẫu số 1g quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 23/2020/TT- BYT ngày 02/12/2020.			
108	1.003006.000 .00.00.H01	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	620/QĐ- UBND	Văn bản công bố đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 19/2021/TT-BYT; Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 được cấp bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật. Các giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 98/2021/NĐ-CP.		Trang thiết bị và công trình y tế	
109	1.003039.000 .00.00.H01	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	620/QĐ- UBND	Văn bản công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D theo Mẫu số 04 thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BYT;		Trang thiết bị và công	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Bản kê khai nhân sự theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BYT;</p> <p>Các giấy tờ chứng minh kho bảo quản, phương tiện vận chuyển trang thiết bị y tế đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Các giấy tờ này phải được xác nhận bởi cơ sở công bố đủ điều kiện mua bán;</p> <p>Các giấy tờ chứng minh kho bảo quản, hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Các giấy tờ này phải được xác nhận bởi cơ sở công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất.</p>		trình y tế	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
110	1.003029.000 .00.00.H01	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	620/QĐ- UBND	<p>Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A, B theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 19/2021/TT-BYT.</p> <p>Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.</p> <p>Giấy ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế cho cơ sở thực hiện việc đăng ký lưu hành theo Mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 19/2021/TT-BYT còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định 98/2021/NĐ-CP (Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của Việt Nam là chủ sở hữu trang thiết bị y tế).</p> <p>Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành quy định tại phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 19/2021/TT-BYT do chủ sở hữu trang thiết bị y tế cấp, trừ trường hợp trang thiết bị y tế sử dụng một</p>		Trang thiết bị và công trình y tế	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>lần theo quy định của chủ sở hữu trang thiết bị y tế hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành.</p> <p>Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt, kèm theo tài liệu kỹ thuật mô tả chức năng, thông số kỹ thuật của trang thiết bị y tế do chủ sở hữu trang thiết bị y tế ban hành. Riêng đối với thuốc thử, chất hiệu chuẩn, vật liệu kiểm soát in vitro: tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Việt kèm theo tài liệu về nguyên vật liệu, về an toàn của sản phẩm, quy trình sản xuất, các báo cáo nghiên cứu lâm sàng và tiền lâm sàng bao gồm báo cáo độ ổn định.</p> <p>Riêng đối với thuốc thử, chất hiệu chuẩn, vật liệu kiểm soát in vitro: tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Việt kèm theo tài liệu về nguyên vật liệu, về an toàn của sản phẩm, quy trình sản xuất, các báo cáo nghiên cứu lâm sàng và tiền lâm sàng bao gồm báo cáo độ ổn định.</p>			



ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Tài liệu hướng dẫn sử dụng của trang thiết bị y tế. Mẫu nhãn sẽ sử dụng khi lưu hành tại Việt Nam của trang thiết bị y tế. Giấy chứng nhận lưu hành tự do còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu.</p>			
111	1.003937.000 .00.00.H01	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu	234/QĐ-UBND	<p>Hồ sơ về bảo quản dược liệu: Sơ đồ vị trí và thiết kế của kho bảo quản; Danh mục thiết bị bảo quản của cơ sở và đối tượng được bảo quản tại kho. Hồ sơ về phân phối dược liệu: Sơ đồ tổ chức của cơ sở bao gồm: tổ chức hệ thống phân phối (cơ sở, chi nhánh, kho, đại lý). Sơ đồ phải thể hiện rõ tên, chức danh, trình độ chuyên môn của các cán bộ chủ chốt của cơ sở và các bộ phận; Danh mục phương tiện vận chuyển, phân phối của cơ sở. Trường hợp việc vận chuyển dược liệu được thực hiện dưới hình thức hợp đồng phải có bản tài liệu giới thiệu về pháp nhân, trang thiết bị,</p>		Y Dược cổ truyền	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phương tiện vận chuyển, bảo quản của bên nhận hợp đồng.</p> <p>Bản kê khai danh sách nhân sự theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT – BYT ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có chữ ký của chủ cơ sở và đóng dấu (nếu là doanh nghiệp)</p> <p>Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đã cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.</p> <p>Đơn đề nghị bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc theo phụ lục số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT – BYT ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>			
112	1.003954.000 .00.00.H01	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	234/QĐ- UBND	Đơn đề nghị bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc theo phụ lục số 01b ban hành kèm theo		Y Được	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu		<p>Thông tư số 03/2016/TT – BHYT ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có chữ ký của chủ cơ sở và đóng dấu (nếu là doanh nghiệp)</p> <p>Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đã cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.</p> <p>Sơ đồ vị trí và thiết kế của khu vực trưng bày, khu vực bảo quản dược liệu.</p> <p>Bản kê khai danh sách nhân sự theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT – BHYT ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>		cô truyền	
113	1.003961.000 .00.00.H01	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu	234/QĐ- UBND	<p>Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc theo phụ lục số 01c ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT – BHYT ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản</p>		Y Dược cô truyền	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sao có chữ ký của chủ cơ sở và đóng dấu (nếu là doanh nghiệp) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuộc đã cấp; Bản chính Chứng chỉ hành nghề dược của người quản lý chuyên môn về dược phù hợp với hình thức tổ chức kinh doanh; Sơ đồ vị trí và thiết kế của khu vực trưng bày, khu vực bảo quản dược liệu. Bản kê khai danh sách nhân sự theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT – BYT ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>			
114	1.003994.000 .00.00.H01	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu	234/QĐ-UBND	<p>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có chữ ký của chủ cơ sở và đóng dấu (nếu là doanh nghiệp) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đã cấp; Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc theo phụ lục số 01c ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT – BYT ngày 21/01/2016 của Bộ</p>		Y Dược cổ truyền	

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trưởng Bộ Y tế.</p> <p>Bản chính Chứng chỉ hành nghề dược của người quản lý chuyên môn về dược phù hợp với hình thức tổ chức kinh doanh;</p> <p>Hồ sơ về bảo quản dược liệu: Sơ đồ vị trí và thiết kế của kho bảo quản; Danh mục thiết bị bảo quản của cơ sở và đối tượng được bảo quản tại kho.</p> <p>Hồ sơ về phân phối dược liệu: Sơ đồ tổ chức của cơ sở bao gồm: tổ chức hệ thống phân phối (cơ sở, chi nhánh, kho, đại lý). Sơ đồ phải thể hiện rõ tên, chức danh, trình độ chuyên môn của các cán bộ chủ chốt của cơ sở và các bộ phận;</p> <p>Danh mục phương tiện vận chuyển, phân phối của cơ sở.</p> <p>Trường hợp việc vận chuyển dược liệu được thực hiện dưới hình thức hợp đồng phải có bản tài liệu giới thiệu về pháp nhân, trang thiết bị, phương tiện vận chuyển, bảo quản của bên nhận hợp đồng.</p> <p>Bản kê khai danh sách nhân sự</p>			

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT – BYT ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế.			

**18. THANH TRA TỈNH**

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực Khiếu nại - Tố cáo</b>						
1	2.002407.000.00.00.H 01	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	- 1189/QĐ-UBND ngày 28/5/2018; - 2147/QĐ-UBND ngày 20/9/2021.	- Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại; - Các tài liệu khác có liên quan. - Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.	- Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại; - Các tài liệu khác có liên quan. - Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.	
2	2.002411.000.00.00.H 01	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh		- Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại; - Quyết định GQKN lần đầu; - Các tài liệu khác có liên quan. - Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.	- Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại; - Quyết định GQKN lần đầu; - Các tài liệu khác có liên quan. - Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.	
3	2.002394.000.00.00.H 01	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	- 1189/QĐ-UBND ngày 28/5/2018; - 2709/QĐ-UBND ngày 11/11/2019.	- Đơn tố cáo hoặc bản ghi nội dung tố cáo; - Các tài liệu liên quan. - Kết luận nội dung tố cáo và việc xử lý kết luận nội dung tố cáo.	- Đơn tố cáo hoặc bản ghi nội dung tố cáo; - Các tài liệu liên quan. - Kết luận nội dung tố cáo và việc xử lý kết luận nội dung tố cáo.	
<b>II. Lĩnh vực Tiếp công dân, xử lý đơn</b>						

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
4	1.010943.000.00.00.H01	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1189/QĐ-UBND ngày 28/5/2018;</li> <li>- 1182/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh hoặc văn bản ghi lại nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân).</li> <li>- Các thông tin, tài liệu, bằng chứng do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp.</li> <li>- Cán bộ tiếp dân trả lời trực tiếp hoặc có thông báo bằng văn bản (nếu có).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh hoặc văn bản ghi lại nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân).</li> <li>- Các thông tin, tài liệu, bằng chứng do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp.</li> <li>- Cán bộ tiếp dân trả lời trực tiếp hoặc có thông báo bằng văn bản (nếu có).</li> </ul>	
5	2.002499.000.00.00.H01	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1189/QĐ-UBND ngày 28/5/2018;</li> <li>- 1182/QĐ-UBND ngày 09/6/2022.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh.</li> <li>- Các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có).</li> <li>- Phiếu đề xuất thụ lý đơn, Phiếu hướng dẫn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh.</li> <li>- Các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có).</li> <li>- Phiếu đề xuất thụ lý đơn, Phiếu hướng dẫn</li> </ul>	



Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				gửi đơn khiếu nại, Phiếu chuyển đơn tố cáo, Phiếu chuyển đơn kiến nghị, phản ánh, Phiếu hướng dẫn đơn có nhiều nội dung khác nhau.	gửi đơn khiếu nại, Phiếu chuyển đơn tố cáo, Phiếu chuyển đơn kiến nghị, phản ánh, Phiếu hướng dẫn đơn có nhiều nội dung khác nhau.	
<b>III. Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng</b>						
6	2.002400.000.00.00.H 01	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	- 1189/QĐ-UBND ngày 28/5/2018; - 582/QĐ-UBND ngày 23/3/2021.	- Các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc kê khai; - Danh sách đối tượng phải kê khai theo quy định. - Bản kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện phải kê khai; - Sổ theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai..	Các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc kê khai; - Danh sách đối tượng phải kê khai theo quy định. - Bản kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện phải kê khai; - Sổ theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai..	
7	2.002401.000.00.00.H 01	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập		- Quyết định xác minh; biên bản làm việc; giải trình của người được xác minh; - Báo cáo kết quả xác minh; - Kết luận xác minh tài sản, thu nhập;	- Quyết định xác minh; biên bản làm việc; giải trình của người được xác minh; - Báo cáo kết quả xác minh; - Kết luận xác minh tài sản, thu nhập;	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tài liệu khác có liên quan đến việc xác minh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tài liệu khác có liên quan đến việc xác minh.</li> </ul>	
8	2.002402.000.00.00.H01	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản yêu cầu giải trình của cá nhân, tổ chức;</li> <li>- Thông tin, tài liệu liên quan đến yêu cầu giải trình;</li> <li>- Thông báo đồng ý hoặc từ chối giải trình của cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Văn bản yêu cầu giải trình của cá nhân, tổ chức;</li> <li>- Thông tin, tài liệu liên quan đến yêu cầu giải trình;</li> <li>- Thông báo đồng ý hoặc từ chối giải trình của cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền.</li> </ul>	
9	2.002403.000.00.00.H01	Thủ tục thực hiện việc giải trình		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung việc giải trình;</li> <li>- Biên bản làm việc có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên;</li> <li>- Văn bản giải trình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung việc giải trình;</li> <li>- Biên bản làm việc có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên;</li> <li>- Văn bản giải trình.</li> </ul>	

**PHỤ LỤC 2 - CẤP HUYỆN**

**Danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện,  
và các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
1	1.003888.000.00.00.H01	Chấp thuận trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	338/QĐ-UBND	Nội dung thông tin, tranh, ảnh dự kiến trưng bày. Đơn đề nghị (theo mẫu);		Báo chí	
2	2.002303.000.00.00.H01	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý	1088/QĐ-UBND	Danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP).		Bảo hiểm xã hội	
3	2.000294.000.00.00.H01	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	34/QĐ-UBND	Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động của cơ sở theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Bản photocopy giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở hoặc quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.			
4	2.000477.000.00.00.H01	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	1459/QĐ-UBND	Đơn đề nghị dùng trợ giúp xã hội (theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).		Bảo trợ xã hội	
5	2.000282.000.00.00.H01	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	1459/QĐ-UBND	- Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); - Biên bản đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến an toàn của đối tượng.	- Bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng (nếu có)	Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
6	2.000286.000.00.00.H01	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	1459/QĐ-UBND	- Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); - Bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch; - Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp là người khuyết tật. - Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp nhiễm HIV.	- Giấy tờ liên quan khác (nếu có).	Bảo trợ xã hội	
7	1.001310.000.00.00.H01	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã,	2688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị tiếp nhận đối tượng vào cơ sở (mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015 của Bộ		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em		Lao động - Thương binh và Xã hội).			
8	2.000777.000.00.00.H01	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	1459/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị hỗ trợ của cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị cho người bị thương nặng.		Bảo trợ xã hội	
9	1.001731.000.00.00.H01	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1459/QĐ-UBND	- Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình hoặc cá nhân đứng ra tổ chức mai táng cho đối tượng (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); - Bản sao giấy chứng tử của đối tượng; - Bản sao quyết định hoặc danh sách thôi hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp khác của cơ quan có thẩm quyền đối với		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				trường hợp người từ đủ 80 tuổi đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.			
10	1.001739.000.00.00.H01	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1459/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.	- Biên bản về vụ việc bạo hành, xâm hại đối tượng và văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe đối tượng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).	Bảo trợ xã hội	
11	1.001753.000.00.00.H01	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi	1459/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị của đối tượng		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương					
12	1.001758.000.00.00.H01	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1459/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị của đối tượng		Bảo trợ xã hội	
13	1.001776.000.00.00.H01	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1459/QĐ-UBND	Tờ khai của đối tượng (theo Mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).  Tờ khai hộ gia đình có người khuyết tật (theo Mẫu số 2a ban hành kèm		Bảo trợ xã hội	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP);</p> <p>Tờ khai nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (theo Mẫu số 2b ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP);</p> <p>Tờ khai của đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trong trường hợp đối tượng không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).</p>			
14	1.000684.000.00.00.H01	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động –	2688/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại giấy phép.</li> <li>- Giấy phép hoạt động.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đứng đầu, loại</li> </ul>		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		Thương binh và Xã hội cấp		hình cơ sở, nhiệm vụ và địa bàn hoạt động.			
15	2.000298.000.00.00.H01	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	2688/Q Đ-UBND	Đơn đề nghị giải thể cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập cơ sở, trong đó có nêu rõ lý do đề nghị giải thể theo Mẫu số 04b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án xử lý Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể Các tài liệu liên quan khác (nếu có) Kiến nghị giải thể cơ sở của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
16	1.000669.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	34/QĐ-UBND	- Văn bản đề nghị về việc đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở. - Bản photocopy đăng ký thành lập cơ sở đã được cấp.		Bảo trợ xã hội	
17	2.000291.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	34/QĐ-UBND	- Tờ khai đăng ký thành lập theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 103/2016/NĐ-CP. - Phương án thành lập cơ sở. - Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở theo Mẫu số 03b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 103/2016/NĐ-CP. - Bản sao có chứng thực đối với giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc hợp đồng cho thuê, mượn đất đai, cơ sở vật		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chất và tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở. - Phiếu lý lịch tư pháp của các sáng lập viên. - Bản sao các giấy tờ sau: + Thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân. Đối với sáng lập viên là cá nhân nước ngoài, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các sáng lập viên; + Quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức. Đối với sáng lập</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự.			
18	2.000744.000.00.00.H01	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	1459/QĐ-UBND	Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); Giấy báo tử của đối tượng đối với trường hợp hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác Xác nhận của công an cấp xã đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết do không		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng.			
19	2.002190.000.00.00.H01	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp huyện)	540/QĐ-UBND	<p>Văn bản yêu cầu bồi thường;</p> <p>Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại;</p> <p>Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có).</p> <p>Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường;</p> <p>Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại;</p> <p>Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền;</p> <p>Trường hợp người bị</p>		Bồi thường nhà nước	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thiệt hại chết mà có di chúc thì người yêu cầu bồi thường phải cung cấp di chúc, trường hợp không có di chúc thì phải có văn bản hợp pháp về quyền thừa kế. Trường hợp người yêu cầu bồi thường trực tiếp nộp hồ sơ thì các giấy tờ, tài liệu và chứng cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 là bản sao nhưng phải có bản chính để đối chiếu; trường hợp người yêu cầu bồi thường gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ, tài liệu và chứng cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 là bản sao có</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực.			
20	1.005462.000.00.00.H01	Phục hồi danh dự (cấp huyện)	540/QĐ-UBND	<p>Văn bản yêu cầu bồi thường (mẫu 01/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP).</p> <p>- Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 17/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP);</p> <p>- Biên bản trả lời thông báo tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 18/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP).</p> <p>Trường hợp cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại đã Thông báo nhưng người bị thiệt hại chưa</p>		Bồi thường nhà nước	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự mà yêu cầu sau thì thành phần hồ sơ gồm: Thông báo về việc tổ chức thực hiện phục hồi danh dự (mẫu 17/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP); Ý kiến của người bị thiệt hại đề nghị chưa thực hiện phục hồi danh dự; Văn bản đề nghị phục hồi danh dự.</p>			
21	1.001000.000.00.00.H01	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	2759/Q Đ-UBND	<p>Công văn đăng ký tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;            Danh sách, lý lịch trích ngang kèm theo các minh chứng hợp lệ về đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, báo cáo viên (ghi rõ họ tên, trình độ</p>		Các cơ sở giáo dục khác	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>học vấn, chức vụ, nghề nghiệp, năng lực sư phạm và am hiểu các lĩnh vực kỹ năng sống hoặc hoạt động giáo dục có liên quan) tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Kế hoạch hoạt động, giáo trình, tài liệu giảng dạy, huấn luyện..</p>			
22	1.004439.000.00.00.H01	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	2759/Q Đ-UBND	<p>Sơ yếu lý lịch của những người dự kiến làm giám đốc trung tâm học tập cộng đồng Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trung tâm học tập cộng đồng;</p>		Các cơ sở giáo dục khác	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
23	1.004440.000.00.00.H01	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	2759/QĐ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động trở lại Quyết định thành lập đoàn kiểm tra Biên bản kiểm tra.		Các cơ sở giáo dục khác	
24	2.002096.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	549/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Mẫu số 01) kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn;</li> <li>- Bản thuyết minh về sản phẩm (Mẫu số 02);</li> <li>- 03 ảnh màu, cỡ tối thiểu (10x15)cm của sản phẩm được chụp tại 3 góc độ khác nhau (chính diện, mặt bên, từ trên xuống);</li> <li>- Bản sao hợp lệ các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: chứng chỉ, chứng nhận</li> </ul>		Công nghiệp địa phương	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác.			
25	2.001052.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dự thảo văn bản khai nhận di sản;</li> <li>+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>+ Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký</li> </ul>		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp văn bản khai nhận di sản liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).			
26	2.001050.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);</li> <li>+ Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp văn bản thỏa thuận phân chia di sản liên quan đến</li> </ul>		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu). + Dự thảo văn bản thỏa thuận phân chia di sản;			
27	2.001044.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	540/QĐ-UBND	+ Dự thảo hợp đồng, giao dịch; + Bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu); + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).			
28	2.001008.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng;</li> <li>+ Bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực bằng cử nhân ngoại ngữ trở lên về thứ tiếng nước ngoài cần dịch hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với thứ tiếng nước ngoài cần dịch; trừ trường hợp dịch những ngôn ngữ không phổ biến mà người dịch không có bằng cử nhân ngoại ngữ, bằng tốt nghiệp đại học nhưng thông thạo ngôn ngữ cần</li> </ul>		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				dịch thì phải nộp bản cam kết về việc thông thạo ngôn ngữ đó và chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch; + Bản dịch đính kèm giấy tờ, văn bản cần dịch.			
29	2.000992.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	540/QĐ-UBND	Bản dịch và giấy tờ, văn bản cần dịch.		Chứng thực	
30	2.000843.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	540/QĐ-UBND	Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để		Chứng thực	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chụp. Bản sao, chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực phải có đầy đủ các trang đã ghi thông tin của bản chính.			
31	2.000942.000.00.00.H01	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	540/QĐ-UBND	Người yêu cầu chứng thực xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.		Chứng thực	
32	2.000927.000.00.00.H01	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	540/QĐ-UBND	+ Văn bản thỏa thuận về việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; + Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình bản chính để đối chiếu).</p> <p>+ Bản sao giấy tờ tùy thân còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình bản chính để đối chiếu);</p>			
33	2.000913.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	540/QĐ-UBND	<p>+ Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực</p> <p>+ Dự thảo hợp đồng, giao dịch sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực</p> <p>+ Trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung có liên quan đến tài sản thì người yêu cầu chứng thực phải nộp bản sao kèm bản chính để đối</p>		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chiếu giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng.			
34	2.000884.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.</li> <li>+ Giấy tờ, văn bản mà mình sẽ yêu cầu chứng thực chữ ký. Trường hợp chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài, nếu người thực hiện chứng thực không hiểu rõ nội</li> </ul>		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dung của giấy tờ, văn bản thì có quyền yêu cầu người yêu cầu chứng thực nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt nội dung của giấy tờ, văn bản đó (bản dịch không cần công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch, người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung của bản dịch).</p>			
35	2.000815.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	540/QĐ-UBND	<p>Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để</p>		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chụp. Bản sao từ bản chính để thực hiện chứng thực phải có đầy đủ các trang đã ghi thông tin của bản chính.			
36	2.000908.000.00.00.H01	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp nộp trực tiếp thì xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.</li> <li>+ Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng, phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao.</li> <li>+ Trường hợp người yêu cầu là người đại diện</li> </ul>		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính.			
37	1.009477	Thủ tục đăng ký đề nghị hỗ trợ đầu tư (cấp huyện)	622/QĐ-UBND	(1) Đề xuất dự án đầu tư; (2) Văn bản đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ ;		Du lịch	
38	1.001696.000.00.00.H01	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	540/QĐ-UBND	a) Yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở sang đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai, hồ sơ gồm: -		Đăng ký biện pháp bảo đảm	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Phiếu yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp (01 bản chính); - Văn bản cung cấp thông tin về việc thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở (01 bản chính hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu) hoặc văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu) và văn bản chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký do cơ quan đăng ký thế chấp quyền tài sản cấp, nếu có (01 bản chính hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chiếu); - Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu).</p> <p>b) Yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở sang đăng ký thế chấp nhà ở do nhà ở hình thành trong tương lai đã được hình thành (đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng), hồ sơ gồm: - Phiếu yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp (01 bản chính); - Văn bản cung cấp thông tin về việc thế chấp quyền tài sản phát sinh</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>từ hợp đồng mua bán nhà ở (01 bản chính hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu) hoặc văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu) và văn bản chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thể chấp đã đăng ký do cơ quan đăng ký thể chấp quyền tài sản cấp, nếu có (01 bản chính hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu); - Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản chính hoặc 01</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao không có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu); - Hợp đồng thế chấp nhà ở có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực); - Giấy chứng nhận (đã có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở).</p> <p>c) Đối với các trường hợp đã đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán, chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà có yêu cầu chuyển tiếp sang đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai hoặc sang đăng ký thế</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chấp tài sản gắn liền với đất do tài sản đã hình thành thì hồ sơ như hồ sơ chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở.			
39	1.004084.000.00.00.H01	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (thực hiện tại cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	b) Giấy tờ của người làm thủ tục. a) Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe. Trường hợp xe bị mất giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc biển số xe hoặc mất cả giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe, chủ xe phải có: Đơn trình bày rõ lý do bị mất.		Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ	
40	2.001751.000.00.00.H01	Đăng ký xe tạm thời (thực hiện tại cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	Hồ sơ xe theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 15/2014/TT-BCA, ngày 04/4/2014 của Bộ Công an. Giấy khai đăng ký xe		Đăng ký, quản lý phương tiện	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				(Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 58/2020/TT-BCA)		tiện giao thông đường bộ	
41	1.004170.000.00.00.H01	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (thực hiện tại cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	a) Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu). b) Giấy tờ của chủ xe. c) Giấy chứng nhận đăng ký xe (trừ trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe bị mất). Khi cơ sở dữ liệu cơ quan đăng ký xe kết nối với cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành thì các giấy tờ nêu trên được thay thế bằng dữ liệu điện tử là căn cứ để cấp đăng ký, biển số xe.		Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ	
42	1.004173.000.00.00.H01	Đổi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (thực hiện tại cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	b) Giấy tờ của chủ xe. a) Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu). c) Nộp lại Giấy chứng		Đăng ký, quản lý	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				nhận đăng ký xe (trường hợp đổi lại đăng ký xe) hoặc nộp lại biển số (trường hợp đổi lại biển số xe).		phương tiện giao thông đường bộ	
43	1.004176.000.00.00.H01	Đăng ký xe từ điểm đăng ký xe khác chuyển đến (thực hiện tại cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	Giấy khai đăng ký xe (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 58/2020/TT-BCA) b) Giấy tờ lệ phí trước bạ. c) Giấy tờ chuyển quyền sở hữu. d) Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe. đ) Giấy tờ của chủ xe. Khi cơ sở dữ liệu cơ quan đăng ký xe kết nối với cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành thì các giấy tờ nêu trên được thay thế bằng dữ liệu điện tử là		Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				căn cứ để cấp đăng ký, biển số xe.			
44	1.000540.000.00.00.H01	Đăng ký sang tên xe trong cùng điểm đăng ký Công an cấp huyện	2688/Q Đ-UBND	<p>a) Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu),</p> <p>b) Giấy tờ lệ phí trước bạ.</p> <p>c) Giấy tờ chuyển quyền sở hữu xe.</p> <p>d) Giấy chứng nhận đăng ký xe.</p> <p>đ) Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe (nếu có);</p> <p>e) Giấy tờ của chủ xe.</p> <p>Khi cơ sở dữ liệu cơ quan đăng ký xe kết nối với cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành thì các giấy tờ nêu trên được thay thế bằng dữ liệu điện tử là căn cứ để cấp đăng ký, biển số xe.</p>		Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
45	1.000781.000.00.00.H01	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu (thực hiện tại cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	<p>a) Giấy khai đăng ký xe.  b) Giấy tờ chuyển quyền sở hữu của xe.  c) Giấy tờ lệ phí trước bạ.  d) Giấy tờ nguồn gốc của xe.  đ) Giấy tờ của chủ xe.  Khi cơ sở dữ liệu cơ quan đăng ký xe kết nối với cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành thì các giấy tờ nêu trên được thay thế bằng dữ liệu điện tử là căn cứ để cấp đăng ký, biển số xe.</p>		Đăng ký, quản lý phươ ng tiện giao thông đườn g bộ	
46	1.002277.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	2245/Q Đ-UBND	(2) Một trong các giấy tờ sau đối với trường hợp chứng nhận tài sản là nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối	1. Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):</p> <p>(2.1) Hộ gia đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ sau: - Giấy phép xây dựng nhà ở hoặc giấy phép xây dựng nhà ở có thời hạn đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp nhà ở đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ</p>	<p>khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</p> <p>2. Giấy phép xây dựng nhà ở hoặc giấy xác nhận của UBND cấp xã đối với trường hợp không xin phép xây dựng</p> <p>3. Bản vẽ xây dựng tài sản gắn liền với đất (nếu có)</p> <p>4. Hồ sơ trích đo</p> <p>5. Chứng từ thực</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quan có thẩm quyền phê duyệt; - Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở hoặc giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ trước ngày 05 tháng 7 năm 1994; - Giấy tờ về giao hoặc tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; - Giấy tờ về sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ mà nhà đất đó không thuộc diện Nhà nước xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của</p>	<p>hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có)</p> <p>6. Bản chính GCN</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Quốc hội khoá XI về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991; - Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc đổi hoặc nhận thừa kế nhà ở đã có</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở.</p> <p>Trường hợp nhà ở do mua của doanh nghiệp đầu tư xây dựng để bán thì phải có hợp đồng mua bán nhà ở do hai bên ký kết; - Bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật; - Trường hợp người</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ quy định mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ về mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 có chữ ký của các bên có liên quan và phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về thời</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ theo quy định mà hiện trạng nhà ở không phù hợp với giấy tờ đó thì phần nhà ở không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; - Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở thì phải có giấy tờ xác</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở hoàn thành xây dựng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; trường hợp nhà ở thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại nhà ở đó. (2.2)</p> <p>Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau: - Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở; - Một trong các giấy tờ của bên chuyên quyền.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</p> <p>(3) Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng, tạo lập tài sản được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu nhà ở không đồng thời là người sử dụng đất ở.</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;  (2) Một trong giấy tờ sau đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): - Giấy phép xây dựng công trình hoặc giấy phép xây dựng công trình có thời hạn đối với trường hợp phải xin phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp công trình đã xây dựng không đúng với</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Giấy tờ về sở hữu công trình xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ, trừ trường hợp Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng; - Giấy tờ mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế công trình xây dựng theo quy định của pháp luật đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định; - Giấy tờ			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của Toà án nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu công trình xây dựng đã có hiệu lực pháp luật;</p> <p>- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng có một trong những giấy tờ quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ mua bán, tặng cho, đổi, thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 có chữ ký của các bên có liên quan và được Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên xác nhận; trường hợp mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình mà hiện trạng công trình không phù hợp với giấy tờ đó hoặc</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thì phần công trình không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng. - Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.</p> <p>Trường hợp công trình hoàn thành xây dựng từ ngày 01/7/2004 thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về công trình xây dựng không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; trường hợp công trình thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại công trình đó.</p> <p>(3) Văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu công trình xây dựng không đồng thời là người sử dụng đất.</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</p> <p>(2) Một trong giấy tờ sau</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đây đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): - Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng sản xuất; - Giấy tờ về giao rừng sản xuất là rừng trồng; - Hợp đồng hoặc văn bản về việc</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với rừng sản xuất là rừng trồng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật; - Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đã có hiệu lực pháp luật; - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu rừng mà đã trồng rừng sản xuất bằng vốn của mình thì phải được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quy định của pháp luật đất đai.</p> <p>(3) Văn bản thoả thuận của người sử dụng đất cho phép sử dụng đất để trồng rừng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng không đồng thời là người sử dụng đất.</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</p> <p>(2) Một trong giấy tờ sau đây đối với trường hợp chứng nhận quyền sở</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hữu cây lâu năm (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): - Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng cây lâu năm phù hợp với mục đích sử dụng đất ghi trên giấy tờ đó; - Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với cây lâu năm đã được công chứng hoặc chứng thực theo</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quy định; - Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu cây lâu năm đã có hiệu lực pháp luật; - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm nêu trên đây thì phải được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.</p> <p>(3) Văn bản thoả thuận của người sử dụng đất cho phép sử dụng đất để trồng cây lâu năm đã được công chứng hoặc</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu cây lâu năm không đồng thời là người sử dụng đất.			
47	1.003572.000.00.00.H01	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” (đồng loạt)	2245/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp hoặc bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với trường hợp đất đang thế chấp tại tổ chức tín dụng;</li> <li>- Văn bản thỏa thuận về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;</li> <li>- Phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã đã được Ủy ban nhân dân huyện,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04đ/ĐK</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp hoặc</li> </ul>	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản giao nhận ruộng đất theo phương án “dồn điền đổi thửa” (nếu có).</li> <li>- Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi</li> </ul> </li> </ul>	<p>bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với trường hợp đất đang thế chấp tại tổ chức tín dụng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thỏa thuận về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;</li> <li>- Phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận;</p> <p>- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04đ/ĐK</p> <p>Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội</p>	<p>nông nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã đã được Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt;</p> <p>- Biên bản giao nhận ruộng đất theo phương án “dồn điền đổi thửa” (nếu có).</p> <p>- Đối với trường hợp thực hiện</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân. + Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc công nhận việc thay đổi thông tin pháp nhân đối với trường hợp thay đổi thông tin về pháp nhân của tổ chức đã ghi trên Giấy chứng nhận.</p>	thủ tục đăng ký		
48	1.003855.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	2245/QĐ-UBND	<p>2. Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp của một bên hoặc các bên liên quan. 3. Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề. 4. Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phân diện</p>	<p>1. Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK. 2. Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp của</p>	Đất đai	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.</p> <p>5. Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên</p>	<p>một bên hoặc các bên liên quan.</p> <p>3. Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.</p> <p>4. Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trên Giấy chứng nhận. Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân</p> <p>1. Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK.</p>	<p>thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.</p> <p>5. Hồ sơ trích lục hoặc trích đo thửa đất</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
49	1.002335.000.00.00.H01	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cấp huyện	2245/Q Đ-UBND	(2) Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất (bản sao một trong các giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): (2.1) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (2.2) Giấy chứng nhận quyền	- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK <sup>2</sup> ; - Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/N	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; (2.3) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất; (2.4) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; (2.5) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua</p>	<p>Đ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) đối với trường hợp đăng ký về quyền sử dụng đất</p> <p>- Hồ sơ trích lục hoặc trích đo</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật; (2.6) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất; (2.7) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm: - Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980. - Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thôn báo công khai, biên bản kết thúc</li> <li>- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có)</li> <li>- GCN bản chính</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm: + Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp; + Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập; + Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp. Trường hợp trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất có sự khác nhau giữa thời điểm làm đơn và thời</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>điểm xác nhận thì thời điểm xác lập đơn được tính theo thời điểm sớm nhất ghi trong đơn. + Giấy tờ về việc chứng nhận đã đăng ký quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh cấp cho người sử dụng đất; + Giấy tờ về việc kê khai đăng ký nhà cửa được Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh xác nhận mà trong đó có ghi diện tích đất có nhà ở; + Giấy tờ của đơn vị quốc phòng giao đất cho cán bộ, chiến sỹ làm nhà ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo Chỉ thị số 282/CT-QP ngày 11 tháng 7 năm 1991 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng mà việc giao đất</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất làm nhà ở của cán bộ, chiến sỹ trong quy hoạch đất quốc phòng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.” - Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. - Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có). - Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, công trình được</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép. - Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận. - Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để phân (cấp) cho cán bộ,</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật.</p> <p>(2.8) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị thất lạc và cơ quan nhà</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nước không còn lưu giữ hồ sơ quản lý việc cấp loại giấy tờ đó. (2.9) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan. (2.10) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>được thi hành. (2.11) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014. (2.12) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.</p> <p>(3) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở đối với trường hợp tài sản là nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): (3.1) Hộ gia</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ sau: - Giấy phép xây dựng nhà ở hoặc giấy phép xây dựng nhà ở có thời hạn đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp nhà ở đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Hợp đồng mua</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở hoặc giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ trước ngày 05 tháng 7 năm 1994; - Giấy tờ về giao hoặc tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; - Giấy tờ về sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ mà nhà đất đó không thuộc diện Nhà nước xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá XI về nhà đất do Nhà nước đã quản</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991; - Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc đổi hoặc nhận thừa kế nhà ở đã có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở.</p> <p>Trường hợp nhà ở do mua của doanh nghiệp đầu tư xây dựng để bán thì phải có hợp đồng mua bán nhà ở do hai bên ký kết; - Bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật; - Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>một trong những giấy tờ quy định mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ về mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 có chữ ký của các bên có liên quan và phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhà ở đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ theo quy định mà hiện trạng nhà ở không phù hợp với giấy tờ đó thì phân nhà ở không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; - Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở đã</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở hoàn thành xây dựng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; trường hợp nhà ở thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại nhà ở đó. (3.2)</p> <p>Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau: - Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở; - Một trong các giấy tờ của bên chuyển quyền.</p> <p>(4) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trình xây dựng đối với trường hợp tài sản là công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã có chứng nhận hoặc chứng hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): - Giấy phép xây dựng công trình hoặc giấy phép xây dựng công trình có thời hạn đối với trường hợp phải xin phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp công trình đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Giấy tờ về sở hữu công trình xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ, trừ trường hợp Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng; - Giấy tờ mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế công trình xây dựng theo quy định của pháp luật đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định; - Giấy tờ của Tòa án nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu công trình xây dựng</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đã có hiệu lực pháp luật;</p> <p>- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng có một trong những giấy tờ quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ mua bán, tặng cho, đổi, thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 có chữ ký của các bên có liên quan và được Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên xác nhận; trường hợp mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi,</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận thừa kế có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình mà hiện trạng công trình không phù hợp với giấy tờ đó hoặc thì phần công trình không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng. - Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng. Trường hợp công trình hoàn thành xây dựng từ ngày 01/7/2004 thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về công trình xây dựng không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; trường hợp công trình thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại công trình đó.</p> <p>(5) Một trong các giấy tờ</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>về quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đối với trường hợp chứng nhận tài sản rừng sản xuất là rừng trồng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng sản xuất;</li> <li>- Giấy tờ về giao rừng sản xuất là</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>rừng trồng; - Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với rừng sản xuất là rừng trồng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật; - Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đã có hiệu lực pháp luật; - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu rừng mà đã trồng rừng sản xuất bằng vốn của mình thì phải được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận có đủ điều</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai;</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</p> <p>(7) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất - nếu có (bản sao đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính đối với trường hợp có 2 bản chính).</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>(8) Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.</p> <p>(6) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu cây lâu năm (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): - Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng cây lâu năm phù hợp với mục đích sử dụng đất ghi trên giấy tờ đó; - Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với cây lâu năm đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định; - Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu cây</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>lâu năm đã có hiệu lực pháp luật; - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm nêu trên đây thì phải được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai;</p> <p>(5) Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chế đối với trường hợp đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề.</p> <p>(2) Bản gốc Giấy chứng nhận của thửa đất gốc hoặc các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của thửa đất gốc đối với trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>(3) Một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Trường hợp đăng ký về quyền sở hữu nhà ở hoặc công trình xây dựng thì phải có sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng, trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng;</p> <p>(4) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đối với toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng;</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đối với toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng;</p> <p>(2) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của thửa đất gốc;</p> <p>(3) Một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31,</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Trường hợp đăng ký về quyền sở hữu nhà ở hoặc công trình xây dựng thì phải có sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng, trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng;</p> <p>(4) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);</p> <p>(5) Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế đối với trường hợp đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề;</p> <p>(6) Bản gốc Giấy chứng nhận và hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất được lập theo quy định của diện tích đất tăng thêm. Trường hợp nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho phần diện tích đất tăng thêm theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Nghị định số</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>43/2014/NĐ-CP thì nộp bản gốc Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất của diện tích đất tăng thêm.</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đối với toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng;</p> <p>(2) Bản gốc Giấy chứng nhận của thửa đất gốc hoặc giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của thửa đất gốc đối với trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp Giấy chứng nhận;</p> <p>(3) Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của diện tích đất tăng thêm;</p> <p>(4) Một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đối với trường hợp đăng ký về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Trường hợp đăng ký về</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quyền sở hữu nhà ở hoặc công trình xây dựng thì phải có sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng, trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đã có sơ đồ phù hợp với hiện trạng nhà ở, công trình đã xây dựng;</p> <p>(5) Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);</p> <p>(6) Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế đối với trường hợp đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề.			
50	2.000955.000.00.00.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở cấp huyện	2245/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng.</li> <li>- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK;</li> <li>- Hợp đồng về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở, công</li> </ul>	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					trình xây dựng theo quy định của pháp luật;  - Biên bản bàn giao nhà, đất, công trình xây dựng.		
51	2.000348.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	2688/Q Đ-UBND	1. Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK; 2. Một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất (bản sao) như sau: a) Giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính	- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;  - Một trong các loại	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;</p> <p>c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất;</p> <p>d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng</p>	<p>giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai, Điều 18 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.</p> <p>- Hồ sơ trích lục hoặc trích đo</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;</p> <p>đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;</p> <p>g) Một trong các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tháng 12 năm 1980.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một trong các giấy tờ được lập trong quá trình thực hiện đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị số 299-TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước do cơ quan nhà nước đang quản lý, có tên người sử dụng đất bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã xác định người đang sử dụng đất là hợp pháp;</li> <li>+ Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp xã hoặc cơ quan</li> </ul> </li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quản lý đất đai cấp huyện, cấp tỉnh lập;  + Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với trường hợp không có biên bản xét duyệt và Bản tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp. Trường hợp trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất có sự khác nhau giữa thời điểm làm đơn và thời điểm xác nhận thì thời điểm xác lập đơn được tính theo thời điểm sớm nhất ghi trong đơn.  + Giấy tờ về việc chứng nhận đã đăng ký quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh cấp cho người sử dụng đất;  + Giấy tờ về việc kê khai đăng ký nhà cửa được</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện hoặc cấp tỉnh xác nhận mà trong đó có ghi diện tích đất có nhà ở;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án hoặc danh sách hoặc văn bản về việc di dân đi xây dựng khu kinh tế mới, di dân tái định cư được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</li> <li>- Giấy tờ của nông trường, lâm trường quốc doanh về việc giao đất cho người lao động trong nông trường, lâm trường để làm nhà ở (nếu có).</li> <li>- Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng, sửa chữa nhà ở,</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>công trình được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng chứng nhận hoặc cho phép.</p> <p>- Giấy tờ tạm giao đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Đơn đề nghị được sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã nông nghiệp phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 1980 hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt, chấp thuận.</p> <p>- Giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất cho cơ quan, tổ chức để bố trí đất cho cán bộ, công nhân viên tự làm nhà ở hoặc xây dựng nhà ở để</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phân (cấp) cho cán bộ, công nhân viên bằng vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc do cán bộ, công nhân viên tự đóng góp xây dựng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân sách nhà nước thì phải bàn giao quỹ nhà ở đó cho cơ quan quản lý nhà ở của địa phương để quản lý, kinh doanh theo quy định của pháp luật.</p> <p>h) Bản sao các giấy tờ lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 có tên người sử dụng đất nêu tại điểm g có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện, cấp tỉnh đối với trường hợp bản gốc giấy tờ này đã bị</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thất lạc và cơ quan nhà nước không còn lưu giữ hồ sơ quản lý việc cấp loại giấy tờ đó.</p> <p>i) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h trên đây mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan.</p> <p>k) Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, văn bản công nhận kết quả hòa giải thành, quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành.</p> <p>l) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ ngày 15/10/1993 đến ngày 01/7/2014.</p> <p>m) Giấy xác nhận là đất sử dụng chung cho cộng đồng đối với trường hợp cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.</p> <p>3. Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất - nếu có (bản sao).</p> <p>4. Trường hợp có đăng ký quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề phải có hợp đồng</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề, kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng thửa đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.			
52	1.002214.000.00.00.H01	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	2688/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</li> <li>+ Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất kèm theo Đơn đăng ký (mẫu 04b/ĐK)</li> <li>+ Danh sách các thửa đất của cùng một người sử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</li> <li>- Văn bản của cơ</li> </ul>	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dụng, người được giao quản lý kèm theo Đơn đăng ký (mẫu 04c/Đk)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất để quản lý (nếu có);</li> <li>- Sơ đồ hoặc trích đo địa chính thửa đất, khu đất được giao quản lý (nếu có).</li> </ul>	<p>quan nhà nước có thẩm quyền về việc giao đất để quản lý (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất, khu đất được giao quản lý (nếu có).</li> </ul>		
53	1.003907.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển	2245/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đơn đăng ký biên động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</li> <li>+ Hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền đã lập theo quy định;</li> <li>+ Đơn đăng ký biên động đất đai, tài sản gắn</li> </ul>	- <b>Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất,</b>	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		<p>liên với đất theo Mẫu số 09/ĐK;            + Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;            + Giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có đủ chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền.            - Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước</p>	<p><i>tài sản gắn liền với đất mà có hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền theo quy định nhưng bên chuyển quyền không trao Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển quyền, hồ sơ gồm:</i></p> <p>+ Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận; Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân.</p>	<p>Mẫu số 09/ĐK;  + Hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền đã lập theo quy định;  + Hồ sơ trích lục hoặc trích đo thửa đất  - Thông báo về việc cấp giấy chứng nhận và giấy tờ chứng minh việc đăng ký báo đài 03 kỳ liên tiếp</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>+ GCN bản sao (người mua)</p> <p>+ Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có)</p> <p>- <i>Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không lập hợp đồng, văn bản chuyển quyền theo quy định, hồ sơ gồm có:</i></p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>+ Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p> <p>+ Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>+ Giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có đủ chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					chuyển quyền. + Hồ sơ trích lục hoặc trích đo thửa đất + Thông báo về việc cấp giấy chứng nhận và giấy tờ chứng minh việc đăng ký báo đài 03 kỳ liên tiếp + GCN bản sao (người mua) + Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					chính (nếu có)		
54	1.003595.000.00.00.H01	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	2245/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm Thông tư số 33/2017/T T-BTNMT;</li> <li>- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng</li> </ul>	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.  - Hồ sơ nghĩa vụ tài chính (nếu có)		
55	1.003877.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ);	2245/QĐ-UBND	3. Một trong các giấy tờ liên quan đến nội dung biến động: - Văn bản công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cá nhân	1. Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận		hoặc người đại diện hộ gia đình thay đổi họ, tên; - Bản sao sổ hộ khẩu đối với trường hợp thay đổi người đại diện là chủ hộ gia đình; văn bản thỏa thuận của hộ gia đình được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với trường hợp thay đổi người đại diện là thành viên khác trong hộ; - Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy chứng minh quân đội và sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận; Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu	theo Mẫu số 09/ĐK; 2. Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp; 3. Một trong các giấy tờ liên quan đến nội dung biến động: - Văn bản công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cá nhân		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân.</p> <p>- Văn bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với trường hợp cộng đồng dân cư đổi tên;</p> <p>1. Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p>	<p>hoặc người đại diện hộ gia đình thay đổi họ, tên;</p> <p>- Bản sao sổ hộ khẩu đối với trường hợp thay đổi người đại diện là chủ hộ gia đình; văn bản thỏa thuận của hộ gia đình được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với trường hợp thay đổi người đại</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>2. Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao một trong các giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thể hiện nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất đã ghi trên Giấy chứng nhận.</li> <li>- Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình trạng sạt lở tự nhiên đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất, tài sản gắn liền với đất do sạt lở tự nhiên;</li> <li>- Chứng từ về việc nộp nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp có ghi nợ hoặc chậm nộp nghĩa vụ tài chính, trừ trường hợp người sử</li> </ul>	<p>diện là thành viên khác trong hộ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy chứng minh quân đội và sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dụng đất được miễn giảm hoặc không phải nộp do thay đổi quy định của pháp luật;</p> <p>- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi hạn chế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận đối với trường hợp có hạn chế theo quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; trường hợp có thay đổi hạn chế theo văn bản chuyển quyền sử dụng đất thì phải có văn bản chấp thuận thay đổi hạn chế của người có quyền lợi liên quan, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;</p> <p>a) Đơn đăng ký biến</p>	<p>Giấy chứng nhận;</p> <p>- Văn bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với trường hợp cộng đồng dân cư đổi tên;</p> <p>- Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình trạng sạt lở tự nhiên đối với trường hợp giảm</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p> <p>b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>c) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận;</p> <p>Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu</p>	<p>diện tích thửa đất, tài sản gắn liền với đất do sạt lở tự nhiên;</p> <p>- Chứng từ về việc nộp nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp có ghi nợ hoặc chậm nộp nghĩa vụ tài chính, trừ trường hợp người sử dụng đất được miễn giảm hoặc không phải nộp do thay</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân.</p>	<p>đôi quy định của pháp luật; - Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi hạn chế về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận đối với trường hợp có hạn chế theo quyết định giao đất, cho thuê</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>đất, công nhận quyền sử dụng đất; trường hợp có thay đổi hạn chế theo văn bản chuyển quyền sử dụng đất thì phải có văn bản chấp thuận thay đổi hạn chế của người có quyền lợi liên quan, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;</p> <p>- Bản sao một trong các giấy tờ</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thể hiện nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất đã ghi trên Giấy chứng nhận.</p> <p>4. Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có)</p> <p>5. Hồ sơ trích đo</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					hoặc trích lục thửa đất		
56	1.002291.000.00.00.H01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất cấp huyện	2245/QĐ-UBND	(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK; (2) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở đối với trường hợp tài sản là nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): (2.1) Hộ gia đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ sau: - Giấy phép xây dựng nhà ở	1. Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK; 2. Một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoặc giấy phép xây dựng nhà ở có thời hạn đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp nhà ở đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm</p>	<p>số 43/2014/NĐ-CP; 3. Sơ đồ về tài sản gắn liền với đất (trừ trường hợp trong giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã có sơ đồ tài sản phù hợp với hiện trạng); 4. Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp chứng nhận bổ sung quyền</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở hoặc giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ trước ngày 05 tháng 7 năm 1994; - Giấy tờ về giao hoặc tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; - Giấy tờ về sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ mà nhà đất đó không thuộc diện Nhà nước xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá XI về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải</p>	<p>sở hữu tài sản gắn liền với đất;</p> <p>5. Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về tài sản gắn liền với đất (nếu có);</p> <p>6. Văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>           tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991; - Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc đổi hoặc nhận thừa kế nhà ở đã có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở do         </p>	<p>           trình đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu công trình không đồng thời là người sử dụng đất.         </p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp nhà ở do mua của doanh nghiệp đầu tư xây dựng để bán thì phải có hợp đồng mua bán nhà ở do hai bên ký kết; - Bản án hoặc quyết định của Toà án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật; - Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ quy định mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>giấy tờ về mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 có chữ ký của các bên có liên quan và phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>từ theo quy định mà hiện trạng nhà ở không phù hợp với giấy tờ đó thì phân nhà ở không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; - Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được xây dựng trước khi có quy</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở hoàn thành xây dựng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; trường hợp nhà ở thuộc đối tượng phải xin</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại nhà ở đó. (2.2) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau: - Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở; - Một trong các giấy tờ của bên chuyển quyền. (2.3) Trường hợp chủ sở hữu nhà ở không đồng thời là người sử dụng đất ở thì ngoài giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, phải có hợp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng, tạo lập tài sản được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>(3) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công trình xây dựng đối với trường hợp chúng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản sao hoặc bản chính):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép xây dựng công trình hoặc giấy phép xây dựng công trình có thời hạn đối với trường hợp phải xin phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp công trình đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;</li> <li>- Giấy tờ về sở hữu công trình xây dựng</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ, trừ trường hợp Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng; - Giấy tờ mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế công trình xây dựng theo quy định của pháp luật đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định; - Giấy tờ của Tòa án nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu công trình xây dựng đã có hiệu lực pháp luật; - Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng có một trong những giấy tờ quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thì phải có một trong các giấy tờ mua bán, tặng cho, đổi, thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 có chữ ký của các bên có liên quan và được Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên xác nhận; trường hợp mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đất về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình mà hiện trạng công trình không phù hợp với giấy tờ đó hoặc thì phần công trình không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng. - Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng. Trường hợp công trình hoàn thành xây dựng từ ngày 01/7/2004 thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>về công trình xây dựng không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; trường hợp công trình thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại công trình đó. - Trường hợp chủ sở hữu công trình xây dựng không đồng thời là người sử dụng đất thì ngoài giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu công trình, phải có văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trình đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>(4) Một trong các giấy tờ sau đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): - Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng sản xuất; - Giấy tờ về giao rừng sản xuất là rừng trồng; - Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với rừng sản xuất là rừng trồng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật; - Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đã có hiệu lực pháp luật; - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quyền sở hữu rừng mà đã trồng rừng sản xuất bằng vốn của mình thì phải được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Trường hợp chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng không đồng thời là người sử dụng đất thì ngoài giấy tờ theo quy định nêu trên, phải có văn bản thỏa thuận của người sử dụng đất cho phép sử dụng đất để trồng rừng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				(5) Một trong các giấy tờ sau đối với trường hợp chứng nhận quyền sở hữu cây lâu năm (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): - Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng cây lâu năm phù hợp với mục đích sử dụng đất ghi trên giấy tờ đó; - Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>kế đối với cây lâu năm đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định; - Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu cây lâu năm đã có hiệu lực pháp luật; - Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm nêu trên đây thì phải được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Trường hợp chủ sở hữu cây lâu năm không đồng thời là người sử</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dụng đất thì ngoài giấy tờ theo quy định nêu trên, phải có văn bản thỏa thuận của người sử dụng đất cho phép sử dụng đất để trồng cây lâu năm đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật và bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;</p>			
57	1.002978.000.00.00.H01	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	2688/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đính chính Giấy chứng nhận đối với trường hợp phát hiện sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất</p>		Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
58	2.000365.000.00.00.H01	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	2245/Q Đ-UBND	<p>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp, trừ trường hợp thực hiện quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã có hiệu lực thi hành hoặc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án mà không thu hồi được bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>- Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành (trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền) hoặc quyết định của cơ quan nhà</p>	<p>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p> <p>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp, trừ trường hợp thực hiện quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã có hiệu lực</p>	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp luật; văn bản bàn giao tài sản thế chấp theo thỏa thuận (nếu có) và văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thế chấp có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp; văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng góp vốn có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản góp vốn và văn bản bàn giao tài sản góp vốn theo thỏa thuận; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành có nội dung xác định người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn</p>	<p>thi hành hoặc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án mà không thu hồi được bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp</p> <p>- Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>liên với đất; văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án đã được thi hành; hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</li> <li>- Trường hợp phân chia</li> </ul>	<p>(trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền) hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình phải có sổ hộ khẩu kèm theo; trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ và chồng phải có sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận kết hôn hoặc ly hôn kèm theo.</p> <p>- Văn bản của các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất đồng ý chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật đối với trường hợp chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư</p>	<p>theo quy định của pháp luật; văn bản bàn giao tài sản thể chấp theo thỏa thuận (nếu có) và văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thể chấp có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp; văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng góp vốn có nội dung thỏa thuận về xử</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhân.</p> <p>- Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp. Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận;</p>	<p>lý tài sản góp vốn và văn bản bàn giao tài sản góp vốn theo thỏa thuận; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành có nội dung xác định người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân.</p>	<p>sản gắn liền với đất; văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án đã được thi hành; hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất.</p> <p>- Trường hợp phân chia hoặc</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình phải có sổ hộ khẩu kèm theo; trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ và chồng phải có sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					nhận kết hôn hoặc ly hôn kèm theo. - Hồ sơ trích lục hoặc trích đo thửa đất - Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) - GCN bản chính (người được thi hành án, bản án của tòa)		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
59	1.003836.000.00.00.H01	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	2688/Q Đ-UBND	Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất Chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (nếu có).	- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK; - Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp; - Chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (nếu có).	Đất đai	
60	1.000755.000.00.00.H01	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ	2245/Q Đ-UBND	- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở	- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.		<p>hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất</p> <p>Hợp đồng thuê đất đã lập;</p> <p>Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</li> <li>- Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy</li> </ul>	<p>Mẫu số 09/ĐK;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</li> <li>- Hợp đồng thuê đất đã lập;</li> <li>- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có).</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận; Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
61	1.003000.000.00.00.H01	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	2245/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa theo Mẫu số 11/ĐK;</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</li> <li>- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK. Đối với trường hợp thửa đất được tách ra từ Giấy chứng nhận đã cấp chung cho nhiều thửa đất để cấp riêng một Giấy chứng nhận thì không kê khai, không xác nhận các thông tin tại điểm 5 của mục I, các mục II và IV của Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</li> <li>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</li> </ul> <p>3. Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa theo Mẫu số 11/ĐK;</li> <li>2. Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.</li> <li>3. Hồ sơ trích đo địa chính thửa đất (Bản gốc trích đo, hồ sơ không chế...)</li> </ol>	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ký biên động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận. Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân.			
62	1.003620.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (nơi chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai)	2688/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã niêm yết thông báo mất giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận trong thời gian 15 ngày	-- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận;	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thiên tai, hỏa hoạn đối với trường hợp mất Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do thiên tai, hỏa hoạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã niêm yết thông báo mất giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận trong thời gian 15 ngày;</li> <li>- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thiên tai, hỏa hoạn đối</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>với trường hợp mất Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do thiên tai, hỏa hoạn.</p> <p>- Tờ tường trình về việc mất GCN</p> <p>- Trích đo hoặc trích lục</p>		
63	1.002969.000.00.00.H01	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài	2688/Q Đ-UBND	Đơn phản ánh việc cấp Giấy chứng nhận không đúng quy định. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở	- Đơn phản ánh việc cấp Giấy chứng nhận không	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		sản gắn liền với đất phát hiện		hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	đúng quy định. - Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp. - Tờ trình của UBND cấp xã - Quyết định thu hồi GCN		
64	1.003886.000.00.00.H01	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu	2245/QĐ-UBND	Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu	- Văn bản thanh lý hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn - Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tài sản gắn liền với đất.</p> <p>- Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia</p>	<p>cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sẽ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân.</p> <p>- Văn bản thanh lý hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có xác nhận</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				đã được thanh lý hợp đồng.			
65	1.002989.000.00.00.H01	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	2688/Q Đ-UBND	Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay cho bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đổi với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng.	- Đơn đề nghị cấp đổi - GCN bản chính - Hồ sơ trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (nếu có)	Đất đai	
66	2.000379.000.00.00.H01	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo	2688/Q Đ-UBND	- Hợp đồng thuê đất đã ký với Nhà nước. - Văn bản chấp thuận	- Hợp đồng, văn bản mua	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		<p>của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận góp vốn để thực hiện dự án đầu tư;</p> <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất</p> <p>- Hợp đồng, văn bản mua bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo quy định.</p>	<p>bán, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo quy định.</p> <p>- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>- Hợp đồng thuê đất đã ký với Nhà nước.</p> <p>- Văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận góp</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					vốn để thực hiện dự án đầu tư.		
67	1.003013.000.00.00.H01	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	446/QĐ-UBND	Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất	- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;  - Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.	Đất đai	
68	2.001234.000.00.00.H01	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	2245/QĐ-UBND	- Đơn xin giao đất, cho thuê đất. - Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách	- Đơn xin giao đất, cho thuê đất.  - Trích lục bản đồ địa chính thửa	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất).</p>	<p>đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (Bản gốc trích đo, hồ sơ không chế, biên bản xác định mốc ranh, phiếu xác định vị trí)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định giao, cho thuê</li> <li>- Hợp đồng cho thuê</li> </ul>		
69	2.000381.000.00.00.H01	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua	2688/QĐ-UBND	Đơn xin giao đất, cho thuê đất Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (Phòng tài nguyên và môi trường có trách		Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		hình thức đấu giá quyền sử dụng đất		nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất). Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất.			
70	2.000395.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện	2688/Q Đ-UBND	Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong	Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai; các tài liệu làm chứng cứ liên quan tranh chấp đất đai.	Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quá trình giải quyết tranh chấp</p> <p>Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ, chứng minh trong quá trình giải quyết tranh chấp</p> <p>Báo cáo đề xuất và dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành</p>			
71	2.000410.000.00.00.H01	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với	2245/QĐ-UBND	(1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK. Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp thì phải thể hiện tổng diện tích nhận chuyển quyền tại điểm 4 Mục I của		Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng		<p>Mẫu số 09/ĐK (Lý do biến động) như sau:  “Nhận ... (ghi hình thức chuyển quyền sử dụng đất) ...m2 đất (ghi diện tích đất nhận chuyển quyền); tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng do nhận chuyển quyền và đã đăng ký chuyển quyền sử dụng đất từ ngày 01/7/2007 đến trước ngày 01/7/2014 là ... m2 và từ ngày 01/7/2014 đến nay là ... m2 (ghi cụ thể diện tích nhận chuyển quyền theo từng loại đất, từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)”;</p> <p>(2) Hợp đồng, văn bản về việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng theo quy định. Trường hợp người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là người duy nhất thì phải có đơn đề nghị được đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thừa kế;</p> <p>(3) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>(4) Văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất.</p> <p>(5) Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đã chết trước khi được trao Giấy chứng nhận thì người được thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật thừa kế nộp bổ sung giấy tờ về thừa kế theo quy định.</p> <p>(6) Văn bản của các thành viên trong hộ gia</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đình sử dụng đất đồng ý chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.</p> <p>(7) Văn bản xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với trường hợp nhận chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa.</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 10/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đối với toàn bộ diện tích của thửa đất đang sử dụng;</p> <p>(2) Bản gốc Giấy chứng</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận của thửa đất gốc;  (3) Bản gốc Giấy chứng nhận và hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất được lập theo quy định của diện tích đất tăng thêm. Trường hợp nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho phần diện tích đất tăng thêm theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì nộp bản gốc Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng, văn bản về việc chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất của diện tích đất tăng thêm.  (1) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>liên với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p> <p>(2) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp. Đối với trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất mà có thay đổi thông tin về số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ trên Giấy chứng nhận đã cấp thì người sử dụng đất nộp thêm bản sao Giấy chứng minh nhân dân mới hoặc Giấy chứng minh quân đội mới hoặc thẻ Căn cước công dân mới hoặc sổ hộ khẩu, giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân của người có tên trên Giấy chứng nhận;</p> <p>Trường hợp dữ liệu quốc gia về dân cư được chia</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				sẽ và kết nối với dữ liệu của các ngành, các lĩnh vực (trong đó có lĩnh vực đất đai) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư mà không yêu cầu người nộp hồ sơ phải nộp bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân.			
72	1.000798.000.00.00.H01	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	2688/Q Đ-UBND	(1) Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất. (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu		Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.			
73	1.002314.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (cấp huyện)	2245/QĐ-UBND	(2.1) Hộ gia đình, cá nhân trong nước phải có một trong các loại giấy tờ sau: (1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK; (2) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính): - Giấy phép xây dựng nhà ở hoặc giấy phép xây dựng nhà ở có thời		Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hạn đối với trường hợp phải xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp nhà ở đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>- Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>và kinh doanh nhà ở hoặc giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ trước ngày 05 tháng 7 năm 1994;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về giao hoặc tặng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết;</li> <li>- Giấy tờ về sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ mà nhà đất đó không thuộc diện Nhà nước xác lập sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá XI về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991;</p> <p>- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc đổi hoặc nhận thừa kế nhà ở đã có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trường hợp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì phải có văn bản về giao dịch đó theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp nhà ở do mua của doanh nghiệp đầu tư xây dựng để bán thì phải có hợp đồng mua bán nhà ở do hai bên ký kết;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản án hoặc quyết định của Toà án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật;</li> <li>- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở có một trong những giấy tờ quy định mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì</li> </ul>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phải có một trong các giấy tờ về mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 có chữ ký của các bên có liên quan và phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; trường hợp nhà ở do mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở đó. Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu nhà ở</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>có một trong những giấy tờ theo quy định mà hiện trạng nhà ở không phù hợp với giấy tờ đó thì phần nhà ở không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;</p> <p>- Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006, được xây</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà ở hoàn thành xây dựng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp nhà ở xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006; trường hợp nhà ở</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại nhà ở đó.</p> <p>(2.2) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam phải có các giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về mua bán hoặc nhận tặng cho hoặc nhận thừa kế nhà ở hoặc được sở hữu nhà ở thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật về nhà ở;</li> <li>- Một trong các giấy tờ của bên chuyên quyền. Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>04a/ĐK.</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</p> <p>(2) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu công trình xây dựng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy phép xây dựng công trình hoặc giấy phép xây dựng công trình có thời hạn đối với trường hợp phải xin phép xây dựng theo quy định của pháp luật về</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>xây dựng. Trường hợp công trình đã xây dựng không đúng với giấy phép xây dựng được cấp thì phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng xác nhận diện tích xây dựng không đúng giấy phép không ảnh hưởng đến an toàn công trình và nay phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về sở hữu công trình xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ, trừ trường hợp Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng;</li> <li>- Giấy tờ mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế công trình xây dựng theo</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quy định của pháp luật đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ của Toà án nhân dân hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu công trình xây dựng đã có hiệu lực pháp luật;</li> <li>- Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng có một trong những giấy tờ quy định tại các Điều a, b, c và d Khoản này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác thì phải có một trong các giấy tờ mua bán, tặng cho, đổi, thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 có chữ ký của các bên có liên quan và được</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Ủy ban nhân dân từ cấp xã trở lên xác nhận; trường hợp mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về việc đã mua bán, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế có chữ ký của các bên có liên quan thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất về thời điểm mua, nhận tặng cho, đổi, nhận thừa kế công trình xây dựng đó.</p> <p>Trường hợp người đề nghị chứng nhận quyền sở hữu công trình có một</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình mà hiện trạng công trình không phù hợp với giấy tờ đó hoặc thì phần công trình không phù hợp với giấy tờ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.</p> <p>- Trường hợp cá nhân trong nước không có một trong những giấy tờ về quyền sở hữu công trình thì phải được Ủy</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ban nhân dân cấp xã xác nhận công trình đã hoàn thành xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và công trình được xây dựng trước khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng hoặc phải phù hợp quy hoạch đối với trường hợp xây dựng sau khi có quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.</p> <p>Trường hợp công trình hoàn thành xây dựng từ ngày 01/7/2004 thì phải có giấy tờ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về công trình xây dựng không thuộc trường hợp phải xin giấy phép xây dựng và đáp ứng điều kiện về quy hoạch như trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004;</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trường hợp công trình thuộc đối tượng phải xin phép xây dựng mà không xin phép thì phải có giấy tờ của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện chấp thuận cho tồn tại công trình đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu rừng mà đã trồng rừng sản xuất bằng vốn của mình thì phải được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai;</li> <li>- Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quyết được quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng đã có hiệu lực pháp luật;</p> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</p> <p>(2) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng (bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>liên với đất nêu trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng sản xuất;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ về giao rừng sản xuất là rừng trồng;</li> <li>- Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với rừng sản xuất là rừng trồng đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật;</li> </ul> <p>(1) Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK;</p> <p>(2) Một trong các giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm (bản sao giấy tờ đã</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>có công chứng hoặc chứng thực hoặc bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu và xác nhận vào bản sao hoặc bản chính):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất nêu tại Khoản 2 trên đây mà trong đó xác định Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để trồng cây lâu năm phù hợp với mục đích sử dụng đất ghi trên giấy tờ đó;</li> <li>- Hợp đồng hoặc văn bản về việc mua bán hoặc tặng cho hoặc thừa kế đối với cây lâu năm đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định;</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết được quyền sở hữu cây lâu năm đã có hiệu lực pháp luật;</li> <li>- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư không có giấy tờ về quyền sở hữu cây lâu năm nêu trên đây thì phải được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.</li> </ul>			
74	1.009455.000.00.00.H01	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	714/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn nghị công bố hoạt động theo mẫu;</li> <li>- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (nếu có),</li> </ul>		Đườn g thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>- Bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông);</p> <p>-Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, công-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, công-tông làm bến).</p>			
75	1.009447.000.00.00.H01	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	714/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị đóng cảng, bến thủy nội địa của chủ cảng, bến thủy nội địa.		Đườn g thủy nội địa	
76	2.001211.000.00.00.H01	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	304/QĐ-UBND	Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu; Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp.		Đườn g thủy nội địa	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
77	2.001212.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	304/QĐ-UBND	<p>đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu trong đó nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về tính trung thực nội dung khai báo.</p> <p>đơn đề nghị đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.</p>		Đườn g thủy nội địa	
78	2.001214.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	304/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu; Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó và xuất trình Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</p> <p>Đơn đề nghị đăng ký</p>		Đườn g thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phương tiện theo Mẫu; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó, biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có); xuất trình Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</p> <p>Đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó, biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có); xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 của Nghị định 48/2019/NĐ-CP, Giấy</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</p> <p>chủ phương tiện nộp đơn đề nghị chuyển, nơi đăng ký, nêu rõ nơi đăng ký mới và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.</p>			
79	2.001215.000.00.00.H01	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	304/QĐ-UBND	<p>02 ảnh màu có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</p> <p>Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.</p> <p>Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu;</p>		Đườn g thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</p> <p>Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu</p> <p>Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương</p> <p>Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>với cá nhân nước ngoài. (Trường hợp chủ phương tiện đồng thời là chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật, khi thực hiện đăng ký phương tiện không phải xuất trình Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương).</p>			
80	1.006391.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	2350/QĐ-UBND	Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi		Đuờng thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm</p>			
81	2.001659.000.00.00.H01	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2689/Q Đ-UBND	<p>Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu.</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.</p>		Đườn g thủy nội địa	
82	1.003930.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2689/Q Đ-UBND	<p>Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu; 02 ảnh có kích thước 10</p>		Đườn g thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng. Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.</p>			
83	1.003970.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2689/Q Đ-UBND	Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;		Đuờng thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;            Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.            Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật.            Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;</p> <p>Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm..</p>			
84	1.004002.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2689/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;</p> <p>02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;</p> <p>Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.</p>		Đườn g thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;</p> <p>Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				phương tiện thuộc diện đăng kiểm.			
85	2.001711.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2689/Q Đ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;</p> <p>Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.</p> <p>Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã</p>		Đườn g thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra. Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ; Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu; 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp; Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
86	1.004036.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	2689/Q Đ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;</p> <p>Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;</p> <p>02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</p> <p>Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;</p> <p>Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.</p>		Đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</p> <p>Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</p> <p>Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;</p> <p>Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.			
87	1.004047.000.00.00.H01	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	2689/QĐ-UBND	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu; 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi; Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ; Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện		Đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;  Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.  Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005, thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.  Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11, chủ phương</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.</p>			
88	1.004088.000.00.00.H01	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	2689/Q Đ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu; 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi; Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với</p>		Đườn g thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;            Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.            Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;            Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;            Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.            (Trường hợp chủ</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).</p> <p>Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài; Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.			
89	1.003226.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hư hỏng) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;		Gia đình	
90	1.003185.000.00.00.H01	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	2688/Q Đ-UBND	1. Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; 2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được		Gia đình	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)		cấp cho cơ sở; 3. Các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động); 4. Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở (nếu có sửa đổi, bổ sung).			
91	1.003140.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	2688/QĐ-UBND	Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (theo mẫu số M4a ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL); Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình. Quy chế phải có các nội dung cơ bản sau: - Mục tiêu, tên gọi, địa bàn và quy mô hoạt		Gia đình	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Cơ cấu tổ chức, mối quan hệ trong chỉ đạo, điều hành của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên trực tiếp chăm sóc, tư vấn và những người khác làm việc tại cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; - Trách nhiệm, quyền lợi của người gây bạo lực gia đình khi được tiếp nhận vào cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình; - Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính và những quy định có tính chất hành chính phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở hỗ trợ nạn nhân</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bạo lực gia đình. Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình có trụ sở chính hoạt động đặt trên địa bàn;</p> <p>Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm những nội dung sau: - Tình hình tài chính hiện có của cơ sở (bao gồm: tiền mặt, tiền gửi có trong tài khoản tại ngân hàng, kho bạc); nguồn kinh phí nếu nhận từ nguồn tài trợ, cần nêu rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tài trợ, số tiền, hiện vật và thời gian tài trợ; - Nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>(nếu có).  Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu;  Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc.</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
92	1.003103.000.00.00.H01	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hỏng); Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc quy chế hoạt động được phê duyệt (trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bị mất).		Gia đình	
93	1.001874.000.00.00.H01	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	1. Đơn đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; 2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp cho cơ sở; 3. Các giấy tờ liên quan		Gia đình	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đến nội dung thay đổi (tên gọi, địa chỉ, người đứng đầu, nội dung hoạt động);</p> <p>4. Dự thảo Quy chế hoạt động sửa đổi, bổ sung của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (nếu có sửa đổi, bổ sung).</p>			
94	1.003243.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	2688/QĐ-UBND	<p>Đơn đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (mẫu số M4b ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL);</p> <p>Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Quy chế phải có các nội dung cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục tiêu, tên gọi, địa bàn và quy mô hoạt động của cơ sở hỗ trợ</li> </ul>		Gia đình	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nạn nhân bạo lực gia đình; - Cơ cấu tổ chức, mối quan hệ trong chỉ đạo, điều hành của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; - Trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên trực tiếp chăm sóc, tư vấn và những người khác làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; - Trách nhiệm, quyền lợi của nạn nhân bạo lực gia đình khi được tiếp nhận vào cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; - Nguyên tắc quản lý tài sản, tài chính và những quy định có tính chất hành chính phù hợp với đặc điểm của loại hình cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Xác nhận bằng văn bản</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về địa điểm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình có trụ sở hoạt động đặt trên địa bàn;</p> <p>Bản thuyết minh về nguồn lực tài chính, gồm những nội dung sau: - Tình hình tài chính hiện có của cơ sở (bao gồm: tiền mặt, tiền gửi có trong tài khoản tại ngân hàng, kho bạc); nguồn kinh phí nếu nhận từ nguồn tài trợ, cần nêu rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân tài trợ, số tiền, hiện vật và thời gian tài trợ; - Nguồn tài chính được cam kết đảm bảo cho hoạt động của cơ sở (nếu có).</p> <p>Sơ yếu lý lịch của người đứng đầu cơ sở có xác</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan quản lý nhà nước quản lý người đứng đầu</p> <p>Danh sách người làm việc tại cơ sở có xác nhận của người đứng đầu cơ sở, kèm theo bản sao Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình (nếu có). Nếu chưa có Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình thì trong hồ sơ phải nêu rõ kế hoạch tham gia tập huấn cho người làm việc.</p>			
95	2.002412.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	2147/QĐ-UBND	Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại		Giải quyết khiếu nại	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
96	2.002408.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	2147/QĐ-UBND	Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại		Giải quyết khiếu nại	
97	2.002395.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện	2709/QĐ-UBND	Đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo		Giải quyết tố cáo	
98	1.004496.000.00.00.H01	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	2759/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục; Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường		Giáo dục dân tộc	
99	1.004545.000.00.00.H01	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	2759/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú Đề án thành lập trường theo quy định.		Giáo dục dân tộc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
100	2.001839.000.00.00.H01	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	2759/Q Đ-UBND	- Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại;		Giáo dục dân tộc	
101	2.001837.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan		Giáo dục dân tộc	
102	2.001824.000.00.00.H01	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình đề nghị cho phép chuyển đổi. Tờ trình cần nêu rõ phương án sử dụng cơ sở vật chất của trường, chế độ chính sách đối với học sinh, giáo viên, cán bộ		Giáo dục dân tộc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				quản lý, nhân viên sau khi trường chuyển đổi.			
103	1.006445.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2759/Q Đ-UBND	a) Đề án sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ, trong đó có phương án để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; b) Tờ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		Giáo dục mầm non	
104	1.006444.000.00.00.H01	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	2759/Q Đ-UBND	a) Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại; b) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra; c) Biên bản kiểm tra;		Giáo dục mầm non	
105	1.006390.000.00.00.H01	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non,	2759/Q Đ-UBND	b) Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính		Giáo dục	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		nhà trẻ hoạt động giáo dục		<p>hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ;</p> <p>c) Danh sách cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt gồm hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn được đào tạo; danh sách đội ngũ giáo viên, trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn được đào tạo; hợp đồng làm việc đã được ký giữa trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ với từng cán bộ quản lý, giáo viên;</p> <p>d) Chương trình giáo dục mầm non, tài liệu</p>		mầm non	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phục vụ cho việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non; đ) Danh mục số lượng phòng học, phòng làm việc, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các điều kiện theo quy định;</p> <p>e) Các văn bản pháp lý: xác nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê trụ sở trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ với thời hạn tối thiểu 05 năm; xác nhận về số tiền hiện có do trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và cam kết sẽ chỉ sử dụng để đầu tư xây dựng và chi phí cho các hoạt động thường xuyên của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ sau</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>khi được cho phép hoạt động giáo dục; phương án huy động vốn và cân đối vốn tiếp theo để bảo đảm duy trì ổn định hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ trong giai đoạn 05 năm, bắt đầu từ khi được tuyển sinh;</p> <p>g) Quy chế tổ chức và hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.</p> <p>a) Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục;</p>			
106	1.004494.000.00.00.H01	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	2759/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập; của tổ chức hoặc cá nhân đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		Giáo dục mầm non	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dân lập, tư thực cần nêu rõ sự cần thiết thành lập; tên trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ; địa điểm dự kiến làm trụ sở tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Đề án thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ</p>			
107	1.004515.000.00.00.H01	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	2759/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp huyện;</li> <li>- Biên bản kiểm tra;</li> <li>- Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trong đó nêu rõ lý do đề nghị giải thể, các biện pháp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên, cán bộ và nhân viên</li> </ul>		Giáo dục mầm non	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ; phương án giải quyết các tài sản của trường.			
108	2.002284.000.00.00.H01	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh ở	1088/Q Đ-UBND			Giáo dục nghề nghiệp	do cơ sở GD NN công lập tiếp nhận hồ sơ và thực hiện chính sách tại đơn vị theo

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
							quy định
109	2.001960.000.00.00.H01	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	2688/QĐ-UBND	<p>- Đơn đề nghị cấp chính sách nội trú theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH.</p> <p>- Đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, ngoài đơn đề nghị cấp chính sách nội trú phải bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu). - Đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số là người khuyết tật, ngoài đơn đề nghị cấp chính sách nội trú phải</p>		Giáo dục nghề nghiệp	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bổ sung Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật sống tại cộng đồng trong trường hợp chưa có giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu).</p> <p>- Đối với học sinh, sinh viên người Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo ngoài đơn đề nghị cấp chính sách nội trú phải</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bổ sung: Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu) và Sổ hộ khẩu (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu). - Đối với học sinh, sinh viên người Kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo ngoài đơn đề nghị cấp chính sách nội trú phải bổ sung: Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật sống tại cộng đồng trong trường hợp chưa có giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu) và Sổ hộ khẩu (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu). - Đối với học sinh, sinh viên tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú, ngoài đơn đề nghị cấp chính sách nội trú phải bổ sung bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (Bản sao được chứng</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu). - Đối với học sinh, sinh viên ở lại trường trong dịp Tết Nguyên đán, ngoài một số giấy tờ trên phải bổ sung Giấy xác nhận ở lại trường trong dịp Tết Nguyên đán theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTĐBXH.</p>			
110	1.005099.000.00.00.H01	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	2759/QĐ-UBND	<p>Đơn xin chuyển trường của cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh (theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT)            Học bạ            Thông tin về tài liệu học tập (tại trường đang học), tiến độ thực hiện chương trình (theo mẫu</p>		Giáo dục tiểu học	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT), bảng tổng hợp kết quả đánh giá rèn luyện và học tập của học sinh theo quy định Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật (nếu có) Đơn xin chuyển trường của cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh (theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT)			
111	1.001639.000.00.00.H01	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân		Giáo dục tiểu học	
112	1.004555.000.00.00.H01	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình về việc thành lập trường Đề án thành lập trường		Giáo dục	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		thành lập trường tiểu học tư thục		Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng		tiểu học	
113	2.001842.000.00.00.H01	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường.		Giáo dục tiểu học	
114	1.004563.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	2759/Q Đ-UBND	Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		Giáo dục tiểu học	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan</p> <p>Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách;</p>			
115	1.004552.000.00.00.H01	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	2759/QĐ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại		Giáo dục tiểu học	
116	2.002482.000.00.00.H01	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	706/QĐ-UBND	<p>Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký</p> <p>Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực).</p> <p>Giấy chứng nhận tốt nghiệp của lớp hoặc bậc học dưới tại nước ngoài (bản gốc và bản dịch</p>		Giáo dục trung học	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sang tiếng Việt).            Bằng tốt nghiệp bậc học dưới tại Việt Nam trước khi ra nước ngoài (nếu có).            Bản sao giấy khai sinh, kê cả học sinh được sinh ra ở nước ngoài.</p>			
117	2.002483.000.00.00.H01	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	706/QĐ-UBND	<p>Đơn xin học do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký            Bản tóm tắt lý lịch            Bản sao và bản dịch sang tiếng Việt các giấy chứng nhận cần thiết theo quy định tại Điều 13 của Quyết định 51/2002/QĐ-BGDĐT (có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo).            Học bạ hoặc giấy xác nhận của nhà trường về kết quả học tập các lớp</p>		Giáo dục trung học	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>học trước đó (bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực Giấy chứng nhận sức khỏe (do cơ quan y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo cấp trước khi đến Việt Nam không quá 6 tháng) Ảnh cỡ 4 x 6 cm (chụp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ)</p>			
118	2.002481.000.00.00.H01	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	706/QĐ-UBND	<p>Đơn xin chuyển trường do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ kí Học bạ (bản chính). Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp Giấy giới thiệu chuyển trường do Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở) nơi đi cấp (trường hợp</p>		Giáo dục trung học	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				xin chuyển đến từ tỉnh, thành phố khác).			
119	1.005108.000.00.00.H01	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	2759/Q Đ-UBND	Văn bản đồng ý của trường nơi xin chuyển đến. Đơn xin chuyển trường.		Giáo dục trung học	
120	2.001904.000.00.00.H01	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	2759/Q Đ-UBND	Do sở giáo dục và đào tạo quy định Khác		Giáo dục trung học	
121	3.000182.000.00.00.H01	Tuyển sinh trung học cơ sở	2759/Q Đ-UBND	Bản sao giấy khai sinh hợp lệ Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ		Giáo dục trung học	
122	1.004442.000.00.00.H01	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình về việc thành lập trường Đề án thành lập trường Sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm hiệu trưởng. Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản		Giáo dục trung học	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chính để đối chiếu văn bản, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng.			
123	1.004444.000.00.00.H01	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường		Giáo dục trung học	
124	2.001809.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; Các văn bản xác nhận về		Giáo dục trung học	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan			
125	1.004475.000.00.00.H01	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại		Giáo dục trung học	
126	2.001818.000.00.00.H01	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân		Giáo dục trung học	
127	1.008951.000.00.00.H01	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	2759/Q Đ-UBND	Danh sách giáo viên được hưởng chính sách (Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng lao động của giáo viên được hưởng chính sách		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
128	1.008950.000.00.00.H01	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	2759/Q Đ-UBND	Đơn đề nghị trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP) có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động nơi cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em đang công tác Giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận tạm trú của trẻ em (Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
129	1.008725.000.00.00.H01	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu		Giáo dục và Đào tạo thuộc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận		<p>rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phân vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trường (nếu có).</p> <p>Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thực chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phân lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ</p>		hệ thống giáo dục quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sở giáo dục phổ thông tư thực.            Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận            Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thực chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận</p> <p>Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý</p> <p>Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có)</p>			
130	1.008724.000.00.00.H01	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư	2759/Q Đ-UBND	Tờ trình đề nghị chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động		Giáo dục và Đào tạo thuộc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		thực hoạt động không vì lợi nhuận		<p>không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục (nếu có). Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục chuyển sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phân lợi nhuận tích</p>		hệ thống giáo dục quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục. Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu báo cáo kết quả kiểm toán; thỏa thuận giải quyết phân vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục chuyển đổi sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.</p> <p>Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý</p> <p>Quyết định thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của nhà trẻ, trường mẫu giáo,</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				trường mầm non tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có).			
131	1.002407.000.00.00.H01	Xét, cấp học bằng chính sách	2759/Q Đ-UBND	<p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy khai sinh.</p> <p>Giấy báo trúng tuyển Đơn đề nghị (Theo Mẫu số 02; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP).</p> <p>Đơn đề nghị (Theo Mẫu số 02; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP).</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy</p>		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>khai sinh.</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp đối với học viên là người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp học viên chưa có giấy xác nhận khuyết tật thì bổ sung bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật.</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu thẻ thương binh đối với học viên là thương binh</p> <p>Bản cam kết của sinh viên, có xác nhận của nhà trường nơi đang theo học (Theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP)</p>			
132	1.001714.000.00.00.H01	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	2759/QĐ-UBND	<p>Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng)</p> <p>Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng)</p> <p>Đơn có xác nhận của nhà trường (theo mẫu tại</p>		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42)</p> <p>Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng);</p> <p>Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng).</p>			
133	1.005143.000.00.00.H01	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2759/Q Đ-UBND	<p>a) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài;</p> <p>b) Đề án tổ chức thực hiện chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài, trong đó làm rõ các nội dung: Chương trình và tài liệu; người</p>		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dạy, người học, cơ sở vật chất; kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ; kiểm định chất lượng giáo dục; học phí, quản lý và sử dụng học phí và việc tổ chức thực hiện Đề án;</p> <p>c) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo đối với các chương trình đào tạo sử dụng của nước ngoài (nếu có) do cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài cấp và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.</p>		quốc dân	
134	1.001622.000.00.00.H01	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	2759/QĐ-UBND	Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực số hộ khẩu hoặc cung		Giáo dục và Đào	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cấp thông tin về số định danh cá nhân của trẻ em hoặc của cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em</p> <p>Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú của trẻ em (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc)</p> <p>Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở bảo trợ xã hội về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã</p>		tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội</p> <p>Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận nuôi con nuôi đối với trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ em thuộc các trường hợp khác quy định khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội</p> <p>Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>Bản sao và mang bản chính để đối chiếu hoặc</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp</p> <p>Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công và Giấy khai sinh của trẻ em</p> <p>Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</p>			
135	1.005097.000.00.00.H01	Quy trình đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã	2759/QĐ-UBND	Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; Báo cáo (kèm các minh chứng phù hợp với các		Giáo dục và Đào	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tiêu chí theo mẫu hướng dẫn) đánh giá kết quả xây dựng “Cộng đồng học tập” của cấp xã, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Biên bản tự kiểm tra, đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” của cấp xã;</p> <p>Tờ trình của Hội Khuyến học cấp huyện; Biên bản kiểm tra, đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã;</p>		tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
136	1.005106.000.00.00.H01	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	2759/Q Đ-UBND	Sổ theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Phiếu điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Danh sách trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục mầm non (đối với phổ cập giáo dục mầm non); danh sách học sinh hoàn thành chương trình		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>giáo dục tiểu học (đối với phổ cập giáo dục tiểu học; danh sách học sinh tốt nghiệp THCS, danh sách học sinh có chứng chỉ nghề (đối với phổ cập giáo dục trung học cơ sở); danh sách học viên được công nhận biết chữ theo các mức độ (đối với xóa mù chữ) theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP.            Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê;            Biên bản tự kiểm tra phổ cập giáo dục hoặc xóa mù chữ.</p>		quốc dân	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
137	1.004438.000.00.00.H01	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	2759/Q Đ-UBND	Đơn đề nghị hỗ trợ (đối với học sinh tiểu học theo Mẫu số 01, học sinh trung học cơ sở theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP). Sổ hộ khẩu (bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận của Trưởng Công an xã).		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
138	1.003702.000.00.00.H01	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	2759/Q Đ-UBND	Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (theo mẫu)		Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
						quốc dân	
139	1.009999.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1297/Q Đ-UBND	-	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Bản chính giấy phép xây dựng đã	Hoạt động xây dựng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).		
140	1.009998.000.00.00.H01	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1297/QĐ-UBND	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Bản chính giấy phép xây	Hoạt động xây dựng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					dụng đã được cấp		
141	1.009997.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1297/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp</li> <li>- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;</li> <li>- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực</li> </ul>	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp	Hoạt động xây dựng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng</p>	<p>chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200; - Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng		
142	1.009995.000.00.00.H01	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1297/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo mẫu số 1 tại Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</li> <li>- Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo mẫu số 1 tại Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</li> <li>- Một trong những giấy</li> </ul>	Hoạt động xây dựng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật.		
143	1.009993.000.00.00.H01	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	1297/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thẩm định thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</li> <li>- Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thẩm định thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I</li> </ul>	Hoạt động xây dựng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p> nghiên cứu khả thi được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu) và các văn bản khác có liên quan  Thủ tục về phòng cháy chữa cháy được thực </p>	<p> Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ  - Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định </p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, song phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định;</li> <li>- Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì</li> </ul>	<p>của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có);</p> <p>- Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).</p> <p>- Đối với điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).			
144	1.009996.000.00.00.H01	Cấp giấy phép di dời đổi với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	1297/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật</li> <li>- Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản</li> </ul>		Hoạt động xây dựng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.</li> <li>- Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị</li> </ul>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.			
145	1.009994.000.00.00.H01	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1297/QĐ-UBND	Đối với công trình không theo tuyến: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số		Hoạt động xây dựng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>Đối với công trình theo tuyến: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy,			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>Đối với công trình tín ngưỡng, tôn giáo: - Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo gồm các tài liệu như quy định tại mục “(1.1) Đối với công trình không theo tuyến” và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng gồm các tài liệu như quy định tại Điều 46 Nghị</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ gồm: + Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. + 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>và mặt cắt chính của công trình; Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; Đối với công trình xây dựng có công trình liên kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liên kề. - Ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có quy định); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; - Đối với hồ sơ đề</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ngiht cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định 15/CP, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.</p> <p>Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Văn</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.</p> <p>Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.</p> <p>(1.6) Đối với công trình nhà ở riêng lẻ: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- 02 bộ bản vẽ thiết kế</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: + Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; +</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Đối với công trình xây dựng có công trình liên kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liên kề.</p> <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (riêng đối với mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn thì tiêu đề của đơn đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”), ngoài ra thành phần hồ sơ cho từng loại công trình cụ thể như sau:</p>			
146	1.009992.000.00.00.H01	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường	1297/QĐ-UBND	- Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây		Hoạt động xây dựng	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)		<p>dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;</li> <li>- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu);</li> <li>- Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyển công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng</p> <p>- Các văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy</p> <p>- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);</li> <li>- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án</li> <li>- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;</p> <p>- Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
147	2.000748.000.00.00.H01	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	540/QĐ-UBND	<p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký trong trường hợp cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc không phải tại Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đăng ký hộ tịch trước đây (trong giai đoạn chuyển tiếp). Trường hợp gửi hồ sơ</p>	<p>- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ</p> <p>- Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở</p>	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo mẫu.</li> <li>- Giấy tờ liên quan đến việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ,</li> </ul>	<p>hữu công trình theo quy định của pháp luật</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ</p>	<p>trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến</p> <p>- Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.</p> <p>- Phương án di dời</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký</p>	<p>do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm:</p> <p>+ Phân thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người dịch theo quy định của pháp luật.  + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>	<p>đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;  + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.</p>		
148	2.000554.000.00.00.H01	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân	540/QĐ-UBND	- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền trong trường	tmôi trường theo quy	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		<p>hợp công dân Việt Nam từ nước ngoài về thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi chú ly hôn, công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam yêu cầu ghi chú ly hôn tại Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh (trong giai đoạn chuyên tiếp).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về</p>	<p>định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhân thân của người có yêu cầu ghi chú ly hôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai ghi chú ly hôn theo mẫu.</li> <li>- Bản sao Bản án, quyết định ly hôn, hủy kết hôn, văn bản thỏa thuận ly hôn hoặc giấy tờ khác công nhận việc ly hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đã có hiệu lực pháp luật.</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú ly hôn. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</li> </ul> <p>+ Trường hợp người yêu</p>	<p>cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu</p>	<p>cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. Đối với công trình theo tuyến: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký</p>	<p>theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyển hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai. -</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>	<p>Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/N Đ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. -		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. Đối với</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>công trình tín ngưỡng, tôn giáo: - Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo gồm các tài liệu như quy định tại mục “(1.1) Đối với công trình không theo tuyến” và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng gồm các tài liệu như quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>phủ gồm: +            Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.            + 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					trình; Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; Đối với công trình xây dựng		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>có công trình liên kế phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liên kế. - Ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					quy định); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; - Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định 15/CP, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa. Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Quyết</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/N Đ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. -		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Các điều khoản		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.  (1.6) Đối với công trình nhà ở riêng lẻ: -  Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.  - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>về xây dựng có yêu cầu, gồm: + Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; + Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đầu nối hệ</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; + Đối với công trình xây dựng có công trình liên kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liên kề.</p> <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (riêng đối với mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn thì tiêu đề của đơn đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”),		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					ngoài ra thành phần hồ sơ cho từng loại công trình cụ thể như sau:		
149	2.002189.000.00.00.H01	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu ghi chú kết hôn (giấy tờ tùy thân);</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> </ul> Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày</li> </ul>	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai ghi chú kết hôn theo mẫu;</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;</li> <li>- Nếu công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì phải nộp Trích lục về việc đã ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn (Trích lục ghi chú ly hôn).</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú kết hôn. Trường hợp người được ủy quyền là</li> </ul>	<p>03/3/2021 của Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;</li> <li>- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.  + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.  + Đối với giấy tờ xuất</p>	<p>thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu);  - Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây:  Quy hoạch chi tiết xây dựng được</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch</p>	<p>cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyển công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; quy hoạch phân</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.  + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>	<p>khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng  - Các văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>pháp luật về bảo vệ môi trường gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>chế một cửa liên thông thì chủ đầu tư nộp bộ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy</p> <p>- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có); - Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có); - Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án</p> <p>- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					nhiệm, chủ trì thẩm tra; - Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					mức có liên quan; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).		
150	2.000547.000.00.00.H01	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	540/QĐ-UBND	<p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu ghi chú thay đổi hộ tịch có yếu tố nước ngoài;</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền ghi chú thay đổi hộ tịch có yếu tố nước ngoài (trong giai đoạn chuyển tiếp).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ</p>	<p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về</p>	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>qua hệ thống buru chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi/ Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo mẫu quy định.</li> <li>- Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi/ Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Tờ khai ghi vào Sổ</li> </ul>	<p>nhân thân của người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký trong trường hợp cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hộ tịch các việc hộ tịch khác theo mẫu quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi/ Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo mẫu quy định.</li> <li>- Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi/ Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo mẫu quy định.</li> <li>- Tờ khai ghi vào Sổ hộ</li> </ul>	<p>dân tộc không phải tại Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đăng ký hộ tịch trước đây (trong giai đoạn chuyển tiếp).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tịch việc khai sinh/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi/ Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo mẫu quy định.</p> <p>- Bản sao giấy tờ chứng minh việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì</p>	<p>- Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo mẫu.</p> <p>- Giấy tờ liên quan đến việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>văn bản ủy quyền không phải chứng thực.  + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.  + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối</p>	<p>quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p>	<p>quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.	người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>sao giấy tờ đó.  + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng,</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.		
151	2.000779.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhân thân của công dân Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký nhận cha, mẹ con (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> <li>- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu.</li> <li>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.</li> <li>+ Trường hợp không có chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con</li> </ul> </li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nêu trên thì phải có văn bản cam đoan của các bên nhận cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.</p> <p>- Trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài hoặc giữa người nước ngoài với nhau thì người nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu để chứng minh về nhân thân.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; trường</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp cho phép</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p>			
152	2.000497.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	<p>Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai tử.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo</p>		Hộ tịch	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản sao có chứng thực giấy tờ nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký lại khai tử theo mẫu.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ. Nếu không có bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ liên quan có nội dung chứng minh sự kiện chết.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký lại khai tử. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</li> </ul> <p>+ Trường hợp người yêu</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.			
153	2.000522.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	<p>Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>- Tờ khai đăng ký lại</p>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>khai sinh theo mẫu, trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã nộp đủ các giấy tờ hiện có.</p> <p>- Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm:</p> <p>+ Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ (bản sao được chứng thực từ bản chính, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh); bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam.</p> <p>+ Trường hợp người yêu</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cầu không có giấy tờ nêu trên thì phải nộp bản sao giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ như: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.</p> <p>Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai sinh.</p> <p>Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp cho phép</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p>			
154	2.000513.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	<p>Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của cả hai bên có yêu cầu đăng ký lại kết hôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký lại kết hôn theo mẫu.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.  + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.  + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>			
155	1.001766.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>yêu cầu đăng ký khai tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp); trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.</li> </ul> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu.</li> <li>- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quyền cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử.</li> <li>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp người có trách nhiệm đăng ký khai tử ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử mà người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.			
156	1.001695.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký khai sinh, nhận cha, mẹ, con (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> <li>- Trường hợp trẻ em sinh ra ở nước ngoài, có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam hoặc cha và mẹ đều là công dân Việt Nam, chưa được đăng ký khai sinh ở nước ngoài, về cư trú tại Việt Nam thì xuất trình giấy tờ</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam (như: hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế có dấu xác nhận nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh) và văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con;</li> <li>- Tờ khai đăng ký khai</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sinh theo mẫu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu.</li> <li>- Giấy chứng sinh.</li> </ul> <p>+ Trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có văn bản của người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.</p> <p>+ Trường hợp trẻ em sinh ra tại nước ngoài thì nộp Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha, mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con. Trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con, thì ngoài văn bản thỏa thuận lựa chọn quốc tịch còn phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước mà trẻ được chọn mang quốc tịch về việc trẻ có quốc tịch phù hợp quy định của pháp luật nước đó.</p> <p>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm một trong các giấy tờ, tài liệu sau đây:</p> <p>+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền ở trong nước hoặc nước ngoài xác nhận quan hệ cha con,</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quan hệ mẹ con.</p> <p>+ Trường hợp không có chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con nêu trên thì phải có văn bản cam đoan của các bên nhận cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.</p> <p>- Trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài hoặc giữa người nước ngoài với nhau thì người nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu để chứng minh về nhân thân.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p>			
157	1.000893.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	540/QĐ-UBND	- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>yêu cầu đăng ký khai sinh (giấy tờ tùy thân).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú trước khi xuất cảnh để xác định thẩm quyền đăng ký khai sinh. Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</li> <li>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu.</li> <li>- Văn bản cam đoan về việc chưa được đăng ký khai sinh.</li> <li>- Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dân hoặc Hộ chiếu; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.</p> <p>Người yêu cầu đăng ký khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.</p> <p>Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.			
158	2.000528.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký khai sinh.</li> <li>- Giấy chứng nhận kết hôn nếu cha, mẹ đã đăng ký kết hôn.</li> <li>- Trường hợp trẻ em sinh ra ở nước ngoài, có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam hoặc cha và mẹ đều là công dân Việt Nam, chưa được đăng ký khai sinh ở nước ngoài, về cư trú tại Việt Nam thì xuất trình giấy tờ chứng minh việc trẻ em đã nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam (như: hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế có dấu xác</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh) và văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh;</li> <li>- Tờ khai đăng ký khai</li> </ul>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sinh theo mẫu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng sinh.</li> </ul> <p>Trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có văn bản của người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.</p> <p>Trường hợp trẻ em sinh ra tại nước ngoài thì nộp Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận về việc trẻ em được sinh ra ở nước ngoài và quan hệ mẹ - con (nếu có);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha, mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cho con. Trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con, thì ngoài văn bản thỏa thuận lựa chọn quốc tịch còn phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước mà trẻ được chọn mang quốc tịch về việc trẻ có quốc tịch phù hợp quy định pháp luật của nước đó.</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.</p> <p>+ Đối với công dân Việt Nam, giấy tờ chứng minh nơi cư trú và Giấy chứng nhận kết hôn chỉ xuất trình trong giai đoạn Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc chưa được xây dựng xong và thực hiện thống nhất trên toàn quốc (giai đoạn chuyển tiếp).</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>+ Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh.</p>			
159	2.000806.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	- Người nước ngoài xuất trình bản chính hộ chiếu để chứng minh về nhân		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thân; trường hợp người nước ngoài không có hộ chiếu để xuất trình thì có thể xuất trình giấy tờ đi lại quốc tế hoặc thẻ cư trú.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký kết hôn. (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của công dân Việt Nam.</li> <li>- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu, có đủ thông tin của hai bên nam, nữ. Hai bên nam,</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận các bên kết hôn không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp còn giá trị sử dụng, xác nhận hiện tại người đó không có vợ hoặc không có chồng; trường hợp nước ngoài không cấp xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy tờ do cơ quan</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>có thẩm quyền nước ngoài xác nhận người đó có đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật nước đó. Giá trị sử dụng của giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài được xác định theo thời hạn ghi trên giấy tờ đó. Trường hợp giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân không ghi thời hạn sử dụng thì giấy tờ này và giấy xác nhận của tổ chức y tế có giá trị trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày cấp.</p> <p>- Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu. Ngoài giấy tờ nêu trên,</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tùy từng trường hợp, bên nam, bên nữ phải nộp hoặc xuất trình giấy tờ tương ứng sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải nộp bản sao trích lục hộ tịch về việc đã ghi vào sổ việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn trái pháp luật (Trích lục ghi chú ly hôn);</li> <li>- Công dân Việt Nam là công chức, viên chức hoặc đang phục vụ trong lực lượng vũ trang phải nộp văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý xác nhận việc kết hôn với người nước ngoài không trái với quy định của ngành đó;</li> <li>- Trường hợp người yêu</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cầu đăng ký kết hôn đang công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu nộp bản sao giấy</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>			
160	1.001669.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	<p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký giám hộ (trong giai đoạn chuyển tiếp).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình</p>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký giám hộ.</li> <li>- Tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu.</li> <li>- Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cử; giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ đương nhiên;</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên.</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.			
161	2.000756.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	540/QĐ-UBND	<p>Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu.</li> <li>- Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự.</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>			
162	2.000635.000.00.00.H01	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	540/QĐ-UBND	- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch theo mẫu đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân.</li> <li>- Văn bản yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Trường hợp pháp luật quy định xuất trình giấy tờ khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ xuất trình, đối chiếu với thông tin trong Tờ khai và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm bản sao giấy tờ đó. Người tiếp nhận có thể chụp 01 bản giấy tờ xuất trình hoặc ghi lại thông tin của giấy tờ xuất trình để lưu hồ sơ.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.			
163	2.001261.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	549/QĐ-UBND	Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai bao gồm: - Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi; - Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP;		Kinh doanh khí	
164	2.001270.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	549/QĐ-UBND	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.		Kinh doanh khí	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai bao gồm:			
165	2.001283.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	549/QĐ-UBND	<p>Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2017/NĐ-CP.</li> <li>2. Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực.</li> <li>3. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</li> </ol>		Kinh doanh khí	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
166	1.003319.000.00.00.H01	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	2275/Q Đ-UBND	Tờ trình của UBND cấp xã Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT) Biên bản họp bình xét hộ dân được bố trí, ổn định (ban hành kèm theo Phụ lục II của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT) Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư ban hành kèm theo Phụ lục III của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT) Văn bản đề nghị tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư của huyện nơi đi Quyết định UBND huyện nơi đi		Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
167	1.003281.000.00.00.H01	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	2275/Q Đ-UBND	<p>Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư ban hành kèm theo Phụ lục III của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT) Tờ trình của UBND cấp xã</p> <p>Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT)</p> <p>Biên bản họp bình xét hộ dân được bố trí, ổn định (ban hành kèm theo Phụ lục II của Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT)</p>		Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	
168	1.003434.000.00.00.H01	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện)	2386/Q Đ-UBND	<p>Đơn đề nghị của chủ dự án (theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP)</p> <p>Dự án liên kết (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số</p>		Kinh tế hợp tác và Phát triển	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>98/2018/NĐ-CP)            Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau</p> <p>Bản sao chụp các chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP)</p>		nông thôn	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Bản sao chụp hợp đồng liên kết.			
169	1.004959.000.00.00.H01	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	2688/Q Đ-UBND	Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động về quyền		Lao động	
170	3.000175.000.00.00.H01	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu.	2275/Q Đ-UBND	<p>- Bản chính Bảng kê gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 05 hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 05 và Mẫu số 06 kèm theo).</p> <p>- Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính</p>		Lâm nghiệp	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam hoặc bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác trong nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (Thông tư số 27/2018/TT-BNNTPT ngày 16/11/2018).</p> <p>- Bản chính Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (có Mẫu số 04 kèm theo).</p>			
171	3.000154.000.00.00.H01						

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
172	1.007919.000.00.00.H01	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	2275/Q Đ-UBND	Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán theo mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 Thuyết minh thiết kế được lập theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 Bản đồ thiết kế: xây dựng trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000 với tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000. Trình bày và thể hiện nội dung bản đồ áp dụng TCVN 11566:2016 về bản đồ quy hoạch lâm nghiệp Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc		Lâm nghiệp	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				kế hoạch vốn được giao đối với hoạt động sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và các tài liệu khác có liên quan.			
173	1.000037.000.00.00.H01	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp huyện)	2275/QĐ-UBND	<p>Bản chính bảng kê lâm sản theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018</p> <p>Bản chính bảng kê lâm sản theo Mẫu số 04 kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018</p> <p>Hồ sơ nguồn gốc lâm sản</p> <p>Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính (nếu có)</p> <p>Bản chính bảng kê lâm sản theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018</p>		Lâm nghiệp	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
174	1.001005.000.00.00.H01	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	549/QĐ-UBND	Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá; Bảng đăng ký giá cụ thể và Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá). Đối với trường hợp Biểu mẫu gửi qua đường thư điện tử: Bản scan Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá; Bảng đăng ký giá cụ thể và Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá).		Lưu thông hàng hóa trong nước	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị;			
175	2.000459.000.00.00.H01	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	549/QĐ-UBND	Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; Bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo mức giá tại Phụ lục số 03 ban hành kèm Thông tư số 08/2017/TT-BCT. Đối với trường hợp Biểu mẫu gửi qua đường thư điện tử: Bản scan Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo		Lưu thông hàng hóa trong nước	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; Bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo mức giá tại Phụ lục số 03 ban hành kèm Thông tư số 08/2017/TT-BCT. 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị;</p>			
176	2.000615.000.00.00.H01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	549/QĐ-UBND	<p>(1) Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP; (2) Bản sao Giấy phép đã được cấp; (3) Các tài liệu chứng</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.			
177	2.000620.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	549/QĐ-UBND	<p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.</p> <p>(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.</p> <p>(3) Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.</p> <p>(4) Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
178	2.001240.000.00.00.H01	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	549/QĐ-UBND	<p>Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới;</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;</p> <p>(2) Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép đã được cấp (nếu có);</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước	
179	1.001279.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	549/QĐ-UBND	<p>Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới</p> <p>Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành tại Nghị định 17/2020/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);</p>		Lưu thông hàng hóa trong nước	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
180	2.000629.000.00.00.H01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	549/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;</li> <li>- Bản sao giấy phép đã được cấp;</li> <li>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</li> </ul>		Lưu thông hàng hóa trong nước	
181	2.000633.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	549/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.</li> <li>+ Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ</li> </ul>		Lưu thông hàng hóa trong nước	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.</p> <p>+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.</p>			
182	2.000150.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	549/QĐ-UBND	Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp		Lưu thông hàng hóa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>mới.</p> <p>a) Văn bản đề nghị cấp lại; Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)</p> <p>b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).</p>		trong nước	
183	2.000162.000.00.00.H01	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	549/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;</li> <li>+ Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (Bản sao);</li> <li>+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</li> </ul>		Lưu thông hàng hóa trong nước	
184	2.000181.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	549/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;</li> </ul>		Lưu thông hàng hóa trong nước	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>+ Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh</p> <p>- Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.</p> <p>+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.</p>			
185	1.010726.000.00.00.H01	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Huyện)	405/QĐ-UBND		Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại	Môi trường	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).            Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					08/2022/NĐ-CP)		
186	1.010725.000.00.00.H01	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Huyện)	405/QĐ-UBND		Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).	Môi trường	
187	1.010724.000.00.00.H01	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Huyện)	405/QĐ-UBND		Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu	Môi trường	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
188	1.010723.000.00.00.H01	Cấp giấy phép môi trường (cấp Huyện)	405/QĐ-UBND		Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng. Văn bản đề nghị cấp giấy phép	Môi trường	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					số 08/2022/NĐ-CP). Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
189	1.003605.000.00.00.H01	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	2386/QĐ-UBND	+ Đề xuất kế hoạch khuyến nông; + Dự toán kinh phí.		Nông nghiệp	
190	1.010830.000.00.00.H01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	688/QĐ-UBND	- Bản sao được chứng thực từ biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ đối với trường hợp mộ liệt sĩ được cơ quan chức năng bàn giao cho gia đình quản lý. - Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ. - Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP		Người có công	
191	1.010829.000.00.00.H01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc	688/QĐ-UBND	- Đối với trường hợp chưa được hỗ trợ: + Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		131/2021/NĐ-CP. + Giấy báo tin mộ liệt sĩ. + Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ. - Đối với trường hợp đã được hỗ trợ: + Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. + Bản sao được chứng thực từ giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ hoặc bản sao được chứng thực từ quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. + Giấy báo tin mộ liệt sĩ. + Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
192	1.010821.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	688/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy xác nhận theo Mẫu số 41 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 20 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> </ul>		Người có công	
193	1.010820.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	688/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).</li> <li>- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: + Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; huân chương</li> </ul>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến. + Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến. + Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và quá trình tham gia giúp đỡ cách mạng của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp huyện trở lên đối với trường hợp không có tên trong Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; Huân chương Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến nhưng có tên trong hồ sơ khen thưởng.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
194	1.010819.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	688/QĐ-UBND	<p>- Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).</p> <p>- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: + Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng hoặc giấy chứng nhận đeo huân chương, huy chương. + Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng. +</p>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến thực tế của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp huyện trở lên.			
195	1.010825.000.00.00.H01	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	688/QĐ-UBND	<p>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ chứng minh mối quan hệ với liệt sĩ như sau: + Đối với đề nghị bổ sung là cha đẻ mẹ đẻ, vợ hoặc chồng liệt sĩ: Căn cước công dân, lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có</p>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thẩm quyền ban hành, xác nhận. Văn bản đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Trường hợp những người này không còn thì phải được những người thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự có văn bản đồng thuận. + Đối với đề nghị bổ sung là con liệt sĩ: Giấy khai sinh, trích lục khai sinh, quyết định công nhận việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật; lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2021.			
196	1.010824.000.00.00.H01	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	688/QĐ-UBND	<p>a) Trợ cấp một lần, mai táng - Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Bản sao được chứng thực từ giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.</p> <p>b) Trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng: - Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Bản sao được chứng thực từ giấy báo tử hoặc trích lục khai tử. - Bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với trường hợp thân nhân là con chưa đủ 18 tuổi. - Giấy xác nhận của cơ sở giáo</p>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dục nơi đang theo học đối với trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học; nếu đang theo học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học thì phải có thêm bản sao được chứng thực từ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy xác nhận của cơ sở giáo dục trung học phổ thông về thời điểm kết thúc học.</p>			
197	1.010817.000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	688/QĐ-UBND	<p>a) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.  b) Bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh, trích lục khai sinh.  c) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử</p>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dụng chất độc hóa học sau: - Giấy X Y Z. - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyên viên, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến, hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000. Trường hợp danh</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách, sổ quản lý đang do cơ quan, đơn vị quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và gửi số liệu về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 6 năm 2022. Trường hợp các giấy tờ trên chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu,</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị theo Mẫu số 37 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>d) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh hoặc dị dạng, dị tật như sau: - Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế. - Giấy xác nhận dị dạng, dị tật bẩm sinh của các cơ sở y tế cấp xã trở lên đối với con để chưa khám bệnh, chữa bệnh về các dị dạng, dị tật.</p>			
198	1.010812.000.00.00.H01	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng,	688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị vào nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng người có công		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		điều dưỡng người có công do tình quản lý		(Mẫu số 22 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP). - Bản sao được chứng thực từ quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công.			
199	1.010811.000.00.00.H01	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng (Mẫu số 21 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) - Giấy khám và chỉ định sử dụng phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị chỉnh hình phục hồi chức năng (Mẫu số 40 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
200	1.010810.000.00.00.H01	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	688/QĐ-UBND	<p>- Bản khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh quá trình tham gia cách mạng quy định khoản 1 tại Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: + Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc; hồ sơ bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước (đối với người tham gia cách mạng sau đó tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước) + Bản sao được chứng</p>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thực từ một trong các giấy tờ sau: hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến hoặc một trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với người tham gia kháng chiến chống Pháp; chống Mỹ; tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào (đối với người tham gia cách mạng sau đó không tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước).</p> <p>- Tùy từng trường hợp kèm theo một trong các giấy tờ sau: + Giấy tờ, tài liệu chứng minh bị thương và bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ đối với</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. + Kết quả chụp phim và kết luận của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế tuyến huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với vết thương còn mảnh kim khí trong cơ thể với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Nếu đã phẫu thuật lấy dị vật thì phải kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
201	1.010803.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	688/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Bản sao chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công”.</li> <li>- Văn bản ủy quyền.</li> </ul>		Người có công	
202	1.010818.000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	688/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).</li> <li>- Một trong các giấy tờ chứng minh có tham gia cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và thời gian, địa điểm bị tù, đày như sau: + Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành,</li> </ul>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				xác nhận từ ngày 31/12/1994 trở về trước: lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, lý lịch công an; hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích tham gia kháng chiến; các giấy tờ, tài liệu khác. + Bản sao được chứng thực từ hồ sơ hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội. + Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ. + Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về thời gian tù và nơi bị tù.			
203	1.010816.000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	688/QĐ-UBND	a) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. b) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dụng chất độc hóa học sau: - Giấy X Y Z. - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyển viện, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến, hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000. Trường hợp danh</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách, sổ quản lý đang do cơ quan, đơn vị quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và gửi số liệu về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 6 năm 2022. Trường hợp các giấy tờ trên chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu,</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị theo Mẫu số 37 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>c) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh (trừ trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ) như sau: + Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế. + Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án ngoại trú của Phòng khám Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo mẫu quy định của Bộ Y tế. + Giấy tờ</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành được xác lập từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước ghi nhận mắc bệnh thuộc nhóm bệnh thần kinh ngoại biên trong thời gian từ một đến năm tuần sau phơi nhiễm đối với trường hợp mắc bệnh thần kinh ngoại biên cấp tính hoặc bán cấp tính. + Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của lần điều trị cuối cùng ghi nhận quá trình điều trị về bệnh rối loạn tâm thần liên tiếp trong 03 năm trở lên của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) với các bệnh rối loạn tâm thần			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo.</p> <p>d) Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ thì bổ sung thêm Giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p>			
204	1.010814.000.00.00.H01	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	688/QĐ-UBND	Đơn đề nghị theo Mẫu số 25 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.		Người có công	
205	1.010805.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện	688/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP</li> <li>- Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân</li> </ul>		Người có công	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		không công tác trong quân đội, công an		<p>dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến còn sống: Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng.</p> <p>- Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được truy tặng: Bản sao được chứng thực từ quyết định truy tặng danh hiệu anh hùng.</p> <p>- Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi: Bản sao được chứng thực từ quyết định phong</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng và giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.			
206	1.010804.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	688/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống: Bản sao được chứng thực từ quyết định tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.</li> <li>- Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng được truy tặng: Bản sao được chứng thực từ quyết định truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.</li> <li>- Trường hợp bà mẹ Việt</li> </ul>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Nam anh hùng được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi: Bản sao được chứng thực từ quyết định tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.</p>			
207	2.002308.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	34/QĐ-UBND	<p>(1) Thanh niên xung phong đang hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg chết: - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-A). (2) Thanh niên xung phong</p>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chết từ ngày Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg đến ngày Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH có hiệu lực thi hành và thanh niên xung phong không hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg. - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-B), kèm một trong những giấy tờ xác nhận là thanh niên xung phong quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH: thẻ đội viên; giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ ở thanh niên xung phong;</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>giấy khen trong thời kỳ tham gia thanh niên xung phong; lý lịch cán bộ, đảng viên có ghi là thanh niên xung phong. Trường hợp không có giấy tờ nêu trên thì phải có giấy chứng nhận (bản chính) là thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến chống Pháp do Tỉnh, Thành đoàn nơi đối tượng thường trú cấp, dựa trên xác nhận của Hội (hoặc Ban Liên lạc) Cựu thanh niên xung phong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) theo mẫu (Mẫu 02).</p> <p>(1) Thanh niên xung phong đang hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>TTg chết: - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-A). (2)</p> <p>Thanh niên xung phong chết từ ngày Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg đến ngày Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH có hiệu lực thi hành và thanh niên xung phong không hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg. - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-B), kèm một trong những giấy tờ xác nhận</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>là thanh niên xung phong quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH: thẻ đội viên; giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ ở thanh niên xung phong; giấy khen trong thời kỳ tham gia thanh niên xung phong; lý lịch cán bộ, đảng viên có ghi là thanh niên xung phong. Trường hợp không có giấy tờ nêu trên thì phải có giấy chứng nhận (bản chính) là thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến chống Pháp do Tỉnh, Thành đoàn nơi đối tượng thường trú cấp, dựa trên xác nhận của Hội (hoặc Ban Liên lạc) Cựu thanh niên</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>xung phong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) theo mẫu (Mẫu 02).</p> <p>(1) Thanh niên xung phong đang hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg chết: - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-A). (2) Thanh niên xung phong chết từ ngày Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg đến ngày Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH có hiệu lực thi hành và thanh niên xung phong không hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg. -</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-B), kèm một trong những giấy tờ xác nhận là thanh niên xung phong quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH: thẻ đội viên; giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ ở thanh niên xung phong; giấy khen trong thời kỳ tham gia thanh niên xung phong; lý lịch cán bộ, đảng viên có ghi là thanh niên xung phong. Trường hợp không có giấy tờ nêu trên thì phải có giấy chứng nhận (bản chính) là thanh niên</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến chống Pháp do Tỉnh, Thành đoàn nơi đối tượng thường trú cấp, dựa trên xác nhận của Hội (hoặc Ban Liên lạc) Cựu thanh niên xung phong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) theo mẫu (Mẫu 02).			
208	2.002307.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	34/QĐ-UBND	- Bản khai của đại diện thân nhân (kèm biên bản ủy quyền) hoặc người tổ chức mai táng (Mẫu TT1 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH); - Giấy chứng tử; - Hồ sơ của người có công với cách mạng.		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
209	1.004964.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	34/QĐ-UBND	(1) 01 Tờ khai của đối tượng. Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/2/2015 đã chết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thân nhân trực tiếp của đối tượng lập Tờ khai; (2) Quyết định cử đối tượng sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a; Quyết định về nước (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền); (3) Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người đã nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động; (4) Quyết định nghỉ việc		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc Quyết định thôi việc và hồ sơ lý lịch khai trước khi nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc có xác nhận của cơ quan quản lý (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc;</p> <p>(5) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về thời gian thực tế của đối tượng được cử sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a đối với đối tượng thiếu giấy tờ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (kèm theo</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản chính để đối chiếu) lý lịch Đảng viên hoặc lý lịch cán bộ, công chức, viên chức khai trước ngày 01/01/1995, mà trong đó có khai thời gian được cử làm chuyên gia tại Lào và Căm-pu-chi-a theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg; (6) Giấy ủy quyền của các thân nhân trực tiếp của đối tượng cho một người đứng tên làm thủ tục hưởng trợ cấp đối với trường hợp đối tượng đã chết nhưng còn các thân nhân trực tiếp. (1) 01 Tờ khai của đối tượng. Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/2/2015 đã</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thân nhân trực tiếp của đối tượng lập Tờ khai;</p> <p>(2) Quyết định cử đối tượng sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a; Quyết định về nước (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền); (3) Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người đã nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động; (4) Quyết định nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc Quyết định thôi việc và hồ sơ lý lịch khai trước khi nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc có xác</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận của cơ quan quản lý (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người nghi việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc;</p> <p>(5) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về thời gian thực tế của đối tượng được cử sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a đối với đối tượng thiếu giấy tờ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu) lý lịch Đảng viên hoặc lý lịch cán bộ, công chức, viên chức khai trước ngày 01/01/1995, mà trong đó có khai thời</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				gian được cử làm chuyên gia tại Lào và Căm-pu-chi-a theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg; (6) Giấy ủy quyền của các thân nhân trực tiếp của đối tượng cho một người đứng tên làm thủ tục hưởng trợ cấp đối với trường hợp đối tượng đã chết nhưng còn các thân nhân trực tiếp.			
210	1.001257.000.00.00.H01	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc	QĐ/377 1-UBND	Bản sao một trong các giấy tờ sau: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của cấp Bộ, Bằng khen của cấp tỉnh hoặc Quyết định khen thưởng Bản khai cá nhân của người được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của cấp Bộ, Bằng khen		Người có công	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		của cấp tỉnh (gọi chung là người có bằng khen); Trường hợp người có bằng khen đã từ trần: Bản khai cá nhân của đại diện thân nhân kèm biên bản ủy quyền. Thân nhân của người có bằng khen từ trần là một trong những người sau: Vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi của người từ trần			
211	1.005387.000.00.00.H01	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	QĐ/165 6-UBND	Bản khai của đại diện thân nhân theo Mẫu 3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014; Bản sao Giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý xác định người có công đã chết;		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Bản sao một trong các giấy tờ quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTĐ: Khoản 2 Điều 35 đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, Khoản 2 Điều 37 đối với người có công giúp đỡ cách mạng.			
212	2.001880.000.00.00.H01	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2688/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị gia hạn;</li> <li>- Bản sao chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm là cá nhân.</li> </ul>		Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
213	2.001884.000.00.00.H01	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2688/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận;</li> <li>- Các tài liệu có liên quan đến các thông tin thay đổi (nếu có).</li> </ul>		Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	
214	2.001786.000.00.00.H01	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2688/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trò chơi điện tử công cộng.</li> </ul>		Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	
215	2.001885.000.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;</li> </ul>		Phát thanh	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (bản sao);</li> <li>- Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân (bản sao);</li> <li>- Chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp (bản sao)</li> </ul>		, truyền hình và thông tin điện tử	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
216	1.010940.000.00.00.H01	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1272/Q Đ-UBND	<p>a) Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP - Mẫu số 13 (bản chính);</p> <p>b) Các tài liệu sau đây đối với cơ sở cai nghiện ma túy công lập: - Bản sao quyết định thành lập; - Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; - 01 bản chính danh sách nhân viên của cơ sở cai</p>		Phòng, chống tệ nạn xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>           nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; - 01 bản sao văn bằng, chứng chỉ, phiếu lý lịch tư pháp được cấp không quá 03 tháng tại thời điểm nộp hồ sơ của từng nhân viên; - Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; - Bản dự kiến quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng - Mẫu số 03, 04, 14 (bản chính);         </p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				c) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (bản chính).			
217	1.010939.000.00.00.H01	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1272/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP kèm theo các văn bản, chứng chỉ đối với</li> </ul>		Phòng, chống tệ nạn xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Tài liệu chứng minh bảo đảm cơ sở vật chất tại địa điểm cung cấp dịch vụ mới quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi địa điểm cung cấp dịch vụ quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Bản báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 19 Nghị định 116/2021/NĐ-CP.</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
218	1.010938.000.00.00.H01	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1272/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức cung cấp dịch vụ).</li> <li>- Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ</li> </ul>		Phòng, chống tệ nạn xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>vụ cai nghiện ma túy tự nguyện (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bản sao văn bằng, chứng chỉ, phiếu lý lịch tư pháp được cấp không quá 03 tháng tại thời điểm nộp hồ sơ của từng nhân viên.</li> <li>- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Bản dự kiến quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
219	2.001661.000.00.00.H01	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2688/Q Đ-UBND	<p>Đơn đề nghị hỗ trợ của nạn nhân hoặc của gia đình nạn nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐT BXH ngày 30/12/2013</p> <p>Một trong các loại giấy xác nhận sau: + Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 của Luật Phòng, chống mua bán người (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); + Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan giải cứu theo quy định tại Điều 25 của Luật</p>		Phòng, chống tệ nạn xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Phòng, chống mua bán người (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);  + Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); + Giấy tờ, tài liệu do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự chứng minh người đó là nạn nhân (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
220	2.002400.000.00.00.H01	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	582/QĐ-UBND	Hồ sơ gồm có: 1. Các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc kê khai; 2. Danh sách đối tượng phải kê khai theo quy định; 3. Bản kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện phải kê khai (02 bản); 4. Sổ theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		Phòn g, chón g tham nhữn g	
221	2.002401.000.00.00.H01	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	582/QĐ-UBND	Hồ sơ xác minh gồm có: 1. 1. Quyết định xác minh; biên bản làm việc; giải trình của người được xác minh; 2. 2. Báo cáo kết quả xác minh; 3. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; 4. Các tài liệu khác có liên quan đến việc xác minh. - Số lượng: 01 bộ.		Phòn g, chón g tham nhữn g	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
222	2.002402.000.00.00.H01	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	582/QĐ-UBND	1. Văn bản yêu cầu giải trình của cá nhân, tổ chức 2. Thông tin, tài liệu liên quan đến yêu cầu giải trình. 3. Thông báo đồng ý hoặc từ chối giải trình của cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải trình. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		Phòng, chống tham nhũng	
223	2.002403.000.00.00.H01	Thủ tục thực hiện việc giải trình	582/QĐ-UBND	1. Thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung việc giải trình; 2. Biên bản làm việc có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên; 3. Văn bản giải trình. - Số lượng: 01 bộ		Phòng, chống tham nhũng	
224	2.000424.000.00.00.H01	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	540/QĐ-UBND	Giấy đề nghị hỗ trợ của hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải viên trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng có xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc		Phổ biến giáo dục pháp luật	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Trưởng ban công tác Mặt trận trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại là tổ trưởng tổ hòa giải. Giấy đề nghị hỗ trợ phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người yêu cầu hỗ trợ; lý do yêu cầu hỗ trợ</p> <p>- Biên bản xác nhận tình trạng của hòa giải viên bị tai nạn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn hoặc cơ quan công an nơi xảy ra tai nạn (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp);</p> <p>Giấy ra viện, hóa đơn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh (bản</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp);</p> <p>Văn bản, giấy tờ hợp lệ về thu nhập thực tế theo tiền lương, tiền công hằng tháng của người bị tai nạn có xác nhận của tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp), bao gồm: Hợp đồng lao động,</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quyết định nâng lương của tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động hoặc bản kê có thu nhập thực tế của hòa giải viên bị tai nạn và các giấy tờ chứng minh thu nhập thực tế hợp pháp khác (nếu có); Giấy chứng tử (trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng; bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản photo và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp</p>			
225	1.005434.000.00.00.H01	Mua quyền hóa đơn	2167/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản, giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.</li> <li>- Giấy giới thiệu kèm theo công văn đề nghị mua hóa đơn do người đứng đầu cơ quan</li> </ul>		Quản lý công sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				ký, đóng dấu: 01 bản chính;			
226	1.005435.000.00.00.H01	Mua hóa đơn lẻ	2167/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy giới thiệu kèm theo công văn đề nghị mua hóa đơn bán tài sản công do người đứng đầu cơ quan ký, đóng dấu: 01 bản chính;</li> <li>- Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;</li> <li>- Các văn bản, giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao</li> </ul>		Quản lý công sản	
227	2.001819.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng,	2386/Q Đ-UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38 /2018/TT-BNNPTNT		Quản lý chất lượng nông lâm sản và	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)				thủy sản	
228	2.001823.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	2386/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38 /2018/TT-BNNPTNT Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38 /2018/TT-BNNPTNT.		Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
229	2.001827.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2386/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38 /2018/TT-BNNPTNT Bản thuyết minh về điều		Quản lý chất lượng nông lâm sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38 /2018/TT-BNNPTNT.		và thủy sản	
230	1.008455.000.00.00.H01						
231	1.002662.000.00.00.H01	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	2688/QĐ-UBND	(2) thuyết minh nội dung nhiệm vụ (3) Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ (4) Các bản vẽ in màu thu nhỏ (1) Tờ trình đề nghị thẩm định (5) các văn bản pháp lý có liên quan (1), (2), (3), (4), (5) Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch hồ sơ pháp nhân và hồ		Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng			
232	1.003141.000.00.00.H01	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	2688/QĐ-UBND	<p>- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết(theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1) Tờ trình đề nghị thẩm định; (2) thuyết minh nội dung nhiệm vụ; (3) dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; (4)các bản vẽ in màu thu nhỏ ; (5) các văn bản pháp lý có liên quan.</p> <p>- Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiếtxây dựng khu chức năng đặc thù, điểm dân cư nông thôn (theo quy</p>		Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1), (2), (3), (4), (5) và văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.			
233	1.001662.000.00.00.H01	Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp huyện)	2688/QĐ-UBND	.	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất: Mẫu 38 Thông tư số 27/2014/T T-BTNMT	Tài nguyên nước	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
234	1.010944.000.00.00.H01	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	1182/QĐ-UBND	+ Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh hoặc văn bản ghi lại nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân); + Các thông tin, tài liệu, bằng chứng do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp.		Tiếp công dân	
235	1.001652.000.00.00.H01	Xét tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú	660/QĐ-UBND	Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú” theo Mẫu số 03; Báo cáo tóm tắt thành tích cá nhân theo Mẫu số 04; Biên bản họp Hội đồng theo Mẫu số 05; Hồ sơ đề nghị xét tặng của cá nhân. Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng theo Mẫu số		Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>02;  Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước kèm theo Danh sách đề nghị xét tặng;  Tóm tắt thành tích cá nhân có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước;  Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng cấp Nhà nước.  Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh “Nhà giáo Ưu tú” theo Mẫu số 01;  Các tài liệu chứng minh thành tích công hiến trong hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học và những đóng góp đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo gồm bản sao: Giấy chứng nhận của cơ quan quản lý có</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				thẩm quyền đối với sáng kiến; biên bản nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học; trang bìa giáo trình có ghi tên tác giả và nhà xuất bản; bằng chứng nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có liên quan đến tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”; danh mục bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.			
236	2.000594.000.00.00.H01	Xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân	660/QĐ-UBND	Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước kèm theo Danh sách đề nghị xét tặng; Tóm tắt thành tích cá nhân có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước;		Tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ quản lý	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng cấp Nhà nước.</p> <p>Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh “Nhà giáo nhân dân” theo Mẫu số 01;</p> <p>Các tài liệu chứng minh thành tích công hiến trong hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học và những đóng góp đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo gồm bản sao: Giấy chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến; biên bản nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học; trang bìa giáo trình có ghi tên tác giả và nhà xuất bản; bằng chứng nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có liên</p>		giáo dục	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quan đến tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”; danh mục bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.  Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng theo Mẫu số 02;  Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân” theo Mẫu số 03;  Báo cáo tóm tắt thành tích cá nhân theo Mẫu số 04;  Biên bản họp Hội đồng theo Mẫu số 05;  Hồ sơ đề nghị xét tặng của cá nhân.</p>			
237	1.009354.000.00.00.H01	Thủ tục hành chính về thẩm định số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định	233/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị; Kế hoạch số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập,		Tổ chức -	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		của bộ, ngành, địa phương		kèm theo văn bản làm cơ sở xác định số lượng người làm việc; Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của đơn vị hoặc của bộ, ngành, địa phương của năm trước liền kề với năm kế hoạch; Các văn bản liên quan (nếu có).		Biên chế	
238	1.009355.000.00.00.H01	Thủ tục hành chính về thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của bộ, ngành, địa phương	233/QĐ-UBND	Đề án điều chỉnh số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Các tài liệu liên quan đến điều chỉnh số lượng người làm việc quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP;		Tổ chức - Biên chế	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về thành lập, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập; Văn bản đề nghị điều chỉnh số lượng người làm việc;			
239	1.009335.000.00.00.H01	Thủ tục hành chính thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	233/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ trình tổ chức lại tổ chức hành chính.</li> <li>+ Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</li> <li>+ Các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).</li> <li>+ Đề án tổ chức lại tổ chức hành chính.</li> </ul>		Tổ chức - Biên chế	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
240	1.003827.000.00.00.H01	Thủ tục thành lập hội cấp huyện	2573/Q Đ-UBND	Đơn đề nghị thành lập hội (theo mẫu) Dự thảo điều lệ hội (theo mẫu) Danh sách những người trong ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận Phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu ban vận động thành lập hội; Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở hội Bản kê khai tài chính, tài sản (nếu có).		Tổ chức phi chính phủ	
241	1.003807.000.00.00.H01	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội (cấp huyện)	2573/Q Đ-UBND	Biên bản bầu ban lãnh đạo, ban kiểm tra (có danh sách kèm theo) và lý lịch người đứng đầu hội, công văn báo cáo thay đổi chức danh lãnh đạo hội (nếu có) Chương trình hoạt động của hội		Tổ chức phi chính phủ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Nghị quyết đại hội Công văn báo cáo kết quả đại hội (theo mẫu) Điều lệ (theo mẫu) và biên bản thông qua điều lệ hội;			
242	1.003732.000.00.00.H01	Thủ tục hội tự giải thể (cấp huyện)	2573/Q Đ-UBND	Nghị quyết giải thể hội Bản kê tài sản, tài chính Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính, lao động và thời hạn thanh toán các khoản nợ khác Đơn đề nghị giải thể hội (theo mẫu)		Tổ chức phi chính phủ	
243	1.003757.000.00.00.H01	Thủ tục đổi tên hội (cấp huyện)	2573/Q Đ-UBND	Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung; Đơn đề nghị đổi tên; Nghị quyết đại hội của hội về việc đổi tên hội Trường hợp đồng thời có sự thay đổi về ban lãnh đạo hội thì gửi kèm theo biên bản bầu ban lãnh đạo (có danh sách kèm		Tổ chức phi chính phủ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				theo), đối với người đứng đầu hội thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 03/2013/TT-BNV.			
244	1.003841.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (cấp huyện)	2573/Q Đ-UBND	Danh sách và trích ngang của những người dự kiến trong ban vận động thành lập hội. Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội (theo mẫu)		Tổ chức phi chính phủ	
245	1.003783.000.00.00.H01	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp huyện)	2573/Q Đ-UBND	Đề án chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội Nghị quyết đại hội của hội về việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội Dự thảo điều lệ hội mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội Danh sách ban lãnh đạo lâm thời của hội thành lập mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội		Tổ chức phi chính phủ	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu ban lãnh đạo lâm thời</p> <p>Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở của hội hình thành mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội.</p> <p>Đơn đề nghị chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (Mẫu đơn đề nghị tách hội)</p> <p>Đơn đề nghị chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (Mẫu đơn đề nghị chia hội)</p> <p>Đơn đề nghị chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (Mẫu đơn đề nghị sáp nhập hội)</p> <p>Đơn đề nghị chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (Mẫu đơn đề nghị hợp nhất hội)</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
246	2.002100.000.00.00.H01	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp huyện	2573/Q Đ-UBND	<p>Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội</p> <p>Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội</p> <p>Dự thảo những nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội</p> <p>Các hội dung khác thuộc thẩm quyền của đại hội theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật (nếu có)</p> <p>Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương</p>		Tổ chức phi chính phủ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trình đại hội;            Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ            Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội. Báo cáo kiểm điểm của ban lãnh đạo, ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội            Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có)            Danh sách dự kiến nhân sự ban lãnh đạo, ban kiểm tra, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên ban lãnh đạo, ban kiểm tra hội. Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, văn bản đồng ý</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ Báo cáo số lượng hội viên, trong đó nêu rõ số hội viên chính thức của hội			
247	1.005203.000.00.00.H01	Thủ tục đổi tên quỹ cấp huyện	3080/Q Đ-UBND	Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về việc đổi tên quỹ; Ý kiến đồng ý bằng văn bản của sáng lập viên hoặc người đại diện hợp pháp của sáng lập viên (nếu có). Đơn đề đổi tên quỹ (theo mẫu); Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung.		Tổ chức phi chính phủ	
248	1.001180.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố	2688/Q Đ-UBND	Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).		Tôn giáo Chính phủ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc					
249	1.001199.000.00.00.H01	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	2688/Q Đ- UBND	Văn bản đề nghị (theo mẫu)		Tôn giáo Chín h phủ	
250	1.001204.000.00.00.H01	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	2688/Q Đ- UBND	Văn bản đề nghị (theo mẫu)		Tôn giáo Chín h phủ	
251	1.001212.000.00.00.H01	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa	2688/Q Đ- UBND	Văn bản đề nghị (theo mẫu) Báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức Dự thảo hiến chương hoặc hiến chương sửa đổi (nếu có)		Tôn giáo Chín h phủ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		bàn hoạt động ở một huyện					
252	1.001220.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	2688/Q Đ-UBND	Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có)		Tôn giáo Chính phủ	
253	1.000316.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	2688/Q Đ-UBND	Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có)		Tôn giáo Chính phủ	
254	2.000267.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	2688/Q Đ-UBND	Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có)		Tôn giáo Chính phủ	
255	1.001228.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại	2688/Q Đ-UBND	Văn bản thông báo nêu rõ tên lớp, địa điểm, lý do, thời gian học, nội dung, chương trình,		Tôn giáo	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo		thành phần tham dự, danh sách giảng viên.		Chính phủ	
256	1.004901.000.00.00.H01	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	<p>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</p>		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;</li> <li>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế</li> </ul>			
257	1.004982.000.00.00.H01	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể hợp tác xã</li> <li>- Biên bản hoàn thành việc giải thể hợp tác xã</li> <li>- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã;</li> <li>- Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã hoặc bản in 03 số</li> </ul>		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã. - Thông báo về việc giải thể hợp tác xã;			
258	2.001958.000.00.00.H01	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	1632/Q Đ-UBND	- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã. - Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã;		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	
259	1.004979.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1632/Q Đ-UBND	- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung		Thành lập và hoạt động	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đăng ký hợp tác xã;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều lệ sửa đổi (trong trường hợp thay đổi điều lệ của hợp tác xã);</li> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên sau khi thay đổi (trong trường hợp thay đổi số lượng hợp tác xã thành viên);</li> <li>- Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi (trong trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên).</li> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền.</li> </ul> <p>Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền;</p>		của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>(2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã;</p>			
260	2.001973.000.00.00.H01	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận		Thành lập và hoạt động của hợp	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		(trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)		<p>đăng ký địa điểm kinh doanh</p> <p>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p>		tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
261	1.004972.000.00.00.H01	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	1632/Q Đ-UBND	<p>Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã;</li> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của</li> </ul>		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người có thẩm quyền đăng ký</p> <p>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập hợp tác xã.</p>			
262	1.005121.000.00.00.H01	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	1632/QĐ-UBND	<p>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.</p>		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;</li> <li>- Điều lệ;</li> <li>- Phương án sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</li> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc hợp nhất hợp tác xã.</li> <li>- Trường hợp đăng ký hợp tác xã hợp nhất là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
263	2.002120.000.00.00.H01	Đăng ký khi hợp tác xã tách	1632/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều lệ;</li> <li>- Phương án sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</li> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc tách hợp tác xã.</li> <li>- Trường hợp đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có</li> </ul>		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;</p>			
264	2.002122.000.00.00.H01	Đăng ký khi hợp tác xã chia	1632/QĐ-UBND	<p>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;</p> <p>- Điều lệ;</p> <p>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của</p>		Thành lập và hoạt động	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</li> </ul>		của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia hợp tác xã.</li> <li>- Trường hợp đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> </ul>			
265	1.005277.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.</li> <li>Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp</li> </ul>		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ,</li> </ul>		hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.			
266	1.005010.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> <li>- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. d) Số lượng hồ sơ: Mẫu: - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở</li> </ul>		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục I-12 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT (trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài).			
267	1.005377.000.00.00.H01	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.</li> </ul>		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
268	1.005378.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1632/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</li> <li>- Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm:</li> </ul>		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>(1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <p>Thông báo về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-9</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.			
269	1.004895.000.00.00.H01	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã;</li> <li>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã;</li> <li>- Bộ hồ sơ đã được cơ quan đăng ký hợp tác xã cũ bàn giao (khi hợp tác xã tiến hành đăng ký tại Phòng Tài chính - Kế hoạch đăng ký hợp tác xã mới).</li> </ul>		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	
270	2.002123.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp được		Thành lập và hoạt động của	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ủy quyền, phải có thêm:            (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.            - Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng</p>		hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ký liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã; - Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Trường hợp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng, kèm theo</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
271	1.005280.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập hợp tác xã	1632/QĐ-UBND	- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.		Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;</li> <li>- Điều lệ;</li> <li>- Phương án sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Danh sách thành viên hợp tác xã;</li> <li>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</li> <li>- Nghị quyết Hội nghị thành lập;</li> <li>- Trường hợp đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
272	2.000575.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	1824/Q Đ-UBND	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;		Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	
273	1.001266.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1824/Q Đ-UBND	(i) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh; (ii) Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của Cơ quan thuế; (iii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;		Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				(iv) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.			
274	1.001570.000.00.00.H01	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1824/QĐ-UBND	(i) Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh; (ii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc đăng ký tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.		Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	
275	2.000720.000.00.00.H01	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	1824/QĐ-UBND	(i) Thông báo thay đổi chủ hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh cũ và chủ hộ kinh doanh mới ký hoặc do chủ hộ kinh doanh mới ký trong trường hợp thay đổi chủ		Thành lập và hoạt động doanh nghiệp	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hộ kinh doanh do thừa kế;</p> <p>(ii) Hợp đồng mua bán hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán trong trường hợp bán hộ kinh doanh; hợp đồng tặng cho đối với trường hợp tặng cho hộ kinh doanh; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do thừa kế;</p> <p>(iii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thay đổi chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>(iv) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành</p>		<p>nghiệp (hộ kinh doanh)</p>	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh. Sau khi bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh, hộ kinh doanh vẫn phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của hộ kinh doanh phát sinh trong thời gian trước ngày chuyển giao hộ kinh doanh, trừ trường hợp hộ kinh doanh, người mua, người được tặng cho, người thừa kế và chủ nợ của hộ kinh doanh có thỏa thuận khác.</p> <p>(i) Bản sao Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký;</p> <p>(ii) Bản sao biên bản họp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thành viên hộ gia đình về việc đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>(iii) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.</p> <p>(i) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký;</p> <p>(ii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.			
276	1.001612.000.00.00.H01	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1824/QĐ-UBND	(i) Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh; (ii) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh; (iii) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thành lập hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh; (iv) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ		Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				gia đình đăng ký hộ kinh doanh.			
277	2.000356.000.00.00.H01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình	2688/Q Đ-UBND	Văn bản đề nghị kèm theo danh sách gia đình được đề nghị tặng Giấy khen của cấp trình khen Biên bản xét khen thưởng. Báo cáo thành tích do gia đình được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng		Thi đua - khen thưởng	
278	2.000364.000.00.00.H01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	2688/Q Đ-UBND	Biên bản xét khen thưởng. Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị		Thi đua - khen thưởng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tặng Giấy khen của cấp trình khen			
279	1.000804.000.00.00.H01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	2688/Q Đ-UBND	Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng Biên bản xét khen thưởng. Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen của cấp trình khen		Thi đua - khen thưởng	
280	2.000374.000.00.00.H01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	2688/Q Đ-UBND	Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen của cấp trình khen Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ hành		Thi đua - khen thưởng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				động, thành tích để đề nghị khen thưởng Biên bản bình xét khen thưởng.			
281	2.000385.000.00.00.H01	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	2688/Q Đ-UBND	Biên bản bình xét thi đua. Văn bản đề nghị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu Lao động tiên tiến của cấp trình khen		Thi đua - khen thưởng	
282	1.000843.000.00.00.H01	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	2688/Q Đ-UBND	Biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp trình khen thưởng Văn bản đề nghị (kèm theo danh sách các cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở của cấp trình khen. Báo cáo thành tích của các cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu		Thi đua - khen thưởng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Chiến sỹ thi đua cơ sở, trong báo cáo thành tích phải nêu rõ nội dung phát minh, sáng kiến, cải tiến, ứng dụng khoa học, công nghệ, sáng tác hoặc sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực</p> <p>Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua</p> <p>Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.</p>			
283	2.000402.000.00.00.H01	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	2688/Q Đ-UBND	Báo cáo thành tích do tập thể được đề nghị khen thưởng làm, trong		Thi đua - khen	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đó ghi rõ hành động, thành tích để đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến</p> <p>Biên bản bình xét thi đua.</p> <p>Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể được đề nghị tặng Tập thể Lao động tiên tiến của cấp trình khen</p>		thưởng	
284	2.000414.000.00.00.H01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	2688/QĐ-UBND	<p>Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen của cấp trình khen</p> <p>Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ hành động, thành tích để đề nghị khen thưởng (Mẫu tập thể)</p> <p>Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề</p>		Thi đua - khen thưởng	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ hành động, thành tích để đề nghị khen thưởng (Mẫu cá nhân) Biên bản xét khen thưởng.</p>			
285	1.005090.000.00.00.H01	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	2759/Q Đ-UBND	<p>Sổ hộ khẩu (bản sao xuất trình kèm bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc phải có giấy xác nhận hộ khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương); Giấy khai sinh (bản sao xuất trình kèm bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực); Học bạ cấp tiểu học (đối với dự tuyển vào cấp THCS), học bạ cấp</p>		Thi, tuyển sinh	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>THCS (đối với dự tuyển vào cấp THPT);            Bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THCS (đối với dự tuyển vào cấp THPT);            Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).</p>			
286	1.003347.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	2386/QĐ-UBND	<p>Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa nước            Dự thảo quy trình vận hành hồ chứa nước            Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật;            Bản đồ hiện trạng công trình;            Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan</p>		Thủy lợi	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).			
287	1.003456.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	2386/Q Đ-UBND	Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có). - Tờ trình đề nghị phê duyệt;		Thủy lợi	
288	1.003459.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	2386/Q Đ-UBND	Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; Văn bản góp ý kiến của		Thủy lợi	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				các cơ quan, đơn vị liên quan; Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).			
289	1.003471.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	2386/Q Đ-UBND	Dự thảo đề cương kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi - Tờ trình đề nghị phê duyệt; Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).		Thủy lợi	
290	2.001627.000.00.00.H01	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	2386/Q Đ-UBND	- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy trình vận hành được lập theo mẫu 04 Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Dự thảo quy trình vận hành công trình theo mẫu 02 Phụ lục I Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Báo cáo thuyết minh		Thủy lợi	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				kết quả tính toán kỹ thuật; - Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật; - Văn bản góp ý kiến của các tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức khai thác công trình thủy lợi, cơ quan, đơn vị liên quan; - Bản đồ hiện trạng công trình thủy lợi.			
291	1.004478.000.00.00.H01	Công bố mở cảng cá loại 3	2386/QĐ-UBND	a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 09.TC Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; b) Văn bản cho phép đầu tư xây dựng cảng cá; c) Nội quy, phương án khai thác cảng cá của cảng cá (bản chụp); d) Quyết định thành lập Tổ chức quản lý cảng cá (bản chụp);		Thủy sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đ) Biên bản nghiệm thu công trình cảng cá đã hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công;</p> <p>e) Thông báo hàng hải về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng;</p> <p>g) Văn bản kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;</p> <p>h) Văn bản nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy</p>			
292	1.004498.000.00.00.H01	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	2386/QĐ-UBND	<p>a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 07.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</p> <p>b) Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số</p>		Thủy sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung tên tổ chức và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng</p> <p>c) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao;</p> <p>d) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				đ) Bản chính biên bản họp của tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.			
293	1.003956.000.00.00.H01	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	2386/QĐ-UBND	Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý theo Mẫu số 02.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 03.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị		Thủy sản	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				định số 26/2019/NĐ-CP; Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Bản chính biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 05.BT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.			
294	1.008900.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	số 161/QĐ-UBND	(1) Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Thư viện	
295	1.008899.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện	1982/QĐ-UBND	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện (Mẫu M02 quy định		Thư viện	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng		tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
296	1.008898.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1982/QĐ-UBND	(1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo thành lập thư viện theo Mẫu M01C Thông báo thành lập thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (1) Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo thành lập thư viện theo		Thư viện	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Mẫu M01A Thông báo thành lập thư viện cộng đồng/thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>(2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14.</p>			
297	1.004944.000.00.00.H01	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	2689/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị chấm dứt việc chăm sóc thay thế (Mẫu số 15 của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)</p> <p>Quyết định Về việc chấm dứt và chuyển hình</p>		Trẻ em	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				thức chăm sóc thay thế trẻ em (Mẫu số 16 của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)			
298	1.004946.000.00.00.H01	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	2689/Q Đ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tiếp nhận thông tin trẻ em (do Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoặc cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp hoặc cơ quan công an các cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc lập) (Mẫu số 01 của của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)</li> <li>- Bản đánh giá nguy cơ ban đầu, thực hiện các</li> </ul>		Trẻ em	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>biện pháp bảo đảm an toàn tạm thời cho trẻ (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập) (Mẫu số 02 của của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em).</p> <p>- Dự thảo Quyết định về việc tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em (Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP)(Mẫu số 07 của của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				- Tài liệu khác có liên quan (nếu có).			
299	2.001914.000.00.00.H01	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2759/Q Đ-UBND	Đơn đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ Văn bằng, chứng chỉ đề nghị chỉnh sửa Trích lục hoặc quyết định thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do thay đổi hoặc cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính Giấy khai sinh đối với trường hợp chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ do bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch, đăng ký lại việc sinh, đăng ký khai sinh quá hạn		Văn bằng, chứng chỉ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có ảnh của người được cấp văn bằng, chứng chỉ</p> <p>Thông tin ghi trên các giấy tờ này phải phù hợp với đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ. Các tài liệu trong hồ sơ đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ quy định tại các điểm b, c, d, đ nêu trên là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính</p> <p>Trường hợp tài liệu trong hồ sơ đề nghị chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ quy định tại các điểm b, c, d,</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				đ nêu trên là bản sao không có chứng thực thì người đề nghị chỉnh sửa văn bản, chứng chỉ phải xuất trình bản chính để người tiếp nhận hồ sơ đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ phải ký xác nhận, ghi rõ họ tên vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính			
300	1.005092.000.00.00.H01	Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc	2759/Q Đ-UBND	Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng (bản sao có chứng thực hoặc bản chính) - Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của người được cấp bản		Văn bản, chứng chỉ	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chính văn bằng, chứng chỉ hoặc là Cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ trong trường hợp người đó đã chết thì còn phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính văn bằng, chứng chỉ.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc gửi yêu cầu qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ theo quy định và 01 (một) phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, cơ sở giáo dục cấp bản sao.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Đơn đề nghị cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ, trong đó cung cấp các thông tin về văn bằng, chứng chỉ đã được cấp			
301	1.004634.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận lần đầu Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	2688/Q Đ-UBND	b) Công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn; Báo cáo thành tích hai (02) năm xây dựng “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” của Trưởng Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phường, thị trấn, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn.		Văn hóa	
302	1.004648.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận lần đầu Cơ quan đạt chuẩn văn hóa, Đơn vị đạt chuẩn văn hóa, Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	2688/Q Đ-UBND	(1) Báo cáo thành tích 02 năm xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa của Công đoàn cơ		Văn hóa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				quan, đơn vị, doanh nghiệp, có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan. (2) Công văn đề nghị của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện.			
303	1.004646.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận lần đầu Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	2688/Q Đ-UBND	(2) Công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; (1) Báo cáo thành tích 02 năm xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” của Trưởng Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” xã, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;		Văn hóa	
304	1.004644.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận lại Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	2688/Q Đ-UBND	(2) Công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; 1) Báo cáo thành tích 05		Văn hóa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				năm xây dựng “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” của Trường Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” xã, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã:			
305	1.004622.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận lại Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	2688/QĐ-UBND	b) Công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn a) Báo cáo thành tích năm (05) năm xây dựng “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” của Trường Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phường, thị trấn, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn.		Văn hóa	
306	1.000831.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ	539/QĐ-UBND	Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện		Văn hóa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)		kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến) Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).			
307	1.000903.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	539/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.		Văn hóa	
308	1.003635.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	1982/QĐ-UBND	Văn bản thông báo tổ chức lễ hội gồm các nội dung: (1) Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội; (2) Thời gian, địa		Văn hóa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; (3) Dự kiến thành phần, số lượng khách mời; (4) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (5) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.			
309	1.003645.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	3027/Q Đ-UBND	Các tài liệu hoặc văn bản chứng minh về nguồn gốc lễ hội (đối với lễ hội truyền thống); Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, sự cần thiết, thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung hoạt động lễ hội, dự kiến thành phần số lượng khách mời; Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường;		Văn hóa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội;			
310	1.000933.000.00.00.H01	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	1982/Q Đ-UBND	<p>(2) Bản sao Quyết định tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa trong 05 năm liên tục.</p> <p>Biên bản họp xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa(Mẫu số 10, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”).</p> <p>(1) Văn bản đề nghị tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa của Ủy ban nhân dân cấp xã (kèm</p>		Văn hóa	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				theo Danh sách các khu dân cư đủ điều kiện).			
311	2.000440.000.00.00.H01	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	1982/Q Đ-UBND	<p>(2) Bản đăng ký tham gia thi đua xây dựng danh hiệu Khu dân cư văn hóa. (Mẫu số 02, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”).</p> <p>(3) Bảng tự đánh giá thực hiện tiêu chí bình xét Khu dân cư văn hóa. (Mẫu số 05, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy</p>		Văn hóa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”).</p> <p>(4) Biên bản họp bình xét danh hiệu Khu dân cư văn hóa. (Mẫu số 09, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”).</p> <p>(1) Văn bản đề nghị xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
312	2.001762.000.00.00.H01	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	- Tờ khai hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy - Kết quả giải quyết TTHC		Xuất Bản, In và Phát hành	
313	2.001931.000.00.00.H01	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy (cấp huyện)	2688/Q Đ-UBND	- Tờ khai hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy - Kết quả giải quyết TTHC		Xuất Bản, In và Phát hành	
314	2.002500.000.00.00.H01	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	1182/Q Đ-UBND	Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có).		Xử lý đơn thư	

**PHỤ LỤC 3 - CẤP XÃ**

**Danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
1	1.005412.000.00.00.H01	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	2669/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị xem xét, phê duyệt đối tượng được hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP. - Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.	- Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp đối với trường hợp đối tượng được hỗ trợ là tổ chức sản xuất nông nghiệp.	Bảo hiểm	
2	2.000477.000.00.00.H01	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	1459/QĐ-UBND	Đơn đề nghị dừng trợ giúp xã hội (theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).		Bảo trợ xã hội	
3	2.000282.000.00.00.H01	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	1459/QĐ-UBND	- Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); - Biên bản	- Bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân	Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến an toàn của đối tượng.	hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng (nếu có);		
4	2.000286.000.00.00.H01	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	1459/QĐ-UBND	<p>Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); - Bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch; - Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp là người khuyết tật.</p> <p>- Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp nhiễm HIV; - Giấy tờ liên quan khác (nếu có).</p> <p>Tờ khai của đối tượng hoặc người giám hộ (theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); - Bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải</p>	Giấy tờ liên quan khác (nếu có).	Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch; - Bản sao Giấy xác nhận khuyết tật đối với trường hợp là người khuyết tật. - Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp nhiễm HIV;			
5	1.001310.000.00.00.H01	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	2688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị tiếp nhận đối tượng vào cơ sở (mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2015/TT-BLĐTĐ ngày 16/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).		Bảo trợ xã hội	
6	1.001739.000.00.00.H01	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1459/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị nhận chăm sóc, nuôi dưỡng. - Biên bản về vụ việc bạo hành, xâm hại đối tượng và văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe đối tượng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (nếu có).		Bảo trợ xã hội	
7	1.001753.000.00.00.H01	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi	1459/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị của đối tượng		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương					
8	1.001758.000.00.00.H01	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1459/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị của đối tượng		Bảo trợ xã hội	
9	1.001776.000.00.00.H01	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1459/QĐ-UBND	Tờ khai của đối tượng (theo Mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP). Tờ khai của đối tượng (theo Mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP). Tờ khai của đối tượng (theo Mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ ban hành kèm theo Nghị định số		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>20/2021/NĐ-CP).  Tờ khai của đối tượng (theo Mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).  Tờ khai của đối tượng (theo Mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).  Tờ khai hộ gia đình có người khuyết tật (theo Mẫu số 2a ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP);  Tờ khai nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (theo Mẫu số 2b ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP);  Tờ khai của đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trong trường hợp đối tượng không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).</p>			
10	1.001699.000.00.00.H01	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và	2689/QĐ-UBND	Đơn đề nghị (theo Mẫu số 01). Bản sao các giấy tờ y tế chứng	Giấy xác nhận khuyết tật cũ	Bảo trợ xã hội	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		cấp Giấy xác nhận khuyết tật		<p>minh về khuyết tật: bệnh án, giấy tờ khám, điều trị, phẫu thuật hoặc các giấy tờ liên quan khác (nếu có)</p> <p>Bản sao kết luận của Hội đồng Giám định y khoa về khả năng tự phục vụ, mức độ suy giảm khả năng lao động đối với trường hợp người khuyết tật đã có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa trước ngày 01/6/2012</p> <p>Đơn đề nghị (theo Mẫu số 01).</p> <p>+ Bản sao các giấy tờ y tế chứng minh về khuyết tật: bệnh án, giấy tờ khám, điều trị, phẫu thuật</p>	hoặc các giấy tờ liên quan khác (nếu có)		
11	1.001653.000.00.00.H01	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	2689/QĐ-UBND	Đơn đề nghị xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH)		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
12	2.000751.000.00.00.H01	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	1459/QĐ-UBND	Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).		Bảo trợ xã hội	
13	2.000744.000.00.00.H01	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	1459/QĐ-UBND	Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP); Giấy báo tử của đối tượng đối với trường hợp hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác Xác nhận của công an cấp xã đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết do không có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng.		Bảo trợ xã hội	
14	2.000602.000.00.00.H01	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai	2689/QĐ-UBND	Giấy đề nghị xác định hộ mức sống trung bình theo Mẫu số 01 phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế		quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025			
15	1.000506.000.00.00.H01	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	2689/QĐ-UBND	Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo Mẫu số 01 phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025		Bảo trợ xã hội	
16	1.000489.000.00.00.H01	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	2689/QĐ-UBND	Giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo Mẫu số 04 phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng quy		Bảo trợ xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025			
17	2.000355.000.00.00.H01	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2689/QĐ-UBND	Tờ khai đăng ký hoạt động trợ giúp xã hội theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP Phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu cơ sở, nhân viên của cơ sở Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đứng đầu, nhân viên của cơ sở		Bảo trợ xã hội	
18	2.002165.000.00.00.H01	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	540/QĐ-UBND	Văn bản yêu cầu bồi thường; Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường; Giấy tờ chứng minh nhân thân	Trường hợp người bị thiệt hại chết mà có di chúc thì người yêu cầu bồi thường phải cung cấp	Bồi thường nhà nước	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của người bị thiệt hại;            Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường;            Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại;</p>	<p>di chúc, trường hợp không có di chúc thì phải có văn bản hợp pháp về quyền thừa kế.            Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền;            Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có);            Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại;            Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					cầu bồi thường (nếu có).		
19	2.001810.000.00.00.H01	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	2759/QĐ-UBND	Không quy định		Các cơ sở giáo dục khác	
20	1.004485.000.00.00.H01	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	2759/QĐ-UBND	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ của giáo viên hoặc người chăm sóc trẻ em Tờ trình đề nghị sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, trong đó có phương án để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên		Các cơ sở giáo dục khác	
21	1.004443.000.00.00.H01	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	2759/QĐ-UBND	- Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại; - Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; - Biên bản kiểm tra.		Các cơ sở giáo dục khác	
22	1.004492.000.00.00.H01	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	2759/QĐ-UBND	Trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục có thể thuê trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị của Nhà nước, cơ		Các cơ sở giáo	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sở giáo dục công lập không sử dụng để tổ chức hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật;</p> <p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ của giáo viên hoặc người chăm sóc trẻ em</p> <p>Tờ trình đề nghị cho phép thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập</p>		dục khác	
23	1.004441.000.00.00.H01	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	2759/QĐ-UBND	<p>Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến phụ trách cơ sở giáo dục</p> <p>Văn bản nhận bảo trợ của một trường tiểu học cùng địa bàn trong huyện.</p> <p>Tờ trình đề nghị cho phép thực hiện chương trình giáo dục tiểu học</p>		Các cơ sở giáo dục khác	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
24	2.001084.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	2689/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng đã từ trần).</li> <li>- Bản khai của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng đã từ trần).</li> <li>- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã giấy tờ tham gia dân công hỏa tuyến (nếu có), gồm một trong các giấy tờ: Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, trong đó có thể hiện thời gian tham gia dân công hỏa tuyến; danh sách các đợt huy động tham gia dân công hỏa tuyến của địa phương; hồ sơ hưởng chính sách người có công, hưởng bảo hiểm xã hội có khai thời gian tham gia dân công hỏa tuyến.</li> </ul>		Chính sách	
25	3.000011.000.00.00.H01	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp	2689/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản xem xét và xác nhận đối tượng của hội nghị liên tịch thôn, xóm, tổ dân phố, ấp;</li> <li>- Biên bản xét và xác nhận của</li> </ul>		Chính sách	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg		Hội nghị Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh xã, phường; - Công văn đề nghị hưởng chế độ một lần cho đối tượng; - Công văn đề nghị của UBND xã, phường (kèm danh sách).			
26	2.000537.000.00.00.H01	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)	2689/QĐ-UBND	Biên bản xem xét và xác nhận đối tượng của hội nghị liên tịch thôn, xóm, tổ dân phố, ấp; - Biên bản xét và xác nhận của Hội nghị Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh xã, phường; - Công văn đề nghị hưởng chế độ một lần cho đối tượng; - Công văn đề nghị của UBND xã, phường (kèm danh sách). - Bản khai cá nhân hoặc Bản khai thân nhân (phải kèm theo giấy uỷ quyền của các thân nhân chủ yếu khác), có xác nhận của chính quyền xã nơi cư trú;		Chính sách	
27	2.000503.000.00.00.H01	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham	2689/QĐ-UBND	- Bản khai cá nhân của đối tượng; - Một hoặc các giấy tờ gốc hoặc		Chính sách	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương		<p>được coi là giấy tờ gốc; hoặc giấy tờ liên quan;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản photo chứng minh thư nhân dân (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường);</li> <li>- Biên bản xét và xác nhận của hội nghị Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh xã, phường;</li> <li>- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường;</li> <li>- Công văn đề nghị của các cấp;</li> <li>- Công văn đề nghị của các cấp;</li> <li>- Danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng;</li> <li>- Giấy xác nhận quá trình công tác trong quân đội;</li> <li>- Giấy giới thiệu chi trả trợ cấp hàng tháng.</li> </ul>			
28	2.000310.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp	2689/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc: + Giấy xác nhận quá trình công tác của đơn vị cũ trước khi thôi việc hoặc hết nhiệm vụ; + Quyết định tuyển dụng, thôi việc hoặc hết nhiệm vụ; + Lý lịch cán bộ công chức, viên chức; lý lịch đi</li> </ul>		Chính sách	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh		<p>lao động ở nước ngoài; lý lịch đảng viên; sổ bảo hiểm xã hội (nếu có);</p> <p>- Giấy tờ liên quan: + Quyết định điều động công tác, bổ nhiệm chức vụ, giao nhiệm vụ; + Giấy chứng nhận tham gia Thanh niên xung phong; phiếu chuyên thương, chuyên viện; + Huân, huy chương tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và các hình thức khen thưởng khác.</p> <p>Giấy chứng tử hoặc giấy báo tử (bản chính hoặc bản sao)</p> <p>Bản khai của thân nhân đối tượng (bản chính, 01 bản).</p>			
29	2.000278.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm	2689/QĐ-UBND	<p>Bản khai cá nhân của đối tượng (bản chính, 01 bản).</p> <p>- Giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc: + Giấy xác nhận quá trình công tác của đơn vị cũ trước khi thôi việc hoặc hết nhiệm vụ; + Quyết định tuyển dụng, thôi việc hoặc hết nhiệm vụ; + Lý lịch cán bộ công chức,</p>		Chính sách	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh		<p>viên chức; lý lịch đi lao động ở nước ngoài; lý lịch đảng viên; sổ bảo hiểm xã hội (nếu có).</p> <p>- Giấy tờ liên quan:</p> <p>+ Quyết định điều động công tác, bổ nhiệm chức vụ, giao nhiệm vụ;</p> <p>+ Giấy chứng nhận tham gia Thanh niên xung phong; phiếu chuyển thương, chuyển viện;</p> <p>+ Huân, huy chương tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và các hình thức khen thưởng khác.</p>			
30	2.000034.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	2689/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị hưởng chế độ hưu trí (bản chính, 01 bản)</p> <p>- Quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành, chuyển sang công tác khác trong tổ chức cơ yếu hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử đi lao động hợp tác quốc tế;</p> <p>- Lý lịch quân nhân, lý lịch cán bộ công chức, viên chức, lý lịch cán bộ hoặc bản trích yếu 63</p>		Chính sách	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đối với sĩ quan; lý lịch đảng viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu lập sổ trợ cấp phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành; sổ bảo hiểm xã hội; quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật (đối với thương binh);</li> <li>- Giấy xác nhận quá trình công tác của cơ quan, đơn vị cũ trước khi quân nhân phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc do thủ trưởng cơ quan, đơn vị từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên theo phân cấp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ hoặc cử đi lao động hợp tác quốc tế, chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, ký, đóng dấu, kèm theo bản photocopy hồ sơ của đối tượng hoặc danh sách đăng ký, quản lý đối tượng mà cơ quan, đơn vị đang lưu trữ để làm căn cứ xác nhận; đối với các đối tượng còn giấy tờ, hồ sơ</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				gốc tại đơn vị cũ thì đơn vị cũ thực hiện việc cấp lại cho đối tượng theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực hiện hành. Trường hợp cơ quan, đơn vị cũ đã sáp nhập hoặc giải thể thì do cơ quan, đơn vị mới được thành lập sau sáp nhập hoặc cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đã giải thể xác nhận, cấp lại.			
31	2.000029.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	2689/QĐ-UBND	Đơn đề nghị hưởng chế độ một lần (bản chính, 01 bản) - Quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành, chuyển sang công tác khác trong tổ chức cơ yếu hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử đi lao động hợp tác quốc tế; - Lý lịch quân nhân, lý lịch cán bộ công chức, viên chức, lý lịch cán bộ hoặc bản trích yếu 63 đối với sĩ quan; lý lịch đảng viên; - Phiếu lập sổ trợ cấp phục viên,		Chính sách	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>xuất ngũ, chuyển ngành; sổ bảo hiểm xã hội; quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật (đối với thương binh);</p> <p>- Giấy xác nhận quá trình công tác của cơ quan, đơn vị cũ trước khi quân nhân phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc do thủ trưởng cơ quan, đơn vị từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên theo phân cấp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ hoặc cử đi lao động hợp tác quốc tế, chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, ký, đóng dấu, kèm theo bản photocopy hồ sơ của đối tượng hoặc danh sách đăng ký, quản lý đối tượng mà cơ quan, đơn vị đang lưu trữ để làm căn cứ xác nhận; đối với các đối tượng còn giấy tờ, hồ sơ gốc tại đơn vị cũ thì đơn vị cũ thực hiện việc cấp lại cho đối tượng theo quy định của pháp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>luật về công chứng, chứng thực hiện hành. Trường hợp cơ quan, đơn vị cũ đã sáp nhập hoặc giải thể thì do cơ quan, đơn vị mới được thành lập sau sáp nhập hoặc cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đã giải thể xác nhận, cấp lại.</p> <p>Giấy chứng tử hoặc giấy báo tử (bản chính hoặc bản sao, 01 bản)</p> <p>Giấy ủy quyền (nếu có; bản chính)</p>			
32	2.001273.000.00.00.H01	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với những trường hợp hy sinh từ 31/12/1994 trở về trước	2689/QĐ-UBND	<p>a) Đơn đề nghị của thân nhân đối tượng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (Mẫu LS3).</p> <p>b) Giấy báo tử</p> <p>c) Giấy tờ làm căn cứ cấp giấy báo tử theo quy định tại Khoản 11 Điều 7 Thông tư số 202/2013/TT-BQP, gồm: Giấy báo tử trận; Huân chương, huy chương; Giấy chứng nhận đeo Huân chương, Huy chương; Bảng vàng danh dự; Bảng gia đình vẽ vàng; danh sách liệt sĩ</p>		Chính sách	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>lưu trữ tại các trung đoàn và tương đương trở lên; lịch sử Đảng bộ cấp xã trở lên được các cơ quan Đảng có thẩm quyền thẩm định và đã xuất bản; báo cáo hàng năm từ trước năm 1995 của cấp ủy đảng được lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền của Đảng.</p> <p>c) Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thân nhân cư trú.</p>			
33	2.001009.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dự thảo văn bản khai nhận di sản;</li> <li>+ Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp văn bản khai nhận di sản liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).</li> </ul>	+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);	Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
34	2.001406.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	540/QĐ-UBND	+ Dự thảo văn bản thỏa thuận phân chia di sản; + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).	+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);	Chứng thực	
35	2.001016.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	540/QĐ-UBND	+ Dự thảo văn bản từ chối nhận di sản; + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu).	+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);	Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
36	2.001019.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực di chúc	540/QĐ-UBND	+ Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp di chúc liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu). + Dự thảo di chúc;	+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);	Chứng thực	
37	2.001035.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	540/QĐ-UBND	+ Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu). + Dự thảo hợp đồng, giao dịch;	+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);	Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
38	2.000942.000.00.00.H01	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	540/QĐ-UBND	Người yêu cầu chứng thực xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.		Chứng thực	
39	2.000927.000.00.00.H01	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	540/QĐ-UBND	+ Văn bản thỏa thuận về việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; + Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình bản chính để đối chiếu).	+ Bản sao giấy tờ tùy thân còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình bản chính để đối chiếu);	Chứng thực	
40	2.000913.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	540/QĐ-UBND	+ Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực + Dự thảo hợp đồng, giao dịch sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thực</p> <p>+ Trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung có liên quan đến tài sản thì người yêu cầu chứng thực phải nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng.</p>			
41	2.000884.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	540/QĐ-UBND	<p>+ Giấy tờ, văn bản mà mình sẽ yêu cầu chứng thực chữ ký. Trường hợp chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài, nếu người thực hiện chứng thực không hiểu rõ nội dung của giấy tờ, văn bản thì có quyền yêu cầu người yêu cầu chứng thực nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt nội dung của giấy tờ, văn bản đó (bản dịch không cần công</p>	+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.	Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch, người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung của bản dịch).			
42	2.000815.000.00.00.H01	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	540/QĐ-UBND	Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp. Bản sao từ bản chính để thực hiện chứng thực phải có đầy đủ các trang đã ghi thông tin của bản chính.		Chứng thực	
43	2.000908.000.00.00.H01	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	540/QĐ-UBND	+ Trường hợp nộp trực tiếp thì xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng. + Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện thì phải gửi kèm theo		Chứng thực	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng, phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính.</p>			
44	2.001088.000.00.00.H01	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	1612/QĐ-UBND	<p>Tờ khai của đối tượng hoặc thân nhân trực tiếp của đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ.</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hỗ</p>		Dân số - Sức khỏe sinh sản	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trợ theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đăng ký kết hôn đối với đối tượng hưởng chính sách là người dân tộc Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số;</li> <li>- Kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương đối với trường hợp sinh con thứ ba nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền.</li> </ul>			
45	2.001159.000.00.00.H01	Thông báo lưu trú	2689/QĐ-UBND	- Nội dung thông báo về lưu trú bao gồm họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân dân, số hộ chiếu của người lưu trú; lý do lưu trú; thời gian lưu trú; địa chỉ lưu trú.		Đăng ký, quản lý cư trú	
46	1.003677.000.00.00.H01	Khai báo tạm vắng	2689/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền giám sát, quản lý, giáo dục người đó.</li> <li>+ Đề nghị khai báo tạm vắng;</li> </ul> <p>Nội dung khai báo tạm vắng gồm: họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân</p>		Đăng ký, quản lý cư trú	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				dân, số hộ chiếu của người khai báo tạm vắng; lý do tạm vắng; thời gian tạm vắng; địa chỉ nơi đến.			
47	1.002755.000.00.00.H01	Gia hạn tạm trú	2689/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA); đối với người gia hạn tạm trú là người chưa thành niên thì trong tờ khai phải ghi rõ ý kiến đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp.</li> <li>- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA);</li> <li>- Giấy giới thiệu của Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ nội dung đề làm thủ tục gia hạn tạm trú và đơn vị có chỗ ở cho cán bộ chiến sĩ (ký tên, đóng dấu).</li> <li>- Tờ khai thay đổi thông tin cư</li> </ul>		Đăng ký, quản lý cư trú	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				trú (của từng người) (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA); - Văn bản đề nghị gia hạn tạm trú trong đó ghi rõ thông tin về chỗ ở hợp pháp kèm danh sách người gia hạn tạm trú. Danh sách bao gồm những thông tin cơ bản của từng người: họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; số định danh cá nhân và thời hạn tạm trú.			
48	1.003197.000.00.00.H01	Xóa đăng ký thường trú	2689/QĐ-UBND	- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA); - Giấy tờ, tài liệu chứng minh thuộc một trong các trường hợp xóa đăng ký thường trú.		Đăng ký, quản lý cư trú	
49	1.004194.000.00.00.H01	Đăng ký tạm trú	2689/QĐ-UBND	- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA); đối với người đăng ký tạm trú là người chưa thành niên thì trong tờ khai phải ghi rõ ý kiến đồng ý của cha, mẹ		Đăng ký, quản lý cư trú	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoặc người giám hộ, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp.</li> <li>- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA);</li> <li>- Giấy giới thiệu của Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ nội dung để làm thủ tục đăng ký tạm trú và đơn vị có chỗ ở cho cán bộ chiến sĩ (ký tên, đóng dấu).</li> <li>- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (của từng người) (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA);</li> <li>- Văn bản đề nghị đăng ký tạm trú trong đó ghi rõ thông tin về chỗ ở hợp pháp kèm danh sách người tạm trú. Danh sách bao gồm những thông tin cơ bản của từng người: họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tính; số định danh cá nhân và thời hạn tạm trú.			
50	1.004222.000.00.00.H01	Đăng ký thường trú	2689/QĐ-UBND	<p>+ Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA), trong đó ghi rõ ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú của người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, người đứng đầu hoặc người đại diện cơ sở tôn giáo, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;</p> <p>+ Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Cư trú và việc trong cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo có công trình phụ trợ là nhà ở.</p> <p>+ Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA); đối với người được cá nhân, hộ gia đình nhận chăm sóc, nuôi dưỡng thì trong tờ khai phải ghi rõ ý kiến đồng ý</p>		Đăng ký, quản lý cư trú	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cho đăng ký thường trú của chủ hộ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp của cá nhân, hộ gia đình nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hoặc người được ủy quyền, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;</p> <p>+ Văn bản đề nghị của người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội đối với người được cơ sở trợ giúp xã hội nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp;</p> <p>+ Giấy tờ, tài liệu xác nhận về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp.</p> <p>- Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc sở hữu chỗ ở hợp pháp.</p> <p>- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA);</p> <p>+ Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA), trong đó ghi rõ ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>của chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp hoặc người được ủy quyền, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;</p> <p>+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh quan hệ nhân thân với chủ hộ, thành viên hộ gia đình, trừ trường hợp đã có thông tin thể hiện quan hệ này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú (Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 62/2021/NĐ-CP);</p> <p>+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh là: người cao tuổi; người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng, người không có khả năng lao động, người bị bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi; Người chưa thành niên được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý hoặc không còn cha, mẹ.</p> <p>+ Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>BCA), trong đó ghi rõ ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú của chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp được cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ hoặc người được ủy quyền, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;</p> <p>+ Hợp đồng cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ hoặc văn bản về việc cho mượn, cho ở nhờ chỗ ở hợp pháp đã được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh đủ diện tích nhà ở để đăng ký thường trú theo quy định.</p> <p>+ Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA); đối với người được người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng đồng ý cho đăng ký thường trú để trực tiếp quản lý, tổ chức hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng thì trong tờ khai phải ghi rõ ý kiến</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đồng ý cho đăng ký thường trú của người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;</p> <p>+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh là chức sắc, chức việc, nhà tu hành hoặc người khác hoạt động tôn giáo và được hoạt động tại cơ sở tôn giáo đó theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đối với người hoạt động tôn giáo được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, phân công, chuyển chuyên đến hoạt động tôn giáo tại cơ sở tôn giáo; giấy tờ, tài liệu chứng minh là người đại diện cơ sở tín ngưỡng đối với người đại diện cơ sở tín ngưỡng;</p> <p>+ Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc trong cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo có công trình phụ trợ là nhà ở.</p> <p>- Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>BCA); đối với người đăng ký thường trú không phải là chủ phương tiện thì trong tờ khai phải ghi rõ ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú của chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện hoặc văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc sử dụng phương tiện đó vào mục đích đề ở đối với phương tiện không thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng kiểm;</li> <li>- Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về địa điểm phương tiện đăng ký đậu, đỗ thường xuyên trong trường hợp phương tiện không phải đăng ký hoặc nơi đăng ký phương tiện không trùng với nơi thường xuyên đậu, đỗ.</li> <li>- Tờ khai thay đổi thông tin cư</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA);</p> <p>- Giấy giới thiệu của Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ nội dung để làm thủ tục đăng ký thường trú và đơn vị có chỗ ở cho cán bộ chiến sĩ (ký tên, đóng dấu).</p> <p>Ngoài những giấy tờ, tài liệu được quy định như trên thì:</p> <p>- Trường hợp người đăng ký thường trú là người chưa thành niên thì trong tờ khai thay đổi thông tin cư trú phải ghi rõ ý kiến đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản.</p> <p>- Trường hợp người đăng ký thường trú là người Việt Nam định cư ở nước ngoài còn quốc tịch Việt Nam thì trong hồ sơ đăng ký thường trú phải có hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng; trường hợp không có hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng thì phải có giấy tờ, tài</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>liệu khác chứng minh có quốc tịch Việt Nam và văn bản đồng ý cho giải quyết thường trú của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh của Bộ Công an. - Trường hợp người nước ngoài được nhập quốc tịch Việt Nam thì khi đăng ký thường trú lần đầu phải có Quyết định của Chủ tịch nước về việc cho nhập quốc tịch. - Sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an đã đăng ký thường trú tại đơn vị đóng quân mà chuyển đến chỗ ở hợp pháp mới ngoài đơn vị đóng quân và đủ điều kiện đăng ký thường trú, đề nghị đăng ký thường trú tại chỗ ở mới thì hồ sơ đăng ký thường trú phải kèm Giấy giới thiệu của Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp (ký tên và đóng dấu).</p>			
51	1.003554.000.00.00.H01	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	2245/QĐ-UBND	- Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.		Đất đai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
52	2.001211.000.00.00.H01	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	304/QĐ-UBND	Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu; Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp.		Đường thủy nội địa	
53	2.001212.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	304/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu trong đó nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về tính trung thực nội dung khai báo. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.		Đường thủy nội địa	
54	2.001214.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	304/QĐ-UBND	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu; Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó và xuất trình Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm. Đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu; Giấy chứng nhận đăng ký		Đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phương tiện đã được cấp trước đó, biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có); xuất trình Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</p> <p>Đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo Mẫu;</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó, biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có); xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 của Nghị định 48/2019/NĐ-CP, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</p> <p>chủ phương tiện nộp đơn đề nghị chuyển, nơi đăng ký, nêu rõ nơi đăng ký mới và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				phương tiện đã được cấp trước đó.			
55	2.001215.000.00.00.H01	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	304/QĐ-UBND	<p>02 ảnh màu có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</p> <p>Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.</p> <p>Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu;</p> <p>Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</p> <p>Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu</p> <p>Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương</p> <p>Giấy tờ chứng minh được phép</p>		Đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài. (Trường hợp chủ phương tiện đồng thời là chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật, khi thực hiện đăng ký phương tiện không phải xuất trình Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương).</p>			
56	1.006391.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	2350/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương</p>		Đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tiện cấp trước đó Bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm			
57	2.001659.000.00.00.H01	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2689/QĐ-UBND	Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.		Đường thủy nội địa	
58	1.003930.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2689/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu; 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng. Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương		Đường thủy nội địa	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.			
59	1.003970.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2689/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu</p> <p>02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</p> <p>Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;</p> <p>Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.</p> <p>Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân</p>		Đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;</p> <p>Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm..</p>			
60	1.004002.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2689/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;</p> <p>02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;</p> <p>Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.</p> <p>Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển</p>		Đường thủy nội địa	

STT	Mã TTTC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTTC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;</p> <p>Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</p>			
61	1.004036.000.00.00.H01	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	2689/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;</p> <p>Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;</p> <p>02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</p>		Đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;</p> <p>Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.</p> <p>Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</p> <p>Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</p> <p>Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;</p> <p>Hợp đồng cho thuê tài chính đối</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.			
62	1.004047.000.00.00.H01	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	2689/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu; 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi; Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;</p> <p>Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</p> <p>Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ</p>		Đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.</p> <p>Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005, thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT. Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11, chủ phương tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.</p>			
63	1.004088.000.00.00.H01	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương	2689/QĐ-UBND	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu; 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x		Đường thủy nội địa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa		<p>15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;</p> <p>Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;</p> <p>Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.</p> <p>Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;</p> <p>Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;</p> <p>Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.</p> <p>(Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm). Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài; Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.</p>			
64	2.002409.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2147/ QĐ-UBND	Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại		Giải quyết khiếu nại	



<b>STT</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố TTHC</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc</b>	<b>Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
65	2.002396.000.00.00.H01	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	2709/QĐ-UBND	Đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo		Giải quyết tố cáo	

66	2.001023.000. 00.00.H01	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định.</li> <li>- Giấy chứng sinh do cơ sở y tế nơi trẻ em sinh ra cấp; nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế thì giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng; trường hợp không có người làm chứng thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực. Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì nộp biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi thay cho giấy chứng sinh.</li> <li>- Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế, Danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu quy định)</li> </ul>		Hộ tịch	
----	----------------------------	--	-------------	--	--	---------	--

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
67	2.000986.000.00.00.H01	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định.</li> <li>- Giấy chứng sinh do cơ sở y tế nơi trẻ em sinh ra cấp; nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế thì giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng; trường hợp không có người làm chứng thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực.</li> <li>Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì nộp biên bản về việc trẻ em bị bỏ rơi thay cho giấy chứng sinh.</li> <li>- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (theo mẫu quy định); Sổ hộ khẩu của cha, mẹ (bản chính) hoặc Sổ hộ khẩu của mẹ (bản chính) đối với trường hợp trẻ em đăng ký thường trú theo mẹ hoặc Sổ hộ khẩu của cha (bản chính) đối với trường hợp trẻ em đăng ký thường trú theo cha hoặc Sổ hộ khẩu của người nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ (bản chính) đối với trường hợp trẻ</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>em không đăng ký thường trú theo cha, mẹ, bản sao Giấy khai sinh của trẻ.</p> <p>+ Trường hợp trẻ em không đăng ký thường trú cùng hộ khẩu với cha, mẹ mà đăng ký thường trú theo hộ khẩu của người khác thì ngoài bản sao Giấy khai sinh, phải có ý kiến bằng văn bản của cha, mẹ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, ý kiến đồng ý của chủ hộ và Sổ hộ khẩu của chủ hộ (bản chính).</p> <p>- Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế, Danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu quy định)</p>			
68	2.000635.000.00.00.H01	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	540/QĐ-UBND	<p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ</p>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tịch.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch theo mẫu đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân.</li> <li>- Văn bản yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch.</li> </ul> <p>Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Trường hợp pháp luật quy định xuất trình giấy tờ khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ xuất trình, đối chiếu với thông tin trong Tờ khai và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm bản sao giấy tờ đó.</p> <p>Người tiếp nhận có thể chụp 01 bản giấy tờ xuất trình hoặc ghi lại thông tin của giấy tờ xuất trình để lưu hồ sơ.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.			
69	1.005461.000.00.00.H01	Đăng ký lại khai tử	540/QĐ-UBND	<p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình nêu trên. Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký lại khai tử theo mẫu.</li> <li>- Bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ. Nếu không có bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ liên quan có nội dung chứng minh sự kiện chết.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đăng ký lại khai tử. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>			
70	1.004746.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền trong trường hợp việc đăng ký lại kết hôn thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi đăng ký kết hôn trước đây (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> <li>- Tờ khai đăng ký lại kết hôn</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>theo mẫu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn.</li> <li>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</li> <li>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>			
71	1.004772.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	540/QĐ-UBND	<p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký khai sinh (trong giai đoạn chuyên tiếp).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu.</p>	- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>- Văn bản cam đoan của người yêu cầu về việc chưa được đăng ký khai sinh.</p> <p>- Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, Hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.</p> <p>Người yêu cầu đăng ký khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của</p>	<p>chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh (giấy tờ tùy thân).</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ số gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p>			
72	1.004884.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký lại khai sinh (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> <li>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</li> <li>- Tờ khai đăng ký lại khai sinh theo mẫu, trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã nộp đủ các giấy tờ hiện có.</li> <li>- Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh.</li> </ul>	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>+ Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ (bản sao được chứng thực từ bản chính, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh); Bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu không có giấy tờ nêu trên thì phải nộp bản sao giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ như: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.</p>	<p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Người yêu cầu đăng ký khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp</p>			

STT	Mã TTTC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTTC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p>			
73	1.004873.000.00.00.H01	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	540/QĐ-UBND	<p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>- Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo mẫu.</p>	- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ/chồng đã chết thì phải xuất trình (bản chính) hoặc nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh.</li> <li>- Công dân Việt Nam đã ly hôn, hủy việc kết hôn ở nước ngoài thì phải nộp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn.</li> <li>- Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác hoặc do Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã hết thời hạn sử dụng theo quy định thì phải nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó.</li> <li>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì</li> </ul>	<p>nhân thân của người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p>			
74	1.004859.000.00.00.H01	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	540/QĐ-UBND	<p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (trong giai đoạn chuyển tiếp).</p>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo mẫu.</li> <li>- Giấy tờ làm căn cứ thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</li> </ul> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
75	1.004845.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	540/QĐ-UBND	<p>Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu.</li> <li>- Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ.</li> </ul> <p>Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.			
76	1.004837.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký giám hộ	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký giám hộ.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký giám hộ (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> <li>- Tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu.</li> <li>- Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cũ.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đương nhiên. Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên.</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ số gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>			
77	1.004827.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	540/QĐ-UBND	<p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có</p>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>yêu cầu đăng ký khai tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền.</li> </ul> <p>Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</li> <li>- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu</li> <li>- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.</li> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao có chứng thực giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới với Việt Nam lập, cấp, xác nhận sử dụng để đăng ký hộ tịch được miễn hợp pháp hóa lãnh sự; dịch ra tiếng Việt và có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung.</p>			
78	1.000080.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	540/QĐ-UBND	<p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú</p>		Hộ tịch	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>để xác định thẩm quyền đăng ký nhận cha, mẹ, con (trong giai đoạn chuyển tiếp).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nhân thân, giấy tờ chứng minh nơi thường trú ở khu vực biên giới của công dân nước láng giềng.</li> <li>- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu.</li> <li>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.</li> <li>+ Trường hợp không có văn bản nêu trên thì các bên nhận cha, mẹ, con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.</li> <li>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được</li> </ul> </li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới với Việt Nam lập, cấp, xác nhận sử dụng để đăng ký hộ tịch được miễn hợp pháp hóa lãnh sự; dịch ra tiếng Việt và có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p>			
79	1.000094.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	540/QĐ-UBND	<p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của công</p>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dân Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> <li>- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu.</li> </ul> <p>Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận công dân nước láng giềng hiện tại là người không có vợ hoặc không có chồng</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh nhân thân, giấy tờ chứng minh nơi thường trú ở khu vực biên giới của công dân nước láng giềng.- Bản sao giấy tờ chứng minh nhân thân, giấy tờ chứng minh nơi thường trú ở khu vực biên giới của công dân nước láng giềng.</li> </ul> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới với Việt Nam lập, cấp, xác nhận sử dụng để đăng ký hộ tịch được miễn hợp pháp hóa lãnh sự; dịch ra tiếng Việt và có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung.</p>			
80	1.000110.000.00.00.H01	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	540/QĐ-UBND	<p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công dân Việt Nam để chứng minh thẩm quyền đăng ký khai sinh; trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn (trong giai đoạn chuyển tiếp).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu.</p>	- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.</li> <li>- Văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con. Trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con, thì ngoài văn bản thỏa thuận lựa chọn quốc tịch còn phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về việc trẻ có quốc tịch nước ngoài theo quy định của pháp luật nước đó.</li> <li>- Bản sao giấy tờ chứng minh nhân thân, giấy tờ chứng minh nơi thường trú ở khu vực biên giới của công dân nước láng</li> </ul>	người có yêu cầu đăng ký khai sinh.		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>giếng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.</li> <li>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</li> <li>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không</li> </ul>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới với Việt Nam lập, cấp, xác nhận sử dụng để đăng ký hộ tịch được miễn hợp pháp hóa lãnh sự; dịch ra tiếng Việt và có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.			
81	1.000419.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> <li>- Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.</li> <li>- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu</li> <li>- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
82	1.000593.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký kết hôn.</li> <li>Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu.</li> <li>Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn.</li> </ul>		Hộ tịch	
83	1.003583.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.</li> <li>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu.</li> <li>- Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người yêu cầu đăng ký khai sinh.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để chứng minh thẩm quyền đăng ký khai sinh; trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> </ul>			
84	1.000656.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai tử	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử</li> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú</li> </ul>		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyên tiếp).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.</li> <li>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</li> <li>- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu.</li> <li>- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử.</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp người có trách nhiệm đăng ký khai tử ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử mà người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.            + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.            + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p>			
85	1.000689.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	540/QĐ-UBND		- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>           cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh, nhận cha, mẹ, con.            - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để chứng minh thẩm quyền đăng ký khai sinh, nhận cha, mẹ, con (trong giai đoạn chuyên tiếp).            - Tờ khai đăng ký khai sinh, Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu.            - Tờ khai đăng ký khai sinh,         </p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu.</p> <p>- Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.</p> <p>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm: + Văn bản của</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.</p> <p>+ Trường hợp không có văn bản nêu trên thì các bên nhận cha, mẹ, con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					việc cam đoan không đúng sự thật.		
86	1.001022.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	540/QĐ-UBND		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký nhận cha, mẹ, con (trong giai đoạn chuyển tiếp).</li> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của</li> </ul>	Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu.</li> <li>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.</li> <li>+ Trường hợp không có văn bản nêu trên thì</li> </ul> </li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>phải có văn bản cam đoan của các bên nhận cha, mẹ, con về mối quan hệ cha, mẹ, con và có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.		
87	1.000894.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký kết hôn	540/QĐ-UBND			Hộ tịch	
88	1.001193.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký khai sinh	540/QĐ-UBND	- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để chứng minh thẩm quyền đăng ký khai sinh; trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn (trong giai		Hộ tịch	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>đoạn chuyển tiếp).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh;</li> <li>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu.</li> <li>- Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh.</li> <li>- Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập.</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>- Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.			
89	1.004335.000.00.00.H01	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân thực hiện tại cấp xã (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	2689/QĐ-UBND		Quyết định giải quyết khiếu nại Thông báo thụ lý khiếu nại Tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp Biên bản tổ chức đối thoại (nếu có) Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại Biên bản kiểm tra, xác minh, kết luận, kết quả giám định (nếu có) Các tài liệu khác có liên quan	Khiếu nại, tố cáo	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
90	1.004327.000.00.00.H01	Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tổ tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân thực hiện tại cấp xã (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	2689/QĐ-UBND		Nhóm 1 gồm các văn bản, tài liệu sau: Đơn tố cáo hoặc Biên bản ghi nội dung tố cáo trực tiếp; Quyết định thụ lý, Quyết định thành lập Tổ xác minh; Kế hoạch xác minh tố cáo; Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh nội dung tố cáo; Kết luận nội dung tố cáo; các văn bản thông báo, xử lý, kiến nghị xử lý tố cáo Nhóm 2 gồm các văn bản, tài liệu sau: Các biên bản làm	Khiếu nại, tố cáo	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					việc; văn bản, tài liệu, chứng cứ thu thập được; văn bản giải trình của người bị tố cáo; các tài liệu khác có liên quan đến nội dung tố cáo		
91	1.008838.000.00.00.H01	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	2275/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp;</li> <li>- Hợp đồng đã ký giữa các bên liên quan;</li> <li>- Xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người đề nghị xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.</li> </ul>		Khoa học, Công nghệ và Môi trường	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
92	1.010736.000.00.00.H01	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	405/QĐ-UBND	Báo cáo đánh giá tác động môi trường - 01 bản chính văn bản lấy ý kiến tham vấn (mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);		Môi trường	
93	1.004082.000.00.00.H01	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	2689/QĐ-UBND	Bản sao văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp; Hợp đồng đã ký giữa các bên liên quan; Xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người đề nghị xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.		Môi trường	
94	1.003596.000.00.00.H01	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	2386/QĐ-UBND	- Đề xuất kế hoạch khuyến nông; - Dự toán kinh phí		Nông nghiệp	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
95	2.001255.000.00.00.H01	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	540/QĐ-UBND	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng).		Nuôi con nuôi	
96	2.001263.000.00.00.H01	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	540/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn.</li> <li>+ Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.</li> </ul> </li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Văn bản xác nhận hoàn cảnh</li> </ul>		Nuôi con nuôi	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi trong nước. Trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi: Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi.</li> <li>- Đơn xin nhận con nuôi trong nước. Trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi: Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi.</li> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.</p>			
97	1.003005.000.00.00.H01	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng	540/QĐ-UBND	<p>- 02 Ảnh chụp toàn thân (Chụp mới nhất, cỡ 9cm x 12cm hoặc 10 cm x 15 cm).</p> <p>- Đơn xin nhận con nuôi;</p>		Nuôi con nuôi	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		giếng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn xin nhận con nuôi;</li> <li>- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;</li> <li>- Phiếu lý lịch tư pháp;</li> <li>- Văn bản xác nhận về việc người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nước đó;</li> <li>- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe;</li> <li>- Giấy khai sinh;</li> <li>- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;</li> <li>- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;</li> <li>- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con</li> </ul>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.</p>			
98	1.010830.000.00.00.H01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	688/QĐ-UBND		<p>- Bản sao được chứng thực từ biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ đối với trường hợp mộ liệt sĩ được cơ quan chức năng bàn giao cho gia đình quản lý.</p> <p>- Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt</p>	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.</p> <p>- Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP</p>		
99	1.010829.000.00.00.H01	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	688/QĐ-UBND	<p>- Đối với trường hợp chưa được hỗ trợ: + Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. + Giấy báo tin mộ liệt sĩ. + Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.</p> <p>- Đối với trường hợp đã được hỗ trợ: + Đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ theo Mẫu số 32 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. + Bản sao được chứng thực từ giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân</p>		Người có công	



STT	Mã TTTC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTTC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				liệt sĩ hoặc bản sao được chứng thực từ quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. + Giấy báo tin mộ liệt sĩ. + Văn bản ủy quyền đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ ủy quyền di chuyển hài cốt liệt sĩ.			
100	1.010821.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	688/QĐ-UBND	- Giấy xác nhận theo Mẫu số 41 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Đơn đề nghị theo Mẫu số 20 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.		Người có công	
101	1.010820.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	688/QĐ-UBND	- Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi). - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: + Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				1945; huân chương Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến. + Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến. + Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và quá trình tham gia giúp đỡ cách mạng của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp huyện trở lên đối với trường hợp không có tên trong Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; Huân chương Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến nhưng có tên trong hồ sơ khen thưởng.			
102	1.010819.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	688/QĐ-UBND	- Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: + Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng hoặc giấy chứng nhận đeo huân chương, huy chương. + Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng. + Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến thực tế của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp huyện trở lên.</p>			
103	1.010825.000.00.00.H01	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	688/QĐ-UBND	<p>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.  - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ chứng minh mối quan hệ với liệt sĩ như sau: + Đối với đề nghị bổ sung là cha đẻ mẹ đẻ, vợ hoặc chồng liệt sĩ: Căn cước công</p>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dân, lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận. Văn bản đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Trường hợp những người này không còn thì phải được những người thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự có văn bản đồng thuận. + Đối với đề nghị bổ sung là con liệt sĩ: Giấy khai sinh, trích lục khai sinh, quyết định công nhận việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật; lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2021.</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
104	1.010824.000.00.00.H01	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	688/QĐ-UBND	<p>a) Trợ cấp một lần, mai táng - Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Bản sao được chứng thực từ giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.</p> <p>b) Trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng:  - Bản khai theo Mẫu số 12 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Bản sao được chứng thực từ giấy báo tử hoặc trích lục khai tử. - Bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với trường hợp thân nhân là con chưa đủ 18 tuổi. - Giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang theo học đối với trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học; nếu đang theo học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học thì phải có thêm bản sao được chứng thực từ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy xác nhận của cơ sở</p>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				giáo dục trung học phổ thông về thời điểm kết thúc học.			
105	1.010817.000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	688/QĐ-UBND	<p>a) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>b) Bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh, trích lục khai sinh.</p> <p>c) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau: - Giấy X Y Z. - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyển viện, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến, hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000. - Giấy tờ</p>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000. Trường hợp danh sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách, sổ quản lý đang do cơ quan, đơn vị quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và gửi số liệu về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 6 năm 2022. Trường hợp các giấy tờ trên chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị theo Mẫu số 37 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>d) Một trong các giấy tờ ghi</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				nhận mắc bệnh hoặc dị dạng, dị tật như sau: - Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế. - Giấy xác nhận dị dạng, dị tật bẩm sinh của các cơ sở y tế cấp xã trở lên đối với con đẻ chưa khám bệnh, chữa bệnh về các dị dạng, dị tật.			
106	1.010812.000.00.00.H01	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị vào nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng người có công (Mẫu số 22 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP). - Bản sao được chứng thực từ quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công.		Người có công	
107	1.010811.000.00.00.H01	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang	688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng (Mẫu số 21 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) - Giấy khám và chỉ định sử		Người có công	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý		dụng phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị chỉnh hình phục hồi chức năng (Mẫu số 40 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).			
108	1.010810.000.00.00.H01	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	688/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Giấy tờ chứng minh quá trình tham gia cách mạng quy định khoản 1 tại Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: + Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc; hồ sơ bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước (đối với người tham gia cách mạng sau đó tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước) + Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ</li> </ul>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>sau: hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến hoặc một trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với người tham gia kháng chiến chống Pháp; chống Mỹ; tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào (đối với người tham gia cách mạng sau đó không tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước).</p> <p>- Tùy từng trường hợp kèm theo một trong các giấy tờ sau: + Giấy tờ, tài liệu chứng minh bị thương và bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. + Kết quả chụp phim và kết luận của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế tuyến huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với vết thương còn mảnh</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				kim khí trong cơ thể với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Nếu đã phẫu thuật lấy dị vật thì phải kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này.			
109	1.010803.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	688/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Bản sao chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công”. - Văn bản ủy quyền.		Người có công	
110	1.010801.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	688/QĐ-UBND	- Bản sao được chứng thực từ Bằng “Tổ quốc ghi công” - Và một trong các giấy tờ sau: Trường hợp thân nhân là người có công nuôi liệt sĩ phải có văn bản đồng thuận của các thân nhân liệt sĩ; trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thì phải có văn bản đồng thuận của những người thuộc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Văn bản đồng thuận do Ủy		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>ban nhân dân cấp xã xác nhận về chữ ký, nơi thường trú và nội dung đồng thuận. Trường hợp thân nhân là con chưa đủ 18 tuổi phải có thêm bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh. Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên đang đi học phải có thêm giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi đang theo học.</p> <p>Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng trước khi đủ 18 tuổi phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật. Trường hợp thân nhân là con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi mà không có thu nhập hằng tháng hoặc có thu nhập hằng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn phải có thêm giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật, giấy</p>			

STT	Mã TTTC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTTC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				xác nhận thu nhập theo Mẫu số 47 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Ủy ban nhân dân cấp xã. - Đơn đề nghị Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP			
111	1.010818.000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	688/QĐ-UBND	- Bản khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. - Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi). - Một trong các giấy tờ chứng minh có tham gia cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và thời gian, địa điểm bị tù, đày như sau: + Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận từ ngày 31/12/1994 trở về trước: lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, lý lịch công an; hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				tham gia kháng chiến; các giấy tờ, tài liệu khác. + Bản sao được chứng thực từ hồ sơ hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội. + Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ. + Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về thời gian tù và nơi bị tù.			
112	1.010816.000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	688/QĐ-UBND	a) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. b) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau: - Giấy X Y Z. - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyển viện, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thành tích tham gia kháng chiến, hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000. Trường hợp danh sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách, sổ quản lý đang do cơ quan, đơn vị quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và gửi số liệu về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 6 năm 2022. Trường hợp các giấy tờ trên chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian,</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>địa bàn hoạt động của đơn vị theo Mẫu số 37 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>c) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh (trừ trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ) như sau: + Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế. + Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án ngoại trú của Phòng khám Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo mẫu quy định của Bộ Y tế. + Giấy tờ do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành được xác lập từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước ghi nhận mắc bệnh thuộc nhóm bệnh thần kinh ngoại biên trong thời gian từ một đến năm tuần sau phơi nhiễm đối với trường hợp mắc bệnh thần kinh ngoại biên</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cấp tỉnh hoặc bán cấp tỉnh. + Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của lần điều trị cuối cùng ghi nhận quá trình điều trị về bệnh rối loạn tâm thần liên tiếp trong 03 năm trở lên của bệnh viện tuyến huyện hoặc trung tâm y tế huyện hoặc tương đương trở lên (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) với các bệnh rối loạn tâm thần có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo.</p> <p>d) Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ thì bổ sung thêm Giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p>			
113	1.010815.000.00.00.H01	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	688/QĐ-UBND	b) Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945: - Bản khai để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau: + Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1969 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý. + Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng do cơ quan, tổ chức để thất lạc lý lịch khai từ năm 1969 trở về trước hoặc người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975. - Đối với người đã hy sinh, từ trần trước ngày 01/01/1995 thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau: + Bản sao được chứng thực từ lý</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>lich theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 131/2021/NĐ-CP , từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên. + Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ. + Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.</p> <p>a) Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945: - Bản khai đề công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945. - Bản sao được chứng thực từ 1 trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau: + Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1962 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quản lý. + Lý lịch khai trong Cuộc vận động bảo vệ Đảng theo Chỉ thị số 90-CT/TW ngày 01 tháng 3 năm 1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III). + Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975. - Đối với người đã hy sinh, từ trần từ ngày 30/6/1999 trở về trước thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau: + Bản sao được chứng thực từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên. +</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ. + Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.			
114	1.010814.000.00.00.H01	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	688/QĐ-UBND	Đơn đề nghị theo Mẫu số 25 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.		Người có công	
115	1.010805.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	688/QĐ-UBND	- Bản khai Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP - Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến còn sống: Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng. - Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được truy tặng: Bản sao được chứng thực từ		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>quyết định truy tặng danh hiệu anh hùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi: Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng và giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.</li> </ul>			
116	1.010804.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	688/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản khai Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</li> <li>- Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống: Bản sao được chứng thực từ quyết định tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.</li> <li>- Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng được truy tặng: Bản sao được chứng thực từ quyết định truy tặng danh hiệu vinh</li> </ul>		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.</p> <p>- Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi: Bản sao được chứng thực từ quyết định tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.</p>			
117	1.010802.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	688/QĐ-UBND		<p>- Đơn đề nghị Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Trường hợp nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành: Văn bản đồng thuận của con liệt sĩ có xác nhận về chữ ký và nơi</p>	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã. - Trường hợp chăm sóc bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống: + Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố, mẹ liệt sĩ thường trú khi còn sống + Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của liệt sĩ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (ông nội, bà nội, ông		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của liệt sĩ; cháu ruột của liệt sĩ mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản theo Mẫu số 80. + Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của liệt sĩ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (cụ nội,		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của liệt sĩ; cháu ruột của người chết mà liệt sĩ là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chất ruột của liệt sĩ mà liệt sĩ là cụ nội, cụ ngoại) nếu những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của liệt sĩ không còn. + Văn bản đồng thuận có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã của những</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>thành viên vắng mặt không dự họp.</p> <p>- Trường hợp không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống: + Các Biên bản đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ hai hoặc thứ ba của liệt sĩ. + Một trong các giấy tờ chứng minh lý do không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ vì hoạt động cách mạng: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân;</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					hồ sơ bảo hiểm xã hội; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trong thời gian tham gia cách mạng.		
118	2.002308.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	34/QĐ-UBND	(1) Thanh niên xung phong đang hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg chết: - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-A). (2) Thanh niên xung phong chết từ ngày Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg đến ngày Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH có hiệu lực thi hành và thanh niên xung phong không hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg. - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã		Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-B), kèm một trong những giấy tờ xác nhận là thanh niên xung phong quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2009/TT-BLĐT BXH: thẻ đội viên; giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ ở thanh niên xung phong; giấy khen trong thời kỳ tham gia thanh niên xung phong; lý lịch cán bộ, đảng viên có ghi là thanh niên xung phong. Trường hợp không có giấy tờ nêu trên thì phải có giấy chứng nhận (bản chính) là thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến chống Pháp do Tỉnh, Thành đoàn nơi đối tượng thường trú cấp, dựa trên xác nhận của Hội (hoặc Ban Liên lạc) Cựu thanh niên xung phong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) theo mẫu (Mẫu 02).</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>(1) Thanh niên xung phong đang hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg chết: - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-A). (2) Thanh niên xung phong chết từ ngày Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg đến ngày Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH có hiệu lực thi hành và thanh niên xung phong không hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg. - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-B), kèm một trong những giấy tờ xác nhận là thanh niên xung phong quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH: thẻ đội viên; giấy chứng nhận</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>hoàn thành nhiệm vụ ở thanh niên xung phong; giấy khen trong thời kỳ tham gia thanh niên xung phong; lý lịch cán bộ, đảng viên có ghi là thanh niên xung phong. Trường hợp không có giấy tờ nêu trên thì phải có giấy chứng nhận (bản chính) là thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến chống Pháp do Tỉnh, Thành đoàn nơi đối tượng thường trú cấp, dựa trên xác nhận của Hội (hoặc Ban Liên lạc) Cựu thanh niên xung phong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) theo mẫu (Mẫu 02).</p> <p>(1) Thanh niên xung phong đang hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg chết: - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-A). (2) Thanh niên xung</p>			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phong chết từ ngày Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg đến ngày Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH có hiệu lực thi hành và thanh niên xung phong không hưởng bảo hiểm y tế theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg. - Giấy khai tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. - Bản khai của người hoặc tổ chức lo mai táng đối với thanh niên xung phong đã chết (Mẫu số 04-B), kèm một trong những giấy tờ xác nhận là thanh niên xung phong quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2009/TT-BLĐTBXH: thẻ đội viên; giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ ở thanh niên xung phong; giấy khen trong thời kỳ tham gia thanh niên xung phong; lý lịch cán bộ, đảng viên có ghi là thanh niên xung phong. Trường hợp không có giấy tờ nêu trên thì phải có giấy chứng nhận (bản chính) là thanh niên xung phong hoàn</p>			



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				thành nhiệm vụ trong kháng chiến chống Pháp do Tỉnh, Thành đoàn nơi đối tượng thường trú cấp, dựa trên xác nhận của Hội (hoặc Ban Liên lạc) Cựu thanh niên xung phong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) theo mẫu (Mẫu 02).			
119	2.002307.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	34/QĐ-UBND	- Bản khai của đại diện thân nhân (kèm biên bản ủy quyền) hoặc người tổ chức mai táng (Mẫu TT1 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH); - Giấy chứng tử; - Hồ sơ của người có công với cách mạng.		Người có công	
120	1.004964.000.00.00.H01	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	34/QĐ-UBND		(1) 01 Tờ khai của đối tượng. Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/2/2015 đã	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>chết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thân nhân trực tiếp của đối tượng lập Tờ khai; (2) Quyết định cử đối tượng sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a; Quyết định về nước (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền); (3) Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người đã nghỉ</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động; (4) Quyết định nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc Quyết định thôi việc và hồ sơ lý lịch khai trước khi nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc có xác nhận của cơ quan quản lý (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc;</p> <p>(5) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>thời gian thực tế của đối tượng được cử sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a đối với đối tượng thiếu giấy tờ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (kèm theo bản chính để đối chiếu) lý lịch Đảng viên hoặc lý lịch cán bộ, công chức, viên chức khai trước ngày 01/01/1995, mà</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>trong đó có khai thời gian được cử làm chuyên gia tại Lào và Campuchia-a theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg; (6) Giấy ủy quyền của các thân nhân trực tiếp của đối tượng cho một người đứng tên làm thủ tục hưởng trợ cấp đối với trường hợp đối tượng đã chết nhưng còn các thân nhân trực tiếp.</p> <p>(1) 01 Tờ khai của đối tượng.</p> <p>Trường hợp đối</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/2/2015 đã chết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thân nhân trực tiếp của đối tượng lập Tờ khai; (2) Quyết định cử đối tượng sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a; Quyết định về nước (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền); (3) Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>mất sức lao động (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền) của người đã nghỉ hưu hoặc nghỉ việc do mất sức lao động; (4) Quyết định nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc Quyết định thôi việc và hồ sơ lý lịch khai trước khi nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc có xác nhận của cơ quan quản lý (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền)</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>của người nghỉ việc chờ hưởng chế độ hưu trí hoặc thôi việc;  (5) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về thời gian thực tế của đối tượng được cử sang làm chuyên gia tại Lào, Căm-pu-chi-a đối với đối tượng thiếu giấy tờ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (kèm theo bản chính</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>để đối chiếu) lý lịch Đảng viên hoặc lý lịch cán bộ, công chức, viên chức khai trước ngày 01/01/1995, mà trong đó có khai thời gian được cử làm chuyên gia tại Lào và Căm-pu-chi-a theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg; (6) Giấy ủy quyền của các thân nhân trực tiếp của đối tượng cho một người đứng tên làm thủ tục hưởng trợ cấp đối với trường hợp đối</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					tượng đã chết nhưng còn các thân nhân trực tiếp.		
121	1.001257.000.00.00.H01	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QĐ/3771-UBND		Bản sao một trong các giấy tờ sau: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của cấp Bộ, Bằng khen của cấp tỉnh hoặc Quyết định khen thưởng Bản khai cá nhân của người được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của cấp Bộ, Bằng khen của cấp tỉnh (gọi chung là người có bằng khen);	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					Trưởng hợp người có bằng khen đã từ trần: Bản khai cá nhân của đại diện thân nhân kèm biên bản ủy quyền. Thân nhân của người có bằng khen từ trần là một trong những người sau: Vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi của người từ trần		
122	2.001396.000.00.00.H01	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QĐ/3771-UBND		Một trong các giấy tờ sau đây chứng minh là TNXP (là bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã): Lý lịch	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 có hiệu lực thi hành. Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi TNXP trở về địa phương như: Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý TNXP; Giấy chuyên thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng TNXP;</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					Giấy chứng nhận tham gia TNXP; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ. Trường hợp TNXP không còn một trong các giấy tờ thì phải nộp bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi tham gia TNXP (bản chính). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bản khai đối với đối tượng là người		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>địa phương đi TNXP nhưng hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương khác (nội dung xác nhận theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 08).            Bản khai cá nhân (lập theo mẫu số 1C)            Đối với đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, ngoài các giấy tờ quy định trên, phải có giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế cấp huyện trở lên (bản chính)</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
123	2.001157.000.00.00.H01	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QĐ/3771-UBND		Một trong các giấy tờ sau đây chứng minh là TNXP (là bản chính hoặc bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã): Lý lịch cán bộ hoặc lý lịch đảng viên khai trước ngày Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14/4/1999 có hiệu lực thi hành. Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp trước khi TNXP trở về địa phương như: Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>đơn vị quản lý TNXP; Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng TNXP; Giấy chứng nhận tham gia TNXP; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ. Trường hợp TNXP không còn một trong các giấy tờ thì phải nộp bản khai có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					tham gia TNXP (bản chính). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bản khai đối với đối tượng là người địa phương đi TNXP nhưng hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa phương khác (nội dung xác nhận theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 08) Bản khai cá nhân (lập theo mẫu số 1A hoặc 1B)		
124	1.005387.000.00.00.H01	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người	QĐ/1656-UBND		Bản khai của đại diện thân nhân theo Mẫu	Người có công	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		<p>hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.</p>			<p>3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BLĐT BXH ngày 30/7/2014; Bản sao Giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý xác định người có công đã chết; Bản sao một trong các giấy tờ quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐT BXH: Khoản 2 Điều 35 đối với người hoạt động kháng chiến giải</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, Khoản 2 Điều 37 đối với người có công giúp đỡ cách mạng.		
125	1.010941.000.00.00.H01	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1272/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện của người nghiện hoặc người đại diện hợp pháp theo Mẫu số 22 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</li> <li>- Bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền;</li> <li>- Bản photô một trong các loại giấy tờ tùy thân: căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy khai sinh (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi) của người nghiện ma túy.</li> </ul>		Phòng, chống tệ nạn xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
126	2.001661.000.00.00.H01	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2688/QĐ-UBND	<p>Đơn đề nghị hỗ trợ của nạn nhân hoặc của gia đình nạn nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013</p> <p>Một trong các loại giấy xác nhận sau: + Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 của Luật Phòng, chống mua bán người (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); + Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan giải cứu theo quy định tại Điều 25 của Luật Phòng, chống mua bán người (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); + Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra,</p>		Phòng, chống tệ nạn xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); + Giấy tờ, tài liệu do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự chứng minh người đó là nạn nhân (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).			
127	1.000132.000.00.00.H01	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	2689/QĐ-UBND	Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy. Nội dung đơn phải bao gồm các nội dung: tình trạng nghiện ma túy; các hình thức cai nghiện ma túy đã tham gia; tình trạng sức khỏe; cam kết tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình. - Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy. Kế hoạch cai nghiện cá nhân của người nghiện ma túy.		Phòng, chống tệ nạn xã hội	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
128	2.002400.000.00.00.H01	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	582/QĐ-UBND	Hồ sơ gồm có: 1. Các văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc kê khai; 2. Danh sách đối tượng phải kê khai theo quy định; 3. Bản kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện phải kê khai (02 bản); 4. Sổ theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		Phòng, chống tham nhũng	
129	2.002401.000.00.00.H01	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	582/QĐ-UBND	Hồ sơ xác minh gồm có: 1. 1. Quyết định xác minh; biên bản làm việc; giải trình của người được xác minh; 2. 2. Báo cáo kết quả xác minh; 3. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; 4. Các tài liệu khác có liên quan đến việc xác minh. - Số lượng: 01 bộ.		Phòng, chống tham nhũng	
130	2.002402.000.00.00.H01	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	582/QĐ-UBND	1. Văn bản yêu cầu giải trình của cá nhân, tổ chức 2. Thông tin, tài liệu liên quan đến yêu cầu giải trình. 3. Thông báo đồng ý hoặc từ chối giải trình của cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải trình. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		Phòng, chống tham nhũng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
131	2.002403.000.00.00.H01	Thủ tục thực hiện việc giải trình	582/QĐ-UBND	1. Thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung việc giải trình; 2. Biên bản làm việc có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên; 3. Văn bản giải trình. - Số lượng: 01 bộ		Phòng, chống tham nhũng	
132	1.010092.000.00.00.H01	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	2386/QĐ-UBND		+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính p + Giấy ra viện; - Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về	Phòng, chống thiên tai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm: + Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; + Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên; + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông)		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ trình;</li> <li>+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</li> <li>+ Giấy ra viện;</li> <li>+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>cứu, điều trị;            + Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên;            + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông)            - Trường hợp UBND cấp huyện lập hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh, thành phần hồ sơ gồm:            + Tờ trình;            + Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy ra viện;</li> <li>+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;</li> <li>+ Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>trở lên;            + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).            - Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm:            + Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;  + Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử;  + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông)  - Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm:  + Tờ trình;  + Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</p> <p>+ Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử;</p> <p>+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông)</p> <p>- Trường hợp UBND cấp huyện lập hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh, thành phần hồ sơ</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ trình;</li> <li>+ Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</li> <li>+ Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử;</li> <li>+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông)</li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
133	1.010091.000.00.00.H01	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	2386/QĐ-UBND		<p>- Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân xã, thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>+ Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</p> <p>+ Phiếu xét nghiệm, đơn</p>		



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy xuất viện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tờ trình;</li> <li>+ Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;</li> <li>+ Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn</li> </ul> </li> </ul>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>thu tiền, giấy xuất viện.            + Đơn đề nghị trợ cấp tại nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;            - Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ gồm:            + Giấy ra viện;            + Trích sao hồ</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;</p> <p>+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông)</p> <p>- Trường hợp UBND cấp xã lập hồ sơ gửi UBND cấp huyện, thành phần hồ sơ gồm:</p> <p>+ Tờ trình;</p> <p>+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; + Giấy ra viện; + Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; + Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông)		
134	2.002161.000.00.00.H01	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	2386/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai theo Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ. - Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng)		Phòng, chống thiên tai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng thống kê thiệt hại do thiên tai có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.</li> <li>- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)</li> </ul>			
135	2.002162.000.00.00.H01	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2386/QĐ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh theo mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu</li> </ul>		Phòng, chống thiên tai	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>có).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh có xác nhận của thôn, bản, khu dân cư.</li> <li>- Bảng tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (đối với cấp huyện, cấp xã)</li> </ul>			
136	2.002163.000.00.00.H01	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2386/QĐ-UBND	Bản kê khai số lượng chăn nuôi tập trung (hoặc nuôi trồng thủy sản) ban đầu theo mẫu số 6 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP.		Phòng, chống thiên tai	
137	2.002080.000.00.00.H01	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	540/QĐ-UBND		Giấy đề nghị thanh toán thù lao của hòa giải viên có ghi rõ họ, tên, địa chỉ của hòa giải viên; tên, địa chỉ tổ hòa giải; số tiền đề nghị	Phổ biến giáo dục pháp luật	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>thanh toán; nội dung thanh toán (có danh sách các vụ, việc trong trường hợp đề nghị thanh toán thù lao cho nhiều vụ, việc); chữ ký của hòa giải viên; chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải. Xuất trình Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở để đối chiếu khi cần thiết.</p>		
138	2.001449.000.00.00.H01	Thủ tục miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	540/QĐ-UBND	Không quy định.		Phổ biến giáo dục	

STT	Mã TTTC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTTC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
						pháp luật	
139	2.001457.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	540/QĐ-UBND	Danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch.		Phổ biến giáo dục pháp luật	
140	2.000930.000.00.00.H01	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	540/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị ra quyết định thôi làm hòa giải viên (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN		Phổ biến giáo dục pháp luật	
141	1.000078.000.00.00.H01	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Công an xã, phường, thị trấn	2689/QĐ-UBND	bản sao giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (nếu có) Giấy giới thiệu bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ bản kê khai vũ khí thô sơ Văn bản đề nghị		Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
142	1.000253.000.00.00.H01	Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam bằng Phiếu khai báo tạm trú	2689/QĐ-UBND	Phiếu khai báo tạm trú cho người nước ngoài (mẫu NA17)		Quản lý xuất nhập cảnh	
143	1.008456.000.00.00.H01	Thủ tục hành chính cung cấp thông tin quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1651/QĐ-UBND	Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch (trong đó ghi rõ thông tin về vị trí, địa điểm lô đất cần cung cấp thông tin).		Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	
144	1.010945.000.00.00.H01	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	1182/QĐ-UBND		+ Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh hoặc văn bản ghi lại nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân); + Các thông tin, tài liệu, bằng chứng do người khiếu	Tiếp công dân	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh cung cấp.		
145	1.001167.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	2689/QĐ-UBND	Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).		Tôn giáo Chính phủ	
146	1.001156.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	2689/QĐ-UBND	Văn bản thông báo nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; thời điểm thay đổi; địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới; thời điểm chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ. Trường hợp nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung chuyển địa điểm sinh hoạt tôn giáo đến địa bàn xã khác, người đại diện của nhóm còn có trách nhiệm gửi kèm bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa		Tôn giáo Chính phủ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới.			
147	1.001109.000.00.00.H01	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	2689/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị (theo mẫu).		Tôn giáo Chính phủ	
148	1.001098.000.00.00.H01	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	2689/QĐ-UBND	Văn bản đề nghị (theo mẫu).		Tôn giáo Chính phủ	
149	1.001090.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	2689/QĐ-UBND	Văn bản đăng ký (theo mẫu).		Tôn giáo Chính phủ	
150	1.001085.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	2689/QĐ-UBND	Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).		Tôn giáo Chính phủ	
151	1.001078.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	2689/QĐ-UBND	Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).		Tôn giáo Chính phủ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
152	1.001055.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	2689/QĐ-UBND	Văn bản đăng ký (theo mẫu) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để làm nơi sinh hoạt tôn giáo Sơ yếu lý lịch của người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật đối với việc đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.		Tôn giáo Chính phủ	
153	1.001028.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	2689/QĐ-UBND	Văn bản đăng ký (theo mẫu).		Tôn giáo Chính phủ	
154	2.000509.000.00.00.H01	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	2689/QĐ-UBND	Văn bản đăng ký (theo mẫu).		Tôn giáo Chính phủ	
155	2.002226.000.00.00.H01	Thông báo thành lập tổ hợp tác	2876/QĐ-UBND	1) Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác; (2) Hợp đồng hợp tác; (3) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng. (1) Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác;		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				(2) Hợp đồng hợp tác; (3) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100 %) tổng số thành viên tổ hợp tác.			
156	2.002227.000.00.00.H01	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	2876/QĐ-UBND	(1) Giấy thông báo thay đổi tổ hợp tác; (2) Hợp đồng hợp tác; (3) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng. (1) Giấy thông báo thay đổi tổ hợp tác; (2) Hợp đồng hợp tác; (3) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100 %) tổng số thành viên tổ hợp tác.		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	
157	2.002228.000.00.00.H01	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2876/QĐ-UBND	(1) Giấy thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác; (2) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng; (3) Biên bản cuộc họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác. (1) Giấy thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác;		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				(2) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100 %) tổng số thành viên tổ hợp tác; (3) Biên bản cuộc họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.			
158	2.000794.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	2689/QĐ-UBND		Quyết định thành lập; Danh sách Ban chủ nhiệm Danh sách hội viên Địa điểm luyện tập; Quy chế hoạt động.	Thể dục thể thao	
159	2.000305.000.00.00.H01	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	2689/QĐ-UBND		Văn bản đề nghị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu Lao động tiên tiến Biên bản bình xét thi đua.	Thi đua - khen thưởng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
160	1.000748.000.00.00.H01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	2689/QĐ-UBND		Văn bản đề nghị kèm theo danh sách gia đình được đề nghị tặng Giấy khen Báo cáo thành tích do gia đình được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng Biên bản xét khen thưởng.	Thi đua - khen thưởng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
161	2.000337.000.00.00.H01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	2689/QĐ-UBND		Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích đề nghị khen thưởng Biên bản xét khen thưởng.	Thi đua - khen thưởng	
162	2.000346.000.00.00.H01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	2689/QĐ-UBND		Biên bản xét khen thưởng. Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen Báo cáo thành tích do tập thể,	Thi đua - khen thưởng	



STT	Mã TTTC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTTC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng		
163	1.000775.000.00.00.H01	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	2689/QĐ-UBND		Biên bản xét khen thưởng. Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng	Thi đua - khen thưởng	
164	1.003440.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với	2386/QĐ-UBND	- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;		Thủy lợi	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; - Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; - Tờ trình đề nghị phê duyệt; - Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).			
165	1.003446.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	2386/QĐ-UBND	Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật; Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).		Thủy lợi	
166	2.001621.000.00.00.H01	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương	2386/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018; - Hồ sơ được phê duyệt; - Biên bản nghiệm thu giai đoạn		Thủy lợi	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)		hoặc nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.			
167	1.008903.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	số 161/QĐ-UBND	(1) Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện theo Mẫu M03. Thông báo giải thể/chấm dứt hoạt động thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Thư viện	
168	1.008902.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	1982/QĐ-UBND	(1) Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện theo Mẫu M02. Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		Thư viện	
169	1.008901.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1982/QĐ-UBND	(1) Thông báo thành lập thư viện theo Mẫu số 01A. Thông báo thành lập thư viện của Thư		Thư viện	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				viện cộng đồng/Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2) Tài liệu chứng minh đủ điều kiện thành lập quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Thư viện số 46/2019/QH14.			
170	1.004944.000.00.00.H01	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	2689/QĐ-UBND	- Đơn đề nghị chấm dứt việc chăm sóc thay thế (Mẫu số 15 của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)  - Quyết định Về việc chấm dứt và chuyển hình thức chăm sóc thay thế trẻ em (Mẫu số 16 của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)		Trẻ em	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
171	1.004946.000.00.00.H01	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	2689/QĐ-UBND	<p>- Báo cáo tiếp nhận thông tin trẻ em (do Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoặc cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp hoặc cơ quan công an các cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc lập) (Mẫu số 01 của của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)</p> <p>- Bản đánh giá nguy cơ ban đầu, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tạm thời cho trẻ (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập) (Mẫu số 02 của của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em).</p> <p>- Dự thảo Quyết định về việc tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em (Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-</p>		Trẻ em	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				CP)(Mẫu số 07 của của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em) - Tài liệu khác có liên quan (nếu có).			
172	2.001942.000.00.00.H01	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2689/QĐ-UBND	- Danh sách trẻ em cần được chuyển hình thức chăm sóc thay thế (Mẫu số 10 của của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em) - Hồ sơ trẻ em có nhu cầu tìm cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế, gồm: + Giấy chứng sinh hoặc giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (nếu có); + Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp theo quy định của pháp luật; + 02 ảnh toàn thân, nhìn thẳng, kích cỡ 8 cm x 10 cm, chụp trong thời gian		Trẻ em	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>trước thời điểm lập hồ sơ không quá 06 tháng; + Báo cáo đánh giá của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã về hoàn cảnh, tình trạng và nhu cầu, nguyện vọng của trẻ em (theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP); + Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi; + Bản sao Quyết định tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Tòa án nhân dân cấp huyện (Mẫu số 14 của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)</p>			
173	2.001944.000.00.00.H01	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận	2689/QĐ-UBND	Không quy định.		Trẻ em	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
		chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em					
174	1.004941.000.00.00.H01	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	2689/QĐ-UBND		Đơn đăng ký nhận chăm sóc thay thế Giấy khám sức khỏe trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ do cơ quan y tế cấp theo quy định của pháp luật Lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với cá nhân, người đại diện gia đình chăm sóc, thay thế là người nước ngoài)	Trẻ em	



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
175	2.001947.000.00.00.H01	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2689/QĐ-UBND		- Báo cáo tiếp nhận thông tin trẻ em và đánh giá nguy cơ ban đầu về tình trạng trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (do Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em, cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp, cơ quan công an các cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã và người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập) (Mẫu số 01 của	Trẻ em	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)</p> <p>- Báo cáo đánh giá nguy cơ ban đầu về tình trạng trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập) ( Mẫu số 03 của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>tiết một số điều của Luật trẻ em)</p> <p>- Báo cáo thu thập thông tin, đánh giá nguy cơ cụ thể tình hình trẻ em (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập). Biên bản cuộc họp xác định nhu cầu cần hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em và các tài liệu khác có liên quan (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập) (Mẫu số 04 của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
					<p>của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)</p> <p>- Dự thảo Quyết định phê duyệt và kế hoạch hỗ trợ, can thiệp (do người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã lập) ( Mẫu số 05 của Nghị định số 56/2017/NĐCP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em)</p> <p>- Các giấy tờ liên quan khác</p>		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
176	1.008004.000.00.00.H01	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	2275/QĐ-UBND	- Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo Mẫu số 04.CĐ Phụ lục X kèm theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.		Trồng trọt	
177	1.003622.000.00.00.H01	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1982/QĐ-UBND	Văn bản thông báo tổ chức lễ hội gồm những nội dung: (1) Tên lễ hội, sự cần thiết về việc tổ chức lễ hội; (2) Thời gian, địa điểm, quy mô và các hoạt động của lễ hội; (3) Dự kiến thành phần, số lượng khách mời; (4) Dự kiến thành phần Ban tổ chức lễ hội; (5) Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.		Văn hóa	
178	1.001120.000.00.00.H01	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	1982/QĐ-UBND	(1) Văn bản đề nghị tặng Giấy khen Gia đình văn hóa của Trưởng Khu dân cư (kèm theo danh sách hộ gia đình đủ tiêu chuẩn). (2) Bản sao Quyết định công		Văn hóa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>nhận danh hiệu Gia đình văn hóa của các hộ gia đình trong 03 năm liên tục.</p> <p>(3) Biên bản họp xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa (Mẫu số 08, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”).</p>			
179	1.000954.000.00.00.H01	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	1982/QĐ-UBND	<p>(1) Văn bản đề nghị xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa của Trưởng thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố (sau đây gọi chung là Trưởng khu dân cư).</p> <p>2) Bản đăng ký tham gia thi đua xây dựng danh hiệu Gia đình văn hóa của hộ gia đình; Bảng tự đánh giá thực hiện tiêu chí bình xét Gia đình văn hóa (Mẫu số 01, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính</p>		Văn hóa	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”).</p> <p>(3) Biên bản họp bình xét ở khu dân cư (Mẫu số 07, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.</p>			
180	2.002501.000.00.00.H01	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	1182/QĐ-UBND	Đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có).		Xử lý đơn thư	
181	1.004888.000.00.00.H01	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	2052/QĐ-UBND	Bản tổng hợp hồ sơ của các huyện đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đưa ra khỏi danh sách người có uy tín	Công tác dân tộc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ số hóa bắt buộc	Thành phần hồ sơ số hóa theo yêu cầu tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực	Ghi chú
				<p>Các giấy tờ/tài liệu liên quan khác (nếu có)</p> <p>Tờ trình Chủ tịch UBND tỉnh kèm theo danh sách đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín;</p>			
182	1.004875.000.00.00.H01	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	2052/QĐ-UBND	<p>Bản tổng hợp hồ sơ của các huyện đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Biểu tổng hợp danh sách người có uy tín đề nghị phê duyệt (theo Biểu mẫu 04 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg)</p> <p>Tờ trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận, phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số</p>	Dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách người có uy tín	Công tác dân tộc	



**BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG**

**Thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính**

*(theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

<b>STT</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>Số lượng</b>
1	Ban Dân Tộc (Hồ sơ nhận từ cấp xã)	2
2	Ban Quản Lý Khu Kinh Tế	39
3	Sở Công Thương	115
4	Sở Giáo Dục Và Đào Tạo	83
5	Sở Giao Thông Vận Tải	67
6	Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư	92
7	Sở Khoa Học Và Công Nghệ	57
8	Sở Lao Động - Thương Binh Và Xã Hội	94
9	Sở Ngoại Vụ	5
10	Sở Nội Vụ	33
11	Sở Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn	99
12	Sở Tài Chính	29
13	Sở Tài Nguyên Và Môi Trường	83
14	Sở Thông Tin Và Truyền Thông	39
15	Sở Tư Pháp	129
16	Sở Văn Hóa, Thể Thao Và Du Lịch	127
17	Sở Xây Dựng	56
18	Sở Y Tế	114
19	Thanh Tra Tỉnh	9
20	Cấp huyện	314
21	Cấp xã	180
<b>TỔNG</b>		<b>1766</b>